

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 2**

**DỰ ÁN CHỐNG CHỊU KHÍ HẬU TỔNG HỢP VÀ SINH KẾ BỀN VỮNG ĐỒNG
BÀNG SÔNG CỬU LONG (MD- ICRSL/WB9)**

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI ĐỊNH CƯ

TIỂU DỰ ÁN:

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI
SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN SINH THÁI, NÂNG CAO
SINH KẾ, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
VÙNG CÙ LAO DUNG**

Tháng 10/2018

Tỷ giá chuyển đổi tiền tệ

Đơn vị tiền tệ	=	Đồng Việt Nam (VND)
1 VND	=	0,0000439 1\$
1 \$	=	22.765 VND

CHỮ VIẾT TẮT

BAH	Bị ảnh hưởng
UBND	Ủy ban nhân dân
CPMU	Ban Quản lý Dự án Trung ương
CPO	Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi
CSHT	Cơ sở hạ tầng
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
DMS	Khảo sát kiểm kê chi tiết
DPC	UBND huyện
DRC	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện
EA	Cơ quan chủ quản
EMDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
EMPF	Khung chính sách dân tộc thiểu số
EOL	Kiểm đếm thiệt hại
ESMF	Khung quản lý môi trường và xã hội
FHH	Hộ gia đình có chủ hộ là phụ nữ
GOV	Chính phủ Việt Nam
HH	Hộ gia đình
LURC	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MOLISA	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
NGO	Tổ chức phi Chính phủ
OP	Chính sách hoạt động
PMU	Ban Quản lý dự án
PPC	UBND tỉnh
PPMU	Ban Quản lý Dự án tỉnh
PRA	Đánh giá nông thôn có sự tham gia
RAP	Kế hoạch hành động tái định cư
RCS	Nghiên cứu giá thay thế
RPF	Khung chính sách tái định cư
TOR	Điều khoản tham chiếu
USD	Đô la Mỹ
VND	Việt Nam Đồng
WB/NHTG	Ngân hàng Thế giới
TDA	Tiểu dự án

CHÚ Ý

- (i) Năm tài chính của Chính phủ Việt Nam kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính trước năm dương lịch biểu thị năm trong đó năm tài chính kết thúc, ví dụ năm tài chính 2000 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2000.
- (ii) Trong báo cáo này, “\$” nghĩa là đồng đô la Mỹ.

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ

Tác động của Dự án	Bất kỳ hệ quả nào liên quan trực tiếp tới việc thu hồi đất hoặc hạn chế việc sử dụng các khu vực được lựa chọn hợp pháp hoặc khu vực được bảo vệ.
Người bị ảnh hưởng của dự án (PAP)	Bất kỳ người nào, bị tác động bởi việc thực hiện dự án làm ảnh hưởng đến mất quyền sở hữu, sử dụng, hoặc mất nguồn thu nhập hay phương tiện sinh kế như công trình xây dựng, đất đai (đất ở, đất nông nghiệp, hoặc đồng cỏ), cây cối, hoa màu hàng năm hoặc lâu năm, hoặc các tác động khác không kể đến việc di dời hay không, ảnh hưởng toàn bộ hay một phần, ảnh hưởng vĩnh viễn hay tạm thời.
Ngày khóa sổ	Là ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất cho dự án liên quan (Khoản 1, điều 67 Luật đất đai 2013) trước khi thực hiện kiểm đếm chi tiết (DMS). Một cuộc khảo sát đánh giá tác động (điều tra dân số) sẽ được thực hiện trước ngày khóa sổ được công bố để lập danh sách các hộ gia đình bị ảnh hưởng tiềm năng.
Tính hợp lệ/ Đủ tư cách	Có nghĩa là bất kỳ người nào đã sử dụng thửa đất bị ảnh hưởng bởi dự án được lập danh sách trước ngày khóa sổ mà (i) có quyền sử dụng đất hợp pháp, (ii) không có quyền sử dụng đất hợp pháp nhưng có đủ điều kiện để được công nhận hợp pháp theo luật trong nước; và (iii) không được công nhận quyền sử dụng hợp pháp hay tuyên bố về quyền sử dụng đối với thửa đất mà họ đang chiếm giữ.
Chi phí (giá) thay thế	- Đối với đất nông nghiệp, giá thay thế là giá thị trường tại thời điểm trước dự án hoặc trước khi di dời (tùy xem giá nào cao hơn) của loại đất có giá trị sản xuất hoặc sử dụng tương đương trong khu vực lân cận đất bị ảnh hưởng, cộng thêm chi phí cải tạo đất để đạt được giá trị tương đương với đất bị ảnh hưởng, cộng thêm chi phí áp dụng cho các hình thức đăng ký và thuế chuyển nhượng. - Đối với đất ở các khu vực đô thị, đó là giá thị trường tại thời điểm trước khi di dời của đất có cùng kích thước và mục đích sử dụng, với các cơ sở hạ tầng, dịch vụ công cộng tương tự hoặc tốt hơn nơi ở cũ và nằm trong vùng lân cận của đất bị ảnh hưởng cộng thêm chi phí áp dụng cho các hình thức đăng ký và thuế chuyển nhượng. - Đối với nhà cửa và công trình sẽ áp dụng chi phí vật liệu theo thị trường để xây dựng công trình thay thế có diện tích và chất lượng tương đương hoặc tốt hơn công trình bị ảnh hưởng, hoặc để sửa chữa các công trình bị ảnh hưởng một phần, cộng thêm chi phí vận chuyển vật liệu xây dựng đến địa điểm xây dựng, cộng với giá nhân công và

	chi phí cho nhà thầu xây dựng, cộng với chi phí áp dụng cho các hình thức đăng ký và thuế chuyển nhượng. Việc xác định chi phí thay thế không tính đến khấu hao tài sản và giá trị các vật tư thanh lý cũng như giá trị lợi ích từ dự án đã khấu trừ giá trị tài sản bị ảnh hưởng.
Tái định cư	Bao gồm tất cả các thiệt hại trực tiếp về kinh tế và xã hội gây ra bởi việc thu đất và hạn chế sự tiếp cận tài sản, cùng với các biện pháp bồi thường và khắc phục hậu quả sau đó. Tái định cư không được hạn chế ở sự di dời nhà ở. Tái định cư có thể, tùy từng trường hợp, bao gồm (i) thu hồi đất và công trình trên đất, bao gồm cả các hoạt động kinh doanh; (ii) di dời nhà cửa; và (iii) những biện pháp khôi phục nhằm cải thiện (hoặc ít nhất là phục hồi) thu nhập và mức sống của những người bị ảnh hưởng.
Quyền lợi	Bao gồm bồi thường và hỗ trợ cho những người bị ảnh hưởng dựa trên loại và mức độ thiệt hại.
Ước tính sơ bộ (EOL)	Là quá trình tính toán các tài sản và nguồn thu nhập bị ảnh hưởng bởi dự án
Điều tra kinh tế xã hội	Một điều tra cơ bản kinh tế - xã hội của hộ gia đình, doanh nghiệp, hoặc các bên bị ảnh hưởng bởi dự án khác cần thiết để: xác định một cách chính xác và bồi thường hoặc giảm thiểu thiệt hại, đánh giá tác động đối với kinh tế hộ gia đình, và phân biệt bởi mức độ tác động cho các bên bị ảnh hưởng.
Nhóm dễ bị tổn thương	Được xác định là những người do đặc điểm giới tính, dân tộc, tuổi tác, khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần, bất lợi về kinh tế hoặc địa vị xã hội, bị ảnh hưởng nặng nề hơn về tái định cư so với cộng đồng dân cư khác và những người bị giới hạn do khả năng của họ yêu cầu được hỗ trợ để phát triển lợi ích của họ từ dự án, bao gồm: (i) phụ nữ làm chủ hộ có khẩu ăn theo (không có chồng, mất chồng, chồng không còn khả năng lao động), (ii) người khuyết tật (không còn khả năng lao động), người già không nơi nương tựa, (iii) hộ nghèo và hộ cận nghèo (iv) người không có đất đai; (v) người dân tộc thiểu số; và (vi) hộ gia đình chính sách.
Sinh kế	Các hoạt động kinh tế và tạo thu nhập, thường do tự lao động và/hoặc lao động được trả lương bằng sức lao động và vật tư của chính bản thân để tạo đủ nguồn thu nhập đáp ứng các yêu cầu của bản thân và gia đình một cách bền vững.
Phục hồi (sinh kế) thu nhập	Thiết lập lại nguồn thu nhập và sinh kế của người bị ảnh hưởng.
Các bên có liên quan	Bất kỳ và tất cả các cá nhân, nhóm, tổ chức, và các định chế quan tâm và có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án hoặc có thể ảnh hưởng đến dự án.

MỤC LỤC:

Contents

MỤC LỤC:	IV
TÓM TẮT NỘI DUNG	8
1. GIỚI THIỆU	8
2. TÁC ĐỘNG VÀ PHẠM VI THU HỒI ĐẤT:	8
3. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ MA TRẬN QUYỀN LỢI:	8
4. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG VÀ SỰ THAM GIA:	8
5. QUY TRÌNH THỰC HIỆN:	8
6. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI:	8
7. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ:	9
8. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN:	9
9. CHI PHÍ VÀ NGÂN SÁCH:	9
I. GIỚI THIỆU	10
1.1. DỰ ÁN CHỐNG CHỊU KHÍ HẬU TỔNG HỢP VÀ SINH KẾ BỀN VỮNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	10
1.2. TIỂU DỰ ÁN:	11
1.2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ của TDA	11
1.2.2. Qui mô tiểu dự án:	12
1.3. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI ĐỊNH CƯ	21
1.4. CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG BẤT LỢI	21
II. PHẠM VI, QUY MÔ ẢNH HƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP PHỤC HỒI	22
2.1. PHẠM VI ẢNH HƯỞNG TDA:	22
2.2. SỐ HỘ BAH	22
2.3. CÁC LOẠI TÁC ĐỘNG CỦA TDA	24
2.3.1. Tác động về đất:	24
2.3.2. Ảnh hưởng cây cối, hoa màu	27
2.3.3. Ảnh hưởng về nhà ở	27
2.3.4. Ảnh hưởng các công trình phụ trợ	28
2.3.5. Ảnh hưởng đến mô mã	30
2.3.6. Ảnh hưởng tạm thời	30
2.3.7. Các hộ dễ bị tổn thương	31
2.3.8. Ảnh hưởng công trình công cộng:	32
III. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG	32
3.1. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ XÃ HỘI CỦA KHU VỰC TIỂU DỰ ÁN:	32
3.1.1. Đặc điểm dân số:	32
3.1.2. Đặc điểm kinh tế của khu vực bị ảnh hưởng	32
3.2. QUY MÔ NHÂN KHẨU CỦA CÁC HỘ BAH	33
3.2.1. Chủ hộ theo độ tuổi và giới tính	34
3.2.2. Quy mô của các hộ bị ảnh hưởng	35
3.3. TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN CỦA CHỦ HỘ	35
3.4. MỨC THU NHẬP CỦA CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG	36
3.5. NGHỀ NGHIỆP CHÍNH CỦA CHỦ HỘ	36
3.6. ĐIỀU KIỆN SỐNG CỦA CÁC HỘ BAH	37
3.7. PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRONG GIA ĐÌNH	39
3.8. TÙY CHỌN ĐỀ BỒI THƯỜNG:	39
IV. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG	40
4.1. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ	40
4.1.1. Luật và các quy định chủ yếu của Chính phủ Việt Nam	40
4.1.2. Tình Sóc Trăng:	41
4.1.3. Chính sách về tái định cư bắt buộc của Ngân hàng Thế giới	42

4.1.4. Những khác biệt chính giữa chính sách của Chính phủ Việt Nam và WB	42
4.1.5. Điều kiện hợp lệ và Quyền lợi	46
4.2. CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG.....	47
4.2.1. Những nguyên tắc chung.....	47
4.2.2. Chính sách bồi thường	49
4.2.3. Chính sách bồi thường cho tác động vĩnh viễn	49
4.2.4. Đối với đất ở.....	50
4.2.5. Do mất nhà cửa/công trình.....	51
4.3. CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG CHO CÁC TÁC ĐỘNG TẠM THỜI TRONG THỜI GIAN THI CÔNG.....	53
4.4. CÁC KHOẢN HỖ TRỢ PHỤC HỒI SINH KẾ	53
V. CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI THU NHẬP	67
5.1. MỤC TIÊU	67
5.2. NGUYÊN TẮC	67
5.3. ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI THU NHẬP	67
VI. TRÁCH NHIỆM TÁI ĐỊNH CƯ.....	70
VII. PHỔ BIẾN THÔNG TIN, THAM VẤN	71
7.1. PHỔ BIẾN THÔNG TIN.....	71
7.2. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG.....	72
7.2.1. Trong quá trình chuẩn bị RAP.....	72
7.2.2. Tham vấn trong quá trình thực hiện RAP.	77
VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	80
8.1. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG DỰ ÁN.....	80
8.2. QUY TRÌNH THỰC HIỆN	82
8.2.1. Cập nhật RAP	86
8.2.2. Kế hoạch thực hiện.....	86
IX. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI.....	87
X. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ.....	89
10.1. GIÁM SÁT NỘI BỘ	90
10.2. GIÁM SÁT ĐỘC LẬP.....	90
XI. NGÂN SÁCH VÀ CÁC CHI PHÍ ƯỚC TÍNH	91
11.1. NGUỒN NGÂN SÁCH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG	91
11.2. GIÁ THAY THẾ KHẢO SÁT LÚC LẬP KHHĐTĐC.....	91
11.3. TỔNG NGÂN SÁCH ƯỚC TÍNH.....	92
PHỤ LỤC.....	- 95 -
PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KHẢO SÁT GIÁ THAY THẾ	- 95 -
PHỤ LỤC 2: THÔNG TIN TỜ RƠI.....	- 107 -
PHỤ LỤC 3: BIÊN BẢN THAM VẤN	- 114 -
PHỤ LỤC 4 : MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA.....	- 125 -
PHIẾU ĐIỀU TRA HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG.....	- 125 -
PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG.....	- 138 -

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Bảng tổng hợp bố trí các công trình xây dựng mới trên tuyến đê biển	12
Bảng 2: Bảng thống kê các thông số chính của tuyến đường 933B.....	15
Bảng 3: Bảng thống kê các thông số thiết kế cầu giao thông trên tuyến 933B	17
Bảng 4: Số hộ bị ảnh hưởng.....	23
Bảng 5: Số hộ BAH và diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn theo xã/thị trấn	24
Bảng 6: Tổng hợp số liệu BAH về đất nông nghiệp phân theo xã/thị trấn.....	24
Bảng 7: Quyền sử dụng đất.....	26
Bảng 8: Ảnh hưởng về cây cối, hoa màu.....	27
Bảng 9: Số hộ và diện tích nhà bị ảnh hưởng theo xã/thị trấn	27
Bảng 10: Tổng hợp diện tích các công trình phụ trợ bị ảnh hưởng theo xã/thị trấn	29
Bảng 11: Ảnh hưởng đến mô mã phân theo công trình.....	30
Bảng 12: Số hộ BAH và diện tích đất bị thu hồi tạm thời theo xã/thị trấn.....	30
Bảng 13: Tổng hợp số hộ BAH cửa hàng phân theo xã/thị trấn	31
Bảng 14: Số hộ theo nhóm hộ dễ bị tổn thương.....	31
Bảng 15: Đặc điểm dân số của khu vực tiểu dự án	32
Bảng 16: Phân loại chủ hộ bị ảnh hưởng theo độ tuổi và giới tính	34
Bảng 17: Tuổi của chủ hộ bị ảnh hưởng theo giới tính	34
Bảng 18: Cấu trúc của các hộ bị ảnh hưởng theo quy mô gia đình.....	35
Bảng 19: Trình độ học vấn của chủ hộ	35
Bảng 20: Số hộ theo mức thu nhập	36
Bảng 21: Nghề nghiệp chính của chủ hộ	37
Bảng 22: Tình hình sử dụng nguồn nước phục vụ ăn uống của các hộ BAH.....	37
Bảng 23: Tình hình sử dụng nguồn nước phục vụ sinh hoạt của các hộ BAH.....	38
Bảng 24: Tình hình sử dụng nhà vệ sinh của các hộ BAH	38
Bảng 25: Tình hình sử dụng nguồn năng lượng trong đun nấu của các hộ BAH	38
Bảng 26: Phân công lao động theo gia đình.....	39
Bảng 27: Tỷ lệ hộ bị ảnh hưởng theo lựa chọn bồi thường đã chọn	39
Bảng 28: Những khác biệt giữa chính sách của Việt Nam về tái định cư và Chính sách tái định cư không tự nguyện của Ngân hàng Thế giới	43
Bảng 29: Ma trận quyền lợi	56
Bảng 30: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp	68
Bảng 31: Danh sách các cuộc tham vấn	74
Bảng 32: Tỷ lệ lựa chọn phương án bồi thường.....	78
Bảng 33: Tỷ lệ về hình thức lựa chọn tái định cư	78
Bảng 34: Tỷ lệ lựa chọn phục hồi thu nhập của các hộ BAH	79

Bảng 35: Kế hoạch sử dụng tiền bồi thường của các hộ bị ảnh hưởng.....	79
Bảng 36: Dự kiến tiến độ thực hiện.....	86
Bảng 37: Tổng hợp kinh phí đền bù và hỗ trợ của tiểu dự án.....	92

TÓM TẮT NỘI DUNG

1. Giới thiệu

Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) này được lập cho Tiểu dự án trong Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung” thuộc Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long với nguồn vốn vay của Chính phủ Việt Nam từ Ngân hàng Thế giới. RAP này được xây dựng trên cơ sở Khung chính sách tái định cư của Dự án và kết quả khảo sát kinh tế xã hội, kiểm kê thiệt hại và tham vấn cộng đồng.

2. Tác động và phạm vi thu hồi đất:

Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) này rà soát các tác động về TĐC của việc xây dựng nâng cấp 22,45km đê biển; nâng cấp 21,827km tuyến tỉnh lộ 933B, xây mới các tuyến đê sông Bến Ba, sông Cồn Tròn và 02 tuyến ven sông Vàm Hồ Lớn. Yêu cầu thu hồi vĩnh viễn 497.936m² và thu hồi tạm thời 63.146m² đất của 5 xã và 1 thị trấn. Có 1.595 hộ BAH do thu hồi đất và tài sản trên đất, bao gồm 75 hộ mất đất sản xuất từ 20% trở lên đối với hộ thường và từ 10% trở lên đối với hộ dễ bị tổn thương, 285 hộ dễ bị tổn thương trong đó có 43 hộ dân tộc thiểu số, 47 hộ phải di dời tái định cư. Các tác động khác bao gồm thiệt hại về cây trồng và vật kiến trúc trên đất, có 9 ngôi mộ phải di dời.

3. Khung chính sách và Ma trận quyền lợi:

Khung chính sách TĐC đã được lập dựa trên chính sách hiện hành và các quyết định của Chính phủ Việt Nam và Chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới về TĐC không tự nguyện (OP 4.12). Tài liệu này sẽ hướng dẫn để chuẩn bị kế hoạch hành động TĐC và thực hiện TĐC cho dự án. Mục tiêu chung của các chính sách và các tài liệu TĐC này nhằm đảm bảo tất cả những người bị ảnh hưởng bởi dự án sẽ nhận được bồi thường theo giá thay thế. Hỗ trợ sẽ được cung cấp cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng, hộ mất thu nhập, và các hộ gia đình thuộc nhóm dễ bị tổn thương để khôi phục điều kiện thu nhập và đời sống của họ ít nhất là bằng hoặc cao hơn so với trước khi dự án.

4. Tham vấn cộng đồng và sự tham gia:

Tất cả những người bị ảnh hưởng đã tham gia họp tham vấn cộng đồng về thông tin dự án, các tác động của dự án, đề xuất, kiến nghị để thực hiện kế hoạch TĐC. Thông tin phản hồi từ tham vấn được phản ánh trong kế hoạch TĐC này.

5. Quy trình thực hiện:

Nhiệm vụ TĐC, bồi thường, hỗ trợ sẽ được thực hiện bởi Trung tâm phát triển quỹ đất, PPMU và Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) và đơn vị giám sát nội bộ. Trong quá trình thực hiện, cần phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thực hiện như Trung tâm phát triển quỹ đất, PPMU, cơ quan địa phương, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội địa phương, người bị ảnh hưởng trong khu vực của dự án.

6. Cơ chế giải quyết khiếu nại:

Trong quá trình thực hiện, bất kỳ khiếu kiện nào của người bị ảnh hưởng sẽ được giải quyết dựa trên các thủ tục nêu trong RPF cho việc bồi thường và tái định cư của dự án cũng như trong RAP của Tiểu dự án. Khiếu nại sẽ được giải quyết bởi chính quyền địa phương, cán bộ của

dự án công bằng và rõ ràng với sự giám sát của các cơ quan giám sát độc lập. Người khiếu nại sẽ không phải trả bất kỳ chi phí hành chính nào.

7. Giám sát và đánh giá:

Các cán bộ của PPMU và CPO sẽ theo dõi và giám sát quá trình thực hiện RAP. Ngoài ra, Tư vấn giám sát độc lập sẽ được tuyển dụng để giám sát quá trình thực hiện và đánh giá các điều kiện sống của các hộ BAH trong suốt quá trình thực hiện RAP và sau khi hoàn thành RAP.

8. Kế hoạch thực hiện:

Các hoạt động bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sẽ được thực hiện trong 4 năm 2019 và Trung tâm phát triển quỹ đất sẽ chủ yếu chịu trách nhiệm về thực hiện RAP.

9. Chi phí và ngân sách:

Tổng chi phí đền bù, hỗ trợ và tái định cư: 84.411.793.000 đồng, [trong đó chưa bao gồm chi phí di dời cột điện](#) (tương đương với số tiền tính bằng 3.707.963 USD); Chi phí đền bù về đất và các tài sản thiệt hại 44.364.928.000 đồng (tương đương với 1.948.822 USD); Phần còn lại là chi phí hỗ trợ, chi phí quản lý, thương bản giao mặt bằng đúng thời hạn 40.046.865.000 đồng (tương đương với số tiền tính bằng 1.759.142 USD).

I. GIỚI THIỆU

1.1. Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long

Chính phủ Việt Nam thông qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT) và Bộ Tài nguyên và Môi trường [đã chuẩn bị một dự án đầu tư có tên là đang triển khai](#) Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (MD-ICRSLP hay còn gọi là Dự án), với *mục tiêu tăng cường năng lực quản lý và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc cải thiện quy hoạch, thúc đẩy sinh kế bền vững và xây dựng hạ tầng thích ứng với BĐKH tại các tỉnh được lựa chọn ở ĐBSCL*. Các hoạt động của dự án sẽ bao gồm: một số khoản đầu tư cơ sở hạ tầng thủy lợi, các hoạt động phi công trình cùng hỗ trợ kỹ thuật và sẽ được thực hiện thông qua 5 hợp phần: (1) Tăng cường công tác giám sát, phân tích và hệ thống cơ sở dữ liệu; (2) Quản lý lũ ở vùng thượng nguồn; (3) Thích ứng với chuyển đổi mặn ở vùng cửa sông; (4) Bảo vệ ven biển ở vùng bán đảo; và (5) Quản lý dự án và Hỗ trợ thực hiện. Dự án đang được đề xuất để được Ngân hàng Thế giới (NHTG) tài trợ trong thời gian 7 năm (2016-2022) với tổng kinh phí thực hiện dự án là 369,944 triệu USD (trong đó vốn Chính phủ là 69,944 triệu USD và vốn IDA là 300 triệu USD).

Các hoạt động của dự án được thực hiện thông qua 5 hợp phần sau đây:

Hợp phần 1: Tăng cường công tác giám sát, phân tích và hệ thống cơ sở dữ liệu (kinh phí dự kiến là: 48 triệu USD, trong đó vốn IDA là 47,527 triệu USD). Hợp phần này bao gồm 06 tiểu dự án (TDA), trong đó có 04 TDA do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện và 02 TDA do Bộ Nông nghiệp & PTNT thực hiện.

Hợp phần 2: Quản lý lũ ở vùng thượng nguồn (kinh phí dự kiến là: 99,730 triệu USD, trong đó vốn IDA là 78,538 triệu USD).

Mục tiêu chính của Hợp phần này là để bảo vệ và/hoặc nâng cao các tác dụng tích cực của lũ qua biện pháp kiểm soát lũ (giữ lũ) để tăng thu nhập nông thôn và bảo vệ tài sản có giá trị cao ở An Giang và Đồng Tháp. Nội dung của hợp phần này bao gồm

- i) sử dụng biện pháp kiểm soát lũ (giữ nước lũ) có lợi hơn ở các khu vực nông thôn và cung cấp các lựa chọn thay thế trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản;
- ii) cung cấp hỗ trợ sinh kế cho nông dân để họ có vụ sản xuất thay thế vụ lúa trong mùa mưa, bao gồm cả nuôi trồng thủy sản;
- iii) xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng để bảo vệ tài sản có giá trị cao như thành thị và vườn cây ăn trái và
- iv) hỗ trợ sử dụng nước hiệu quả trong nông nghiệp vào mùa khô.

Hợp phần 3: Thích ứng với chuyển đổi độ mặn vùng Cửa sông (kinh phí dự kiến là: 108,234 triệu USD, trong đó vốn IDA là 81,131 triệu USD).

Hợp phần này nhằm giải quyết các thách thức liên quan đến xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, nuôi trồng thủy sản (NTTS) bền vững và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng sống tại vùng ven biển. Các hoạt động sẽ bao gồm:

- i) xây dựng hệ thống phòng hộ ven biển bao gồm các loại kè, đê bao và rừng ngập mặn;
- ii) nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi và nông nghiệp dọc theo vùng ven biển để tăng tính linh hoạt và bền vững cho NTTS và thích ứng với thay đổi độ mặn;
- iii) hỗ trợ cho nông dân để chuyển đổi (nếu cần) sang các hoạt động canh tác nước lợ có tính bền vững hơn như rừng ngập mặn kết hợp nuôi tôm, lúa-tôm, và các hoạt động NTTS khác; và

iv) Hỗ trợ nông nghiệp thông minh thích ứng với khí hậu bằng cách tạo điều kiện sử dụng nước hiệu quả trong mùa khô.

Hợp phần 4: Bảo vệ khu vực bờ biển vùng Bán đảo (kinh phí dự kiến là: 101,580 triệu USD, trong đó vốn IDA là 82,331 triệu USD).

Hợp phần này nhằm giải quyết những thách thức liên quan đến xói lở bờ biển, quản lý nước ngầm, cung cấp nước sinh hoạt, NTTS bền vững và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng sống ở các khu vực ven biển, cửa sông của Kiên Giang và Cà Mau. Các hoạt động tiềm năng bao gồm:

- i) Xây dựng/cải tạo đai rừng phòng hộ ven biển bao gồm kết hợp các loại kè, đê bao và vành đai rừng ngập mặn;
- ii) Nâng cấp cơ sở hạ tầng kiểm soát nước mặn dọc theo vùng ven biển để giúp cho các hoạt động NTTS được linh hoạt và bền vững;
- iii) Kiểm soát lượng nước ngầm sử dụng cho nông nghiệp/thủy sản và phát triển các nguồn nước ngọt để dùng cho sinh hoạt;
- iv) Hỗ trợ cho nông dân để giúp họ thực hiện các hoạt động canh tác nước lợ có tính bền vững hơn như mô hình rừng ngập mặn – tôm và các hoạt động thủy sản khác và
- v) Hỗ trợ nông nghiệp thông minh thích hợp với khí hậu để sử dụng nước hiệu quả.

Hợp phần 5: Hỗ trợ Quản lý và Thực hiện Dự án (kinh phí dự kiến là: 12,400 triệu USD, trong đó vốn IDA là 10,472 triệu USD).

Hợp phần này sẽ được chia thành hỗ trợ quản lý dự án và tăng cường năng lực cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và PTNT. Hợp phần này được dự kiến sẽ hỗ trợ các chi phí gia tăng liên quan tới quản lý Dự án và cung cấp các dịch vụ tư vấn để hỗ trợ quản lý dự án tổng thể, quản lý tài chính, đấu thầu, chính sách an toàn, giám sát và đánh giá.

1.2. Tiểu dự án

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung.

1.2.1 Mục tiêu, nhiệm vụ của TDA

Mục tiêu chung của tiểu dự án:

- Đầu tư tiểu dự án để phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế người dân khu vực Cù Lao Dung dựa trên phát huy những lợi thế, tiềm năng của khu vực.

Mục tiêu cụ thể của tiểu dự án:

- Các hoạt động, nội dung đầu tư của dự án về hạ tầng kỹ thuật và các giải pháp phi công trình, các mô hình chuyển đổi sản xuất sẽ đáp ứng được các nhiệm vụ chính sau:
- Phục vụ từng bước chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp hiện nay mía, rau màu... tại Cù Lao Dung (đặc biệt là khu vực 5 xã giáp biển) thành vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (khoảng 5.000ha) theo hướng sản xuất hàng hóa trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Tăng cường bảo vệ bờ biển, phục hồi rừng ngập mặn, bảo vệ hệ sinh thái ven biển đảm bảo an toàn cho dân sinh, kinh tế, xã hội trước nguy cơ nước biển dâng và những tác động xấu của biến đổi khí hậu;
- Góp phần xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng về thủy lợi, giao thông, kết nối giao thông nội vùng với hệ thống giao thông hiện có để tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội đặc biệt là phát triển kinh tế biển, phát triển du lịch và phục vụ cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn, khu vực, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh;
- Tạo điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ xây dựng mô hình cấp thoát nước cho vùng nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung, có hệ thống cấp thoát nước riêng biệt nhằm đưa ra một mô hình nuôi thủy sản bền vững, giảm thiệt hại đến mức thấp nhất, đảm bảo sinh kế cho người dân.
- Góp phần cải thiện môi trường sinh thái trong khu vực, kết hợp phục vụ công tác ngăn lũ phòng chống lụt bão trên địa bàn huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.
- Xây dựng các mô hình sinh kế, mô hình chuyển đổi sản xuất để mang lại hiệu quả cao hơn các mô hình sản xuất hiện trạng.

1.2.2. Quy mô tiểu dự án:

a. Xây dựng nâng cấp hệ thống đê biển

Các hạng mục chính: Nâng cấp hệ thống đê biển dựa trên tuyến đê biển hiện trạng bắt đầu từ rạch Mù U đến đầu Vàm Hồ Lớn với chiều dài khoảng 22,454km;

- Tuyến đê biển: đi theo tuyến đê biển hiện trạng đắp áp trực chủ yếu phía trong đê, lấy đất phía ngoài đê hoặc trong đê tùy từng vị trí phạm vi nằm trong hành lang bảo vệ đê biển.
- Xây dựng mới 1 cống ngầm tại vị trí kênh Sườn khẩu độ B x H = 1,5 x 1,5m vận hành bằng vitme.
- Xây dựng bổ sung 08 bọng vuông quy mô B x H = 1,0 x 1,0m, cửa van Clape vận hành tự động;
- Xây dựng mới 1 cầu giao thông BTCT tại vị trí vuông Thái Lan;
- Nâng cấp sửa chữa 07 cống (Sửa chữa nâng cấp phần mặt và ta luy đường lên cống) và 07 cầu (nâng cấp đường dẫn vào cầu) cho phù hợp với quy mô đê nâng cấp.

Bảng 1: Bảng tổng hợp bố trí các công trình xây dựng mới trên tuyến đê biển

STT	Tên hạng mục	Lý trình	Tên xã	Tên rãnh	Quy mô (m)
1	Cống ngầm				
	Cống kênh giữa vùng	K9+019	An Thạnh Nam	Kênh Sườn	1,5x1,5
2	Cống bọng				
2.1	BONG-CLD-01	K1+023	An Thạnh 3	Rạch Ông Năm	1,0x1,0
2.2	BONG-CLD-02	K1+580	An Thạnh 3	Rạch Ông Bảy	1,0x1,0

STT	Tên hg tổng	Lý trình	Tên xã	Tên rãnh	Quy mô (m)
2.3	BONG-CLD-03	K1+852	An Thạnh 3	Rạch Khém	1,0x1,0
2.4	BONG-CLD-04	K2+063	An Thạnh 3	Không tên	1,0x1,0
2.5	BONG-CLD-05	K2+265	An Thạnh 3	Rạch Sâu	1,0x1,0
2.6	BONG-CLD-06	K3+073	An Thạnh 3	Rạch Chồi	1,0x1,0
2.7	BONG-CLD-07	K5+915	An Thạnh 3	Không tên	1,0x1,0
3	Cầu giao thông				
	Cầu Vương Thái Lan	K14+013	An Thạnh Nam	K.Vương Thái Lan	32

Thông số thiết kế các hạng mục chính

❖ Tuyến đê:

- Cao trình đỉnh đê: $\nabla_{\text{đỉnh}} = +3,90\text{m}$;
- Chiều rộng mặt đê thiết kế: $B = 7,5\text{m}$;
- Hệ số mái đê: $m_{\text{trong}} = 2,0$; $m_{\text{ngoài}} = 3,0$;
- Kết cấu đê biển và giải pháp đắp đê: kết cấu đắp áp trực hoàn toàn bằng khai thác đất tại chỗ.

❖ Cổng ngầm qua đê biển

- Kết cấu cổng BTCT, cửa van phẳng đóng mở cưỡng bức bằng máy đóng vítme, bố trí tiêu năng thượng hạ lưu cổng, xử lý nền cọc tràm.
- Cổng vuông : $B \times H = 1,50\text{m} \times 1,50\text{m}$
- Chiều dài thân cổng : $L_c = 22,8\text{m}$
- Chiều dài bể tiêu năng : $L_b = 10,00\text{m}$
- Cao trình đáy cổng : $\nabla_{\text{đc}} = -1,50\text{m}$
- Cao trình đáy bể tiêu năng : $\nabla_{\text{đb}} = -3,20\text{m}$
- Cửa van phẳng : $b \times h = 1,76\text{m} \times 1,70\text{m}$
- Máy đóng mở vítme V10

❖ Cổng bọt

- Kết cấu cổng BTCT, cửa van phẳng clape trực trên, xử lý nền cọc tràm.
- Tiết diện cổng vuông : $b \times h = 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$
- Chiều dài thân cổng : $L_c = 30,30\text{m}$
- Cao trình đáy cổng : $\nabla_{\text{đc}} = -1,00\text{m}$
- Cửa van phẳng : $b \times h = 1,1\text{m} \times 1,10\text{m}$

❖ Thiết kế cầu giao thông trên đê biển

- Kết cấu cầu BTCT
- Chiều dài cầu : Chiều dài $L = 36\text{m}$; $(12,0+12,0+12,0)\text{m}$;
- Chiều rộng : $B_{\text{cầu}} = 3,50\text{m}$;
- Cao độ tính không : $+4,10\text{m}$;
- Độ dốc đường vào cầu : $i = 10\%$;

- Xử lý nền cọc cầu: BTCT.

b. Xây dựng mới hệ thống đê sông

Các hạng mục công trình chính trên tuyến đê sông

- Xây dựng các tuyến đê sông trên địa bàn Cù lao Dung 2 tuyến đê ven sông Bến Bạ, sông Cồn Tròn 02 tuyến ven sông Vàm Hồ Lớn.

- Tuyến đê: Tuyến đi lùi đều từ mép sông (đê bao vòng ngoài hiện trạng) vào phía đồng từ 30-50m tuy nhiên những đoạn đi qua các khu vực hiện trạng là ruộng tôm sẽ điều chỉnh tuyến đi theo bờ ruộng (phía trong). Tổng chiều dài tuyến đê sông: 39,892 km.

- Đập đất: 46 cái chiều dài bằng chiều dài các rạch hiện trạng
- Cống ngầm tiết diện $B \times H = 1,5m \times 1,5m$, cửa van đóng mở bằng máy vít me: 4 cống;
- Cống bông tiết diện $B \times H = 1,0m \times 1,0m$; cửa van Clape trực trên: 38 bông.

Thông số thiết kế các hạng mục chính

❖ Tuyến đê:

- Cao trình đỉnh đê: $\nabla_{\text{đỉnh}} = +3,20m$;
- Chiều rộng mặt đê thiết kế: $B = 3,00m$;
- Hệ số mái đê: $m_{\text{trong}} = m_{\text{ngoài}} = 2,0$;
- Kết cấu đê và giải pháp đắp đê: Đê nền cát thân đắp đất.

❖ Cống ngầm qua đê:

- Kết cấu cống BTCT, cửa van phẳng đóng mở cưỡng bức bằng máy đóng vitme, bố trí tiêu năng thượng hạ lưu cống, xử lý nền cọc tràm.
- Cống vuông: $B \times H = 1,50m \times 1,50m$
- Chiều dài thân cống: $L_c = 15,0m$
- Chiều dài bể tiêu năng: $L_b = 10,00m$
- Cao trình đáy cống: $\nabla_{\text{đc}} = -1,50m$
- Cao trình đáy bể tiêu năng: $\nabla_{\text{đb}} = -3,20m$
- Cửa van phẳng: $b \times h = 1,76m \times 1,70m$
- Máy đóng mở vitme V10

❖ Cống bông

- Kết cấu cống BTCT, cửa van phẳng clape trực trên, xử lý nền cọc tràm.
- Tiết diện cống vuông: $b \times h = 1,0m \times 1,0m$
- Chiều dài thân cống: $L_c = 20,0m$
- Cao trình đáy cống: $\nabla_{\text{đc}} = -0,50m \div -1,00m$
- Cửa van phẳng Clape: $b \times h = 1,1m \times 1,10m$

❖ Đập đất trên đê sông

Tại các tuyến rạch trên tuyến đê nằm trong các vùng khép kín của các ô bao nhỏ nếu không bố trí cống, bông sẽ bố trí đập đất.

- Kết cấu đập vật liệu đất đắp $K=0,95$; chân đập gia cố cừ tràm đóng ken xít, mái đập gia cố cừ dừa đóng ken xít và hai hàng cừ dừa nẹp dọc theo chiều dài đập.

- Bề rộng đập: B=3,0m
- Chiều dài đập: thay đổi theo chiều dài rạch.

c. Nâng cấp tuyến đường giao thông 933B

Phần đường giao thông

❖ Tuyến đường và quy mô chính:

Tổng chiều dài: L=21,827km (trong đó theo tuyến cũ 20,257km và đường tránh: 1.570km)
được chia làm 5 đoạn:

Bảng 2: Bảng thống kê các thông số chính của tuyến đường 933B

Tên đoạn	Chiều dài (m)	Vận tốc thiết kế (km/h)	Bề rộng mặt đường (m)	Bề rộng lề đường hoặc vỉa hè (m)	Tải trong tính toán (KN)
Đoạn 3: Từ km9+974,46 (D36) đến km11+854,48 (ND54)	1.879,02	60	3,50 x 2 = 7	1x4,0	100
Đoạn 4: Từ km11+854,48 (ND54) đến km25+550 (C512)	13.695,16	60	3,50 x 2 = 7,0	2x1,0	100
Đoạn 5: Từ km25+550 (C512) đến km26+719,22 (TD146)	1.169,22	40	2,75 x 2 = 5,5	2x1,15	100
Đoạn 6: Từ km26+719,22 (TD146) đến km30+233,51 (C606)	3.514,29	60	3,50 x 2 = 7,0	2x1,0	100
Đoạn 7 (tuyến tránh):	1.570	60	3,50 x 2 = 7,0	2x1,0	100

❖ Chiều rộng mặt

- Chiều rộng mặt đường các đoạn: Đoạn 4, Đoạn 6 và tuyến đường tránh (Đoạn 7).

Phần xe chạy: 2x3,5 (m) = 7,0(m)

Lề đất: 2x1,0(m) = 2,0(m)

Tổng cộng: = 9,0(m)

- Chiều rộng mặt đường: Đoạn 3

Phần xe chạy: 2x3,5 (m) = 7,0(m)

Vỉa hè: 1x4,0(m) = 4,0(m)

Lề đất: 1x(0,5+1,0)(m) = 1,5(m)

Tổng cộng: = 12,5(m)

- Chiều rộng mặt đường: Đoạn 5

Phần xe chạy: 2x2,75 (m) = 5,5(m)

Bó vỉa: 2x0,55(m) = 1,1(m)

Rãnh thoát nước: 2x0,6(m) = 1,2(m)

Tổng cộng: = 7,8 (m)

❖ Kết cấu đường:

- Kết cấu áo đường đoạn 3:

+ Phần làm mới và mở rộng: Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m²: Đá dăm nước dày 10cm; Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm; Lớp cát dày 50cm; Lớp vải địa kỹ thuật: Lớp cát bù vênh hoặc nền hiện trạng sau khi đào.

+ Phần tăng cường mặt đường cũ: Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn 4.5kg/m²: Đá dăm nước dày 10cm; Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm: Bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại II: Mặt đường cũ.

- Kết cấu áo đường các đoạn còn lại:

+ Phần làm mới và mở rộng: Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4.5kg/m²: Đá dăm nước dày 10cm; Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; Cấp phối đá dăm loại II dày 15cm; Lớp cát dày 50cm; Lớp vải địa kỹ thuật; Lớp cát bù vênh hoặc nền hiện trạng sau khi đào.

+ Phần tăng cường mặt đường cũ: Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4.5kg/m²: Đá dăm nước dày 10cm; Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm: Bù vênh bằng Cấp phối đá dăm loại II; Mặt đường cũ.

Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống cống ngang đường: Trên tuyến bố trí 03 cống ngang đường sử dụng cống tròn chịu lực BTCT Ø1000;

- Hệ thống thoát nước dọc tuyến:

+ Thoát nước dọc đoạn 5 sử dụng cống tròn đường kính cống Ø400.

+ Thoát nước dọc trên vỉa hè đoạn 3 bố trí một bên sử dụng cống tròn đường kính cống từ Ø400 đến Ø600.

Phần nút giao:

Trên tuyến dự kiến có 04 nút giao chính tại vị trí giao với đường Đoàn Thế Trung, giao với đường tỉnh 933.02 nút tuyến tránh và các nút giao với các tuyến đường dân sinh với giải pháp thiết kế cụ thể như sau:

- Giao cắt với đường Đoàn Thế Trung: Bố trí đảo tròn.

- Giao cắt với đường đường tỉnh 933 và 02 nút tuyến tránh: Bố trí dạng giao ngã ba và có bố trí đảo tròn đối với 02 nút giao tuyến tránh.

- Các nút giao thông tại các vị trí vượt nôi đường dân sinh: Bố trí nút giao bằng.

Phần cây xanh, chiếu sáng: bố trí trên vỉa hè đoạn 3.

Các công trình an toàn giao thông: Trên tuyến bố trí hệ thống biển báo hiệu đường bộ.

Phần cầu giao thông

- Tải trọng trục xe: 100kN;

- Tình không thông thuyền: Khô thông thuyền thiết kế phù hợp với yêu cầu cấp quản lý của từng sông, kênh trong khu vực.

- Mặt cắt ngang cầu: Trên toàn tuyến dự kiến có 09 cầu trung và nhỏ nên việc đầu tư các cầu này với quy mô đầy đủ (B=12m) sẽ làm tăng chi phí đầu tư cho dự án. Mặt khác nếu chỉ đầu tư quy mô mặt cắt ngang đáp ứng đủ nhu cầu trước mắt (B= 7,00m).

Phần xe cơ giới: 2 x 3,50m = 7,00m;
 Dải an toàn: 2 x 0,50m = 1,00m;
 Gờ lan can: 2 x 0,50m = 1,00m;
 Tổng cộng: = 9,00m

Bảng 3: Bảng thống kê các thông số thiết kế cầu giao thông trên tuyến 933B

TT	Tên cầu	Lý trình	Thông thuyền (m)		Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu (m)	Bề rộng cầu (m)	Cao trình đáy đầm thiết kế (m)
			B	H				
1	Cầu Rạch Vượt	Km3+026	8	1,8	3x12,5	37,5	9,0	+3,50
2	Cầu Rạch Đình Trại	Km12+025	13	2,9	12,5+18,6+12,5	43,6	9,0	+4,50
3	Cầu Rạch Dây	Km17+276	8	2,3	3x12,5	37,5	9,0	+4,00
4	Cầu Rạch Lớn	Km17+808	8	2,3	3x12,5	37,5	9,0	+4,00
5	Cầu Rạch Bà Chủ	Km18+351	8	2,3	3x12,5	37,5	9,0	+4,00
6	Cầu Rạch Ngay	Km20+397	8	1,8	3x12,5	37,5	9,0	+4,00
7	Cầu Bà Kẹo	Km21+998	8	2,3	3x12,5	37,5	9,0	+4,00
8	Cầu Rạch Đùi	Km28+640,69	20	2,9	3x24,54	73,62	9,0	+4,50
9	Cầu Rạch Tráng	Km0+530 (tuyến tránh)	20	2,9	18,6+24,54+18,6	61,74	9,0	+4,50

d. Cài tạo và xây dựng hệ thống điện

Lưới điện trung thế:

Chiều dài xây dựng: 16.696m trong đó cài tạo nâng cấp: 7.491m; xây dựng mới: 9.205m.

Lưới điện hạ thế

Chiều dài xây dựng: 19.916m trong đó cài tạo nâng cấp: 6.416m; xây dựng mới: 13.500m.

Xây dựng trạm biến áp: Xây dựng mới 12 trạm.

e. Trồng rừng ngập mặn và công trình lâm sinh

Khôi phục rừng ngập mặn ven biển: Trồng bổ sung rừng ngập mặn ven biển tại các vị trí đại rừng mỏng: diện tích trồng bổ sung khoảng 40ha.

Trồng bổ sung rừng ngập mặn ven biển.

- Loài cây trồng: Cây bần chua (*Sonneratia caseolaris*).
- Tiêu chuẩn cây trồng
 - + Là cây con được ương trong bầu Pôlyêtylen (kích thước bầu 18cm X 22cm)
 - + Chiều cao cây: ≥ 1 m;
 - + Đường kính cổ rễ Dgốc: $\geq 1,5$ cm;
 - + Tuổi cây con đem trồng là: 11-18 tháng tuổi.

- + Thiết kế mật độ cây trồng: Mật độ cây trồng áp dụng theo Quyết định 1205/QĐ-BNN-TCLN là: 2.000 cây/ha.

Thiết kế công trình giảm sóng phục vụ trồng rừng

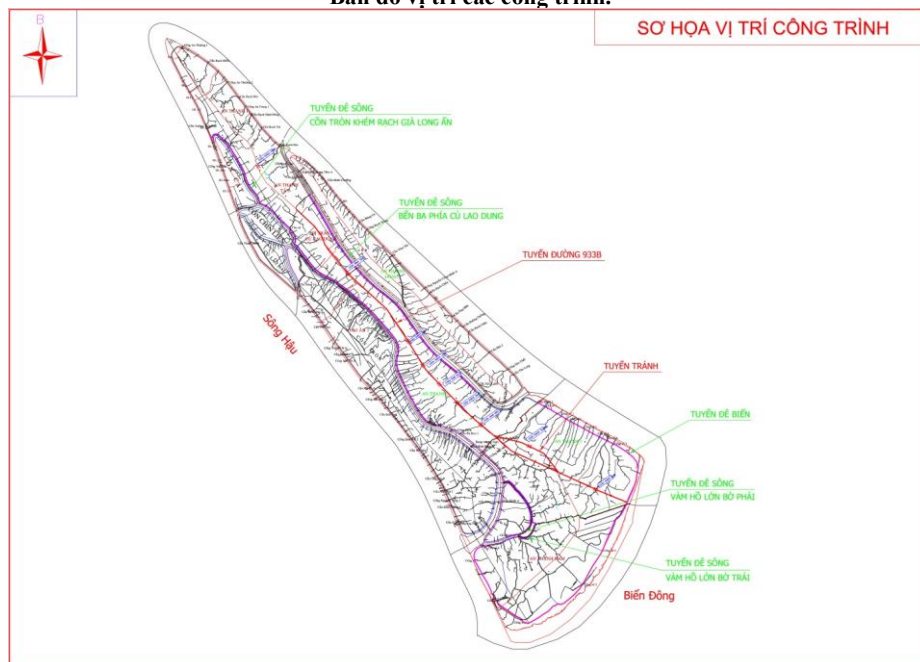
- Phương án bố trí tuyến: Tuyến tường mềm giảm sóng, gậy bồi, ổn định bãi được bố trí song song với mép ngoài của đai cây ngập mặn thiết kế, và cách mép đai cây từ 5 đến 10m. Chiều dài xây dựng tường mềm 2 lớp giảm sóng là 5.112 m.
- Cao trình đỉnh tường giảm sóng: $\nabla_{\text{đỉnh}} = +1,54\text{m} - 1,74\text{m}$.
- Kết cấu tường giảm sóng: Tường mềm gậy bồi được thiết kế bằng 2 hàng cọc tre đường kính cọc $d = 7\text{cm}$, khoảng cách giữa 2 hàng cọc tre là 0,4m, khoảng giữa 2 hàng cọc tre được nhét đầy bằng 5 bó cành cây.

Bản đồ khu vực tiểu dự án:



Hình 1: Bản đồ vị trí vùng tiểu dự án

Bản đồ vị trí các công trình.



Hình 2: Sơ họa vị trí công trình

4.2.2.2f. Chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với BĐKH-NBD.

Đề chuyển đổi sản xuất từ hiện nay (mía, màu) sang nuôi trồng thủy sản cho Cù Lao Dung (dự kiến diện tích khoảng 3.500ha so với hiện nay) dự kiến sẽ xây dựng các mô hình sản xuất thí điểm và trên cơ sở đó kết hợp với các nội dung khác như đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, tổ chức lại sản xuất để nhân rộng các mô hình phù hợp, hiệu quả ra toàn vùng.

- Mô hình 1: Nuôi thủy sản kết hợp Vọp (*Geloina coaxans*) và ốc len (*Cerithidea obtusa*) dưới tán rừng ngập mặn;
- Mô hình 2: Nuôi tôm sú (*Penaneus monodon*) dưới tán rừng trồng trong vùng đệm ven đê;
- Mô hình 3: Nuôi tôm sú (*Penaneus monodon*), tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo VietGAP;
- Mô hình 4: Nuôi tôm sú (*Penaneus monodon*) kết hợp với cá đối mục (*Mugil cephalus*), cá rô phi (*Sarotherodon*) trong hệ thống ao nuôi;
- Mô hình 5: Nuôi cá Kèo (*Pseudapocryptes elongatus*) thâm canh trong ao đất;
- Mô hình 6: Trồng cây ăn quả chịu mặn (Dừa, Mãng cầu, Thanh Long) hướng đến phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp vùng ven biển;

- Mô hình 7: Chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học (bò thịt, dê kiêm dụng, gia cầm thả vườn, vịt Biển.

1.3. Mục tiêu của kế hoạch hành động tái định cư

Kế hoạch tái định cư được xây dựng dựa trên Khung chính sách tái định cư của Dự án để đáp ứng Chính sách tái định cư không tự nguyện của WB với các chính sách quản lý của tỉnh và Nhà nước. Kế hoạch tái định cư xác định số hộ/ số người bị ảnh hưởng bởi các công trình, tính chất, mức độ ảnh hưởng của chúng, các biện pháp thực hiện để giảm thiểu tác động và các chính sách về đền bù, hỗ trợ khác được thực hiện cho những người BAH bởi Dự án vì những tác động không thể tránh khỏi.

Kế hoạch TĐC sẽ bao gồm:

- Chính sách và thủ tục hướng dẫn thu hồi đất đai, đền bù, TĐC và chiến lược để đảm bảo phục hồi mức sống cũng như công ăn việc làm của người BAH;
- Xác định rõ các hộ gia đình và các xã/ thị trấn BAH bất lợi bởi Dự án, họ sẽ được đền bù và được trợ giúp bằng các biện pháp làm giảm nhẹ các ảnh hưởng bất lợi;
- Một kế hoạch sao cho người BAH có thể tham gia vào các giai đoạn của dự án, bao gồm cả cơ chế giải quyết khiếu nại;

Ngân sách cho việc thực hiện kế hoạch hành động tái định cư.

Kế hoạch hành động Tái định cư sẽ được cập nhật và hoàn thiện trước khi các công trình được thực hiện và sau khi thiết kế kỹ thuật chi tiết hoàn thành, trong đó sẽ cụ thể phạm vi và ảnh hưởng của các công trình. Việc hoàn thiện Kế hoạch hành động Tái định cư trong giai đoạn này sẽ được thực hiện trên cơ sở kiểm đếm chi tiết DMS, cập nhật kết quả của ước tính thiệt hại trong giai đoạn này.

1.4. Các biện pháp giảm thiểu tác động bất lợi

Biện pháp giảm thiểu sẽ được thực hiện bằng cả hai phương pháp công trình và phi công trình. Đối với các giải pháp công trình, khi tư vấn lựa chọn vị trí, quy mô các tuyến đê, cống, việc thiết kế đã giảm thiểu những tác động bất lợi của việc thu hồi đất cho nhân dân địa phương. Thu hồi đất đối với các tuyến đê được điều chỉnh để tránh việc thu hồi đất của các hộ dân hoặc đi dôi nhà cửa.

Bên cạnh đó, việc giảm quy mô đường 933B từ 14 m xuống 7-m tại khu vực thị trấn Cù Lao Dung cũng sẽ làm giảm các tác động tái định cư. Bên cạnh đây việc mở rộng đường sang phía bờ phải (đoạn chạy qua thị trấn Cù Lao Dung) tính từ Đại Ngãi về) lắp tuyến rạch hiện trạng chạy dọc theo đường để tạo điều kiện kết nối giao thông cho các hộ dân bị phân cách bởi tuyến rạch trước đây và tránh tác động đến tái định cư;

[Việc nắn tuyến đường 933B đoạn quan khu chợ thuộc xã An Thạnh 3 cũng sẽ làm giảm thiểu đến các tác động tái định cư.](#)

Việc xây dựng tuyến đê theo tuyến cũ sẽ cơ bản không phải giải phóng mặt bằng do toàn bộ tuyến đê mới đắp áp trực vào thân đê cũ nằm trong hành lang bảo vệ an toàn của tuyến đê hiện trạng.

Việc điều chỉnh tuyến nắn tuyến đê để né tránh các ao nuôi tôm của các hộ gia dân sẽ giảm đến các tác động tái định cư;

Các công trình xây dựng sẽ được thực hiện đồng bộ cho tất cả các công trình, sau đó các công trình sẽ được vận hành ngay sau khi hoàn thành, thay vì xây dựng từng cái một hoặc một phần để giảm hiệu quả của dự án.

II. PHẠM VI, QUY MÔ ẢNH HƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP PHỤC HỒI

2.1. Phạm vi ảnh hưởng TDA:

Khi triển khai thực hiện thi công các hạng mục công trình thuộc TDA, các hạng mục công trình có khả năng phải thu hồi đất, ảnh hưởng cây trồng, và tài sản gắn liền với đất:

- Tuyến tỉnh lộ 933B;

- Các bãi tập kết vật liệu xây dựng, lán trại cho công nhân;

- Hệ thống đường điện, trạm biến áp;

- Tuyến đê biển;

- Tuyến đê sông Bến Ba (Cù Lao Dung);

- Đê sông Vàm Hồ Lớn – bờ trái (Cù Lao Dung);

- Đê sông Cồn Tròn – Rạch Già – Long Ân (Cù Lao Dung).

- Cống ngầm;

- Bọng;

- Đập đất.

2.2. Số hộ BAH

Tổng số hộ bị ảnh hưởng bởi TDA 1.595 hộ, trong đó:

- Hộ bị ảnh hưởng đất nông nghiệp 809 hộ, trong đó: hộ mất đất nông nghiệp từ 20% 75 hộ; và từ 10% đối với hộ dễ bị tổn thương 35 hộ;

- Hộ dễ bị tổn thương: 285 hộ, trong đó có 43 hộ DTTS;

- Hộ BAH nhà 132 hộ, trong đó hộ phải di dời 47 hộ;

Chi tiết được thể hiện ở bảng 4 dưới đây.

Formatted: Normal, Justified, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: At least 16 pt

Formatted: Normal, Justified, Indent: First line: 0.5", Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: At least 16 pt

Formatted: Normal, Justified, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: At least 16 pt

Formatted: Normal, Justified, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: At least 16 pt

Bảng 4: Số hộ bị ảnh hưởng

TT	Công trình	Số hộ bị ảnh hưởng						Hộ dễ bị tổn thương							
		Tổng số hộ BAH	Hộ BAH đất nông nghiệp	Số hộ BAH đất ở	Hộ BAH nhà	Số hộ di dời nhà	Hộ mất đất nông nghiệp >20%	Tổng số hộ BAH	Số hộ mất đất >10%	Hộ nghèo và cận nghèo	Hộ không có đất	Chủ hộ là phụ nữ độc thân	Gia đình chính sách	Hộ có người tàn tật	Hộ DTTS
1	Đường 933B	75	72	-	40	-	14	5	4	4	-	-	1	-	-
2	Đê biển	13	10	-	-	-	1	2	-	-	1	1	-	-	-
3	Đê sông Bến Bạ	453	169	226	27	12	26	32	7	8	10	1	9	-	4
4	Đê sông Rạch Long Ân	614	347	284	41	7	27	143	19	51	19	-	55	1	17
5	Đê sông Vàm Hồ Lớn	320	120	160	24	26	1	61	1	31	11	2	6	-	12
6	Đê sông Rạch Già	120	91	-	-	2	6	42	4	27	-	-	5	1	10
Tổng cộng:		1.595	809	670	132	47	75	285	35	121	41	4	76	2	43

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7, năm 2017

2.3. Các loại tác động của TDA

2.3.1. Tác động về đất:

a. Ảnh hưởng đất vĩnh viễn

Tổng diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn 497.936m² (1.410 hộ), trong đó:

- + Đất ở (đất thổ cư): 10.718m² (670 hộ);
- + Đất nông nghiệp: 415.218m² (809 hộ), trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm 37.205m² (147 hộ); đất trồng cây hàng năm 366.560m² (662 hộ); và đất nuôi trồng thủy sản 11.453m² (30 hộ);
- + Đất sản xuất kinh doanh: 200m² (1 hộ);
- + Đất công cộng: 71.800 m², trong đó đất chưa sử dụng 43.800m²; và đất thủy lợi 28.000m².

Chi tiết được thể hiện ở bảng 5 dưới đây.

Bảng 5: Số hộ BAH và diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn theo xã/thị trấn

TT	Công trình	Đất ở		Đất nông nghiệp		Đất SXKD		Đất công (m ²)
		Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	
1	Đường 933B	226	3.018	169	71.378	1	200	28.000
2	Hệ thống đê biển	=	=	10	7.320	=	=	=
3	Đê sông Bến Ba	284	4.360	347	155.354	=	=	=
4	Đê sông Rạch Long An	160	3.340	120	34.531	=	=	=
5	Đê sông Vàm Hồ Lớn	=	=	91	70.935	=	=	=
6	Đê sông Rạch Giã	=	=	72	75.700	=	=	43.800
	Tổng	670	10.718	809	415.218	1	200	71.800

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

Hộ bị ảnh hưởng do mất đất sản xuất nông nghiệp theo tỷ lệ phần trăm

Theo kết quả EOL có 75 hộ (281 người) bị ảnh hưởng mất đất sản xuất từ 20% trở lên đối với hộ thường và từ 10% trở lên đối với nhóm hộ dễ bị tổn thương. Trong đó có 35 hộ thuộc đối tượng hộ dễ bị tổn thương (123 người) mất đất sản xuất từ 10% - 70% và 40 hộ thường (158 nhân khẩu) bị mất đất sản xuất từ 20% - 70%.

Chi tiết được thể hiện ở bảng 6 dưới.

Bảng 6: Tổng hợp số liệu BAH về đất nông nghiệp phân theo xã/thị trấn

Công trình	Hộ thường				Hộ dễ bị tổn thương			
	Số hộ BAH < 20%		Số hộ BAH từ 20% - 70%		Số hộ BAH < 10%		Số hộ BAH từ 10% - 70%	
	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)

Công trình	Hộ thường				Hộ dễ bị tổn thương			
	Số hộ BAH<20%		Số hộ BAH từ 20% - 70%		Số hộ BAH<10%		Số hộ BAH từ 10% - 70%	
	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)
Đường 933B	141	660	19	71	2	11	7	36
Hệ thống đê biển	9	47	1	4	0	0	0	0
Đê sông Bến Bạ	265	1194	8	30	55	238	19	54
Đê sông Rạch Long Ân	109	488	0	0	10	50	1	4
Đê sông Vàm Hồ Lớn	42	197	2	10	20	99	4	12
Đê sông Rạch Già	58	273	10	43	0	0	4	17
Tổng	624	2859	40	158	87	398	35	123

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

b. Quyền sử dụng về đất đai

Trong số 670 hộ gia đình bị thu hồi đất ở có 602 hộ gia đình đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 67 hộ gia đình chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 1 hộ đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng số hộ bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp 809 hộ trong đó:

- Số hộ bị thu hồi đất trồng cây hàng năm 662 hộ; Trong đó có 631 hộ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 24 hộ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 7 hộ đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Số hộ bị thu hồi đất trồng cây lâu năm (đất vườn) 147 hộ; Trong đó có 145 hộ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 1 hộ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 1 hộ đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Số hộ bị thu hồi đất nuôi trồng thủy sản 30 hộ; Trong đó có 24 hộ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 2 hộ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 4 đang trong thời gian chờ để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Số hộ bị thu hồi đất sản xuất kinh doanh 1 hộ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Chi tiết được thể hiện ở bảng 7 dưới đây).

Bảng 7: Quyền sử dụng đất

Công trình	Loại đất												
	Đất ở			Đất trồng cây hàng năm			Đất trồng cây lâu năm			Đất NTTS			Đất khác
	Có	Chưa có	Đang chờ cấp	Có	Chưa có	Đang chờ cấp	Có	Chưa có	Đang chờ cấp	Có	Chưa có	Đang chờ cấp	Có
Đường 933B	167	58	1	91	1	=	79	=	=	8	1	=	1
Hệ thống đê biển	=	=	=	3	=	=	8	=	=	=	=	=	=
Đê sông Bến Ba	280	4	=	302	9	2	44	1	1	4	=	=	=
Đê sông Rạch Long An	155	5	=	99	=	=	14	=	=	7	=	=	=
Đê sông Vàm Hồ Lớn	=	=	=	67	13	3	=	=	=	5	1	4	=
Đê sông Rạch Già	=	=	=	69	1	2	=	=	=	=	=	=	=
Tổng	602	67	1	631	24	7	145	1	1	24	2	4	1

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

2.3.2. Ảnh hưởng cây cối, hoa màu

Tổng số có 7.788 các loại cây khác nhau, và 119.998m² cây hàng năm bị ảnh hưởng.

Chi tiết được thể hiện ở bảng 8 dưới đây.

Bảng 8: Ảnh hưởng về cây cối, hoa màu

TT	Công trình	Cây ăn quả		Cây lấy gỗ		Cây cảnh		Cây hàng năm	
		Số hộ (hộ)	Số lượng (cây)	Số hộ (hộ)	Số lượng (cây)	Số hộ (hộ)	Số lượng (cây)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)
1	Đường 933B	73	1.054	23	400	50	214	108	26.298
2	Hệ thống đê biển	13	261	-	-	-	-	2	520
3	Đê sông Bến Bạ	185	1.864	26	250	94	589	243	41.428
4	Đê sông Rạch Long An	211	1.303	95	413	57	223	88	15.262
5	Đê sông Vàm Hồ Lớn	38	656	16	473	1	5	64	14.863
6	Đê sông Rạch Già	12	80	1	1	1	2	72	21.627
Tổng		532	5.218	161	1.537	203	1.033	577	119.998

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

~~Số hộ bị thu hồi đất trồng cây hàng năm 662 hộ; Trong đó có 631 hộ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 24 hộ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 7 hộ đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.~~

2.3.3. Ảnh hưởng về nhà ở

Tổng số hộ BAH nhà ở 132 hộ với diện tích bị ảnh hưởng 4.081m², trong đó chủ yếu là nhà tạm 91 ngôi nhà với diện tích bị ảnh hưởng 2.871m²; nhà kiên cố 17 ngôi nhà với diện tích bị ảnh hưởng 313m² và nhà bán kiên cố 24 ngôi nhà với diện tích bị ảnh hưởng 897m².

Trong số 132 ngôi nhà bị ảnh hưởng có 47 ngôi nhà bị ảnh hưởng toàn bộ và phải tái định cư với diện tích bị ảnh hưởng 2.471m²; 85 ngôi nhà bị ảnh hưởng một phần (phần diện tích còn lại vẫn sử dụng được) với diện tích bị ảnh hưởng 1.610m².

Bên cạnh đó, việc sử dụng đất tạm thời để tiến hành thực hiện các công trình sẽ làm ảnh hưởng đến 24 căn nhà phụ của 24 hộ dân với diện tích bị ảnh hưởng 834m².

(Chi tiết được thể hiện ở bảng 9 dưới đây).

Bảng 9: Số hộ và diện tích nhà bị ảnh hưởng theo xã/thị trấn

Công trình	Nhà Chính								Nhà phụ	
	Nhà tạm		Nhà bán kiên cố		Nhà kiên cố		Tổng			
	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)
Đường 933B	16	482	7	335	17	313	40	1130	15	410

Công trình	Nhà Chính								Nhà phụ	
	Nhà tạm		Nhà bán kiên cố		Nhà kiên cố		Tổng			
	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m²)
Hệ thống đê biển	-	0	-	0	-	0	-	0	-	0
Đê sông Bến Bạ	16	442	11	338	-	0	27	780	6	278
Đê sông Rạch Long Ân	36	1405	5	204	-	0	41	1609	1	40
Đê sông Vàm Hồ Lớn	23	542	1	20	-	0	24	562	2	106
Tổng	91	2.871	24	897	17	313	132	4.081	24	834

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

2.3.4. Ảnh hưởng các công trình phụ trợ

Theo kết quả điều tra EOL khi triển khai thi công các hạng mục công trình thuộc tiểu dự án sẽ có 9 hộ dân bị ảnh hưởng đến bếp với diện tích bị ảnh hưởng 120m²; 12 hộ bị ảnh hưởng đến lán trại với diện tích bị ảnh hưởng 390m²; 40 hộ bị ảnh hưởng mái hiên với diện tích bị ảnh hưởng 709m²; 29 hộ bị ảnh hưởng hàng rào với diện tích bị ảnh hưởng 540m²; 340 hộ bị ảnh hưởng đến sân xi măng với diện tích bị ảnh hưởng 7.115m²; 2 hộ bị ảnh hưởng đến chuồng trại chăn nuôi với diện tích bị ảnh hưởng 38 m²; và 8 hộ ảnh hưởng giếng nước (cây nước) với số lượng bị ảnh hưởng 8 cây nước.

Chi tiết được thể hiện ở bảng 10 dưới đây.

Bảng 10: Tổng hợp diện tích các công trình phụ trợ bị ảnh hưởng theo xã/thị trấn

Công trình	Công trình bị ảnh hưởng											
	Bếp		Lán		Mái hiên		Hàng rào		Sân		Chuồng trại	
	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)
Đường 933B	18	2	390	12	689	39	381	22	4.050	207	-	0
Hệ thống đê biển	-	0	-	0	-	0	-	0	-	0	-	0
Đê sông Bến Bạ	68	4	-	0	-	0	94	3	1.680	78	-	0
Đê sông Rạch Long Ân	34	3	-	0	20	1	65	4	1.385	55	-	0
Đê sông Vàm Hồ Lớn	-	0	-	0	-	0	-	0	-	0	38	2
Tổng	120	9	390	12	709	40	540	29	7.115	340	38	2

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

2.3.5. Ảnh hưởng đến mồ mã

Theo kết quả của EOL, có 9 ngôi mộ thuộc 4 hộ gia đình sẽ bị di dời để thực hiện dự án. Các tác động đối với các ngôi mộ như bảng 11 dưới đây:

Bảng 11: Ảnh hưởng đến mồ mã phân theo công trình

Công trình	Số lượng	Số hộ
Đường 933B	2	1
Đê sông Bến Bạ	7	3
Total:	9	4

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

2.3.6. Ảnh hưởng tạm thời

a) Ảnh hưởng tạm thời về đất

- Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng tạm thời 63.146m² (785 hộ), trong đó:

- + Đất thổ cư (đất ở): 1.620m² (29 hộ);
- + Đất sản xuất nông nghiệp 63.146m² (745 hộ), trong đó:
 - Đất trồng cây lâu năm (đất vườn): 3.220m² (62 hộ);
 - Đất trồng cây hàng năm: 54.915m² (662 hộ);
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 2.291m² (30 hộ);
- + Đất sản xuất kinh doanh: 1.100m² (2 hộ);

Chi tiết được thể hiện ở bảng 12 dưới đây

Đất bị ảnh hưởng tạm thời chủ yếu được sử dụng để xây dựng lán trại cho công nhân trong quá trình thi công, làm bãi tập kết vật liệu và các phương tiện máy móc thi công, nhà kho chứa vật liệu và công cụ công tác cũng như việc ảnh hưởng trực tiếp đến trong quá trình thi công. Một số vị trí dành để chứa đất thải và các vật liệu thải tạm thời trước khi được san lấp hoặc chuyên chở đến nơi chôn lấp chính thức.

Bảng 12: Số hộ BAH và diện tích đất bị thu hồi tạm thời theo xã/thị trấn

TT	Công trình	Đất ở		Đất nông nghiệp		Đất SXKD	
		Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)
<u>1</u>	<u>Đường 933B</u>	<u>10</u>	<u>360</u>	<u>116</u>	<u>10.991</u>	<u>2</u>	<u>1.100</u>
<u>2</u>	<u>Hệ thống đê biển</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10</u>	<u>845</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<u>3</u>	<u>Đê sông Bến Bạ</u>	<u>11</u>	<u>1.020</u>	<u>348</u>	<u>23.895</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<u>4</u>	<u>Đê sông Rạch Long An</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>108</u>	<u>4.962</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<u>5</u>	<u>Đê sông Vàm Hồ Lớn</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>91</u>	<u>10.858</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<u>6</u>	<u>Đê sông Rạch Già</u>	<u>8</u>	<u>240</u>	<u>72</u>	<u>11.595</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
	Tổng	29	1.620	745	63.146	2	1.100

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

b) Gián đoạn về kinh doanh.

Theo kết quả của EOL, có 29 cửa hàng bị ảnh hưởng với 132 người (được sử dụng làm nhà ở và thực hiện kinh doanh nhỏ); Tuy nhiên, những cửa hàng đó chỉ bị ảnh hưởng một phần và tạm thời trong quá trình xây dựng tiêu dự án và không gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và thu nhập của các hộ gia đình. Chủ sở hữu của các cửa hàng đó sẽ được bồi thường bằng tiền mặt cho khu vực thu hồi của cửa hàng và sẽ được bồi thường bằng tiền mặt tương đương với thu nhập trung bình hàng ngày nhân với số ngày bị gián đoạn (dựa trên khung chính sách của Dự án).

Bảng 13: Tổng hợp số hộ BAH cửa hàng phân theo xã/thị trấn

STT	Công trình	Số hộ (hộ)	Diện tích (m ²)	Số nhân khẩu (người)
1	Đường 933B	19	664	86
2	Đê sông Bến Bạ	10	152	46
	Total:	29	816	132

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

2.3.7. Các hộ dễ bị tổn thương

Trong tổng số 285 hộ thuộc nhóm hộ dễ bị tổn thương có 43 hộ là dân tộc Khmer (trong đó có 1 hộ là hộ cận nghèo, 1 hộ là hộ nghèo và 1 hộ không có đất sản xuất); số hộ nghèo theo tiêu chí nghèo của MOLISA 84 hộ; 37 hộ cận nghèo; 76 hộ gia đình chính sách; 41 hộ không có đất sản xuất; 4 hộ có chủ hộ nữ đơn thân có người ăn theo; 1 hộ có chủ hộ già cả đơn thân hoặc trẻ em và 2 hộ là người khuyết tật không còn khả năng lao động.

Bảng 14: Số hộ theo nhóm hộ dễ bị tổn thương

ĐVT: hộ

Công trình	Nghèo	Chủ hộ nữ đơn thân có người ăn theo	Chủ hộ già cả đơn thân hoặc trẻ em	Người khuyết tật không còn khả năng lao động	Hộ không có đất sản xuất	Hộ là người dân tộc thiểu số	Hộ gia đình chính sách	Hộ cận nghèo	Tổng
Đường 933B	7	1	-	-	10	4	9	3	34
Hệ thống đê biển	-	1	-	-	1	-	-	-	2
Đê sông Bến Bạ	35	-	1	1	19	17	55	16	143
Đê sông Rạch Long An	21	2	1	-	11	10	6	8	59
Đê sông Vàm Hồ Lớn	19	-	1	1	-	9	5	8	42
Đê sông Rạch Già	2	-	-	-	-	-	1	2	5
Tổng	84	4	1	2	41	40	76	37	285

Nguồn: Số liệu EOL tháng 7 năm 2017

2.3.8. Ảnh hưởng công trình công cộng:

Trong quá trình thực hiện các hạng mục công trình của TDA sẽ phải di dời 56 cây cột điện. Đối với các công trình này, TDA thống nhất sẽ bồi thường tiền mặt để phục hồi lại theo quy hoạch chung của địa phương. Vị trí và quy mô xây dựng công trình theo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG

3.1. Đặc điểm kinh tế xã hội của khu vực tiểu dự án

3.1.1. Đặc điểm dân số

Tổng dân số của huyện là 64.075 người, trong đó xã An Thạnh 3 có dân số lớn nhất trong huyện với 11.282 người và số hộ gia đình lớn nhất với 2.878 hộ. Xã An Thạnh Nam có diện tích đất lớn nhất trong huyện với 64,5299 km². Mật độ dân số trung bình của huyện là 245 người trên km². Thị trấn Cù Lao Dung có mật độ cao nhất là 745 người/km². Cấu trúc dân số của khu vực được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 15: Đặc điểm dân số của khu vực tiểu dự án

TT	Xã/thị trấn	Diện tích (km ²)	Dân số		Tổng số hộ	Quy mô hộ	Mật độ (người /km ²)
			Nam	Nữ			
1	An Thạnh 1	31,4595	4.243	4.092	2084	4,00	265
2	An Thạnh Tây	17,3711	3.015	2.909	1622	3,65	341
3	An Thạnh Đông	37,7222	4.598	4.435	2377	3,80	239
4	An Thạnh 2	23,6151	3.963	3.823	2071	3,76	330
5	Đại Ân 1	41,7829	4.557	4.395	2381	3,76	214
6	An Thạnh 3	37,5539	5.743	5.539	2878	3,92	300
7	An Thạnh Nam	64,5299	3.691	3.560	1799	4,03	112
8	TT Cù Lao Dung	7,3977	2.728	2.784	1439	3,83	745
	Total:	261,4323	32.538	31.537	16.651	3,85	245

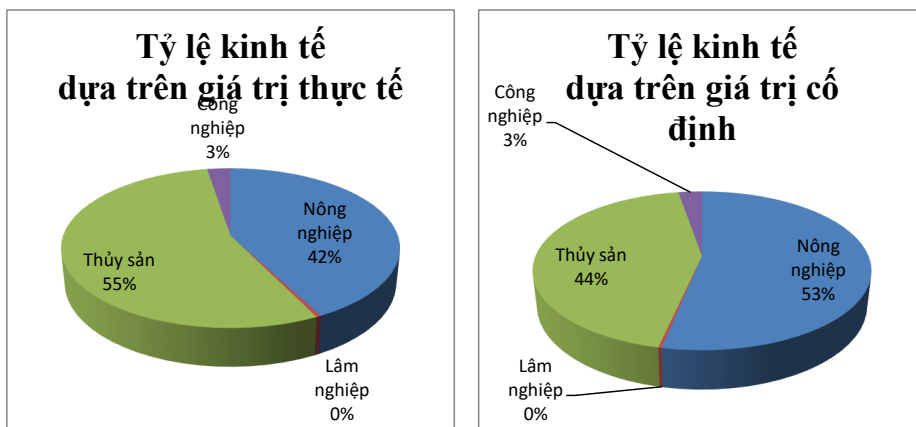
Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

3.1.2. Đặc điểm kinh tế của khu vực bị ảnh hưởng

Huyện Cù Lao Dung có vị trí địa lý thuận lợi, là một loạt đất nằm giữa sông Hậu và cuối sông Cù Long, chảy ra biển Đông, nằm trong vùng kinh tế biển của tỉnh Sóc Trăng. Từ Cù Lao Dung, có thể giao dịch thuận tiện với các tỉnh đồng bằng sông Cù Long thông qua hệ thống đường thủy.

Tăng trưởng GDP của huyện năm 2016 dựa trên giá trị cố định năm 2010 ước tính là 5,55%, trong đó đóng góp của ngành Nông nghiệp là 1,9% tương đương với 21.360 triệu đồng giá trị bổ sung; Ngành lâm nghiệp là 0,21% tương đương 10 triệu đồng giá trị bổ sung; Ngành thủy sản là 9,3% tương đương 80,540 triệu đồng giá trị bổ sung; Ngành công nghiệp là 10,78% tương đương với 5.650 triệu đồng giá trị bổ sung.

Tỷ lệ của các thành phần kinh tế dựa trên giá trị thực tế và giá trị cố định được thể hiện trong sơ đồ dưới đây:



Hình 1: Tỷ lệ kinh tế của huyện Cù Lao Dưng năm 2016 dựa trên giá trị thực tế và giá trị cố định

Theo kinh tế xã hội của huyện Cù Lao Dưng năm 2016, thu nhập bình quân đầu người ở huyện này là 15,5 triệu đồng/người/năm (tính theo giá trị thực tế), tỷ lệ nghèo của huyện là 18,3%.

Huyện sản xuất nông nghiệp với nhấn mạnh vào trồng trọt (bao gồm mía, ngô và rau, **cắm và hoa**) và sản xuất nuôi trồng thủy sản. Huyện cũng có tiềm năng mạnh mẽ để phát triển ngành du lịch với Vị trí đảo nhỏ và có lợi thế trong hệ thống đường thủy với hai cửa biển lớn (Trần Đề và Đinh An) chảy ra biển Đông.

3.1.3. Hệ thống giáo dục và chăm sóc sức khỏe

- Giáo dục: hệ thống trường học ở tất cả các cấp giáo dục đã được đầu tư và xây dựng **kiên cố** tại huyện Cù Lao Dưng, trong đó có 8 trường mẫu giáo với 116 phòng học; 22 trường tiểu học với 270 lớp; 8 trường THCS với 112 lớp; 2 trường trung học với 36 lớp.
- Hệ thống chăm sóc sức khỏe: có 1 bệnh viện đa khoa huyện và 8 trung tâm y tế tại 8 xã/thị xã thuộc huyện Cù Lao Dưng, với tổng số 180 giường bệnh, 29 bác sĩ, 61 y tá, 16 nữ hộ sinh 14 nhân viên được.

3.2. Quy mô nhân khẩu của các hộ BAH

Thông tin kinh tế xã hội của hộ BAH được chỉ ra từ kết quả khảo sát EOL và khảo sát SES mà khảo sát EOL được thực hiện từ ngày 2 tháng 7 đến ngày 25 tháng 8 năm 2017 và khảo sát SES được thực hiện từ ngày 20 tháng 8 đến ngày 20 tháng 9 năm 2017.

Đối với các thông tin về hộ như: tuổi chủ hộ, quy mô nhân khẩu hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, nghề nghiệp chính, nguyện vọng bồi thường của hộ sẽ được khảo sát 100%.

Các thông tin về thu nhập, điều kiện sống: Mẫu khảo sát là 100% các hộ gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các hộ dễ bị tổn thương và khoảng 30% các hộ gia đình bị ảnh hưởng còn lại với khảo sát SES.

3.2.1. Chủ hộ theo độ tuổi và giới tính

Kết quả phân loại chủ hộ theo độ tuổi và giới tính được tiến hành từ khảo sát EOL như sau:

Tuổi của chủ hộ được chia thành năm nhóm chính bao gồm những nhóm dưới 25 tuổi, từ 26 đến 35 tuổi, từ 36 đến 45 tuổi, từ 46 đến 55 tuổi và trên 55 tuổi. Hầu hết các chủ hộ gia đình là những người trên 55 tuổi đang chiếm 35,67%. Xếp hạng tiếp theo là từ 36 đến 45 tuổi và từ 46 đến 55 tuổi với tỷ lệ lần lượt chiếm 29,40% và 29,15%. Một ít còn lại là từ 26 đến 36 tuổi và dưới 25 tuổi. (chi tiết như bảng sau).

Bảng 16: Phân loại chủ hộ bị ảnh hưởng theo độ tuổi

Xã/Thị trấn	Tổng số hộ BAH	Phân loại theo độ tuổi				
		<= 25	26 - 35	36 - 45	46 - 55	>= 56
TT Cù Lao Dung	453	0	22	135	137	159
An Thạnh 1	13	0	1	3	5	4
An Thạnh 2	614	1	17	168	190	238
An Thạnh 3	320	0	37	119	83	81
An Thạnh Nam	120	1	12	30	26	51
An Thạnh Tây	75	0	1	14	24	36
Tổng	1.595	2	90	469	465	569
Tỷ lệ (%):	100	0,13	5,64	29,40	29,15	35,67

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

Giới tính của chủ hộ: Theo khảo sát của EOL, trong số 1.595 hộ gia đình bị ảnh hưởng, 1.213 người BAH là nam giới, chiếm 76,05% và 382 người phụ nữ làm chủ hộ, chiếm 23,95%.

Bảng 17: Tuổi của chủ hộ bị ảnh hưởng theo giới tính

Xã/Thị trấn	Giới tính của chủ hộ BAH				Tổng số hộ
	Nam		Nữ		
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ(%)	
TT Cù Lao Dung	331	20,75	122	7,65	453
An Thạnh 1	12	0,75	1	0,06	13
An Thạnh 2	471	29,53	143	8,97	614
An Thạnh 3	248	15,55	72	4,51	320
An Thạnh Nam	94	5,89	26	1,63	120
An Thạnh Tây	57	3,57	18	1,13	75
Tổng	1.213	76,05	382	23,95	1.595

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

3.2.2. Quy mô của các hộ bị ảnh hưởng

Trong số 1.595 hộ bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án kích thước của các gia đình thường nhỏ. 848 hộ có 4 thành viên trở xuống (chiếm 53,17%). 704 hộ đó có 5 - 7 thành viên (chiếm 44,14%). và những người có hơn 7 thành viên là 43 hộ gia đình (chiếm 2,7%). Quy mô các hộ bị ảnh hưởng được mô tả chi tiết trong bảng 18 dưới đây:

Bảng 18: Cấu trúc của các hộ bị ảnh hưởng theo quy mô gia đình

Xã/thị trấn	Hộ	Số thành viên/hộ					
		≤ 4 người		5 - 7 người		>7 người	
		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
TT Cù Lao Dung	453	235	51,88	209	46,14	9	1,99
An Thạnh 1	13	7	53,85	6	46,15	0	-
An Thạnh 2	614	290	47,23	313	50,98	11	1,79
An Thạnh 3	320	214	66,88	94	29,38	12	3,75
An Thạnh Nam	120	70	58,33	39	32,50	11	9,17
An Thạnh Tây	75	32	42,67	43	57,33	0	-
Tổng	1595	848	53,17	704	44,14	43	2,70

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

3.3. Trình độ học vấn của chủ hộ

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các hộ bị ảnh hưởng (662 hộ) có trình độ học vấn cấp trung học (chiếm 41,5%), tiếp theo là cấp tiểu học với 647 hộ gia đình (chiếm 40,56%), 197 hộ có trình độ học vấn cấp trung học phổ thông (chiếm 12,35%); 59 chủ hộ (3,7%) có trình độ học vấn cao đẳng - đại học và có 30 chủ hộ không biết chữ (chiếm 1,88%).

Trình độ học vấn của chủ hộ là phụ nữ

Trong số 382 hộ gia đình bị ảnh hưởng do phụ nữ làm chủ hầu hết phụ nữ đứng đầu (176) có trình độ tiểu học (chiếm 46,07%).

Chi tiết được thể hiện ở bảng 19 dưới đây.

Bảng 19: Trình độ học vấn của chủ hộ

Chủ hộ		Mù chữ	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Cao đẳng, ĐH	Tổng
Chủ hộ nữ	Số người (người)	19	176	140	37	10	382
	Tỷ lệ (%)	4,97	46,07	36,65	9,69	2,62	100
Chủ hộ nam	Số người (người)	11	471	522	160	49	1.213
	Tỷ lệ (%)	0,91	38,83	43,03	13,19	4,04	100
Chung	Số người (người)	30	647	662	197	59	1.595
	Tỷ lệ (%)	1,88	40,56	41,5	12,35	3,7	100

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

3.4. Mức thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng

Phân nhóm thu nhập bình quân đầu người mỗi tháng theo chuẩn nghèo theo quyết định số 59/2015/QĐ-TOT ngày 19/11/2015 của MOLISA. Nhóm thu nhập được chia thành 3 nhóm, bao gồm dưới 700.000 đồng thu nhập bình quân đầu người mỗi tháng với khu vực nông thôn (dưới 900.000 đồng với các khu vực đô thị); từ 700.000 đồng đến 1 triệu đồng với khu vực nông thôn (từ 900.000 đồng đến 1,3 triệu đồng với khu vực thành thị); và hơn 1 triệu đồng với nông thôn (hơn 1,3 triệu với khu vực thành thị). Kết quả khảo sát cho thấy, 657 hộ gia đình thuộc nhóm thu nhập trên 1 triệu đồng trên thu nhập vốn mỗi tháng với khu vực nông thôn và 1,3 triệu đồng với khu vực thành thị (thị trấn Cù Lao Dung) chiếm tỷ lệ cao nhất 84,45% . 84 hộ có mức thu nhập dưới 700.000 đồng với khu vực nông thôn và dưới 900.000 đồng với khu vực thành thị (thị trấn Cù Lao Dung) chiếm 10,80%. Số hộ có thu nhập từ 700.000 đồng đến 1 triệu đồng với nông thôn và từ 900.000 đồng đến 1,3 triệu đồng với khu vực thành thị (thị trấn Cù Lao Dung) là 37 hộ, chiếm 4,76%

Chi tiết được thể hiện ở bảng 20 dưới đây

Bảng 20: Số hộ theo mức thu nhập

Xã/Thị trấn	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thường	Tổng
TT Cù Lao Dung (*) (**) (***)	7	3	208	218
An Thạnh 1	0	0	11	11
An Thạnh 2	35	16	271	322
An Thạnh 3	21	8	86	115
An Thạnh Nam	19	8	48	75
An Thạnh Tây	2	2	33	37
Tổng	84	37	657	778
Tỷ lệ (%)	10,80	4,76	84,45	100

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

3.5. Nghề nghiệp chính của chủ hộ

Nghề nghiệp chính của chủ hộ được tính là nghề nghiệp đem lại mức thu nhập cao nhất cho chủ hộ, đây cũng là chỉ báo để đánh giá mức sống cũng như khả năng phục hồi thu nhập của hộ gia đình. Các chủ hộ nếu làm các nghề nghiệp như đi làm thuê, cán bộ thì mức sống hộ gia đình ít bị ảnh hưởng hơn so với các chủ hộ làm nông nghiệp hoặc buôn bán nhỏ (trong trường hợp hộ bị ảnh hưởng đến địa địa buôn bán).

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn số chủ hộ bị ảnh hưởng có nghề nghiệp chính làm nông nghiệp với 1.038 hộ (chiếm 65,08%); Hộ bị ảnh hưởng chủ hộ có nghề nghiệp chính làm thuê có 172 hộ (chiếm 10,78%); Hộ bị ảnh hưởng chủ hộ có nghề nghiệp chính buôn bán nhỏ có 310 hộ (chiếm 19,44%); Hộ bị ảnh hưởng chủ hộ có nghề nghiệp chính cán bộ nhà nước có 61 hộ (chiếm 3,82%); Hộ bị ảnh hưởng chủ hộ có nghề nghiệp chính làm công nhân có 1 hộ (chiếm 0,06%); Hộ bị ảnh hưởng chủ hộ có nghề nghiệp chính làm nghề khác có 13 hộ (chiếm 0,82%).

Tương tự như tình hình của các hộ gia đình bị ảnh hưởng. Các hộ gia đình là nữ chủ yếu tham gia vào nông nghiệp. Trong số 382 hộ bị ảnh hưởng do phụ nữ làm chủ, có 232 phụ nữ làm nông nghiệp (chiếm 60,73%). 51 nữ đứng đầu được thuê lao động (chiếm 13,35%); 11 nữ đứng đầu là cán bộ chính phủ (chiếm 2,88%); 84 hộ gia đình có nữ chủ hộ kinh doanh nhỏ (chiếm 21,99%); và 4 nữ đứng đầu nghề nghiệp khác (chiếm 1,05%). Kết quả khảo sát cũng cho thấy nghề nghiệp chính của cả nam và nữ là nông nghiệp.

Chi tiết được thể hiện ở bảng 21 dưới đây.

Bảng 21: Nghề nghiệp chính của chủ hộ

Chủ hộ	Nguồn thu nhập chính											
	Nông nghiệp		Làm thuê		Nhà nước		Kinh doanh		Khác		Tổng	
	Hộ	(%)	Hộ	(%)	Hộ	(%)	Hộ	(%)	Hộ	(%)	Hộ	(%)
Chủ hộ nữ	232	60,73	51	13,35	11	2,88	84	21,99	4	1,05	382	23,95
Chủ hộ nam	806	66,45	121	9,98	50	4,12	226	18,63	10	0,82	1213	76,05
Tổng	1.038	65,08	172	10,78	61	3,82	310	19,44	14	0,88	1.595	100

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

3.6. Điều kiện sống của các hộ BAH

Nguồn nước

Trong số 778 hộ được điều tra phỏng vấn về điều kiện sống của các hộ thì các hộ sử dụng cây nước (giếng khoan) là chủ yếu (568 hộ), số hộ được sử dụng nguồn nước máy chỉ có 202 hộ chủ yếu nằm ở thị trấn Cù Lao Dung, xã An Thạnh 1 và xã An Thạnh 2, số hộ còn sử dụng nguồn nước khác có 8 hộ chủ yếu tập trung ở xã An Thạnh 1.

Bảng 22: Tình hình sử dụng nguồn nước phục vụ ăn uống của các hộ BAH

DVT: hộ

Xã/thị trấn	Nguồn nước sử dụng				Tổng
	Nước máy	cây nước	Mua nước	Nguồn khác	
TT Cù Lao Dung	152	66	-	-	218
An Thạnh 1	-	6	-	5	11
An Thạnh 2	44	277	-	1	322
An Thạnh 3	1	113	-	1	115
An Thạnh Nam	-	74	-	1	75
An Thạnh Tây	5	32	-	-	37
Tổng	202	568	-	8	778

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

Các hộ sử dụng cây nước (giếng khoan) là chủ yếu (642 hộ), số hộ được sử dụng nguồn nước máy chỉ có 127 hộ chủ yếu nằm ở thị trấn Cù Lao Dung, xã An Thạnh 1 và xã An Thạnh 2, số hộ còn sử dụng nguồn nước khác có 9 hộ chủ yếu tập trung ở xã An Thạnh 1.

Bảng 23: Tình hình sử dụng nguồn nước phục vụ sinh hoạt của các hộ BAH*DVT: hộ*

Xã/thị trấn	Nguồn nước sử dụng				Tổng
	Nước máy	Cây nước	Mua nước	Nguồn khác	
TT Cù Lao Dung	90	128	-	-	218
An Thạnh 1	-	6	-	5	11
An Thạnh 2	35	284	-	3	322
An Thạnh 3	1	113	-	1	115
An Thạnh Nam	-	75	-	-	75
An Thạnh Tây	1	36	-	-	37
Tổng	127	642	-	9	778

*Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế xã hội tháng 7 năm 2017***Nhà vệ sinh**

Bên cạnh đó thì số hộ sử dụng nhà vệ sinh không đạt tiêu chuẩn vẫn còn khá nhiều: trong tổng số 778 hộ được lựa chọn điều tra chỉ có 336 hộ có nhà vệ sinh tự hoại và 284 hộ có nhà vệ sinh khác hợp vệ sinh còn lại 123 hộ đi vệ sinh ngoài ao cá, 29 hộ có nhà vệ sinh loại khác không hợp vệ sinh và 6 hộ không có nhà vệ sinh.

Bảng 24: Tình hình sử dụng nhà vệ sinh của các hộ BAH*DVT: hộ*

Xã/thị trấn	Loại nhà vệ sinh được sử dụng					Tổng
	Vệ sinh tự hoại	Vệ sinh ngoài ao cá	Vệ sinh khác hợp vệ sinh	Loại khác	Không có	
TT Cù Lao Dung	116	60	37	2	3	218
Các xã khác	220	223	96	27	3	
Tổng	336	284	123	29	6	778

*Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017***Nguồn năng lượng**

Tất cả các hộ đều được sử dụng điện để thắp sáng; Năng lượng các hộ dùng để nấu ăn chủ yếu là dùng gas (586 hộ), số hộ sử dụng củi là 191 hộ, chỉ 1 hộ sử dụng than để đun nấu.

Bảng 25: Tình hình sử dụng nguồn năng lượng trong đun nấu của các hộ BAH

Xã/thị trấn	Năng lượng được sử dụng			Tổng
	Gas	Củi	Than	
TT Cù Lao Dung	188	30	-	218
An Thạnh 1	7	3	1	11
An Thạnh 2	245	77	-	322
An Thạnh 3	73	42	-	115
An Thạnh Nam	41	34	-	75
An Thạnh Tây	32	5	-	37

Xã/thị trấn	Năng lượng được sử dụng			Tổng
	Gas	Củi	Than	
Tổng	586	191	1	778

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế xã hội tháng 7 năm 2017

Hầu hết các hộ đều được tiếp cận các dịch vụ thuận lợi như (trường học, trạm y tế, chợ,...).

3.7. Phân công lao động trong gia đình

Kết quả điều tra cho thấy về phân công lao động giữa các thành viên của các hộ bị ảnh hưởng, thì cả nam giới và phụ nữ đều làm các công việc về nông nghiệp và phi nông nghiệp. Tuy nhiên phụ nữ còn phải gánh vác thêm các công việc nhà nhiều hơn như: nấu ăn cho gia đình, dọn dẹp nhà cửa và giặt quần áo.

Bảng 26: Phân công lao động theo gia đình

Công việc	Cả nam và nữ (%)	Chỉ nam giới (%)	Chỉ nữ giới (%)	Tổng (%)
Nông nghiệp	68,34	14,37	17,29	100
Làm vườn	43,65	24,32	32,03	100
Chăn nuôi	21,48	18,41	60,11	100
Buôn bán nhỏ	32,16	47,46	20,38	100
Làm thuê	36,43	48,49	15,08	100
Nấu ăn cho gia đình	13,38	16,52	70,1	100
Dọn dẹp	12,53	9,65	77,82	100
Giặt quần áo	14,57	10,36	75,07	100
Đi họp	48,45	23,18	28,37	100
Tập huấn	37,21	21,45	41,34	100
Tham gia vào các tổ chức ở địa phương	42,57	35,86	21,57	100
Ra quyết định	32,39	47,63	19,98	100

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

3.8. Tùy chọn để bồi thường:

Trong số 1.595 hộ gia đình được phỏng vấn về bồi thường, tái định cư và hỗ trợ sinh kế. Tùy chọn bồi thường tiền mặt giai đoạn 1 được lựa chọn bởi hầu hết các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi 1.527 chiếm 95,74% vì họ nghĩ rằng diện tích rất nhỏ sẽ được mua lại và sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất của họ. Bồi thường bằng tiền mặt là lựa chọn thích hợp nhất. và tiền đền bù có thể được sử dụng cho các mục đích khác nhau để tạo thu nhập và ổn định sinh kế. Chỉ có 68 hộ, chiếm 4,26% số hộ, đã không đưa ra bất kỳ quyết định bồi thường nào cả bằng đất cũng như bằng tiền mặt.

Bảng 27: Tỷ lệ hộ bị ảnh hưởng theo lựa chọn bồi thường đã chọn

TT	Lựa chọn	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Bồi thường bằng tiền mặt	1.527	95,74
2	Chưa quyết định	68	4,26
	Tổng	1.595	100,00

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

IV. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG

4.1. Các văn bản pháp lý

4.1.1. Luật và các quy định chủ yếu của Chính phủ Việt Nam

Hiến pháp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2013) khẳng định quyền của công dân về sở hữu và bảo vệ quyền sở hữu nhà ở. Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành một số luật, nghị định, và quy định tạo thành khung pháp lý về thu hồi đất, đền bù, và tái định cư.

Luật và các quy định chủ yếu của Chính phủ Việt Nam bao gồm:

- Hiến pháp Việt Nam 2013
- Luật đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- Luật đất đai 45/2013/QH13 có hiệu lực từ 1/7/2014;
- Luật tài nguyên nước 17/2012/QH13 có hiệu lực từ 1/1/2013;
- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định một số điều chi tiết của luật khiếu nại;
- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ban hành ngày 18/6/2014 về các hoạt động xây dựng, quyền và nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân đầu tư xây dựng công trình và các hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.
- Nghị định 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ về định giá đất, cung cấp phương pháp định giá đất; điều chỉnh khung giá đất, bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn định giá đất;
- Nghị định số 45/2014 / NĐ-CP ngày 15 / 5/2014 của Chính phủ quy định về việc thu tiền sử dụng đất
- Nghị định 46/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 Quy định về thu tiền thuế đất, thuế mặt nước.
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất,
- Nghị định 102/2014/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 18/6/2015 về quản lý các dự án đầu tư xây dựng, thay thế cho Nghị định 12/2009/NĐ-CP.

- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ: Về quản lý và sử dụng nguồn lực hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.
- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016: Về quản lý và sử dụng nguồn lực hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.
- Nghị định 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc thực hiện Luật hôn nhân và gia đình, quy định rằng tất cả các giấy tờ đăng ký tài sản và quyền sử dụng đất phải đề tên của cả vợ và chồng;
- Nghị định 98/2010/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg ngày 17/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể về đào tạo hướng nghiệp cho lao động nông thôn đến năm 2020;
- Quyết định của các tỉnh dự án liên quan tới bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh cũng sẽ được áp dụng cho từng tỉnh dự án tương ứng.
- Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg, ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ việc làm và đào tạo hướng nghiệp cho nông dân có đất bị Nhà nước thu hồi;
- Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;
- Thông tư 36/2014/TT-BTNMT Ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất Kế hoạch tái định cư;
- Thông tư 23/2014/TT-BTNMT, ngày 19 tháng 5 năm 2014 về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
- Thông tư 24/2014/TT-BTNMT, ngày 19/5/2014, Quy định về hồ sơ địa chính.
- Thông tư 25/2014/Tt-BTNMT, ngày 19/5/2014, Quy định về bản đồ địa chính.

4.1.2. Tỉnh Sóc Trăng:

Bên cạnh các chính sách của Chính phủ Việt Nam, tỉnh Sóc Trăng cũng đề ra các văn bản pháp lý áp dụng các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ về thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và tái định cư. Các Quyết định ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố như sau:

- Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 - của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 UBND tỉnh Sóc Trăng - Quy định mức giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 04 năm 2015 UBND tỉnh Sóc Trăng – về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số nội dung quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Quyết định số 805/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sóc Trăng ngày 31/3/2016 về Quy định đơn giá chuẩn 1m² nhà, công trình, vật kiến trúc, xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sóc Trăng ngày 18/01/2018 về Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sóc Trăng ngày 22/02/2017 về Ban hành Quy định mật độ, đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

4.1.3. Chính sách về tái định cư bắt buộc của Ngân hàng Thế giới

Mục tiêu của chính sách tái định cư không tự nguyện của Ngân hàng thế giới bao gồm:

- Tái định cư không tự nguyện cần được tránh và giảm đến mức tối thiểu, sau khi đưa ra nhiều phương án có thể lựa chọn trong quá trình thiết kế kỹ thuật.
- Trong trường hợp tái định cư không tự nguyện là không thể tránh khỏi, các hoạt động tái định cư cần được hình thành và thực hiện như những chương trình phát triển bền vững, đầu tư đủ để cho phép những người bị ảnh hưởng bởi dự án chia sẻ lợi ích. Những người bị ảnh hưởng phải được tham vấn rõ ràng và được tham gia vào các chương trình lập kế hoạch và thực hiện các chương trình tái định cư. Những người bị ảnh hưởng cần được hỗ trợ để đảm bảo điều kiện sống và mức sống của mình ít nhất tương đương hoặc tốt hơn trước khi bắt đầu thực hiện dự án.
- Người bị ảnh hưởng của dự án cần được hỗ trợ trong nỗ lực của họ để cải thiện sinh kế và mức sống hoặc ít nhất là khôi phục lại được ít nhất tương đương với mức sống trước khi di chuyển hoặc mức sống trước khi bắt đầu thực hiện dự án.

4.1.4. Những khác biệt chính giữa chính sách của Chính phủ Việt Nam và WB

- Các chính sách cơ bản của Việt Nam liên quan đến việc thu hồi đất/tái định cư và chính sách tái định cư không tự nguyện của NHTG về cơ bản có sự tương thích. Tuy nhiên cũng có một số khác biệt giữa quy định của Chính phủ Việt Nam và chính sách của WB về bồi thường, hỗ trợ tái định cư và phục hồi sinh kế cho người bị ảnh hưởng. Bản tóm tắt về sự khác biệt của hai chính sách này và chính sách hài hòa với các biện pháp đề xuất để thu hẹp khoảng cách giữa hai chính sách này được áp dụng cho dự án, được trình bày trong bảng ...

- Là một quốc gia là thành viên của WB, Chính phủ Việt Nam đã cam kết rằng, nên các điều ước quốc tế do Chính phủ đã ký kết hoặc tham gia với WB có quy định khác với việc tái định cư khuôn khổ pháp lý hiện nay ở Việt Nam, các quy định của các điều ước quốc tế với WB sẽ được áp dụng. Theo khoản 2 điều 87 của Luật Đất đai năm 2013 “Đối với dự án sử dụng vốn vay của các tổ chức quốc tế, nước ngoài mà Nhà nước Việt Nam có cam kết về khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện theo khung chính sách đó”.
- RPF này xác nhận rằng với việc thực hiện công cụ này, Chính phủ Việt Nam và UBND tỉnh không áp dụng các quy định của pháp luật khác của Việt Nam có liên quan mà mâu thuẫn hoặc không phù hợp với các mục tiêu đặt ra trong RPF này. Các biện pháp để giải quyết những khác biệt và tuân thủ các chính sách của WB được áp dụng theo RPF này.

Bảng 28: Những khác biệt giữa chính sách của Việt Nam về tái định cư và Chính sách tái định cư không tự nguyện của Ngân hàng Thế giới

Chủ đề	Chính sách hoạt động OP4.12 của NHTG	Chính phủ Việt Nam	Chính sách áp dụng cho Dự án
1. Tài sản đất			
1.1. Mục tiêu của chính sách	Người bị ảnh hưởng của dự án cần được hỗ trợ trong nỗ lực của họ để cải thiện sinh kế và mức sống hoặc là khôi phục lại được ít nhất tương đương với mức sống trước khi di dời hoặc với mức sống trước khi bắt đầu thực hiện dự án.	Không được đề cập Tuy nhiên, có một điều khoản hỗ trợ được xem xét bởi UBND tỉnh để đảm bảo họ có một nơi để sống, để ổn định đời sống và sản xuất của họ. (Điều 25 Nghị định 47). Trong trường hợp số tiền bồi thường /hỗ trợ là không đủ cho người dân tái định cư để mua một lô đất tái định cư/ căn hộ tối thiểu, họ sẽ được hỗ trợ về tài chính để có thể mua một lô đất tái định cư/ căn hộ tối thiểu (Điều 86.4 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 27 của Nghị định 47)	Sinh kế và nguồn thu nhập sẽ được phục hồi trong thực tế hoặc là khôi phục lại được ít nhất tương đương với mức sống trước khi di chuyển hoặc với mức sống trước khi bắt đầu thực hiện dự án.
1.2. Hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng là những người không có quyền pháp lý hoặc yếu	Hỗ trợ phục hồi cho tất cả những người bị di dời để đạt được mục tiêu của chính sách (để cải thiện sinh kế và mức sống hoặc khôi phục lại được ít nhất tương đương với mức sống trước khi di chuyển hoặc với mức sống trước khi bắt đầu thực hiện dự án).	Đất nông nghiệp chỉ được sử dụng trước ngày 1 tháng 7 năm 2004 là hội đủ điều kiện để được bồi thường. Các trường hợp khác có thể được xem xét hỗ trợ của UBND tỉnh nếu cần thiết.	Hỗ trợ và phục hồi sinh kế cho tất cả các hộ gia đình bị ảnh hưởng (BAH) để đạt được mục tiêu của chính sách.

Chủ đề	Chính sách hoạt động OP4.12 của NHTG	Chính phủ Việt Nam	Chính sách áp dụng cho Dự án
<i>cầu bồi thường đất mà họ đang chiếm giữ</i>			
1.3. Bồi thường cho các công trình bất hợp pháp	Bồi thường theo chi phí thay thế cho tất cả các công trình, bất kể tình trạng pháp lý.	Không bồi thường	Bồi thường theo chi phí thay thế cho tất cả công trình kiến trúc, bất kể tình trạng pháp lý.
2. Bồi thường			
2.1. Phương pháp xác định mức bồi thường	Bồi thường cho mất đất đai và các tài sản khác cần được trả theo chi phí thay thế đầy đủ.	Bồi thường thiệt hại đối với tài sản bị mất được tính theo giá sát với giá chuyển nhượng trên thị trường hoặc chi phí của công trình mới xây dựng. Ủy ban nhân dân tỉnh được phép xác định giá bồi thường cho các loại tài sản khác nhau. Định giá đất độc lập có thể được sử dụng để xác định giá đất, giá này được thẩm định bởi Hội đồng thẩm định đất trước khi phê duyệt của UBND tỉnh.	Bồi thường cho các loại tài sản trên đất theo giá thị trường. Đơn vị định giá đất để tính mức bồi thường. Giá này được Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định trước khi UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo chi phí thay thế.
2.2. Bồi thường cho mất thu nhập hoặc mất phương tiện sinh kế	Tất cả các mất mát về thu nhập cần được bồi thường (cho dù người bị ảnh hưởng có di dời hay không di dời).	Chi hỗ trợ mất thu nhập những hộ có đăng ký kinh doanh. Hỗ trợ tài chính bổ sung sẽ được cung cấp.	Tất cả các mất mát về thu nhập sẽ phải được bồi thường và khi cần thiết cần đạt được mục tiêu chính sách, các hỗ trợ phát triển sẽ được bổ sung cho phần bồi thường.
2.3. Bồi thường cho tác động gián tiếp do việc chiếm dụng đất và các công trình kiến trúc.	Theo thông lệ tốt thì bên vay cần tiến hành đánh giá xã hội và thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu và giảm nhẹ các tác động kinh tế - xã hội bất lợi, nhất là đối với người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương.	Không được giải quyết	Việc đánh giá xã hội đã được tiến hành, và các biện pháp xác định và được thực hiện nhằm giảm thiểu và giảm nhẹ các tác động kinh tế - xã hội bất lợi, nhất là đối với người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương.

Chủ đề	Chính sách hoạt động OP4.12 của NHTG	Chính phủ Việt Nam	Chính sách áp dụng cho Dự án
2.4. Hỗ trợ và khôi phục sinh kế	<i>Cung cấp hỗ trợ và khôi phục sinh kế để đạt được các mục tiêu chính sách.</i>	Cung cấp các biện pháp hỗ trợ và khôi phục sinh kế. Không có hoạt động theo dõi việc phục hồi sinh kế đầy đủ sau khi kết thúc TĐC.	Cung cấp hỗ trợ và khôi phục sinh kế và các biện pháp để đạt được các mục tiêu chính sách. Những yếu tố này sẽ được giám sát chi tiết trong Kế hoạch hành động tái định cư.
2.5. Tham vấn và công bố thông tin	<i>Tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện, đặc biệt là khẳng định các tiêu chí đủ điều kiện nhận bồi thường và hỗ trợ, và tiếp cận Cơ chế Giải quyết Khiếu nại.</i>	Tập trung chủ yếu vào tư vấn trong quá trình lập kế hoạch (tham khảo ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và kế hoạch đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tạo điều kiện cho công việc tìm kiếm); chia sẻ thông tin và công bố thông tin.	Sự tham vấn và sự tham gia của người dân phải được kết hợp chặt chẽ trong quá trình lập RAP cùng với việc chia sẻ thông tin về RAP với các hộ ảnh hưởng và các bên liên quan.
3. Cơ chế giải quyết khiếu nại			
	<i>Cơ chế giải quyết khiếu nại cần phải độc lập.</i>	<i>Cùng một cơ quan ra quyết định về đền bù, tái định cư và giải quyết các khiếu nại ở bước đầu tiên.</i> Tuy nhiên, người khiếu nại có thể khiếu nại tại Tòa án từ bước thứ hai nếu muốn.	Cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại độc lập sẽ được thiết lập xây dựng trên cơ sở hệ thống có sẵn của Chính phủ và với sự tham gia của cơ quan giám sát độc lập.
4. Theo dõi & đánh giá			
	<i>Cần phải có theo dõi nội bộ và theo dõi độc lập.</i>	Công dân được phép giám sát và báo cáo về hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai (hoặc thông qua các tổ chức đại diện), bao gồm cả thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Điều 199, Luật Đất đai năm 2013). Không có yêu cầu rõ ràng về theo dõi, bao gồm cả theo dõi nội bộ và theo dõi độc lập.	Giám sát nội bộ và giám sát bên ngoài (giám sát độc lập) được duy trì thường xuyên (trên cơ sở các báo cáo hàng tháng đối với giám sát nội bộ và một năm hai lần đối với giám sát độc lập). Vào thời điểm kết thúc dự án, báo cáo cuối cùng được hoàn thiện đánh giá các mục tiêu của chính sách OP4.12 đã đạt được hay chưa.

4.1.5. Điều kiện hợp lệ và Quyền lợi

Người BAH bởi TDA là những người BAH trực tiếp bởi TDA do bị mất đất, nhà ở, các công trình khác, bị mất công việc kinh doanh, các tài sản, hoặc không còn tiếp cận được với các nguồn lực, cụ thể là:

- Người có đất nông nghiệp sẽ bị ảnh hưởng (tạm thời hoặc vĩnh viễn) bởi TDA;
- Người có đất ở/nhà cửa sẽ bị ảnh hưởng (tạm thời hoặc vĩnh viễn) bởi TDA;
- Người có nhà thuê sẽ bị ảnh hưởng (tạm thời hoặc vĩnh viễn) bởi TDA;
- Người có công việc kinh doanh, việc làm, hoặc nơi làm việc sẽ BAH (tạm thời hoặc vĩnh viễn) bởi TDA;
- Người có hoa màu/cây cối (hàng năm và lâu năm) sẽ BAH một phần hoặc toàn bộ bởi TDA;
- Người có các tài sản khác hoặc việc tiếp cận với các tài sản đó sẽ BAH một phần hoặc toàn bộ bởi TDA;
- Người có sinh kế sẽ BAH (tạm thời hoặc vĩnh viễn) do hạn chế tiếp cận khu vực được bảo vệ bởi TDA.

Xác định các nhóm hoặc hộ dễ bị tổn thương: theo quy định trong Khung Tái định cư của dự án ICRL thì các nhóm/hộ dễ bị tổn thương gồm có:

- Các hộ thuộc diện nghèo và cận nghèo theo tiêu chí phân loại của Bộ LĐTB & XH và theo các quy định của địa phương;
- Các hộ nghèo với diện tích đất sản xuất hạn chế (diện tích đất nông nghiệp tối thiểu để một nông dân có thể sống được trong khu vực dự án);
- Các hộ dân tộc thiểu số¹;
- Những người khuyết tật và thiếu năng hoặc những người có sức khỏe kém; trẻ sơ sinh, trẻ em và phụ nữ không có hỗ trợ; những hộ nghèo nhất có phụ nữ làm chủ hộ;
- Hộ nghèo và hộ cận nghèo có phụ nữ làm chủ hộ hoặc hộ có phụ nữ làm chủ hộ và không có nguồn hỗ trợ khác;
- Hộ gia đình chính sách;
- Những người BAH khác được xác định bởi Ban Quản lý dự án và những người có thể không được bảo hộ bởi chính sách bồi thường đất hoặc quyền sử dụng đất của nhà nước; hoặc
- Các nhóm khác được xác định bởi các cuộc điều tra kinh tế xã hội và qua các cuộc tham vấn thực tế.

Ngày khóa sổ của TDA là ngày UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành thông báo thu hồi đất tới cộng đồng dân cư thuộc khu vực TDA. Dự kiến ngày 10/04/2019

Điều kiện hợp lệ: Tính hợp lệ được hưởng quyền bồi thường được xây dựng dựa trên tiêu chí quyền sở hữu tài sản như sau:

- (i) Những người có quyền lợi hợp pháp chính thức đối với đất đai (bao gồm cả các quyền sử dụng đất theo truyền thống và tập quán được luật pháp nhà nước công nhận. Khi xem xét các trường hợp này, giấy tờ xác minh thời gian sử dụng đất hoặc các tài sản gắn với đất của người BAH sẽ được sử dụng);
- (ii) Những người không có quyền lợi hợp pháp đối với đất đai được chính thức công nhận tại thời điểm bắt đầu thống kê nhưng có yêu cầu bồi thường về đất hoặc các tài sản miễn là các yêu cầu đó được pháp luật nhà nước công nhận hoặc được công nhận thông qua quá trình được xác định trong kế hoạch tái định cư;
- (iii) Những người không có quyền hợp pháp được chính thức công nhận hoặc yêu cầu bồi thường được công nhận đối với đất đai mà họ đang chiếm giữ.

Những người trong mục (i) và (ii) được bồi thường cho đất bị mất, và các hỗ trợ khác. Những người trong mục (iii) thay vì được bồi thường cho đất chiếm giữ bị mất sẽ chỉ được hỗ trợ tái định cư và các hỗ trợ khác, nếu cần thiết, để đạt được các mục tiêu đặt ra trong chính sách này nếu đất đó bị chiếm giữ trước ngày khóa sổ do Bên vay quy định và được NHTG chấp nhận. Những người lần chiếm vào khu vực này sau ngày khóa sổ kiểm kê không được hưởng bồi thường hay bất kỳ hình thức hỗ trợ tái định cư nào. Tất cả những người trong mục (i), (ii), hoặc (iii) được bồi thường cho những thiệt hại về tài sản ngoài đất mà họ đang sử dụng hoặc sở hữu.

Quyền lợi: Căn cứ theo nhóm hợp lệ cụ thể mà các quyền lợi có thể là các khoản tiền bồi thường hoặc các hình thức hỗ trợ khác được cung cấp cho người bị ảnh hưởng bởi dự án. Chi tiết xem trong.

Các trường hợp phát sinh sau ngày khóa sổ: Hộ phát sinh do tách hộ sau ngày khóa sổ kiểm kê, đáp ứng đủ các điều kiện sau đây sẽ được công nhận như các hộ tái định cư hợp lệ:

- Tách từ hộ gia đình có ít nhất 2 cặp vợ chồng và 6 nhân khẩu trở lên.
- Chứng nhận của cơ quan huyện với sự xác nhận của UBND xã, các hộ đã tách hộ.
- Trẻ em mới được sinh ra, vợ chồng của người có tên trong sổ hộ khẩu, người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, người đi học xa trở về sống chung trong hộ trước ngày khóa sổ sẽ được bồi thường và hỗ trợ ổn định cuộc sống được đề cập trong tài liệu này.

4.2. Chính sách bồi thường

4.2.1. Những nguyên tắc chung

Nguyên tắc chung của chính sách bồi thường và hỗ trợ của TDA bao gồm:

Tất cả những người bị ảnh hưởng (BAH) bởi Dự án có tài sản hoặc sinh sống trong khu vực bị chiếm dụng phục vụ dự án trước ngày khóa sổ đều có quyền được bồi thường cho các thiệt hại. Những người bị mất thu nhập và/hoặc kế sinh nhai sẽ đủ điều kiện nhận hỗ trợ phục hồi sinh kế căn cứ theo các tiêu chí hợp thức do Dự án quy định, có tham khảo ý kiến với các BAH. Trước khi kết thúc Dự án nếu thấy sinh kế vẫn chưa được phục hồi bằng với mức trước khi có dự án thì cần xem xét có các biện pháp bổ sung.

- Các mức bồi thường sẽ được xác định một cách kịp thời và có sự tham vấn dựa trên các kết quả thẩm định độc lập giá trị đất/tài sản gắn liền với đất. Tất cả các lệ phí và thuế về chuyển nhượng đất và/hoặc nhà ở sẽ được miễn trừ hoặc nếu không sẽ nằm trong gói bồi thường về đất và các công trình/hoặc nhà ở hoặc cơ sở kinh doanh. Chính quyền địa phương sẽ đảm bảo rằng người BAH tự chọn địa điểm tái định cư sẽ nhận được quyền sở hữu tài sản và các giấy chứng

nhận theo qui định tương tự như các gói bồi thường dành cho những người chọn phương án chuyển đến khu tái định cư do dự án đề xuất mà không phải mất thêm bất kỳ chi phí phụ trội nào.

- Đất sẽ được bồi thường theo cơ chế “đất đổi đất” có cùng mục đích sử dụng đất, hoặc bằng tiền mặt tùy thuộc vào sự lựa chọn của hộ bị ảnh hưởng mà có thể thực hiện được.

- Những người bị ảnh hưởng chọn phương án “đất đổi đất” phải bị mất đất từ 20% đất sản xuất. Nếu đất không có sẵn, Ban quản lý dự án sẽ phải chứng minh được điều này. Những hộ mất 20% đất sẽ được hỗ trợ để phục hồi sinh kế. Những nguyên tắc này sẽ áp dụng cho cả hộ nghèo và dễ bị tổn thương mất từ 10% đất sản xuất. phải sẽ được cấp những lô đất với khả năng sản xuất tương đương với những lô đất bị mất hoặc được cấp lô đất tiêu chuẩn ở khu định cư mới gần nơi ở cũ, và có điều chỉnh bằng tiền mặt để bù cho chênh lệch giá giữa lô đất bị mất và lô đất được cấp. Khu vực tái định cư sẽ được quy hoạch một cách phù hợp và được thực hiện trên cơ sở tham vấn với những người bị di chuyển. Tất cả các cơ sở hạ tầng cơ bản như hệ thống cấp thoát nước, cấp nước sạch, đường dây điện và điện thoại sẽ được cung cấp.

- Những người bị ảnh hưởng chọn phương án “tiền đổi đất” sẽ được bồi thường bằng tiền mặt theo mức chi phí thay thế chi toàn bộ diện tích mảnh đất bị thu hồi. Những người bị ảnh hưởng này sẽ được hỗ trợ trong việc phục hồi sinh kế và tự thu xếp để di dời.

- Mức bồi thường cho các công trình nhà ở, công trình thương mại, hoặc các loại công trình khác sẽ được trả theo mức chi phí thay thế mà không tính khấu hao công trình và không trừ các phần vật liệu có thể thu hồi được. Các công trình sẽ được đánh giá riêng rẽ. Nếu mức bồi thường được xác định theo loại công trình thì phải sử dụng giá của công trình có giá trị cao nhất trong nhóm công trình đó (chứ không phải sử dụng mức giá trị thấp nhất).

- Hộ gia đình có các hoạt động tạo thu nhập, hoặc sinh kế bị ảnh hưởng do thi công (tác động tạm thời) sẽ được bồi thường theo nguyên tắc giá thay thế.

- Những hộ BAH đến nhà ở buộc phải di dời (di chuyển ra khỏi nơi ở ban đầu do diện tích đất còn lại không đảm bảo điều kiện sắp xếp lại nhà ở theo quy định của Luật xây dựng hay bị thu hồi đất hoàn toàn) Ban bồi thường tái định cư địa phương cần tiến hành các hoạt động tham vấn và thỏa thuận giải pháp hỗ trợ tìm kiếm sắp xếp chỗ ở mới cho hộ BAH.

- Những hộ BAH đến nhà ở, có khả năng sắp xếp lại nhà ở trên phần đất còn lại phù hợp với điều kiện cụ thể theo quy định của địa phương (không thuộc diện buộc phải di dời) thì áp dụng chính sách chung của dự án theo ma trận quyền lợi đã được thống nhất.

- Những người bị ảnh hưởng sẽ được hỗ trợ đầy đủ (bao gồm cả tiền trợ cấp di chuyển) để vận chuyển đồ dùng và tài sản cá nhân ngoài khoản bồi thường theo chi phí thay thế cho nhà cửa, đất, và những tài sản khác.

- Việc bồi thường và hỗ trợ phục hồi cho người BAH phải được thực hiện ít nhất 30 ngày trước khi thu hồi đối với những người không phải di dời đi và 60 ngày đối với những người sẽ phải di dời. Cần phải xem xét áp dụng ngoại lệ đối với những đối tượng dễ bị tổn thương, bởi họ có thể cần nhiều thời gian hơn, trước khi bị ảnh hưởng về mặt sinh kế hay nơi ở.

- Nếu như đến cuối dự án mà sinh kế vẫn chưa phục hồi được như mức trước dự án thì các biện pháp bổ sung phải được xem xét nhằm đạt được các mục tiêu của chính sách.

- Các hỗ trợ khác như là hỗ trợ phục hồi kinh tế, đào tạo tập huấn và các hình thức hỗ trợ khác sẽ được cung cấp cho những người bị ảnh hưởng bị mất nguồn thu nhập, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương để nâng khả năng phục hồi và cải thiện thu nhập sau này.

4.2.2. Chính sách bồi thường

Tất cả người BAH được xác định trong các khu vực bị ảnh hưởng của dự án vào ngày giới hạn sẽ có quyền được bồi thường cho các tài sản bị ảnh hưởng của họ, và các biện pháp phục hồi đủ để cải thiện, hoặc ít nhất là khôi phục sinh kế của họ về mặt thực tế so với mức trước dự án; và để cải thiện mức sống của người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương khác. Ngày giới hạn sẽ là ngày mà PPC ban hành Thông báo thu hồi đất cho dự án có liên quan (Điều 67.1 của Luật đất đai 2013) trước khi thực hiện DMS. Một cuộc khảo sát điều tra dân số sẽ được thực hiện trước ngày khóa sổ được công bố để thiết lập một danh sách các hộ gia đình bị ảnh hưởng tiềm năng. Những người lấn chiếm khu vực đầu tư hoặc xây dựng tài sản mới của họ (cải tạo, xây dựng nhà/công trình, trồng cây mới) sau ngày khóa sổ sẽ không được bồi thường hoặc hỗ trợ nào khác.

4.2.3. Chính sách bồi thường cho tác động vĩnh viễn

Mất đất nông nghiệp

Người sử dụng đất hợp pháp:

- Nếu diện tích đất bị thu hồi dưới 20% diện tích đất của hộ gia đình BAH (hoặc dưới 10% đối với nhóm dễ bị tổn thương và người nghèo), và diện tích đất còn lại có giá trị về kinh tế, thì sẽ thực hiện bồi thường bằng tiền mặt bằng 100% giá thay thế cho diện tích đất bị thu hồi.

- Nếu diện tích đất bị thu hồi chiếm từ 20% trở lên diện tích đất của hộ gia đình (hoặc từ 10% trở lên đối với nhóm dễ bị ảnh hưởng và người nghèo) hoặc phần diện tích còn lại không có giá trị về kinh tế thì phương án “đất đổi đất” cần được ưu tiên. Nếu không có đất, thì BQLDA phải chứng minh một cách thỏa đáng cho NHTG trước khi tiếp tục các biện pháp tiếp theo. Nếu không có đất, hoặc nếu người bị di dời lựa chọn phương án bồi thường tiền mặt, sẽ thực hiện đền bù bằng tiền mặt cho diện tích bị mất bằng 100% chi phí thay thế và người BAH sẽ được hưởng biện pháp phục hồi để khôi phục nguồn thu nhập đã bị mất như được cung cấp dịch vụ khuyến nông, được đào tạo nghề, được cấp đất phi nông nghiệp ở những nơi dễ tiếp cận để có thể kinh doanh hoặc cung cấp các dịch vụ phi nông nghiệp. Nếu người BAH bởi Dự án có mong muốn và nếu còn đất có giá trị tương đương ở địa điểm khác thì dự án cũng sẽ hỗ trợ những người BAH này tới những khu vực đó xem xét và hỗ trợ các giao dịch pháp lý nếu họ muốn có đất tại đó. Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, đất vườn ao liền kề với đất ở trong khu dân cư, ngoài việc được bồi thường theo giá thay thế, người BAH di dời còn được hỗ trợ bằng tiền; giá tính hỗ trợ từ 50% đến 70% giá đất ở liền kề; mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

- Những người có quyền sử dụng đất tạm thời hoặc thuê đất công/đất của cộng đồng (người BAH bởi dự án có thuê đất công/đất của cộng đồng)

- Đền bù bằng tiền mặt tương đương với giá trị đầu tư còn lại trên đất đó hoặc tương đương với giá trị còn lại của hợp đồng thuê đất, nếu có.

- Đối với hộ gia đình bị ảnh hưởng đang sử dụng đất do Nhà nước giao khoán vào mục đất nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng

phòng hộ) của các nông - lâm trường quốc doanh khi dự án thu hồi thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, và những người bị ảnh hưởng cũng sẽ nhận được hỗ trợ thêm cho phục hồi thu nhập nếu họ được trực tiếp tham gia vào các hoạt động nông nghiệp theo quy định của Chính phủ. Trường hợp người bị ảnh hưởng nhận đất trên cơ sở hợp đồng nhưng khác với cá nhân quy định như trên, thì chỉ được bồi thường cho các khoản đầu tư trên đất.

Người không có quyền sử dụng đất hợp pháp:

- Thay vì được hưởng bồi thường, những người BAH bởi dự án này sẽ nhận hỗ trợ phục hồi bằng tiền mặt bằng 80% giá trị đất. Đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 sẽ được bồi thường 100% theo Điều 77 Mục 2 của Luật đất đai. Người BAH sẽ được hưởng các biện pháp phục hồi nói trên nhằm đảm bảo mức sống của họ được khôi phục.

- Trong trường hợp đất được thuê bằng hợp đồng dân sự giữa các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, thì người sử dụng đất BAH sẽ được bồi thường đối với hoa màu, cây cối, hoặc các sản phẩm thủy sản và trong trường hợp cụ thể có thể được hỗ trợ tìm được một mảnh đất tương tự để thuê.

- Trong trường hợp những người BAH sử dụng đất công (hoặc các khu bảo tồn) với điều kiện phải trả lại đất cho Chính phủ khi được yêu cầu, thì người BAH đó sẽ không được đền bù nếu họ không có các quyền hợp pháp đối với đất đó, nhưng sẽ được bồi thường ở mức chi phí thay thế đầy đủ cho hoa màu, cây cối, và những tài sản khác mà họ sử dụng hoặc sở hữu.

- Điều tra cơ bản và đánh giá xã hội cần xem xét xem liệu trở ngại hữu hình do dự án MDICRSL gây ra (như khu vực hành lang an toàn mới được dựng lên) sẽ áp các chi phí bổ sung cho người BAH và bồi thường bổ sung là cần thiết để bù đắp các chi phí.

4.2.4. Đối với đất ở

- **Đất ở không có các công trình kiến trúc:** người có quyền sử dụng đất ở hợp pháp và/hoặc được hợp pháp hóa sẽ được đền bù mất đất bằng tiền mặt đầy đủ theo mức chi phí thay thế. Đối với người sử dụng đất không có quyền sử dụng đất được công nhận sẽ được hỗ trợ bằng một khoản tiền nhất định. Khoản tiền này sẽ được quyết định bởi UBND tỉnh.

- **Đất ở có các công trình kiến trúc và phần đất còn lại (không thu hồi) đủ để xây dựng lại (tổ chức lại cuộc sống cho người BAH):** Bồi thường mất đất và các công trình kiến trúc bằng tiền mặt cho người BAH theo (i) mức chi phí thay thế đầy đủ đối với người có quyền sử dụng đất hợp pháp và/hoặc đủ điều kiện để hợp pháp hóa; (ii) cấp một khoản tiền hỗ trợ cho người sử dụng đất không có quyền sử dụng đất được công nhận.

Đất ở có công trình kiến trúc và phần đất còn lại không đủ để xây dựng lại (người BAH phải di dời):

(i) Người BAH có quyền hợp pháp hoặc quyền được hợp pháp hóa với đất BAH:

- Một thửa đất có kích thước và chất lượng tương đương, hoặc căn nhà có điều kiện kỹ thuật tương đương trong một khu tái định cư có đầy đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu. Việc này sẽ được thực hiện thông qua tham vấn người BAH. Người BAH sẽ được nhận hoặc chứng nhận quyền sở hữu về đất hoặc căn hộ mà không phải chịu chi phí nào.

- Theo yêu cầu của người BAH sau khi được cung cấp thông tin đầy đủ, người BAH sẽ được đền bù bằng tiền mặt ở mức chi phí thay thế đầy đủ cộng với khoản tiền tương đương với

giá trị các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng tính bình quân cho mỗi hộ gia đình trong khu TĐC để họ tự sắp xếp việc dời đi.

Trong trường hợp số tiền đền bù (hoặc hỗ trợ) thấp hơn giá của một lô đất/ căn hộ tối thiểu trong khu vực TĐC của Dự án, thì những người bị di dời sẽ được hỗ trợ khoản chênh lệch để mua được lô đất/căn hộ đó mà không tính thêm chi phí cho họ; Nếu người BAH không chọn phương án nhận một lô đất/ căn hộ trong khu TĐC của dự án, thì họ sẽ được nhận khoản hỗ trợ tài chính tương đương với khoản chênh lệch giữa giá trị của mảnh đất/căn hộ đã chọn và thực nhận.

(ii) Người BAH không có quyền sử dụng hợp pháp hoặc sử dụng theo tập quán đối với đất BAH:

- Các hộ gia đình bị ảnh hưởng đất sẽ được hỗ trợ bằng tiền mặt với số tiền bằng 60% đất với chi phí thay thế.

- Người BAH không còn nơi nào để cư trú sẽ được cung cấp một lô đất hoặc một căn hộ trong khu TĐC phù hợp hoặc họ có thể trả góp hoặc thuê để sống.

Trong trường hợp người BAH thuộc nhóm/hộ gia đình nghèo hoặc dễ bị ảnh hưởng thì sẽ được xem xét hỗ trợ (bằng tiền mặt hoặc hiện vật) để bảo đảm người BAH có đủ khả năng để di dời tới nơi ở mới.

4.2.5. Do mất nhà cửa/công trình

- Bồi thường hoặc hỗ trợ bằng tiền mặt sẽ được thực hiện cho tất cả các nhà / công trình tư nhân bị ảnh hưởng, với 100% chi phí thay thế cho vật liệu và lao động, không phân biệt có hoặc không có quyền sở hữu với đất bị ảnh hưởng hoặc giấy phép xây dựng cho các vật kiến trúc bị ảnh hưởng. Số tiền bồi thường/hỗ trợ đủ để xây dựng lại các ngôi nhà bị ảnh hưởng/vật kiến trúc có cùng chất lượng theo giá thị trường. Theo OP 4.12 giá bồi thường sẽ theo giá thay thế của thị trường địa phương. Không khấu trừ đối với khấu hao hoặc các vật liệu sử dụng lại.

- Nếu nhà ở/công trình bị ảnh hưởng một phần, dự án sẽ cung cấp chi phí sửa chữa nhà ở/công trình cho người BAH để khôi phục nguyên trạng hoặc nâng cấp tốt hơn và không có chi phí thêm cho việc đó.

Người thuê nhà

- Người thuê nhà của nhà nước hoặc tổ chức để ở sẽ (i) được quyền thuê hoặc mua một căn hộ mới có diện tích bằng với diện tích của căn nhà bị ảnh hưởng nếu có nhu cầu; hoặc (ii) được hỗ trợ 60% chi phí thay thế cho đất và nhà bị ảnh hưởng; và (iii) được hỗ trợ một khoản trợ cấp di chuyển cho việc di chuyển tài sản, cũng như hỗ trợ trong việc thuê nhà ở mới. Công trình do chính người BAH bởi dự án xây dựng lên sẽ được bồi thường đầy đủ theo mức chi phí thay thế.

- Người thuê nhà đang thuê nhà riêng cho mục đích sinh hoạt sẽ được cung cấp trợ cấp vận chuyển cho việc di chuyển tài sản và sẽ được hỗ trợ xác định chỗ ở thay thế.

Đối với cây cối và hoa màu trên đất hoặc các sản phẩm nuôi trồng thủy sản

Đối với hoa màu và cây lâu năm, bất kể tình trạng pháp lý của mảnh đất đó như thế nào. người BAH canh tác trên đất đó sẽ được đền bù theo chi phí thay thế đầy đủ. Việc bồi thường sẽ là đủ để thay thế các loại cây trồng đang canh tác bị mất, cây cối hoặc nuôi trồng thủy sản theo giá thị trường địa phương. Cây lâu năm sẽ được bồi thường với tỷ lệ tính toán về năng suất vòng đời của cây. Cây bị ảnh hưởng có thể di dời và vận chuyển được thì sẽ trả bồi thường cây và chi

phí vận chuyển.

Mất thu nhập và/ hoặc các tài sản kinh doanh/ sản xuất

Đối với người BAH bị mất thu nhập và/hoặc các tài sản kinh doanh/sản xuất trong quá trình thu hồi đất, cơ chế bồi thường là:

Trợ cấp ổn định sản xuất, kinh doanh: Tất cả các doanh nghiệp và hộ kinh doanh có thu nhập bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường hoặc hỗ trợ tương đương 30% thu nhập thực tế hàng năm của họ: (i) Đối với các doanh nghiệp/ hộ gia đình có đăng ký kinh doanh sẽ được bồi thường dựa trên thu nhập bình quân hàng năm của họ khai báo với cơ quan thuế trong ba năm gần nhất (ii) Đối với các hộ gia đình không có giấy phép kinh doanh nhưng đã thực hiện nghĩa vụ thuế sẽ được bồi thường, hỗ trợ tương đương 50% mức hỗ trợ cụ thể.

Người lao động trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan nhà nước bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất: được nhận trợ cấp tương đương với mức lương tối thiểu theo các quy định trong thời gian chuyển đổi tối đa là 6 tháng. Sẽ được hỗ trợ tìm kiếm việc làm thay thế.

Nếu doanh nghiệp phải di dời, dự án sẽ hỗ trợ tìm địa điểm thay thế với lợi thế về vị trí và các điều kiện vật lý tương tự như địa điểm có thể dễ dàng tiếp cận với khách hàng cơ bản; thỏa mãn yêu cầu của doanh nghiệp, hoặc dự án sẽ bồi thường bằng tiền mặt đối với đất bị ảnh hưởng và kiến trúc gắn liền với đất theo giá thay thế, kèm theo hỗ trợ chi phí vận chuyển tài sản có thể di chuyển.

Bồi thường đối với mồ mả

Bồi thường đối với việc di dời mồ mả sẽ bao gồm các chi phí để mua đất cho việc xây dựng lại mồ mả, đào, di dời, cải táng và các chi phí liên quan khác (phù hợp với một số phong tục truyền thống). Các gia đình hoặc các tập thể bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường bằng tiền mặt. Bồi thường bằng tiền mặt sẽ được trả cho mỗi gia đình BAH hoặc nhóm BAH như một khoản được xác định thông qua một quá trình tham vấn với các cộng đồng bị ảnh hưởng. Mức độ bồi thường sẽ được quyết định sau khi có sự tham vấn với hộ gia đình/ cộng đồng có mồ mả bị ảnh hưởng. Mộ của cá nhân và của gia tộc được coi là tài sản văn hóa vật thể và mặc dù các chi phí liên quan đến việc di dời mồ mả có thể đã nằm trong kế hoạch TĐC, nhưng vẫn cần áp dụng chính sách của NHTG OP 4.11 về tài sản văn hóa vật thể và cần tham chiếu tới Kế hoạch Quản lý Môi trường hoặc Sổ tay thực hiện dự án.

Bồi thường đối với các tài sản khác

Trong trường hợp các hộ gia đình bị ảnh hưởng có hệ thống điện thoại, đồng hồ nước, đồng hồ điện, truyền hình cáp, truy cập internet (thuê bao) bị ảnh hưởng, cũng sẽ được bồi thường theo đơn giá lắp đặt mới theo đơn giá mà nhà cung cấp thông báo và quy định.

Bồi thường cho công trình công cộng

Đối với các công trình công cộng như trường học, các cầu, nhà máy, nguồn nước, đường giao thông, hệ thống thu gom/chứa rác thải v.v. bị ảnh hưởng bởi dự án phải đảm bảo các công trình trên sẽ được phục hồi hoặc sửa chữa mà người dân không phải trả bất kỳ chi phí nào. Đối với các công trình công cộng của cộng đồng phục vụ trực tiếp đến nhu cầu phát triển và đời sống dân sinh như kênh mương thủy lợi, trường học, trạm y tế, đường giao thông, điện, viễn thông, cấp quang cần phải được bồi thường theo giá thay thế và/hoặc làm phục hồi như trước khi có dự án hoặc với chất lượng tốt hoặc sẽ bồi thường theo chi phí thay thế mà đã được xác định trong

tham vấn với người bị ảnh hưởng.

Thu hồi đất trong hành lang an toàn công trình, hộ BAH có nhà, công trình xây dựng trên đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn và hành lang thoát lũ công trình, sẽ được xem xét, đánh giá về mức độ BAH và được bồi thường, hỗ trợ phù hợp với chính sách của dự án.

4.3. Chính sách bồi thường cho các tác động tạm thời trong thời gian thi công

Người BAH phải chịu tác động bất lợi tạm thời do các công trình dự án được hưởng những lợi ích sau:

- Được bồi thường cho tất cả các tài sản và thiệt hại/ các khoản đầu tư trên đất, bao gồm cây cối và hoa màu theo mức chi phí thay thế đầy đủ.
- Bồi thường tiền mặt cho tổn thất về cho thuê, trong đó ít nhất là tương đương với thu nhập thuần mà có thể đã được bắt nguồn từ tài sản bị ảnh hưởng trong thời gian gián đoạn;

Đối với thiệt hại về các công trình kiến trúc của tư nhân hoặc cộng đồng do nhà thầu gây ra:

Tài sản bị hư hại do nhà thầu gây ra, nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí để khôi phục lại về đúng nguyên trạng ngay sau khi hoàn thành các công trình xây lắp. Theo yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, nhà thầu phải hết sức cẩn thận để tránh làm hư hỏng tài sản khi thực hiện các hoạt động thi công. Trường hợp thiệt hại xảy ra, nhà thầu sẽ được yêu cầu sửa chữa thiệt hại và có thể bị yêu cầu bồi thường ngay cho các gia đình, các nhóm, các cộng đồng, hoặc các cơ quan bị ảnh hưởng ở mức bồi thường được áp dụng cho tất cả các tài sản khác bị ảnh hưởng bởi dự án.

Người BAH thứ cấp:

Chính sách bồi thường này áp dụng đối với những người bị ảnh hưởng bởi việc xây dựng các khu TĐC độc lập hoặc theo nhóm. Do tất cả những người BAH gián tiếp có khả năng sẽ bị ảnh hưởng giống như người BAH trực tiếp nên họ sẽ được quyền hưởng bồi thường và hỗ trợ phục hồi theo các mức độ ảnh hưởng và theo giá và thủ tục bồi thường áp dụng cho tất cả người BAH trong dự án này.

Bồi thường cho thiệt hại về tài sản cộng đồng:

Trong trường hợp mà cơ sở hạ tầng của cộng đồng như trường học, cầu, nhà máy, nguồn nước, đường giao thông, hệ thống thoát nước thải bị hư hỏng thì dự án sẽ phải đảm bảo rằng những công trình này sẽ được phục hồi hoặc sửa chữa mà không tính phí cho cộng đồng và theo tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của cộng đồng.

Các thiệt hại khác có thể xác định trong quá trình thực hiện:

Các tác động khác được xác định trong quá trình thực hiện dự án sẽ được bồi thường phù hợp với các nguyên tắc của Khung chính sách TĐC và chính sách OP4.12 của NHTG. Bất kỳ sự gián đoạn kinh doanh sẽ được bồi thường theo các nguyên tắc của Khung chính sách TĐC này.

Hộ gia đình có các hoạt động tạo thu nhập, hoặc sinh kế bị ảnh hưởng do việc thi công (tác động tạm thời) sẽ được bồi thường theo nguyên tắc giá thay thế. Trong quá trình lập phương án bồi thường, phải xác định và tham vấn đầy đủ các đối tượng BAH.

4.4. Các khoản hỗ trợ phục hồi sinh kế

Bên cạnh việc bồi thường trực tiếp cho những tài sản bị thiệt hại, những người phải di dời còn được nhận tiền trợ cấp bổ sung để trang trải cho những chi phí trong giai đoạn chuyển tiếp.

Các mức hỗ trợ sẽ được điều chỉnh, có tính đến yếu tố lạm phát và tăng giá cho phù hợp với thời gian chi trả. Các khoản hỗ trợ này bao gồm, nhưng không hạn chế, những khoản sau:

Ảnh hưởng tới đất ở

- a. *Hỗ trợ di chuyển chỗ ở:* sẽ được cấp cho những người bị di dời.

Mức hỗ trợ di chuyển đến vị trí mới phù hợp với mỗi địa phương.

- b. *Hỗ trợ di chuyển:* Tổ chức và người BAH được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ kinh phí để tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt lại. Mức hỗ trợ được tính theo chi phí thực tế tại thời điểm di dời, trên cơ sở tổ chức tự kê khai và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường kiểm tra trước khi trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- c. *Hỗ trợ thuê nhà ở:* sẽ được cung cấp cho những người bị di dời trong thời gian được chờ phân đất hoặc căn hộ công với thời gian xây dựng nhà mới. Trong trường hợp thay thế các lô đất, trợ cấp thuê nhà sẽ kéo dài cho đến giai đoạn ngôi nhà mới được xây dựng.

Ảnh hưởng tới đất nông nghiệp

Hỗ trợ việc mất sinh kế (trong giai đoạn chuyển tiếp):

(i) người BAH bị mất từ 20-70% đất nông nghiệp (hoặc 10-70% đối với các nhóm dễ bị ảnh hưởng và người nghèo) sẽ được hỗ trợ một khoản 30 kg gạo /người/tháng trong 6 tháng nếu không phải di dời, và trong 12 tháng nếu phải di dời. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn đặc biệt, mức hỗ trợ tối đa là 24 tháng;

(ii) người BAH bị mất trên 70% đất nông nghiệp sẽ được hỗ trợ trong 12 tháng nếu không phải di dời và trong 24 tháng nếu phải di dời. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn đặc biệt, mức hỗ trợ tối đa là 36 tháng; (iii) Đối với các hộ bị ảnh hưởng dưới 20% diện tích đất nông nghiệp mà phần diện tích đất canh tác còn lại không đủ điều kiện canh tác tiếp thì sẽ được trợ cấp trong 12 tháng.

- Nếu bồi thường theo phương thức “đất đổi đất”, những người bị ảnh hưởng sẽ được hỗ trợ các cây giống, các chương trình khuyến nông- lâm nghiệp, chăn nuôi.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp/kỹ năng: Dự án sẽ đưa ra một vài phương án để người BAH lựa chọn trong các cuộc tham vấn và tham khảo nhu cầu thị trường và nhu cầu khu vực. Mức hỗ trợ nhiều từ 1,5 đến 5 lần giá thay thế của đất nông nghiệp đã thu hồi nhưng tùy thuộc vào hạn mức giao đất của địa phương có hiệu lực tại thời điểm bàn giao đất.

Hỗ trợ cho đào tạo nghề, học nghề tại các cơ sở dạy nghề : Có ít nhất một thành viên của hộ gia đình bị ảnh hưởng do mất đất sản xuất sẽ được nhận đào tạo nghề trong tỉnh. Các hộ tham gia vào chương trình đào tạo sẽ được miễn tiền học phí. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, họ sẽ được ưu tiên để được tuyển dụng trong ngành sản xuất tại địa phương. Mức chi phí hỗ trợ sẽ căn cứ Quyết định số 46/2015/QGG-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Trợ cấp đối với đất nông nghiệp, đất vườn, đất ao hồ liền kề khu dân cư, và không nằm trong hạng mục đất ở: hỗ trợ thêm (40% giá trị bồi thường cho thửa đất liền kề khu dân cư) đối với đất vườn, ao; và (50% giá bồi thường cho thửa đất liền kề khu dân cư) đối với đất nông nghiệp.

Các trợ cấp/ hỗ trợ khác

- Tiền thưởng khuyến khích: Tất cả các hộ bị ảnh hưởng dọn ra khỏi vùng đất bị ảnh

hưởng ngay sau khi nhận được bồi thường và trợ cấp sẽ được trợ cấp ưu đãi tùy theo khả năng của mỗi địa phương.

- Trợ cấp sửa chữa: Nếu nhà/các cấu trúc bị ảnh hưởng một phần và phần cấu trúc còn lại có khả năng sử dụng được tiếp, dự án sẽ trợ cấp một khoản tương đương bằng 20% giá bồi thường cho phần cấu trúc bị ảnh hưởng để các hộ bị ảnh hưởng khôi phục ở mức ban đầu hoặc tốt hơn.

- Tất cả các hộ bị di dời tự lo chỗ ở: số tiền hỗ trợ để đầu tư chi phí cơ sở hạ tầng / m2 công bố của Bộ Xây dựng, diện tích đất để hỗ trợ là diện tích đất thực tế thu hồi nhưng không quá hạn mức giao đất theo quy định.

- Các hộ gia đình bị di dời có trẻ em là học sinh các cấp sẽ được hỗ trợ 1 năm học phí theo mức quy định của ngành Giáo dục;

Trợ cấp/ hỗ trợ cho các hộ dễ bị tổn thương:

- Đối với các hộ gia đình không có đất: hỗ trợ thông qua việc cung cấp một căn hộ theo hình thức mua hoặc thuê để ở (tùy theo sự lựa chọn của người BAH). Hỗ trợ bổ sung sẽ được xem xét nếu cần thiết để đảm bảo người BAH có nơi sinh sống.

- Các hộ gia đình chính sách: (i) các hộ gia đình di dời là các hộ có bà mẹ anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, cựu chiến binh, thương binh hoặc liệt sĩ, (ii) các hộ gia đình di dời là hộ nghèo mà có 10% trở lên đất sản xuất bị ảnh hưởng hoặc ít hơn 10% đất bị ảnh hưởng nhưng phần đất còn lại không sử dụng được sẽ được hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh cho mỗi hộ gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương).

- Các nhóm dễ bị tổn thương khác: Nữ chủ hộ có người phụ thuộc, hộ gia đình có người tàn tật, người già không có nguồn hỗ trợ, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các hộ gia đình dân tộc thiểu số sẽ được hỗ trợ thêm như những hộ nghèo theo chính sách của tỉnh.

- Người BAH, những người sẽ bị mất nguồn thu nhập sẽ được tham gia trong các chương trình phục hồi thu nhập. Các biện pháp phục hồi thu nhập cũng như các dịch vụ khuyến nông, đào tạo và tạo nghề, tiếp cận tín dụng và giao đất phi nông nghiệp cho kinh doanh / hoạt động phi nông nghiệp và / hoặc các biện pháp khác phù hợp sẽ được trao cho người BAH mất đi nguồn thu nhập để đảm bảo cuộc sống của họ được phục hồi như trước khi có dự án.

Ngoài các hỗ trợ nêu trên, căn cứ vào tình hình thực tế dự án có thể xem xét quyết định các biện pháp hỗ trợ khác để đảm bảo ổn định đời sống, văn hóa tinh thần, sản xuất và sinh kế cho người BAH.

Bảng 29: Ma trận quyền lợi

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
1. Đất sản xuất (đất vườn, ao,...) nằm trong hoặc ngoài phạm vi đất ở.	(Người sử dụng đất có QSDĐ hợp pháp) <i>1.1. Ảnh hưởng nhẹ (<20% tổng diện tích đất hoặc <10% đối với nhóm hộ dễ bị tổn thương)</i> Diện tích đất còn lại của lô bị ảnh hưởng vẫn đủ điều kiện sử dụng hoặc đáp ứng khả năng sinh lợi cho người sử dụng. (có 711 hộ trong đó có 87 hộ dễ bị tổn thương; 624 hộ thường).	Bồi thường bằng tiền mặt theo giá thay thế, (không tính thuế và chi phí giao dịch) cho diện tích bị ảnh hưởng.	- Các hộ dân phải được thông báo trước chậm nhất 90 ngày trước khi bị thu hồi đất và phải có sự thống nhất của người dân. - Chủ sử dụng đất sẽ bàn giao đất ít nhất 20 ngày (cập nhật theo quy định tại thời điểm thực hiện dự án) kể từ khi Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và TĐC cấp huyện trả đầy đủ chi phí bồi thường đất.
	<i>1.2. Ảnh hưởng >=20% hoặc >=10% đối với nhóm hộ dễ bị tổn thương (DBTT)</i> (có 75 hộ trong đó có 35 hộ dễ bị tổn thương với 123 nhân khẩu, 40 hộ thường với 158 nhân khẩu).	Bồi thường bằng tiền mặt đối với diện tích đất bị mất bằng 100% chi phí thay thế đất. Những người bị ảnh hưởng sẽ nhận được các biện pháp phục hồi bổ sung nhằm phục hồi những nguồn thu nhập bị mất.	- Các hộ dân phải được thông báo trước ít nhất 90 ngày trước khi bị thu hồi đất và phải có sự thống nhất của người dân. - Chủ sử dụng đất sẽ bàn giao đất chậm nhất 20 ngày kể từ khi Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và TĐC trả đầy đủ chi phí bồi thường và các khoản hỗ trợ khác. - Đối với những hộ nghèo, DBTT và BAH bởi dự án, bao gồm cả những

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
			nông dân không có ruộng đất thì được cấp đất trồng trọt tương ứng với diện tích đất trồng trọt theo đầu người trong xã. Nếu không có sẵn đất để bồi thường hoặc theo yêu cầu của những người bị ảnh hưởng thì sẽ hỗ trợ thêm các chương trình tập huấn/ phục hồi để đảm bảo bằng hoặc hơn các mức thu nhập và tiêu chuẩn sống của họ.
	Người sử dụng đất có QSDD tạm thời hoặc thuê đất	Bồi thường bằng tiền mặt tương ứng với chi phí đầu tư còn lại trên đất bị ảnh hưởng.	
	Người sử dụng đất không được công nhận quyền sử dụng đất. (đất ở: 67 hộ; đất trồng cây hàng năm 24 hộ; đất trồng cây lâu năm 1 hộ; đất nuôi trồng thủy sản 2 hộ, đất khác 1 hộ).	Người bị ảnh hưởng sẽ nhận được hỗ trợ tương ứng với 80% giá thay thế cho phần diện tích đất bị ảnh hưởng. Đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 1/7/2004 sẽ được bồi thường 100% theo Điều 77.2 của Luật Đất đai. Ngoài ra sẽ nhận được hỗ trợ phục hồi thu nhập và đào tạo nghề. Trong trường hợp những người bị ảnh hưởng sử dụng đất công nằm trong khu vực bị thu hồi phục vụ dự án thì khi chuyển giao đất cho chính quyền họ sẽ không được bồi thường đối với diện tích đất công này nhưng được bồi thường đối với công trình, cây cối, hoa màu theo 100% giá thay thế.	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của huyện cần làm việc với UBND xã để xác định nguồn gốc đất BAH và thời điểm bắt đầu sử dụng

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
2. Đất ở	2.1. Ảnh hưởng nhẹ (Phần diện tích đất còn lại vẫn có thể tiếp tục sử dụng, không yêu cầu di dời) Có 666 hộ.	Bồi thường phần đất bị mất bằng tiền mặt theo (i) giá thay thế đối với người sử dụng đất có quyền hợp pháp hoặc quyền được luật pháp công nhận; (ii) Một số tiền hỗ trợ cho người sử dụng đất không được công nhận quyền sử dụng đất. Nếu những người bị ảnh hưởng phải xây lại nhà, họ sẽ nhận được một khoản trợ cấp tiền thuê nhà trong 3 tháng để có thời gian cần thiết để xây lại ngôi nhà của họ	Các hộ dân bị ảnh hưởng phải được thông báo trước chậm nhất 180 ngày trước khi bị thu hồi đất và phải có sự thống nhất của người dân. Chủ sử dụng đất sẽ bàn giao trong vòng 20 ngày kể từ khi hội đồng bồi thường và thu hồi đất trả đầy đủ chi phí bồi thường.
	2.2. Hộ di dời (47 hộ, trong đó có 4 hộ bị thu hồi hết đất ở và phần diện tích còn lại không đủ để xây dựng nhà)	<i>(i) Người sử dụng đất có quyền hợp pháp hoặc quyền được luật pháp công nhận:</i> Tùy theo nguyện vọng của hộ, hộ BAH sẽ được nhận một lô đất trong khu TĐC hoặc một căn hộ. Hộ sẽ có đầy đủ quyền sử dụng đất hoặc đứng tên sở hữu căn hộ mà không tốn bất kỳ chi phí nào. Hoặc theo đề nghị của hộ dân theo nguyện vọng của họ, bồi thường bằng tiền mặt theo giá thay thế toàn bộ cộng với số tiền tương đương với giá trị của các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng được tính bình quân cho mỗi hộ trong khu TĐC. Trong trường hợp này, hộ sẽ tự di dời. Nếu số tiền bồi thường ít hơn giá lô đất trong khu tái định cư của TDA, những người BAH sẽ nhận thêm một khoản hỗ trợ để có thể mua được lô đất (hoặc hỗ trợ bằng tiền mặt tương đương với sự khác biệt đối với hộ	- Các hộ BAH phải được thông báo trước chậm nhất 180 ngày trước khi bị thu hồi đất và phải có sự thống nhất của người dân. Quy trình bồi thường căn hộ/phân lô cho người sử dụng đất có quyền hợp pháp hoặc quyền được luật pháp công nhận tại khu TĐC sau: - Nếu giá bán lô đất/căn hộ ở khu vực mới có giá trị lớn hơn giá trị khu đất ở BAH, những người BAH sẽ được nhận lô đất/căn hộ mà không mất thêm chi phí. - Nếu lô đất/căn hộ có giá trị tương đương với khu đất mới, những người BAH sẽ được nhận lô đất/căn hộ mà không phải trả thêm phần chênh

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
		tự di dời). Theo đề nghị của hộ dân hoặc theo nguyện vọng của họ, bồi thường bằng tiền mặt theo giá thay thế toàn bộ cộng với số tiền tương đương với giá trị của các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng được tính bình quân cho mỗi hộ trong khu tái định cư. Trong trường hợp này, hộ sẽ tự di dời. <i>(ii) Những người BAH không có QSDĐ hợp pháp</i> Sẽ được nhận một số tiền hỗ trợ xác định. Nếu hộ BAH không có chỗ di chuyển, hộ sẽ được bố trí một căn hộ ở khu TĐC, hộ có thể trả góp hoặc thuê căn hộ này. Trong trường hợp hộ di dời là hộ nghèo hoặc hộ dễ bị tổn thương, dự án sẽ hỗ trợ nhằm đảm bảo người BAH có thể TĐC tại nơi ở mới.	lệch. - Nếu lô đất tại khu TĐC có giá trị thấp hơn giá trị của lô đất ở BAH, những người BAH sẽ nhận lô đất/căn hộ và phân chênh lệch bằng tiền mặt. Bản quy hoạch và thiết kế chi tiết của khu tái định cư sẽ do chuyên gia tư vấn của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và TĐC tham vấn với các bên liên quan và được UBND tỉnh phê duyệt. Các quy định cụ thể về phân lô TĐC sẽ được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư thiết lập sau khi tham vấn với chính quyền các xã và người dân BAH và sẽ được UBND tỉnh chấp thuận chính thức. Đối với các hộ phải di chuyển đến nơi ở mới, hỗ trợ thông qua phương án đất đổi đất có đặc tính tương đương và được cấp giấy tờ mà không phải trả bất cứ khoản chi phí nào. Diện tích đất được đổi không <40m² hoặc bồi thường bằng tiền mặt theo giá trị tương đương, nếu người dân BAH chọn phương án tự TĐC. Diện tích và số lượng khu TĐC sẽ được quyết định dựa trên sự mong muốn của những người BAH.

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
3. Nhà ở	3.1. Ảnh hưởng một phần: Phần không ảnh hưởng của kết cấu nhà vẫn có thể sử dụng được và có thể duy trì về mặt kỹ thuật, do đó, không yêu cầu phải di dời (85 hộ).	- Nếu nhà/công trình xây dựng bị ảnh hưởng một phần và phần còn lại của công trình xây dựng có thể sử dụng được tiếp, dự án sẽ trợ cấp thêm chi phí sửa chữa nhà cửa/công trình, ngoài việc bồi thường cho phần bị ảnh hưởng ở giá thay thế, để cho phép các hộ BAH khôi phục lại nhà cửa về nguyên trạng hoặc tốt hơn điều kiện ban đầu. - Các công trình/tài sản cố định sẽ được bồi thường theo giá thay thế và sẽ được chi trả bằng tiền mặt.	Đơn giá tính toán dựa trên diện tích bị ảnh hưởng thực tế, không căn cứ trên diện tích sử dụng.
	3.2. Ảnh hưởng toàn phần (bao gồm cả nhà có diện tích bị ảnh hưởng toàn bộ hoặc Nhà bị ảnh hưởng một phần nhưng phần còn lại không đủ điều kiện tiếp tục sử dụng hoặc bị thu hồi toàn bộ nhà) (47 hộ)	- Bồi thường bằng tiền mặt cho 100% cấu trúc với giá thay thế cho vật liệu và công xây dựng, cho dù các hộ bị ảnh hưởng có hoặc không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, có hoặc không có giấy phép xây dựng. Số tiền sẽ được đủ để xây dựng lại một căn nhà giống như trước đây theo giá thị trường hiện tại. - Các công trình/ tài sản cố định sẽ được bồi thường theo giá thay thế và sẽ được chi trả bằng tiền mặt. Những người thuê nhà của nhà nước hoặc tổ chức sẽ: (i) được thuê hoặc mua một căn hộ mới có diện tích ít nhất bằng với phần diện tích BAH; hoặc (ii) cấp một khoản hỗ trợ bằng 60% giá thay thế của đất và nhà BAH. Bất kỳ khoản đầu tư như nhà ở, cây cối, hoa màu,... trên đất	Đơn giá tính toán dựa trên diện tích BAH thực tế, không căn cứ trên diện tích sử dụng.

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
		của người BAH sẽ được bồi thường theo giá thay thế đầy đủ. - Những người thuê nhà để ở sẽ được nhận trợ cấp di chuyển cho việc di chuyển tài sản. Họ cũng được hỗ trợ trong việc xác định chỗ ở thay thế. - Hỗ trợ thuê nhà trong thời gian xây dựng mới, cho 6 tháng/hộ. UBND tỉnh quyết định việc hỗ trợ thuê nhà nhưng không vượt quá 600.000đ/tháng ở vùng nông thôn và 1.000.000đ/tháng ở khu vực thành thị.	Hỗ trợ nên được nhận cùng thời gian nhận đền bù
4. Cây cối, hoa màu	Chủ sở hữu không kể tình trạng sở hữu. Cây ăn quả (532 hộ); Cây lấy gỗ (161 hộ); Cây cảnh (203 hộ); Hoa màu (577 hộ)	Đối với cây trồng hàng năm và cây trồng lâu năm, các sản phẩm nuôi trồng thủy sản, không kể tình trạng pháp lý của đất đai, những người bị ảnh hưởng đang trồng trọt trên đất sẽ được bồi thường bằng tiền mặt, giá thay thế đầy đủ theo thị trường địa phương để đảm bảo việc bồi thường là đủ để thay thế các loại cây trồng, hoa màu hoặc các sản phẩm nuôi trồng thủy sản.	Người dân sẽ được thông báo trước vài tháng trước khi thu hồi mặt bằng. Hoa màu trồng sau thời hạn sau ngày Khóa sổ kiểm kê sẽ không được hưởng bất cứ chính sách bồi thường nào.
5. Công trình công cộng	Tài sản bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng	Hoặc (i) Bồi thường bằng tiền mặt cho chi phí sửa chữa phục hồi công trình (ii) bồi thường theo thỏa thuận giữa hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của huyện với chủ sở hữu tài sản.	Đối với công trình công cộng, việc di dời sẽ được thực hiện bởi chủ sở hữu trước khi bắt đầu công việc.
6. Tài sản thuộc sở hữu của xã, tài sản công.	Tài sản bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng thuộc các đơn vị quản lý hành chính làng, xã, phường,	Hoặc (i) Bồi thường bằng tiền mặt cho chi phí sửa chữa phục hồi công trình (ii) bồi thường theo thỏa thuận giữa Ban bồi thường huyện với chủ sở hữu tài sản.	

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	quận/huyện, tỉnh.		
7. Mồ mả	Mồ mả bị di dời (9 ngôi mộ sẽ bị di dời)	- Bồi thường bằng tiền mặt chi phí đào, vận chuyển và cải táng cho gia đình bị ảnh hưởng. - Các ngôi mộ phải được khai quật và di dời theo đúng phong tục tập quán.	Theo Điều 11 QĐ số 34/2014/QĐ-UBND tỉnh Sóc Trăng, ngày 31 tháng 12 năm 2014.
8. Mất nguồn thu nhập và sinh kế do mất đất sản xuất	Ảnh hưởng do mất đất sản xuất vĩnh viễn $\geq 20\%$ tổng diện tích đất sản xuất hoặc mất dưới 20% đất BAH nhưng phần đất còn lại không sản xuất được. (Người sử dụng đất có quyền hợp pháp hoặc quyền được luật pháp công nhận và những người bị ảnh hưởng có thỏa thuận thuê đất bị ảnh hưởng)	Hỗ trợ ổn định đời sống: Người BAH sẽ được hỗ trợ 30kg gạo/người/tháng, trong đó: (a) Đối với các hộ BAH từ 20% đến 70% diện tích đất nông nghiệp mà phần diện tích đất canh tác còn lại vẫn đủ điều kiện canh tác tiếp thì sẽ được trợ cấp trong 6 tháng, và nếu phần diện tích đất canh tác còn lại không đủ điều kiện canh tác và toàn bộ phần diện tích đất bị thu hồi thì sẽ được hỗ trợ trong 12 tháng. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn đặc biệt, mức hỗ trợ tối đa là 24 tháng. (b) Đối với các hộ BAH trên 70% diện tích đất nông nghiệp mà phần diện tích đất canh tác còn lại vẫn đủ điều kiện canh tác tiếp thì sẽ được trợ cấp trong 12 tháng, và nếu phần diện tích đất canh tác còn lại không đủ điều kiện canh tác và toàn bộ phần diện tích đất bị thu hồi thì sẽ được hỗ trợ trong 24 tháng. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn đặc biệt, mức hỗ trợ tối đa là 36 tháng. Ngoài ra, những người BAH sẽ được hỗ trợ phục hồi sinh kế; (c) Đối với các hộ BAH dưới 20% diện tích đất nông	Căn cứ theo Điều 15, chương III, Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND tỉnh Sóc Trăng ngày 31 tháng 12 năm 2014. Dựa trên khoản 1, điều 16 Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND tỉnh Sóc Trăng, ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
		nghiệp mà mà phần diện tích đất canh tác còn lại không đủ điều kiện canh tác tiếp thì sẽ được trợ cấp trong 12 tháng Nếu bồi thường theo phương thức “đất đổi đất”, những người BAH sẽ được hỗ trợ các cây giống, các chương trình khuyến nông - lâm nghiệp, chăn nuôi... Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: Tất cả những hộ BAH đất sản xuất, không phân biệt mức độ ảnh hưởng sẽ được nhận một khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp bằng tiền mặt tương đương với mức hỗ trợ sẽ được thực hiện theo Quy định hiện hành của UBND tỉnh Sóc Trăng (1,5 lần). Hỗ trợ cho đào tạo nghề và tạo việc làm: Có ít nhất một thành viên của hộ BAH do mất đất sản xuất sẽ được nhận đào tạo nghề và hỗ trợ tìm việc làm tại địa phương. Các hộ tham gia vào chương trình đào tạo sẽ được miễn học phí. Các học viên sẽ được trả trợ cấp một lần để trang trải các chi ăn ở trong thời gian đào tạo. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, họ sẽ được ưu tiên để được tuyển dụng trong ngành sản xuất tại địa phương.	
9. Mất nguồn thu nhập và sinh kế do di dời địa điểm kinh doanh	<i>Ảnh hưởng nhẹ</i>		
	<i>Chủ sở hữu cơ sở kinh doanh bị ảnh hưởng và người lao động trong cơ sở sản xuất, kinh doanh.</i>	Đối với các hộ bị mất thu nhập và/hoặc bị ảnh hưởng tới kinh doanh/sản xuất do thu hồi đất, cơ chế bồi thường sẽ như sau: (i) Trợ cấp ngừng kinh doanh: Tất cả các doanh nghiệp và hộ kinh doanh có thu nhập bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường hoặc hỗ trợ tương đương 30% thu nhập hàng	

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
		năm: (a) Đối với hộ/doanh nghiệp có đang ký kinh doanh, tiền bồi thường sẽ dựa trên thu nhập bình quân hàng năm của họ khai báo với cơ quan thuế trong ba năm gần nhất, và (b) Đối với các hộ/doanh nghiệp không có giấy phép kinh doanh bị ảnh hưởng kinh doanh nhưng có đóng thuế sẽ nhận một khoản trợ cấp bằng 50% so với hộ có giấy phép kinh doanh. (ii) Người lao động trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan nhà nước bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất: được nhận trợ cấp tương đương với mức lương tối thiểu theo các quy định cấp tỉnh trong thời gian chuyển đổi tối đa là 6 tháng và sẽ được hỗ trợ tìm kiếm việc làm thay thế.	
	<i>Chủ sở hữu địa điểm kinh doanh bị di dời, bất kể tình trạng sở hữu về đất.</i>	Nếu doanh nghiệp phải di dời, dự án sẽ cung cấp địa điểm thay thế với lợi thế về vị trí và các điều kiện vật lý tương tự như địa điểm có thể dễ dàng tiếp cận với khách hàng cơ bản; thỏa mãn yêu cầu của doanh nghiệp, hoặc dự án sẽ bồi thường bằng tiền mặt đối với đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng ở giá thay thế, kèm theo trợ cấp di dời.	Các hộ bị ảnh hưởng sẽ được ưu tiên di dời địa điểm kinh doanh đến các vị trí gần mặt đường quốc lộ hoặc đường thôn xã và dọc theo các kênh gần các cầu hoặc chân cầu để tối đa hóa khả năng tạo lợi nhuận và các cơ hội kinh doanh. Tại thời điểm chi trả bồi thường, mức hỗ trợ sẽ được điều chỉnh có tính toán trượt giá.
10.	Trợ	Ảnh hưởng về đất và các tài	Hỗ trợ đặc biệt cho các nhóm dễ bị tổn thương như sau:
			Trợ cấp cho các hộ chính sách (mẹ

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
cấp/hỗ trợ cho các hộ dễ bị tổn thương	sản gắn liền với đất <i>Các nhóm BAH dễ bị tổn thương không kể mức độ nghiêm trọng. Các nhóm dễ bị tổn thương được xác định trong phần định nghĩa các thuật ngữ</i>	- Đối với các hộ không còn đất ở, được bố trí một căn hộ mà hộ có thể trả góp hoặc mượn căn hộ. - Các hộ chính sách: (i) Các hộ chính sách phải di dời bao gồm các mẹ anh hùng, thương bệnh binh hay gia đình liệt sỹ được nhận hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh; (ii) Hộ nghèo bị di dời hoặc BAH từ 20% diện tích đất sản xuất trở lên hoặc BAH dưới 20% diện tích đất sản xuất nhưng phần còn lại không đủ điều kiện canh tác: được nhận hỗ trợ và các hộ này phải có xác nhận của chính quyền địa phương. - Các nhóm dễ bị tổn thương khác (hộ có phụ nữ làm chủ, hộ có người tàn tật, người già không nơi nương tựa) BAH bởi TDA, có hoặc không có di dời sẽ nhận được sự hỗ trợ như cho các hộ nghèo theo quy định của UBND tỉnh. Những hộ này có quyền được tham gia chương trình phục hồi thu nhập	Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh liệt sỹ...) theo quy định của Chính phủ. Nếu hộ BAH đủ điều kiện được hưởng nhiều chính sách trợ cấp thêm thì chỉ được hưởng 1 mức trợ cấp cao nhất.
11. Các khoản trợ cấp và hỗ trợ khác	<i>Ảnh hưởng về đất hoặc tài sản trên đất</i>	Tiền thưởng khuyến khích: Tất cả các hộ bị ảnh hưởng dọn ra khỏi vùng đất bị ảnh hưởng ngay sau khi nhận được bồi thường và trợ cấp theo quy định của UBND tỉnh. Trợ cấp sửa chữa: Nếu nhà/cấu trúc bị ảnh hưởng một phần và phần cấu trúc còn lại có khả năng sử dụng được tiếp, dự án sẽ trợ cấp một khoản tương đương bằng 20% giá bồi thường cho phần cấu trúc bị ảnh hưởng, cho phép người bị ảnh hưởng khôi phục lại sao cho tương đương với điều kiện cũ hoặc tốt hơn.	Theo khoản 2, Điều 21, Chương III, QĐ số 34/2014/QĐ-UBND tỉnh Sóc Trăng, ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng	Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
		Các hộ tái định cư có trẻ em đang đi học sẽ được hỗ trợ học phí 1 năm theo quy định của Bộ Giáo dục. Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh sẽ đưa ra những khoản trợ cấp khác để đảm bảo khôi phục nơi ở và sinh kế cho người bị ảnh hưởng.	
12. Các tác động tạm thời	Ảnh hưởng về đất tạm thời Có (29 hộ BAH đất ở; đất trồng cây hàng năm 662 hộ; đất trồng cây lâu năm 62 hộ; đất nuôi trồng thủy sản 30 hộ; đất sản xuất kinh doanh 2 hộ).	Bồi thường các tài sản gắn liền với đất, bao gồm cây trồng, hoa màu theo giá thay thế đầy đủ. Chi phí thuê đất bằng tiền mặt tối thiểu bằng thu nhập thuần thu được từ tài sản bị ảnh hưởng trong thời gian gián đoạn do thu hồi. Phục hồi đất trong vòng 3 tháng sau khi sử dụng: Nhà thầu sẽ trả lại đất trong tình trạng ban đầu trong vòng 3 tháng kể từ khi các công trình dân dụng hoàn tất.	Nếu chất lượng đất khi trả lại cho các hộ bị ảnh hưởng, các hộ này sẽ phải thay đổi loại hình sử dụng đất, vì thế họ sẽ được bồi thường các khoản chi phí dự kiến bị thua lỗ.
	Hộ gia đình có các hoạt động tạo thu nhập, hoặc sinh kế bị ảnh hưởng do việc thi công	Bồi thường cho tất cả các thiệt hại theo giá thay thế; Được ưu tiên tham gia các chương trình khuyến nông, các hỗ trợ khác phù hợp của địa phương	Các đối tượng cần hỗ trợ phải được xác định và tham vấn đầy đủ
13. Các tác động khác có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án	<i>Các cá nhân, tổ chức thuộc khu vực dự án</i>	Các quyền được bồi thường và hỗ trợ khác sẽ được cung cấp phù hợp theo chính sách bồi thường này. Các tác động thứ cấp về sản xuất và kinh doanh hoặc việc người bị ảnh hưởng không thể tiếp cận các nguồn lực tạm thời phải được bồi thường và hỗ trợ theo quy định của RAP.	Trong trường hợp ảnh hưởng đến sinh kế của người bị ảnh hưởng, các nhà thầu, đơn vị thi công phải đồng ý với các hộ gia đình chi trả cho việc gián đoạn kinh doanh.

V. CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI THU NHẬP

5.1. Mục tiêu

Chương trình phục hồi thu nhập là các chương trình cần thực hiện để hỗ trợ giúp họ cải thiện hoặc ít nhất cũng khôi phục được mức sống, mức thu nhập và khả năng sản xuất như trước khi có dự án.

Mục tiêu tổng quát của dự án là đảm bảo tất cả các hộ bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án có thể duy trì, hoặc cải thiện mức sống và khả năng thu nhập từ các khoản bồi thường và hỗ trợ khôi phục cuộc sống cho tất cả các loại động sản và bất động sản của họ bị mất.

5.2. Nguyên tắc

Theo kết quả EOL có 325 hộ đủ điều kiện tham gia vào chương trình phục hồi thu nhập của tiểu dự án (các hộ được tham gia vào chương trình phục hồi thu nhập gồm các đối tượng):

Hộ dễ bị tổn thương 285 hộ;

Hộ bị mất đất sản xuất từ 20% với các hộ bình thường và từ 10% trở lên với các hộ dễ bị tổn thương: 75 hộ;

Các hộ gia đình bị ảnh hưởng đất sản xuất từ 20%. Có 35 hộ gia đình là cả hai hộ gia đình dễ bị tổn thương và mất từ 10% hoặc trên đất sản xuất;

Hộ di dời 47 hộ;

Các chương trình phục hồi thu nhập sẽ được thiết kế và thực hiện với sự tham vấn của những hộ bị ảnh hưởng trong suốt quá trình triển khai tiểu dự án.

5.3. Đề xuất chương trình phục hồi thu nhập

Đa phần các hộ bị ảnh hưởng có ngành nghề chính là làm nông nghiệp là chủ yếu, mà cơ hội chuyển đổi nghề nghiệp rất khó khăn vì người dân không chú trọng việc thay đổi nghề nghiệp. Do đó vấn đề phục hồi thu nhập chủ yếu sẽ tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp. Theo kết quả tham khảo ý kiến công chúng về những mong muốn của người dân và ý kiến của các cơ quan kỹ thuật, các kế hoạch hỗ trợ phục hồi sinh kế bao gồm: Tập trung vào việc đưa các giống cây trồng, vật nuôi và tập huấn kỹ thuật vào sản xuất cho người dân nhằm nâng cao năng suất và giá trị sản xuất. Triển khai mở rộng các mô hình trồng trọt đang có hiệu quả kinh tế cao trên địa bàn huyện lồng ghép vào tiểu dự án cho các hộ.

Qua kết quả thực hiện một số mô hình thử nghiệm năm 2015 trên địa bàn huyện Cù Lao Dung, phòng nông nghiệp huyện có tổng kết như sau:

- Mô hình nhân giống mía mới Khonkhoen 3, VNT 01, VNT 08, VNT 08-270: Theo đánh giá của phòng nông nghiệp huyện mía phát triển tốt, thích nghi với vùng đất Cù Lao, năng suất ước đạt 140 tấn/ha.
- Mô hình chăn nuôi gà thả vườn:
- + Quy mô 1.600 con/5 hộ;

+ Doanh thu 151.200.000 đồng;

+ Lợi nhuận 19.440.000 đồng.

Mô hình này được đa số người dân đánh giá mang lại hiệu quả cao và đang được phổ biến nhân rộng trên địa bàn huyện.

Các thông tin trên đã được thông báo ai đủ điều kiện tham gia chương trình phục hồi thu nhập trong các cuộc họp tham vấn. Tất cả những người tham gia đã đồng ý rằng các hoạt động sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện gia đình và địa phương của họ. Kết quả các cuộc họp tham vấn đã chỉ ra rằng 85 hộ gia đình chọn mô hình trồng mía (Các hộ BAH thuộc thị trấn Cù Lao Dung và các xã của An Thạnh 2 và An Thạnh 3, nơi vẫn có kế hoạch phát triển sản xuất mía đường).

Bảng 30: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp

TT	Mô hình	Các hoạt động	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Ngân sách chương trình	Thời gian thực hiện
1	Trồng mía	Chương trình dự kiến sẽ lồng ghép với các chương trình dự án trong huyện hỗ trợ 1 phần kinh phí mua giống.	hộ	1.600	85	136.000	2019 - 2020
2	Trồng bưởi da xanh	Chương trình dự kiến sẽ lồng ghép với các chương trình dự án trong huyện hỗ trợ 1 phần kinh phí mua giống.	hộ	1.600	65	104.000	2019 – 2020
3	Nuôi gà thả vườn	Chương trình dự kiến sẽ lồng ghép với các chương trình dự án trong huyện hỗ trợ 1 phần kinh phí mua giống	hộ	1.600	98	156.800	2019 – 2020
4	Nuôi heo thịt	Chương trình dự kiến sẽ lồng ghép với các chương trình dự án trong huyện hỗ trợ 1 phần kinh	hộ	1.600	77	123.200	2019 – 2020
5	Tập huấn kỹ thuật	Đào tạo kỹ thuật cho các hộ tham gia chương trình phục hồi thu nhập	lớp	10.000	9	90.000	2019 – 2020
		Tổng:				610.000	

Đối với hợp phần trồng trọt: Hợp phần trồng trọt sẽ do phòng Nông nghiệp huyện và Trạm khuyến nông huyện Cù Lao Dung đảm nhiệm. Trong quá trình thực hiện cần kết hợp với cán bộ xã/thị trấn, ấp để xác định các đối tượng hưởng lợi và kế hoạch cụ thể cho từng hạng mục.

- Phòng Nông nghiệp & trạm khuyến nông sẽ cung cấp đầy đủ vật tư cho sản xuất như giống các loại cây trồng như giống mía mới Khonkhoen 3, VNT 01, VNT 08, VNT 08-270, giống bưởi da xanh đúng chủng loại, số lượng, chất lượng và các loại vật tư phân bón đúng thời vụ như đã được xác định cho các hộ nông dân theo hình thức giao trực tiếp đến tận hộ có biên bản bàn giao.
- Cán bộ khuyến nông huyện và cấp xã/thị trấn (nếu có) sẽ trực tiếp chỉ đạo các hộ dân triển khai mô hình trên diện tích đất của các hộ, từ khâu làm đất, bón phân, gieo hạt, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh theo từng giai đoạn, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch.
- Trong quá trình thực hiện hợp phần trồng trọt các hộ dân phải tự bỏ 1 phần kinh phí mua giống, công lao động và các loại vật dụng cần thiết để tiến hành triển khai mô hình của gia đình.
- Đối với hợp phần trồng trọt tiểu dự án sẽ hỗ trợ các hộ trong diện được hưởng lợi trong vòng 2 năm. Năm thứ nhất tiểu dự án hỗ trợ 1 phần mua giống, vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu. Năm thứ 2 tiểu dự án chỉ hỗ trợ kỹ thuật, các hộ phải tự bỏ tiền mua giống và vật tư nông nghiệp.

Hợp phần chăn nuôi:

Chăn nuôi gia súc, gia cầm: bao gồm heo thịt và gà thả vườn.

- Tiểu dự án sẽ hỗ trợ 1 phần kinh phí cho các hộ trong diện được hưởng lợi để mua giống lợn và giống gà.
- Phòng nông nghiệp huyện và trạm thú y huyện sẽ trực tiếp tham gia vào hỗ trợ chương trình chăn nuôi của các hộ dân thông qua hỗ trợ giống và kỹ thuật chăn nuôi và thú y. Cán bộ chịu trách nhiệm trong hạng mục này phải xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể đối với từng ấp trên cơ sở thời gian và quy mô đã được lập trong kế hoạch. Tiểu dự án không hỗ trợ vật tư làm chuồng các hộ sẽ phải tự làm tiểu dự án không hỗ trợ các loại chi phí này. Chuồng trại phải làm trước khi nhận con giống.

Ghi danh vào các chương trình sinh kế hộ bị ảnh hưởng nghiêm trọng mất đất nông nghiệp cũng nên được ưu tiên để ghi danh vào các chương trình sinh kế hỗ trợ dự án. Cơ quan triển khai IRP, nên tiến hành các cuộc họp tham vấn với các hộ bị ảnh hưởng nghiêm trọng và ưu tiên đăng ký vào các mô hình dự án nếu họ có đủ điều kiện để tham gia vào các mô hình này. Các mô hình sinh kế hỗ trợ dự án bao gồm:

- Mô hình 1: Nuôi trồng thủy sản kết hợp với nghề bùn sinh sản (*Geloina coaxans*) và ốc biển (*Cerithidea obtuse*) dưới rừng ngập mặn;

- Mô hình 2: Nuôi tôm sú phổ biến (*Penaeus monodon*) dưới rừng nhân tạo ở vùng đệm ven sông;
- Mô hình 3: Nuôi tôm sú phổ biến (*Penaeus monodon*), tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo VietGAP;
- Mô hình 4: Nuôi tôm sú phổ biến (*Penaeus monodon*) kết hợp với cá đối xám xám (*Mugil cephalus*), cá rô phi (*Sarotherodon*) trong hệ thống ao;
- Mô hình 5: *Pseudapocryptes elongatus* (*Pseudapocryptes elongatus*) thâm canh trong ao đất;
- Mô hình 6: Trồng cây ăn quả chịu mặn (dừa, xoài, thanh long) theo hướng phát triển du lịch sinh thái ở vùng ven biển;
- Mô hình 7: Chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học (thịt bò, dê, gia cầm, vịt vườn).

VI. TRÁCH NHIỆM TÁI ĐỊNH CƯ

Việc thực hiện tiểu dự án sẽ ảnh hưởng đến nhà ở và công trình phụ với tổng diện tích sản lần lượt là 4.915m² và 9.728m². Có 132 hộ gia đình có nhà sẽ bị ảnh hưởng, trong đó 85 người có nhà sẽ bị ảnh hưởng một phần và sẽ được sửa chữa và sử dụng được; 47 người BAH có nhà sẽ hoàn toàn ở lại và phải di dời. Đối với 47 hộ gia đình này, việc tham vấn đã được tiến hành và các phương án tái định cư đã được đề xuất cho các hộ bị ảnh hưởng, bao gồm: a) di dời đến khu tái định cư do chính phủ phát triển; b) tự di chuyển đến nơi khác mà họ lựa chọn; và c) tự di chuyển đến đất thổ cư của họ trong trường hợp đất bị ảnh hưởng của họ vẫn còn. Cùng với các lựa chọn tái định cư, các hộ gia đình bị ảnh hưởng đã được thông báo về các khoản trợ cấp và trợ cấp mà họ được hưởng - theo Khung Tái định cư của Dự án.

Trong số 47 hộ gia đình cần tái định cư, 38 hộ gia đình chuyển ra tái định cư. Khi có đất, họ sẽ tái định cư bằng cách xây dựng ngôi nhà mới ở khu đất thổ cư còn lại gần khu đất bị ảnh hưởng. Điều này giúp họ giảm thiểu tác động bất lợi tiềm tàng đối với các hoạt động tạo thu nhập và nhà ở của họ. Tuy nhiên, 9 người BAH còn lại sẽ được tái định cư ở các khu vực khác vì họ không còn đất để xây dựng ngôi nhà mới gần vùng đất bị ảnh hưởng. Sau các cuộc họp tham vấn khác nhau với nhóm này, các hộ gia đình bị ảnh hưởng cho biết họ thích tự di chuyển thay vì chuyển đến địa điểm do chính phủ phát triển cách xa nhà của họ. Cả hai nhóm này sẽ được bồi thường cho các cuộc kiểm tra bị mất và được hỗ trợ cho thuê nhà trong thời gian xây dựng ngôi nhà mới của họ, hỗ trợ để xóa nhà. Bên cạnh đó, họ được hưởng một gói tài chính với số tiền tương đương 50.000.000 đồng với giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng cho một khu tái định cư.

Đối với 9 ngôi mộ bị ảnh hưởng, tất cả các chi phí cho việc khai quật, di dời, cải tạo và xây dựng lại ngôi mộ sẽ được trả bằng tiền mặt cho người BAH. Các hộ gia đình bị ảnh hưởng sẽ chịu trách nhiệm loại bỏ các ngôi mộ của họ và chôn cất trong đất của họ - theo phong tục và tập quán địa phương. (Vui lòng xem phần Tác động đến mồ mả từ Ma trận quyền lợi để biết chi tiết về gói hỗ trợ và bồi thường).

VII. PHỔ BIẾN THÔNG TIN, THAM VẤN

Phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng được triển khai trong thời gian chuẩn bị và thực hiện các công trình để đảm bảo rằng những người bị ảnh hưởng và các bên có liên quan nắm được thông tin về đất đai thu hồi, bồi thường và tái định cư, cũng như là các cơ hội tham gia và bày tỏ ý kiến liên quan đến các chương trình tái định cư. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của huyện (DRC) với sự hỗ trợ của chính quyền các thị trấn/xã, ấp tổ chức các buổi họp và tham vấn, phân loại thông tin và thực hiện các bước tiếp theo để giúp những người bị ảnh hưởng hiểu rõ về chương trình này.

Người BAH bởi các công trình thuộc tiểu dự án là những người đang sinh sống tại 5 xã và 1 thị trấn, bao gồm: Thị trấn Cù Lao Dung, xã An Thạnh I, xã An Thạnh II, xã An Thạnh III, xã An Thạnh Tây và xã An Thạnh Nam.

Ngoài ra, những tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc thu hồi đất, tài sản trên đất và tái định cư bao gồm: đại diện UBND, đại diện các tổ chức xã hội như hội Nông dân, hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc của các phường bị ảnh hưởng trong khu vực dự án cũng tham gia các cuộc họp phổ biến thông tin và tham vấn về thu hồi đất, bồi thường và tái định cư của tiểu dự án.

7.1. Phổ biến thông tin

Mục đích của công bố thông tin và tham vấn được thực hiện trong quá trình chuẩn bị Kế hoạch hành động tái định cư để đảm bảo rằng người BAH và các bên liên quan khác có thông tin một cách kịp thời về thu hồi đất, đền bù và tái định cư cũng như cơ hội để tham gia và bày tỏ mong muốn và mối quan tâm của họ về các chương trình tái định cư. Đại diện của thị trấn và 5 xã/hoặc chính quyền ấp tổ chức cuộc họp tham vấn, phổ biến thông tin và các bước tiến hành đến những người bị ảnh hưởng.

Lãnh đạo thị trấn/xã trong vùng tiểu dự án và tư vấn tái định cư đã phối hợp để tiến hành các cuộc họp tất cả những người bị ảnh hưởng để tham vấn cộng đồng các công việc của tiểu dự án, đồng thời phân phát tài liệu thông tin về tiểu dự án cho người bị ảnh hưởng. Những tác động, tác động tiêu cực và tích cực tiềm năng, kế hoạch thực hiện (EOL, công bố kết quả EOL, lựa chọn đền bù, vv...) được tham khảo ý kiến trong các cuộc họp.

Trong các cuộc họp tham vấn cộng đồng về tác động của các công trình, ma trận quyền lợi, chính sách đền bù cụ thể và quy trình đền bù, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại được phổ biến tới những người bị ảnh hưởng ở các ấp. Tất cả những người bị ảnh hưởng của thị trấn và các xã nằm trong vùng tiểu dự án đã tham dự cuộc họp tham vấn. Đại diện lãnh đạo thị trấn và các xã, huyện đã giải thích trực tiếp, trả lời câu hỏi của người bị ảnh hưởng. Ma trận quyền lợi và chính sách cụ thể về đền bù, hỗ trợ và tái định cư được in ra và phân phát cho người bị ảnh hưởng, được niêm yết trong thị trấn/ xã và các nhà văn hóa trong vùng tiểu dự án.

Công việc ước tính thiệt hại đã được tiến hành với sự tham gia của đại diện thị trấn/ các xã, Trưởng ban, Trưởng/Phó trưởng ấp, tổ chức quần chúng, và người bị ảnh hưởng.

Kết quả xác định giá trị đền bù, hỗ trợ và tái định cư (dựa trên ma trận quyền lợi và EOL) tính theo hộ gia đình và phân phát cho tất cả những người bị ảnh hưởng. Kết quả này sẽ được niêm yết ở văn phòng UBND các xã/ thị trấn.

7.2. Tham vấn cộng đồng

7.2.1. Trong quá trình chuẩn bị RAP

Tư vấn TĐC đã thực hiện 2 cuộc tham vấn trong quá trình chuẩn bị RAP, như sau:

a) Cuộc họp tham vấn cộng đồng lần thứ nhất

Các cuộc họp tham vấn cộng đồng lần thứ nhất được tổ chức tại các cộng đồng của tiểu dự án trong tháng 7 – tháng 8 năm 2017:

Mục đích của cuộc họp tham vấn lần thứ nhất

- Thông báo đầy đủ thông tin về các công trình của tiểu dự án, tới huyện, các xã/ thị trấn và những người bị ảnh hưởng.
- Thông báo kế hoạch chuẩn bị RAP đến huyện, thị trấn và các xã bị ảnh hưởng
- Khung phỏng vấn Khảo sát và EOL bao gồm: Các ý kiến về
 - o Việc xây dựng các công trình thuộc tiểu dự án “Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế người dân khu vực Cù Lao Dung”.
 - o Các tác động tiêu cực của các công trình đối với cuộc sống của cộng đồng trong vấn đề tái định cư. Ý kiến về chính sách đền bù và kế hoạch tái định cư.
- Khảo sát thông tin chung của hộ gia đình bị ảnh hưởng và chính quyền địa phương các cấp:
 - o Tác động của việc xây dựng đối với cuộc sống của người dân địa phương, với cơ sở hạ tầng của địa phương, lợi thế và bất lợi khi di dời.
 - o Nhận xét về đền bù và đề xuất tái định cư.
- (i) Trong các cuộc họp cộng đồng với sự tham gia của tất cả các hộ gia đình BAH của tiểu dự án. Tổng cộng có 1.542 người đã tham dự cuộc họp, trong đó có 663 phụ nữ chiếm 43% tổng số người tham dự, ngoài đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã/ thị trấn và các tổ chức xã hội khác trong khu vực (như Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc, Phụ nữ, Thanh niên ...). Các cuộc họp đã tiến hành thảo luận lấy ý kiến đề xuất của công chúng về các phương án thiết kế khác nhau. Một số thiết kế khác nhau được xem xét và thảo luận. Các cộng đồng được thông báo các mục tiêu, mục đích và kết quả của tiểu dự án, cũng như các vấn đề quan trọng của đền bù, giải phóng mặt bằng, tác động môi trường, lựa chọn việc xây dựng các công trình thuộc tiểu dự án với trường ấp, đại diện các tổ chức xã hội, chính quyền địa phương và các xã/ thị trấn nằm trong vùng tiểu dự án.
- (ii) Thông tin phổ biến trong cuộc họp bao gồm (i) phạm vi và mục tiêu của tiểu dự án dựa trên quy định của Dự án "**Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng Bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL/WB9)**", (ii) chính sách, nguyên tắc, thủ tục thu hồi đất, đền bù và tái định cư, và (iii) các tác động tái định cư.

(iii) Các vấn đề chính và ý kiến của người tham gia: Tất cả các những người tham dự đồng ý với việc thực hiện tiểu dự án, với chính sách của tiểu dự án, họ mong muốn tiểu dự án bắt đầu thực hiện sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân địa phương trong phát triển sản xuất và việc vận chuyển hàng hóa, trao đổi văn hóa và kinh tế trong và ngoài khu vực.

b) Cuộc họp tham vấn lần 2

Trong các cuộc họp tham vấn lần thứ hai có tổng cộng 1.540 người tham gia trong đó có 661 người là phụ nữ, chiếm 42,92% tổng số người tham dự.

Mục đích của cuộc họp lấy ý kiến về kế hoạch hành động tái định cư được tổ chức trong quá trình chuẩn bị RAP là cung cấp thông tin và tham vấn với người BAH và các tổ chức, cá nhân quan tâm khác: (i) Lấy ý kiến chung về khung chính sách tiểu dự án, (ii) kết quả ước tính thiệt hại, giá trị đền bù và những lợi ích, (iii) các thủ tục chi trả đền bù và các hoạt động tái định cư. (iv) Kế hoạch phục hồi thu nhập cho các hộ phải di chuyển.

Thu thập đầy đủ và chính xác ý kiến của những người bị ảnh hưởng ở cộng đồng, tạo cơ hội cho những người bị ảnh hưởng tham gia đầy đủ trong việc chuẩn bị kế hoạch tái định cư để đảm bảo tính dân chủ trong việc xây dựng kế hoạch hành động tái định cư

Trong quá trình chuẩn bị Kế hoạch hành động tái định cư, đại diện của Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với tư vấn tái định cư, chính quyền địa phương tổ chức các cuộc họp với các hộ gia đình bị ảnh hưởng.

- Thời gian và địa điểm tham vấn: cuộc họp tham vấn với người bị ảnh hưởng được thực hiện trong tháng 8 và tháng 9 năm 2017 tại nhà văn hóa các ấp, tại Ủy ban nhân dân các xã/ thị trấn bị ảnh hưởng (tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng và số hộ bị ảnh hưởng) đã tổ chức hai cuộc tham vấn với tất cả các hộ gia đình bị ảnh hưởng của các xã/ thị trấn có cơ hội để nắm bắt được nội dung và chính sách đền bù và tái định cư phù hợp tình hình thực hiện thu hồi đất và giải phóng mặt bằng trong mỗi xã/ thị trấn cụ thể.
- Trong các cuộc họp có đại diện của tất cả các hộ gia đình bị ảnh hưởng những người sống dọc theo các tuyến công trình trong khu vực của từng xã/ thị trấn. Các cuộc họp này cũng có sự tham gia của các trưởng ấp, đại diện các tổ chức xã hội ở cấp xã/ thị trấn (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên ...), cùng với các quan chức chính quyền địa phương các xã/ thị trấn nằm trong vùng tiểu dự án

Bảng 31: Danh sách các cuộc tham vấn

Loại tham vấn	Địa điểm		Thời gian	Số người tham gia			Ghi chú	Nội dung	Kết quả
	Xã/thị trấn	Ấp		Nam	Nữ	Tổng			
Cuộc tham vấn lần 1 (từ ngày 5/7 – 2/8/2017)	TT Cù Lao Dung	Chợ	7/2017	136	109	245	5 nhóm	- Giới thiệu về mục tiêu của TDA, phạm vi thu hồi đất; - Giới thiệu về chính sách bồi thường, hỗ trợ TĐC của TDA; - Giới thiệu về kế hoạch thực hiện RAP.	- Tất cả các hộ tham gia đều đồng ý thực hiện triển khai dự án trên địa phương; - Tất cả những hộ tham gia đều đồng ý với các chính sách bồi thường, hỗ trợ và TĐC của TDA; - Các hộ mong muốn giá bồi thường cần hợp lý để họ tránh thiệt thòi; - Trước khi TDA thu hồi đất của các hộ cần thông báo trước cho các hộ trước 30 ngày; - Họ mong muốn TDA sớm triển khai để các hộ sớm ổn định đời sống.
		Phước Hòa A	7/2017	84	61	145	3 nhóm		
		Phước Hòa B	7/2017	25	22	47			
	An Thạnh 1	An Trung	7/2017	8	5	13			
	An Thạnh 2	Bình Danh A	7/2017	27	31	58	2 nhóm		
		Bình Danh B + Sơn Ton	7/2017	15	11	26			
		Bình Du A	7/2017	45	36	81	2 nhóm		
		Bình Du B	7/2017	65	53	118	3 nhóm		
		Phạm Thành Hôn A	7/2017	35	34	69	2 nhóm		
		Phạm Thành Hôn B	7/2017	115	109	224	5 nhóm		
	An Thạnh 3	An Bình	7/2017	58	31	89	2 nhóm		
		An Hưng, An Nghiệp	7/2017	61	30	91	2 nhóm		
		An Quới	7/2017	66	55	121	3 nhóm		
	An Thạnh Tây	An Lạc	7/2017	30	28	58			
		An Phú A	7/2017	9	7	16			
	An Thạnh Nam	Võ Văn Thành	8/2017	24	6	30			
		Vàm Hồ	8/2017	31	16	47			
		Vàm Hồ A	8/2017	45	19	64	2 nhóm		
		Tổng cộng:		879	663	1.542			
Cuộc tham vấn	TT Cù Lao Dung	Chợ	8/2017	120	127	247	5 nhóm	- Thông báo tới các hộ về kết quả	- Tất cả các hộ tham gia đều đồng ý với kết
		Phước Hòa A	8/2017	75	70	145	4 nhóm		

Loại tham vấn	Địa điểm		Thời gian	Số người tham gia			Ghi chú	Nội dung	Kết quả
	Xã/thị trấn	Ấp		Nam	Nữ	Tổng			
lần 2 (từ ngày 21/8 – 29/8/2017)		Phước Hòa B	8/2017	23	24	47		kiểm đếm thiệt hại, giá trị bồi thường, các khoản hỗ trợ, thủ tục thanh toán bồi thường; - Thông báo các hộ đủ điều kiện tham gia vào chương trình phục hồi thu nhập của TDA; - Tham vấn các hộ bị ảnh hưởng nhà về các lựa chọn tái định cư; - Tham vấn các hộ bị ảnh hưởng mộ.	quả EOL, giá bồi thường, mức hỗ trợ (hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ di chuyển,...); - Đối với giá bồi thường: Tất cả các hộ tham gia đều cho rằng giá bồi thường về đất và tài sản trên đất của UBND tỉnh Sóc Trăng là hợp lý. Tuy nhiên, một số hộ cho rằng giá bồi thường một số cây ăn quả theo giá của UBND tỉnh Sóc Trăng thấp hơn giá thị trường như: mít, sầu riêng, táo, sao, măng cụt. Do đó, các hộ đề nghị UBND tỉnh cần điều chỉnh giá bồi thường đối với các loại cây trồng trên để các hộ không bị thiệt; - Đối với các hoạt động hỗ trợ phục hồi thu nhập: Các hộ tin rằng các hoạt động
	An Thạnh 1	An Trung	8/2017	8	5	13			
	An Thạnh 2	Bình Danh A	8/2017	41	19	60	2 nhóm		
		Bình Danh B, Sơn Ton	8/2017	16	10	26			
		Bình Du A	8/2017	50	29	79	2 nhóm		
		Bình Du B	8/2017	75	43	118	3 nhóm		
		Phạm Thành Hôn A	8/2017	46	23	69	2 nhóm		
		Phạm Thành Hôn B	8/2017	168	51	219	5 nhóm		
	An Thạnh 3	An Bình	9/2017	50	41	91	2 nhóm		
		An Hưng, An Nghiệp	9/2017	52	40	92	2 nhóm		
		An Qưới	9/2017	15	106	121	3 nhóm		
	An Thạnh Tây	An Lạc	9/2017	32	27	59	2 nhóm		
		An Phú A	9/2017	10	6	16			
	An Thạnh Nam	Võ Văn Thành	9/2017	24	6	30			
		Vàm Hồ	9/2017	36	10	46			
		Vàm Hồ A	9/2017	38	24	62	2 nhóm		
		Tổng cộng:		879	661	1.540			

Loại tham vấn	Địa điểm		Thời gian	Số người tham gia			Ghi chú	Nội dung	Kết quả
	Xã/thị trấn	Áp		Nam	Nữ	Tổng			
									sản xuất nông nghiệp phù hợp hơn với điều kiện của huyện Cù Lao Dung. Các kết quả cụ thể được đề cập trong phần phục hồi thu nhập; - Đối với nhà BAH: Các hộ BAH nhà và phải TĐC họ đều mong muốn nhận bồi thường bằng tiền mặt để họ tự lo TĐC; - Đối với hộ BAH mộ: Các hộ mong muốn nhận tiền bồi thường bằng tiền mặt để tự họ di chuyển mồ mã;

7.2.2. Tham vấn trong quá trình thực hiện RAP.

Trước khi bắt đầu tiến hành cập nhật Kế hoạch hành động tái định cư theo các thiết kế chi tiết, PPMU, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện, UBND huyện, xã sẽ tổ chức họp cộng đồng ở từng xã bị ảnh hưởng để cung cấp thông tin bổ sung cho người bị ảnh hưởng và tạo cơ hội cho họ tham gia thảo luận công khai về chính sách và thủ tục tái định cư. Gửi giấy mời cho tất cả những người bị ảnh hưởng trước khi tổ chức cuộc họp ở nơi đó.

Mục đích cuộc họp này là làm rõ thông tin đã có tới ngày họp và tạo cơ hội cho người bị ảnh hưởng thảo luận những vấn đề quan tâm và làm rõ thông tin. Cùng với thư thông báo cho người bị ảnh hưởng, phải sử dụng các biện pháp thông tin khác để thông tin cho người bị ảnh hưởng và công chúng nói chung, ví dụ như áp phích quảng cáo ở những khu vực dễ nhìn tại trụ sở UBND huyện, xã, nơi mà người bị ảnh hưởng đang sống, thông báo qua đài, báo địa phương. Cả nam và nữ của hộ bị ảnh hưởng cũng như các thành viên trong cộng đồng có quan tâm đều được khuyến khích tham gia. Trong cuộc họp sẽ giải thích về dự án, và quyền lợi và quyền được hưởng của hộ gia đình, và cuộc họp sẽ là cơ hội để nêu ra các câu hỏi liên quan. Các cuộc họp tương tự sẽ được tổ chức định kỳ trong suốt chu kỳ dự án. Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của UBND xã, đại diện UBMTTQ Việt Nam cấp xã và đại diện những người có đất bị thu hồi.

Các giai đoạn tham vấn có sự tham gia trong việc chuẩn bị và thực hiện RAP được thực hiện như sau:

- Thông báo thông tin của TDA đến các hộ nhằm xác nhận các bên liên quan, đặc biệt là các bên có liên quan chính. Khi có thiết kế cuối cùng của TDA sẽ được thông báo đến các hộ bằng các phương tiện như đài phát thanh, áp phích quảng cáo; Các cuộc tham vấn sẽ được tiến hành thực hiện và khuyến khích tất cả các hộ tham gia đặc biệt là phụ nữ để tham vấn ý kiến của họ;

- Xác định tài sản trên đất bị ảnh hưởng, những hộ bị di dời được xác định thông qua việc cắm mốc cuối cùng của TDA, và sẽ được điều tra kiểm đếm chi tiết. Họ sẽ được thông báo thiệt hại của họ bằng biên bản;

- Các biên bản sẽ được đưa lên trang web TĐC. Đại diện của Trung tâm phát triển quỹ đất sẽ tham vấn dựa trên sự đồng thuận của các bên liên quan và các hộ bị ảnh hưởng trên trang web TĐC (nếu có). Điều này sẽ được trình bày chi tiết trong khi cập nhật RAP;

- Các hộ BAH sẽ được tham vấn về quyền lợi bồi thường và các hỗ trợ khác. Họ sẽ được cung cấp bản tóm tắt của RAP cập nhật;

- Các hộ di dời nhà sẽ được tham vấn về lịch trình di dời;

- Các bên liên quan và các hộ bị di dời sẽ thống nhất về thủ tục và lịch trình di dời;

- Các hộ BAH sẽ được thông báo và khuyến khích chia sẻ các thông tin cho các tư vấn giám sát bên ngoài (EMA).

7.2.3. Một số nguyện vọng chính của hộ BAH

Lựa chọn phương án bồi thường: Trong số 1.595 hộ được phỏng vấn về nguyện vọng bồi thường tái định cư và hỗ trợ sinh kế:

Với phương án thứ 1 là muốn được bồi thường bằng tiền mặt được các hộ lựa chọn nhiều nhất, có 1.527 hộ chiếm tỷ lệ 95,74% vì họ cho rằng diện tích bị ảnh hưởng của họ rất ít, không ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của hộ, được nhận bồi thường bằng tiền mặt là một cách nhanh gọn nhất, họ có thể sử dụng tiền bồi thường vào nhiều mục đích khác nhau để tạo ra thu nhập và ổn định sinh kế.

Chỉ có 68 hộ chiếm 4,26% số hộ chưa đưa ra quyết định nhận bồi thường bằng đất thay thế hay nhận bồi thường bằng tiền mặt.

Bảng 32: Tỷ lệ lựa chọn phương án bồi thường

STT	Phương án	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	Muốn được đền bù bằng tiền mặt	1.527	95,74
2	Chưa quyết định	68	4,26
	Tổng số	1.595	100,00

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

Lựa chọn phương án tái định cư: 100% số hộ bị ảnh hưởng đều lựa chọn phương án nhận tiền bồi thường và tự lo tái định cư (nếu phải tái định cư); Trong đó có 10,66% số hộ cho rằng vẫn còn có nhà khác ngoài diện tích nhà bị giải tỏa, 40,75% số hộ vẫn còn đất để làm nhà khác và 48,59% số hộ muốn nhận tiền bồi thường và tự mua đất để làm nhà khác.

Bảng 33: Tỷ lệ về hình thức lựa chọn tái định cư

STT	Phương án	Tỷ lệ (%)
	Nhận tiền bồi thường và lo tái định cư với lý do:	100
1	Có nhà khác ngoài vùng ảnh hưởng	10,66
2	Còn đất để làm nhà	40,75
3	Nhận tiền tự mua đất	48,59

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

Lựa chọn phục hồi thu nhập: Với nội dung về lựa chọn các phương án để phục hồi thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng, phần lớn các hộ đều lựa chọn phương án bồi thường đúng lúc cho người dân có 52,1% số hộ lựa chọn phương án này (831 hộ). Sau phương án thứ 2 là nhận tiền và tự lo có 447 hộ lựa chọn phương án này (chiếm 28,02%); tiếp đến phương án hỗ trợ vật nuôi cây trồng có 151 hộ (chiếm 9,47%); 88 hộ muốn tiểu dự án hỗ trợ đào tạo kỹ thuật sản xuất nông nghiệp (chiếm 5,52%); 56 hộ lựa chọn phương án hỗ trợ cho vay vốn (chiếm 3,51%); 22 hộ lựa chọn phương án được đào tạo nghề (chiếm 1,38%).

Căn cứ vào tỷ lệ lựa chọn phục hồi thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng và nội dung thống

nhất trong các thuộc tham vấn với cộng đồng có kế hoạch về hình thức hỗ trợ phục hồi thu nhập sau khi thu hồi đất của các hộ dân để thực hiện tiểu dự án.

Bảng 34: Tỷ lệ lựa chọn phục hồi thu nhập của các hộ BAH

STT	Xã/thị trấn	Nguyện vọng phục hồi thu nhập						Tổng
		Bồi thường đúng lúc	Được đào tạo nghề	Hỗ trợ vay vốn	Hỗ trợ vật nuôi cây trồng	Hỗ trợ kỹ thuật	Nhận tiền và tự lo	
1	TT Cù Lao Dung	278	-	8	18	10	139	453
2	An Thạnh 1	1	-	-	12	-	-	13
3	An Thạnh 2	292	3	11	39	14	255	614
4	An Thạnh 3	218	19	23	30	19	11	320
5	An Thạnh Nam	27	-	5	27	19	42	120
6	An Thạnh Tây	15	-	9	25	26	-	75
	Tổng	831	22	56	151	88	447	1.595

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

Kế hoạch sử dụng tiền bồi thường: Trong điều tra kinh tế - xã hội cũng đã phỏng vấn các hộ bị ảnh hưởng về kế hoạch của hộ sau khi được bồi thường. Qua bảng 35 cho thấy kế hoạch sử dụng tiền của các hộ dân tập trung vào xây dựng hoặc sửa chữa nhà chiếm tỷ lệ lớn nhất có tới 353 hộ lựa chọn phương án này do đặc điểm của các hộ dân vùng đồng bằng sông Cửu Long nhà ở phần lớn là nhà tạm nên họ muốn nâng cấp nhà ở, tiếp đến số hộ muốn sử dụng tiền bồi thường để gửi tiết kiệm có 288 hộ; số hộ gia đình muốn sử dụng tiền bồi thường để sử dụng vào mục đích khác 256 hộ; số hộ muốn sử dụng tiền bồi thường để chi cho việc học hành của con cái 195 hộ; số hộ muốn sử dụng tiền bồi thường để mua sắm tài sản 191 hộ; số hộ muốn sử dụng tiền bồi thường để đầu tư vào việc kinh doanh buôn bán nhỏ có 169 hộ và số hộ muốn sử dụng tiền bồi thường chi cho việc khám chữa bệnh 51 hộ.

Với đặc điểm địa lý vùng đồng bằng sông Cửu Long có diện tích đất nông nghiệp lớn và chiếm tỷ lệ cao nên phương án các hộ bị ảnh hưởng nhận tiền bồi thường để mua đất sản xuất là rất ít, trong số các hộ được điều tra chỉ có 92 hộ số hộ lựa chọn phương án này.

Bảng 35: Kế hoạch sử dụng tiền bồi thường của các hộ bị ảnh hưởng

DVT: hộ

Xã/thị trấn	Kế hoạch sử dụng tiền bồi thường								Tổng
	Xây hoặc sửa nhà	Mua đất mới	Mua sắm tài sản	Đầu tư kinh doanh	Gửi tiết kiệm	Chi cho việc học hành của con cái	Khám chữa bệnh	Khác	

Xã/thị trấn	Kế hoạch sử dụng tiền bồi thường								Tổng
	Xây hoặc sửa nhà	Mua đất mới	Mua sắm tài sản	Đầu tư kinh doanh	Gửi tiết kiệm	Chi cho việc học hành của con cái	Khám chữa bệnh	Khác	
TT Cù Lao Dung	114	31	20	94	83	92	5	14	453
An Thạnh 1	2	10	-	-	-	-	-	1	13
An Thạnh 2	119	34	138	65	143	54	39	22	614
An Thạnh 3	36	4	19	9	13	23	-	216	320
An Thạnh Nam	62	10	3	-	30	11	3	1	120
An Thạnh Tây	20	3	11	1	19	15	4	2	75
Tổng	353	92	191	169	288	195	51	256	1.595

Nguồn: Số liệu điều tra kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2017

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc thực hiện các hoạt động Tái định cư yêu cầu có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức địa phương các cấp quốc gia, tỉnh, thành phố, huyện và xã. Ủy ban Nhân dân mỗi tỉnh tham gia tiểu dự án sẽ chịu trách nhiệm tổng thể về việc thực hiện Khung Chính sách tái định cư chung và Kế hoạch hành động tái định cư cụ thể của tiểu dự án của tỉnh mình. Các Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư sẽ được thành lập ở cấp tỉnh/huyện phù hợp với quy định của Nghị định 47/2014/CP. Các điều khoản và chính sách của Khung Chính sách này và của các Kế hoạch hành động tái định cư sẽ là cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động bồi thường tái định cư trong Dự án Chồng chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (MD-ICRSLP) tại Việt Nam.

8.1. Trách nhiệm của các bên liên quan trong dự án

Cấp trung ương

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) thay mặt Chính phủ là cơ quan chủ quản dự án, chịu trách nhiệm điều hành chung toàn bộ dự án. Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng Dự án là chủ đầu tư các Tiểu dự án thuộc dự án, chịu trách nhiệm quyết định đầu tư các tiểu dự án do Bộ và tỉnh quản lý. Một Ban Chỉ đạo dự án sẽ được thành lập, gồm đại diện của Bộ NN&PTNT các Bộ ngành có liên quan. UBND các tỉnh dự án, chịu trách nhiệm thường xuyên theo dõi, điều hành Dự án trong quá trình thực hiện.

Ban quản lý trung ương các dự án thủy lợi (CPO) thuộc Bộ NN&PTNT sẽ chịu trách nhiệm chung về theo dõi, và giám sát các hoạt động tái định cư để đảm bảo việc tuân thủ RPF, bao gồm:

- Phối hợp với UBND các tỉnh chỉ đạo việc thực hiện bồi thường và tái định cư, đảm bảo tuân thủ các quy định trong RPF và đảm bảo phù hợp với tiến độ xây lắp;
- Đào tạo và tăng cường năng lực cho các cơ quan thực hiện dự án (các PMU tỉnh và các Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện) về quy trình thực hiện RPF và RAP;
- Phối hợp với các PMU tỉnh giám sát nội bộ việc thực hiện bồi thường và TĐC của toàn dự án;
- Tuyển chọn và điều phối đơn vị giám sát độc lập TĐC cho toàn dự án;
- Báo cáo định kỳ các vấn đề về tái định cư cho Bộ Nông nghiệp và PTNT và NHTG.

Cấp tỉnh (UBND tỉnh)

UBND tỉnh chịu trách nhiệm toàn bộ về việc tiến hành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trong phạm vi tỉnh. UBND tỉnh có trách nhiệm:

- Thông báo hoặc ủy quyền cho UBND các huyện thông báo về thu hồi đất ngay sau khi lựa chọn vị trí các tiểu dự án;
- Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường GPMB đối với các đối tượng sử dụng đất thuộc thẩm quyền theo quy định mà không ủy quyền;
- Phê duyệt Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) của các TDA;
- Chỉ đạo Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường hoặc giao UBND cấp huyện thực hiện việc bồi thường GPMB, hỗ trợ, TĐC theo phương án được phê duyệt;
- Cấp đủ và kịp thời kinh phí chi trả bồi thường;
- Trong trường hợp đặc biệt cần Cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh phê duyệt phương án bồi thường thì Cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định cấp tỉnh để thẩm định các phương án bồi thường do các Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cấp huyện trình đề tham mưu cho Cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh phê duyệt theo đúng các quy định của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và chính sách tái định cư không tự nguyện của NHTG (OP 4.12) được áp dụng cho dự án.

Cấp Chủ đầu tư tiểu dự án.

Chủ đầu tư tiểu dự án chịu trách nhiệm quản lý việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của TDA, bao gồm:

- Lập RAP và cập nhật RAP.
- Trình nộp RAPs cho Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện dự án trong việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để đảm bảo việc thực hiện bồi thường và tái định cư phù hợp với kế hoạch xây lắp.
- Giám sát nội bộ về thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của TDA, báo cáo định kỳ hàng quý về tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của TDA cho CPO.

Cấp huyện (UBND huyện):

UBND huyện có các trách nhiệm sau:

- Thông báo thu hồi đất theo thẩm quyền hoặc trong từng trường hợp được ủy quyền ra thông báo thu hồi đất;
- Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC đối với các đối tượng sử dụng đất thuộc thẩm quyền theo quy định hoặc trong trường hợp được ủy quyền;
- Giải quyết các khiếu nại và khiếu kiện của người BAH trong phạm vi thẩm quyền;
- Chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và TĐC cấp huyện thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ và TĐC theo quy định.

Đơn vị thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện (gọi tắt là DRC) có trách nhiệm thực hiện công tác bồi thường và GPMB cho các công trình trên địa bàn huyện, bao gồm:

- Lập phương án bồi thường trình UBND huyện phê duyệt;
- Thực hiện phương án bồi thường đã được phê duyệt.

Cấp xã/thị trấn (UBND xã)

UBND xã/thị trấn có trách nhiệm:

- Tuyên truyền, vận động người dân về thực hiện Khung chính sách tái định cư;
- Bảo vệ quy hoạch sử dụng đất và tham gia bảo vệ hành lang an toàn công trình, giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương;
- Cung cấp bản đồ rải thửa (cadastral map), xác định nguồn gốc sử dụng đất cho Hội đồng bồi thường và cử cán bộ tham gia vào tổ kiểm đếm tài sản BAH của các hộ;
- Phối hợp với Hội đồng bồi thường huyện tổ chức phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng;
- Giải quyết những thắc mắc của người BAH liên quan đến kiểm kê tài sản của họ;
- Tạo điều kiện và giúp đỡ các hộ BAH trong việc khôi phục sinh kế, thu nhập và ổn định cuộc sống.

8.2. Quy trình thực hiện

Trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường và TĐC của TĐC của TDA được thực hiện dựa trên Khung chính sách TĐC của dự án ICRSL và các văn bản pháp luật của Việt Nam như: Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, theo đó các hoạt động cơ bản của công tác bồi thường và TĐC của TDA được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Giới thiệu địa điểm và thông báo thu hồi đất

- Việc xác định và thông báo thu hồi đất được căn cứ theo văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt và ban hành thông báo thu hồi đất (bao gồm lý do thu hồi đất, diện tích và vị trí khu đất dự kiến thu hồi trên cơ sở hồ sơ địa chính hiện có hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; giao nhiệm vụ cho UBND cấp huyện công bố thông báo thu hồi đất, chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, TĐC cấp huyện thực hiện nhiệm vụ kiểm kê, lập phương án bồi thường). UBND huyện có trách nhiệm chỉ đạo phổ biến rộng rãi chủ trương thu hồi đất, các quy định về thu hồi đất, về bồi thường, hỗ trợ và TĐC khi thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế.

- UBND các xã có trách nhiệm niêm yết công khai chủ trương thu hồi đất tại trụ sở UBND xã và tại các điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi, thông báo rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng chẳng hạn như hệ thống đài truyền thanh cấp xã...

Bước 2: Chuẩn bị hồ sơ địa chính cho khu đất bị thu hồi

- Căn cứ vào văn bản về việc thu hồi đất của UBND tỉnh Sóc Trăng, Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cùng cấp thực hiện việc chuẩn bị hồ sơ địa chính.
- Chính lý bản đồ địa chính cho phù hợp với hiện trạng và làm trích lục bản đồ địa chính đối với những nơi đã có bản đồ địa chính chính quy hoặc trích đo địa chính đối với nơi chưa có bản đồ địa chính chính quy;
- Hoàn chỉnh và trích sao hồ sơ địa chính (sổ địa chính) để gửi cho TTPTQĐ;
- Lập danh sách các thửa đất bị thu hồi với các nội dung: số hiệu tờ bản đồ, số hiệu thửa đất, tên người sử dụng đất, diện tích của phần thửa đất có cùng mục đích sử dụng, mục đích sử dụng đất.

Bước 3: Lập, thẩm định và xét duyệt phương án tổng thể về đền bù, hỗ trợ và tái định cư

Chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và TĐC (sau đây gọi là phương án tổng thể) trên cơ sở số liệu điều tra, khảo sát tại hiện trường, tài liệu hiện có do cơ quan Tài nguyên và Môi trường cung cấp, được thẩm định và phê duyệt cùng với phê duyệt dự án đầu tư. Phương án tổng thể có các nội dung chính sau:

- Các căn cứ để lập phương án;
- Số liệu tổng hợp về diện tích các loại đất, hạng đất đối với đất nông nghiệp, số tờ bản đồ, số thửa; giá trị ước tính của tài sản hiện có trên đất;
- Số liệu tổng hợp về số hộ, số nhân khẩu, số lao động trong khu vực thu hồi đất, trong đó nêu rõ số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp, số hộ phải TĐC;
- Dự kiến mức bồi thường, hỗ trợ và dự kiến địa điểm, diện tích đất khu vực tái định cư hoặc nhà ở tái định cư, phương thức tái định cư;
- Dự kiến biện pháp trợ giúp giải quyết việc làm và kế hoạch đào tạo chuyển đổi ngành nghề;
- Danh mục các công trình và quy mô các công trình của Nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư phải di dời và dự kiến địa điểm để di dời;

- Số lượng mô mà phải di dời và dự kiến địa điểm để di dời;
- Dự toán kinh phí thực hiện phương án;
- Nguồn kinh phí thực hiện phương án;
- Tiến độ thực hiện phương án.

Bước 4: Cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi thu hồi đất.

Sau khi dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư căn cứ vào thiết kế cơ sở để tiến hành cắm mốc chỉ giới GPMB, bàn giao cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường quản lý và tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của công tác GPMB. Trong giai đoạn lập, duyệt thiết kế kỹ thuật (hoặc thiết kế bản vẽ thi công) nếu có sự điều chỉnh về phạm vi GPMB, Chủ đầu tư TDA phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường kịp thời chuẩn xác lại và thông báo ngay cho địa phương về các nội dung đã điều chỉnh.

Bước 5: Kiểm kê chi tiết.

- Kiểm tra, kiểm đếm tại hiện trường. Căn cứ thông báo thu hồi đất, chỉ giới GPMB của TDA, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện việc lập biên bản kiểm kê chi tiết của từng trường hợp bị thu hồi đất (gọi tắt là biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường), trong biên bản phải thể hiện cụ thể những nội dung sau: Họ tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, nơi ở hiện nay của người bị thu hồi đất; số nhân khẩu, số lao động, đối tượng thuộc diện chính sách xã hội (nếu có); diện tích, vị trí thửa đất thu hồi; số lượng cây trồng, vật nuôi; hình dạng, kích thước, khối lượng, kết cấu, những đặc điểm cơ bản của tài sản trên đất, các công trình nổi và ngầm gắn liền với đất bị thu hồi.
- Xác định nguồn gốc đất đai của từng thửa đất bị thu hồi. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất, UBND cấp xã dựa vào các giấy tờ liên quan đến việc sử dụng đất, hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính và các loại sổ mục kê, sổ địa chính, sổ đăng ký thống kê, sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ bộ thuế của thửa đất bị thu hồi xác định nguồn gốc đất đai của từng thửa đất bị thu hồi; xác định chủ sử dụng đất hợp pháp của thửa đất.

Bước 6: Xác định giá thay thế

Việc xác định giá thay thế sẽ được thực hiện như sau:

- Ban QLDA tỉnh sẽ thuê một tư vấn độc lập để tiến hành điều tra giá thay thế.
- Tư vấn được chọn sẽ tiến hành điều tra, khảo sát giá thay thế. Phương pháp điều tra giá thay thế sẽ được áp dụng theo quy định của chính phủ (bao gồm những phương pháp so sánh trực tiếp, phương pháp thu thập, phương pháp suy luận và phương pháp thẳng dư...).
- Kết quả của cuộc khảo sát giá thay thế sẽ được nộp cho Ban QLDA tỉnh. Ban QLDA tỉnh tỉnh có trách nhiệm tham khảo ý kiến của kết quả này với UBND các huyện để đề xuất mức giá bồi thường áp dụng cho TDA và trình UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt.

Bước 7: Lập phương án bồi thường, hỗ trợ

Căn cứ biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường, nguồn gốc đất đai của từng thửa đất bị thu hồi, đơn giá và các chính sách bồi thường theo quy định, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ với nội dung sau:

- Tên, địa chỉ của người bị thu hồi đất;

- Diện tích, loại đất, vị trí, nguồn gốc của đất bị thu hồi;
- Các căn cứ tính toán số tiền bồi thường, hỗ trợ như giá đất tính bồi thường, giá nhà, công trình tính bồi thường, số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội;
- Số tiền bồi thường, hỗ trợ;
- Việc bố trí tái định cư;
- Việc di dời các công trình của nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư;
- Việc di dời mồ mả.

1. Lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, và tại các điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi để người bị thu hồi đất, và những người có liên quan tham gia ý kiến;
- Việc niêm yết phải được lập thành văn bản có xác nhận của đại diện UBND cấp xã, đại diện UBMTTQ cấp xã, đại diện những người có đất và tài sản trên đất bị thu hồi.
- Thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp ít nhất là hai mươi ngày (20) kể từ ngày đưa ra niêm yết.

2. Hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

- Hết thời hạn niêm yết và tiếp nhận ý kiến, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, nêu rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hoàn chỉnh và gửi phương án đã hoàn chỉnh kèm theo bản tổng hợp ý kiến đóng góp đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường để thẩm định.
- Trong trường hợp còn nhiều ý kiến không tán thành phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cần giải thích rõ hoặc xem xét, điều chỉnh trước khi chuyển đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

Bước 8: Thẩm định và trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng có liên quan cấp huyện thẩm định phương án, bồi thường hỗ trợ theo quy định; trình UBND cấp huyện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định

Bước 9: Quyết định thu hồi đất và giải quyết khiếu nại đối với Quyết định thu hồi đất

- Căn cứ thông báo thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cơ quan có thẩm quyền lập và thẩm định, bản trích lục hoặc bản trích đo bản đồ địa chính thửa đất. UBND huyện quyết định thu hồi đất với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư BAH.
- Trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, nếu có thắc mắc, khiếu nại từ phía người dân thì UBND cấp xã thực hiện dự án sẽ tập hợp ý kiến và đơn thư khiếu nại của người dân gửi lên cơ quan có thẩm quyền xem xét.

Trong khi chưa có Quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện Quyết định thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận

việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng việc thu hồi đất; cơ quan đã ban hành phải bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra (nếu có). Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là đúng pháp luật thì người có đất bị thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất.

Bước 10: Phê duyệt và công khai phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư.

- UBND huyện phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ và tái định theo quy định.

- Trong thời hạn không quá ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được phương án đền bù, hỗ trợ và tái định đã được phê duyệt, Tổ chức làm nhiệm vụ đền bù, GPMB có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã/phường/thị trấn phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã/phường/thị trấn và tại các điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

Bước 11: Chi trả tiền đền bù, hỗ trợ và tái định cư

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện chi trả tiền sau khi có quyết định phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư.

Bước 12: Bàn giao đất cho tiểu dự án

Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất theo phương án đã được xét duyệt thì người có đất bị thu hồi phải bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB.

8.2.1. Cập nhật RAP

Trên cơ sở kết quả kiểm đếm chi tiết trường hợp có thay đổi trong thiết kế của dự án hợp phần dự án hoặc có sự thay đổi đáng kể về tác động và số người bị ảnh hưởng. PPMU cần cập nhật Kế hoạch hành động tái định cư và trình WB.

8.2.2. Kế hoạch thực hiện

Kế hoạch thực hiện cho các hoạt động tái định cư của tiểu dự án sẽ được theo bảng dưới đây bao gồm: (i) Các hoạt động tham vấn; (ii) các hoạt động đã được hoàn thành để chuẩn bị thực hiện RAP; (iii) và các hoạt động giám sát bên ngoài.

Bảng 36: Dự kiến tiến độ thực hiện

Hoạt động	Cơ quan chịu trách nhiệm	Kế hoạch thực hiện
Chuẩn bị RAP		
Phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng về TDA	Tư vấn tái định cư	7-8/2017
EOL	Tư vấn tái định cư	7-8/2017
Khảo sát điều kiện kinh tế xã hội của hộ BAH và chi phí thay thế	Tư vấn tái định cư	8/2017
Chuẩn bị RAP	Tư vấn tái định cư	9-11/2017
Điều chỉnh thiết kế sơ cấp	Tư vấn tái định cư	9/2018
Cập nhật và khảo sát bổ sung về EOL, kinh tế xã hội và chi phí thay thế theo thiết kế chính được điều chỉnh	Tư vấn tái định cư	9-10/2018
Hoàn thành RAP theo thiết kế chính được điều chỉnh và trình WB phê duyệt	Tư vấn tái định cư	10/2018

Hoạt động	Cơ quan chịu trách nhiệm	Kế hoạch thực hiện
Thư không phản đối	WB	Quý I-II/2019
Phê duyệt RAP	UBND tỉnh	Quý I-II/2019
Thông tin phổ biến về RAP đã được phê duyệt	WB	Quý I-II/2019
Tiến hành DMS theo thiết kế chi tiết phụ của dự án	TTPTQĐ Cù Lao Dung và BQLDA tỉnh Sóc Trăng	Quý I-II/2019
Thông tin phổ biến và tham vấn cộng đồng về thiết kế chi tiết tiểu dự án và kết quả của DMS trong khi cập nhật RAP	TTPTQĐ Cù Lao Dung và BQLDA tỉnh Sóc Trăng	Quý I-II/2019
Chuẩn bị kế hoạch bồi thường và cập nhật RAP	TTPTQĐ Cù Lao Dung và BQLDA tỉnh Sóc Trăng	Quý II/2019
Trình kế hoạch bồi thường phê duyệt	TTPTQĐ Cù Lao Dung	Quý II/2019
Triển khai RAP		
Thông báo thu hồi đất	BQLDA tỉnh Sóc Trăng	Quý II/2019
Khảo sát đo lường chi tiết	TTPTQĐ Cù Lao Dung và UBND các xã	Quý II - III/2019
Cập nhật RAP	CPO và tư vấn TĐC	Quý IV/2019
Thông tin tiết lộ của dự án cho hộ BAH	TTPTQĐ Cù Lao Dung và UBND các xã	Quý IV/2019
Chuẩn bị phương án bồi thường.	TTPTQĐ Cù Lao Dung và UBND các xã	Quý IV/2019
Giám sát		
Tuyển cơ quan giám sát độc lập	CPO	Quý IV/2019
Bồi thường thanh toán và giải phóng mặt bằng.	Chủ đầu tư TDA, TTPTQĐ và UBND các xã	Quý IV/2019
Giám sát nội bộ TĐC hàng tháng và báo cáo hàng quý	Chủ đầu tư	Trong suốt quá trình thực hiện TDA
Giám sát độc lập TĐC định kỳ 6 tháng và lập báo cáo giám sát	Cơ quan Tư vấn giám sát độc lập	Trong suốt quá trình thực hiện TDA

IX. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI

Người BAH sẽ được hưởng các khiếu nại liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện tiểu dự án bao gồm nhưng không giới hạn các quyền lợi, chính sách bồi thường, đơn giá, thu hồi đất, tái định cư và các chế độ khác liên quan đến các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế. Khiếu nại cũng có thể quan tâm các vấn đề liên quan đến an toàn công trình, phiền hà gây ra bởi việc xây dựng công trình. Thủ tục giải quyết khiếu nại phải có quy trình phù hợp và dễ tiếp cận của bên thứ ba để giải quyết tranh chấp phát sinh từ tái định cư; một

phần quan trọng của cơ chế giải quyết mâu thuẫn dựa vào cộng đồng, dựa vào các cơ chế quản lý và giải quyết theo pháp lý và truyền thống.

Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại sẽ được thực hiện theo các bước như sau:

Cấp thứ nhất - UBND xã/thị trấn

Người bị ảnh hưởng có thể mang đơn khiếu nại của mình đến bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân xã/thị trấn, bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Cán bộ của UBND xã/thị trấn ở bộ phận Một cửa có trách nhiệm thông báo cho lãnh đạo UBND xã/thị trấn về đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND xã/thị trấn, người có trách nhiệm giải quyết sẽ gặp riêng hộ gia đình bị ảnh hưởng thiệt hại để tìm hiểu vấn đề. UBND xã/thị trấn có 30 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn khiếu nại để giải quyết vấn đề. Văn phòng UBND xã/thị trấn chịu trách nhiệm về việc lưu giữ hồ sơ của tất cả các khiếu nại mà UBND xã/thị trấn xử lý.

Cấp thứ hai - UBND quận/huyện/thành phố

Nếu sau 30 ngày, hộ gia đình bị ảnh hưởng thiệt hại không nhận được tin tức gì từ UBND xã/thị trấn, hoặc nếu các hộ gia đình bị ảnh hưởng là không hài lòng với quyết định giải quyết đối với khiếu nại của mình, hộ gia đình bị ảnh hưởng có thể trình vụ việc, hoặc bằng văn bản hoặc bằng lời nói tới UBND huyện tại bộ phận Tiếp dân. UBND huyện sẽ có 30 ngày để giải quyết vụ việc tính từ ngày nhận được đơn khiếu nại. UBND huyện chịu trách nhiệm về việc lưu giữ hồ sơ của tất cả các khiếu nại UBND huyện xử lý và sẽ thông báo cho Hội đồng Bồi thường cấp quận/huyện và người bị ảnh hưởng về bất kỳ quyết định nào được thực hiện. Các hộ BAH có thể khiếu nại vấn đề của mình tại Tòa án, nếu muốn.

Cấp thứ ba - UBND tỉnh/thành phố

Nếu sau 30 ngày người dân bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND huyện, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, hộ dân bị ảnh hưởng có thể trình vụ việc của mình, hoặc bằng văn bản hoặc trình bày trực tiếp, tới bất cứ cán bộ nào UBND tỉnh tại Trụ sở Tiếp dân. UBND tỉnh sẽ có 45 ngày để giải quyết khiếu nại làm hài lòng các bên có liên quan. UBND tỉnh có trách nhiệm lưu hồ sơ của tất cả các khiếu nại mà mình giải quyết. Các hộ BAH có thể khiếu nại có thể khiếu nại vấn đề của mình tại Tòa án, nếu muốn.

Cấp cuối cùng - trọng tài phân xử theo luật tại tòa án

Nếu sau 45 ngày người dân bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi của UBND tỉnh, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, vụ việc có thể được trình lên Tòa án để xem xét và đưa ra phán quyết. Quyết định của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng.

Quyết định giải quyết khiếu nại sẽ phải được gửi cho người khiếu nại và các bên có liên quan và phải được niêm yết công khai tại trụ sở của UBND của cấp giải quyết khiếu nại. Sau 03 ngày có quyết định/kết quả giải quyết khiếu nại tại cấp phường/xã/thị trấn và sau 07 ngày tại cấp huyện hoặc tỉnh.

Khi bắt đầu triển khai tiểu dự án, các Ban giải quyết khiếu nại sẽ được thiết lập từ cấp xã tới cấp tỉnh dựa trên cơ cấu hiện có gồm các ban ngành có liên quan, cơ quan đoàn thể, đại diện của phụ nữ và các dân tộc. Tại cấp xã/thị trấn, tổ chức dựa vào cộng đồng sẽ được lồng ghép

những cơ chế khiếu nại hiện có và do lãnh đạo UBND xã/thị trấn đứng đầu. Cơ chế và thủ tục khiếu nại sẽ giải quyết các khiếu nại và với sự sẵn có các nguồn lực địa phương giải quyết những mâu thuẫn không chỉ về các vấn đề an toàn mà còn trong suốt quá trình triển khai tiểu dự án. Theo cơ cấu này, tổ chức dựa vào cộng đồng sẽ hỗ trợ trong suốt quá trình chuẩn bị, thiết kế, triển khai tiểu dự án và sự phát triển tiến độ sau này. Cơ chế khiếu nại sẽ được áp dụng đối với những người và nhóm người bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp từ tiểu dự án cũng như những người có quan tâm tới tiểu dự án và/hoặc có khả năng ảnh hưởng tới kết quả của tiểu dự án một cách tích cực hay tiêu cực.

Để giảm thiểu các khiếu nại lên cấp tỉnh, PMU sẽ phối hợp với HĐBT cấp huyện để tham gia và tư vấn giải quyết, trả lời các khiếu nại. Cán bộ do PMU lựa chọn sẽ thiết kế và duy trì một cơ sở dữ liệu về các khiếu nại liên quan đến tiểu dự án của các hộ bị ảnh hưởng bao gồm các thông tin như: bản chất của khiếu nại, nguồn và ngày nhận khiếu nại, tên và địa chỉ của người khiếu nại, hành động cần thực hiện, tình trạng hiện tại. Đối với các khiếu nại bằng miệng, ban tiếp nhận/hòa giải sẽ ghi lại những yêu cầu này trong một mẫu đơn khiếu nại tại cuộc họp đầu tiên với người bị ảnh hưởng.

Quy trình giải quyết khiếu nại quá trình của dự án yêu cầu phải có tên và chi tiết liên lạc của cán bộ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại. Những thông tin này sẽ được phổ biến thông qua các tờ rơi thông tin và dán trong các văn phòng của UBND các xã, huyện và PMU. Tất cả mọi khiếu nại và khiếu kiện sẽ được lập hồ sơ và lưu trữ tại UBND xã và huyện cũng như được PMU tỉnh xử lý thông qua tham vấn một cách minh bạch và chủ động. Những hồ sơ khiếu nại và báo cáo được phép tiếp cận công khai. Toàn bộ chi phí liên quan tới quá trình xử lý khiếu nại của người khiếu nại và/hoặc đại diện của họ được bên phát triển tiểu dự án chi trả. Để đảm bảo rằng cơ chế khiếu nại mô tả ở trên là thiết thực và chấp nhận được đối với người BAH, cơ chế đó đã được tham vấn với chính quyền và cộng đồng địa phương có tính đến đặc điểm văn hóa riêng biệt cũng như các cơ chế văn hóa truyền thống trong việc nêu và giải quyết khiếu nại và những vấn đề mâu thuẫn.

Đồng thời, để tránh sự chậm trễ của tiểu dự án trong quá trình giải quyết khiếu nại, tài khoản ký quỹ để thanh toán tái định cư nên được sử dụng đảm bảo thanh toán bồi thường sau khi khiếu nại đã được giải quyết.

X. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Giám sát là một quá trình liên tục của việc đánh giá thực hiện Dự án, liên quan tới lịch thực hiện đã được thống nhất, về việc sử dụng các đầu vào, hạ tầng cơ sở và dịch vụ của dự án. Giám sát cung cấp cho tất cả các bên liên quan những phản ánh liên tục về tình hình thực hiện. Nó xác định được thực tế và khả năng thành công và khó khăn nảy sinh ngay khi có thể, tạo điều kiện có thể chấn chỉnh kịp thời trong giai đoạn hoạt động Dự án.

Giám sát có 2 mục đích:

- Giám sát các hoạt động của Dự án đó có hoàn thành một cách hiệu quả hay không, kể cả về số lượng, chất lượng và thời gian.
- Đánh giá những hoạt động này có đạt được mục tiêu và mục đích Dự án đề ra hay không và mức độ đạt được như thế nào.

Các cơ quan thực hiện (PMU) cũng như Tư vấn giám sát độc lập do CPO thuê tuyển sẽ theo dõi, giám sát thường xuyên việc thực hiện các Kế hoạch hành động tái định cư.

10.1. Giám sát nội bộ

Giám sát nội bộ việc thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư của các Tiểu dự án là trách nhiệm của các cơ quan thực hiện, với sự hỗ trợ của tư vấn dự án. Các tổ chức thực hiện sẽ giám sát tiến độ của việc chuẩn bị và thực hiện TĐC thông qua các báo cáo tiến độ thường xuyên.

Các chỉ tiêu chính của giám sát nội bộ bao gồm việc giám sát quá trình:

- Chi trả bồi thường cho những hộ bị ảnh hưởng về các loại thiệt hại khác nhau theo chính sách bồi thường được mô tả trong các Kế hoạch hành động tái định cư.
- Thực hiện hỗ trợ kỹ thuật, di chuyển vị trí, chi trả trợ cấp và hỗ trợ di chuyển.
- Thực hiện việc Khôi phục nguồn thu nhập và quyền được hưởng hỗ trợ phục hồi.
- Phổ biến công khai thông tin và các thủ tục tư vấn.
- Bám sát các thủ tục khiếu nại, các vấn đề tồn tại đòi hỏi sự chú ý về quản lý.
- Ưu tiên người bị ảnh hưởng về các lựa chọn đã đưa ra.
- Phối hợp và hoàn thành các hoạt động tái định cư và trao hợp đồng xây lắp.

Các cơ quan thực hiện sẽ thu thập thông tin hành tháng từ các Hội đồng bồi thường khác nhau. Một cơ sở dữ liệu về thông tin theo dõi thực hiện tái định cư của Dự án sẽ được duy trì và cập nhật hàng tháng.

Các cơ quan thực hiện trình nộp một báo cáo giám sát nội bộ về tình hình thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư lên Nhà tài trợ như một phần của báo cáo quý mà họ phải nộp cho bên vay. Các báo cáo Giám sát nội bộ phải chứa đựng các thông tin sau:

- Số lượng các hộ BAH theo loại hình bị ảnh hưởng và theo hợp phần Dự án và tình trạng chi trả bồi thường, di dời và khôi phục nguồn thu nhập cho mỗi hạng mục, hợp phần.
- Số kinh phí được phân bổ cho các hoạt động hoặc cho chi trả bồi thường và kinh phí đã giải ngân cho từng hoạt động.
- Danh sách Khiếu nại chưa giải quyết.
- Kết quả cuối cùng về giải quyết các khiếu nại và bất cứ vấn đề tồn tại nào đòi hỏi cơ quan quản lý các cấp giải quyết.
- Những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện.
- Tiến độ thực hiện tái định cư thực tế đã cập nhật.

10.2. Giám sát độc lập

Mục tiêu: Mục tiêu chung của giám sát độc lập là để cung cấp định kỳ kết quả đánh giá và xem xét độc lập về kết quả thực hiện các mục tiêu tái định cư, những thay đổi về mức sống và việc làm, việc khôi phục nguồn thu nhập và cơ sở xã hội của những người bị ảnh hưởng, hiệu quả, tác động và tính bền vững của quyền được hưởng của người dân, sự cần thiết có thêm các biện pháp giảm thiểu thiệt hại nếu có, và để rút ra những bài học chiến lược cho việc lập chính sách và kế hoạch sau này.

Mục tiêu giám sát và đánh giá: Các chỉ tiêu dưới đây sẽ do IMC đánh giá và giám sát. Bao gồm nhưng không giới hạn:

- Chi trả bồi thường: (a) toàn bộ tiền bồi thường được chi trả đầy đủ cho những người bị ảnh hưởng trước khi lấy đất hay không; (b) chi trả đầy đủ có tương xứng với việc thay thế các tài sản bị ảnh hưởng.

- Hỗ trợ những người phải xây lại nhà của mình trên diện tích đất còn lại, hoặc những người bị di dời phải xây dựng lại nhà ở những địa điểm mới do dự án thu xếp, hoặc được giao mới.

- Hỗ trợ phục hồi sinh kế/thu nhập.

- Tham vấn Cộng đồng và phổ biến công khai về chính sách bồi thường: (a) người bị ảnh hưởng phải được thông tin và tham vấn một cách đầy đủ về thu hồi đất, các hoạt động thuê đất và thay đổi vị trí; (b) Tư vấn giám sát độc lập phải tham dự ít nhất một cuộc họp tham vấn cộng đồng để giám sát thủ tục tham vấn cộng đồng, các vấn đề nảy sinh trong quá trình họp và đề xuất các giải pháp; (c) đánh giá về nhận thức cộng đồng đối với các chính sách và quyền được bồi thường với những người bị ảnh hưởng bởi Dự án; và (d) đánh giá nhận thức về các phương án khác nhau dành cho người bị ảnh hưởng được quy định trong RAP.

- Những người BAH sẽ được giám sát về phục hồi các hoạt động sản xuất.

- Mức độ thỏa mãn của người bị ảnh hưởng về những khía cạnh khác nhau của Kế hoạch hành động tái định cư sẽ được giám sát và ghi chép lại. Hoạt động của cơ chế giải quyết khiếu nại và tiến độ giải quyết khiếu nại cũng được giám sát.

- Qua quá trình thực hiện, những xu hướng về mức sống được quan sát và điều tra. Bất cứ vấn đề tiềm tàng nào trong việc khôi phục mức sống đều được báo cáo và các biện pháp phù hợp sẽ được đề xuất để đảm bảo mục tiêu dự án.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Theo các yêu cầu của NHTG về thuê tư vấn. CPO sẽ thuê một tổ chức để giám sát và đánh giá độc lập việc thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư cho toàn bộ dự án. Tổ chức này, được gọi là Tư vấn Giám sát độc lập (IMC), có chuyên môn về khoa học xã hội và có kinh nghiệm về giám sát độc lập Tái định cư. Nhiệm vụ cụ thể của IMC được quy định trong đề cương tham chiếu để tuyển chọn tư vấn này và đề cương tham chiếu này sẽ được trình NHTG thông qua. IMC nên bắt đầu công việc của mình ngay khi bắt đầu thực hiện TDA.

XI. NGÂN SÁCH VÀ CÁC CHI PHÍ ƯỚC TÍNH

11.1. Nguồn ngân sách cho các hoạt động

Tất cả các chi phí cho chiếm dụng đất, đền bù và tái định cư cho phần bị ảnh hưởng về đất đai, tài sản trên đất của dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung" được sử dụng từ nguồn ngân sách đối ứng của Tỉnh Sóc Trăng.

11.2. Giá thay thế khảo sát lúc lập KHHĐTĐC

Đơn giá đền bù sẽ được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát giá thay thế đối với đất đai và

và giá thị trường đối với cây cối, hoa màu và vật kiến trúc tại thời điểm xây dựng Kế hoạch hành động Tái định cư. Đơn giá này cũng sẽ được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt cho tiểu dự án. Giá thay thế và giá thị trường cũng sẽ được cập nhật trong quá trình cập nhật kế hoạch hành động tái định cư.

Khảo sát RSC đã được thực hiện bao gồm các bước sau:

- Phỏng vấn cán bộ chuyên môn huyện về giá giao dịch gần đây của đất có tài sản tương tự với thửa đất bị ảnh hưởng, ý kiến của họ về giá bồi thường của cây và hoa màu bị ảnh hưởng theo quy định của tỉnh, chi phí xây dựng nhà và công trình phụ.
- Được khảo sát bởi các câu hỏi với các hộ gia đình có giao dịch trên đất gần khu vực bị ảnh hưởng và có tài sản tương tự với các lô đất bị ảnh hưởng trong ba năm trước thời gian đánh giá.
- Thu thập thông tin về các hợp đồng giao dịch đất được thực hiện trong ba năm đến thời gian đánh giá.

Sau khi hoàn thành khảo sát giá, tư vấn đã tiến hành so sánh giá khảo sát và đơn giá bồi thường được nêu trong Quyết định, tài liệu và chính sách hỗ trợ của tỉnh năm 2016 để đề xuất giá cho tiểu dự án. Các kết quả khảo sát được tổng hợp như sau:

- Giá đất chuyển nhượng thấp hơn giá bồi thường do tỉnh Sóc Trăng quy định;
- Giá đền bù cho nhà và công trình phụ của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tương đối gần và có phần cao hơn giá thị trường;
- Giá đền bù cho các loại cây trồng và cây trồng theo quy định của tỉnh Sóc Trăng tương đối gần với giá thị trường, chỉ một số loại cây trồng như sầu riêng, mít, măng cụt, chôm chôm, sữa me, bưởi có giá bồi thường cao hơn giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi hoàn thành khảo sát giá, Tư vấn đã tiến hành so sánh giá khảo sát được và đơn giá đền bù đã được nêu trong các Quyết định, văn bản và các chính sách hỗ trợ của tỉnh trong năm 2016 để đề xuất giá đền bù cho tiểu dự án.

Kết quả giá đền bù đề xuất cho tiểu dự án được thể hiện trong phụ lục 1.

11.3. Tổng ngân sách ước tính

Tổng chi phí ước tính **84.411.793,000 đồng (Tám mươi tư tỷ bốn trăm mười một triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng)** tương đương với số tiền tính bằng US\$ là **3.707.963,67 USD**. Trong đó chi phí đền bù là **44.364.928.000 đồng** tương đương với số tiền tính bằng US\$ là **1.948.821,79 USD** còn lại là các khoản chi phí về hỗ trợ, chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thưởng bàn giao đất đúng hạn với **40.046.865.000 đồng** (tương đương **1.759.141,88 USD**). (Chi phí này chưa bao gồm chi phí di dời hệ thống điện)

Bảng 37: Tổng hợp kinh phí đền bù và hỗ trợ của tiểu dự án

TT	Mô tả	Hệ BAH	Đơn vị	Tổng số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

TT	Mô tả	Hộ BAH	Đơn vị	Tổng số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)
I	BỒI THƯỜNG					44.364.928
1	Bồi thường đất					33.123.499
1.1	Ảnh hưởng vĩnh viễn			497.936		32.883.544
	- Đất cây hàng năm	662	m ²	366.560		18.450.541
	- Đất vườn	147		37.205		2.250.790
	- Đất thủy sản	30		11.453		404.333
	- Đất ở	670		10.718		11.539.880
	- Đất sản xuất kinh doanh	1		200		238.000
	- Đất công cộng			43.800		
	- Đất thủy lợi			28.000		
1.2	Ảnh hưởng tạm thời			63.146	3.8	239.954
2	Bồi thường nhà ở	156		4.915.00		6.371.205
3	Bồi thường thiệt hại công trình					1.245.140.82
	- Sân	267	m ²	7115	32.979	234.646
	- Hàng rào	25	m ²	540		238.116
	- Mái tôn	39	m ²	709	280.194	198.658
	- Lán	12	m ²	390	389.067	151.736
	- Cửa hàng	29	m ²	816	389.067	317.479
	- Bếp	6	m ²	120	383.835	46.060
	- Bể nước	6	cái	6	2000	12.000
	- Chuồng trại	2	m ²	38	389.067	14.785
	- Giếng	8	cái	8	3.957.82	31.663
4	Bồi thường thiệt hại cây trồng, hoa màu					3.625.084
	- Cây ăn quả	666	Cây	6.984		1.899.755
	- Cây lấy gỗ	161	Cây	1.537		201.453
	- Cây hàng năm	577	m ²	119.998		1.443.876
	- Cây cảnh	203	Cây	1.033.00		80.000
II	HỖ TRỢ					38.391.732
1	Hỗ trợ di chuyển					446.310
	- Di dời trong tỉnh		hộ (hh)	133		378.900
	- Di chuyển mồ mã	4	cái	9		24.210
	Mộ đất			3	1.870	5.610
	Mộ xây			6	3.100	18.600
	- Hỗ trợ tiền mua đất cải táng mộ	4	cái	9	4.800	43.200
2	Hỗ trợ ổn định đời sống					851.760
	- Hỗ trợ sinh hoạt 12 tháng	1		4	4680	18.720
	- Hỗ trợ sinh hoạt 6 tháng	75		356	2.340	833.040
3	Hỗ trợ phục hồi đời sống					31.658.497

TT	Mô tả	Hộ BAH	Đơn vị	Tổng số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm		1.000 đ	21.105.664	1.5	31.658.497
4	Chương trình phục hồi thu nhập					610.000
	- Hỗ trợ các mô hình phát triển nông nghiệp	325				610.000
5	Hỗ trợ mất lợi tức kinh doanh	29		29	1000	29.000
6	Hỗ trợ thuê nhà	47		47		171.600
6.1	Hỗ trợ thuê nhà khu vực nông thôn	46	hộ (hh)	46	600	165.600
6.2	Hỗ trợ thuê nhà khu vực TT	1	hộ (hh)	1	1000	6.000
7	Hỗ trợ khác (nhóm đối tượng dễ bị tổn thương).	6		6	12000	23.000
8	Khen thưởng bàn giao mặt bằng đúng thời hạn		hộ (hh)			1.488.656
9	Hỗ trợ suất đầu tư cơ sở hạ tầng cho các hộ phải di dời nhà ở	47	hộ (hh)	8	50.000	2.350.000
10	Trợ cấp sửa chữa nhà bị ảnh hưởng 1 phần	85				762.909
III	CỘNG					82.756.660
IV	CHI PHÍ THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TĐC 2%					1.655.133
V	TỔNG CỘNG					84.411.793

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KHẢO SÁT GIÁ THAY THẾ

1. Mục tiêu của cuộc khảo sát

Mục tiêu quan trọng của khảo sát giá thay thế là đảm bảo rằng mức giá đền bù nhà ở, đất và các tài sản khác bị thu hồi phải được tính theo giá thay thế đầy đủ. Việc tính giá thay thế đầy đủ sẽ dựa trên các yếu tố sau: (i) giá thị trường hợp lý; (ii) chi phí giao dịch; (iii) lợi ích sinh ra; (iv) chi phí thay đổi và phục hồi; và (v) các khoản thanh toán thích hợp khác, nếu có. Mục tiêu này sẽ đạt được thông qua quá trình khảo sát chi tiết thị trường và/hoặc nhân tố như năng lực sản xuất, các yếu tố tương đương, giá trị của các tài sản thay thế, sự bất lợi của các đối tượng bị ảnh hưởng..., đồng thời so sánh và đánh giá về các đơn giá mà ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành.

Mục đích của khảo sát giá thay thế:

- Xác định giá đất tại thời điểm khảo sát
- Xác định giá cây cối, hoa màu tại thời điểm khảo sát
- Xác định giá vật liệu và nhân công xây dựng nhà ở, vật kiến trúc tại thời điểm khảo sát
- Xây dựng phương án giá thay thế cho đất, tài sản, cây cối, hoa màu tại thời điểm khảo sát

Cuộc điều tra tiến hành trong tháng 8 và tháng 9 năm 2017.

2. Nguyên tắc và phương pháp

Nguyên tắc:

- Nguyên tắc cao nhất và tốt nhất
- Nguyên tắc cung và cầu

Phương pháp

Việc điều tra giá thay thế được thực hiện thông qua sử dụng các phương pháp sau:

- a) Tiến hành các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu đối với các cán bộ chức năng các tỉnh/huyện có liên quan về việc thành lập các đơn giá đã được ban hành cho công tác đền bù thu hồi đất và phục hồi các thiệt hại về nhà cửa, các công trình khác, cây trồng hàng năm, cây trồng lâu năm, để có được sự hiểu biết rõ hơn về phương pháp mà địa phương đã sử dụng trong việc quyết định ban hành mức đơn giá.
- b) Phỏng vấn các cán bộ địa phương (tỉnh, huyện và xã) và người dân để tìm hiểu giá thị trường đất đai trong phạm vi vùng dự án thông qua các hoạt động giao dịch buôn bán đất gần đây hoặc đối với các trường hợp không có giao dịch thì ước tính dựa vào các yếu tố kinh nghiệm như sản lượng, vị trí và giá trị của đất thay thế.
- c) Sử dụng một bộ câu hỏi phỏng vấn có cấu trúc để tìm kiếm thông tin trên diện rộng về các giao dịch đối với các loại đất và tài sản trên đất cũng như công vận chuyển và xây dựng trong khu vực. Gặp gỡ với các hộ kinh doanh, buôn bán và các chuyên gia nông nghiệp, có cả các chuyên gia của địa phương để thành lập đơn giá hiện tại cho các sản phẩm cây trồng hàng năm và cây trồng lâu năm.
- d) Thu thập các văn bản pháp lý đã được ban hành gồm các bộ đơn giá các loại đất và đơn giá cho các loại tài sản khác (bao gồm cả hỗ trợ). Trong trường hợp các tỉnh có ban hành

các loại đơn giá cho các nguồn vật liệu trong xây dựng, cũng sẽ được xem xét tới, kết hợp với việc tìm hiểu đơn giá vật liệu xây dựng trong phạm vi vùng dự án và phỏng vấn các nhà thầu và thợ xây dựng để xác định giá nhân công hiện tại trong phạm vi vùng dự án.

e) Phương pháp so sánh: Có hai hình thức so sánh được tiến hành

Thứ nhất: Việc thu thập các bộ đơn giá **nếu có thể** nên được tìm hiểu theo chuỗi thời gian là 3 năm nhằm so sánh mức điều chỉnh giá theo khu vực hoặc theo loại hình tài sản của các tỉnh;

Thứ hai: trong trường hợp có các giao dịch về đất được tiến hành tại khu vực điều tra sẽ sử dụng các căn cứ pháp lý và phương pháp so sánh theo hướng dẫn của các văn bản được viện dẫn dưới đây.

- Phương pháp so sánh trực tiếp kết hợp với phương pháp khấu trừ.

Phương pháp so sánh trực tiếp:

- Theo Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; và
- Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất.

Việc định giá đất theo Phương pháp so sánh trực tiếp được tiến hành như sau:

Bước 1. Khảo sát, thu thập thông tin

a) Khảo sát thực địa để thu thập thông tin về thửa đất cần định giá.

b) Khảo sát, thu thập thông tin của tối thiểu 03 thửa đất có đặc điểm tương tự với thửa đất cần định giá về mục đích sử dụng đất, vị trí, khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, diện tích, kích thước, hình thể và tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất (sau đây gọi là thửa đất so sánh) đã chuyển nhượng trên thị trường, trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong khoảng thời gian không quá 02 năm tính đến thời điểm định giá đất. Nội dung thông tin thu thập bao gồm:

- Giá đất;

- Mục đích sử dụng đất, vị trí, diện tích, kích thước, hình thể, các yếu tố về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, thời điểm chuyển nhượng, trúng đấu giá quyền sử dụng đất và các thông tin khác có ảnh hưởng đến giá đất.

c) Thông tin về giá đất của thửa đất so sánh được thu thập từ các nguồn sau đây:

- Giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất;

- Giá đất thị trường trong cơ sở dữ liệu về đất đai;

- Giá đất giao dịch thành công trên sàn giao dịch bất động sản;

- Giá đất đã giao dịch thành công trên thị trường do người chuyển nhượng hoặc người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cung cấp thông qua phỏng vấn trực tiếp.

Giao dịch thành công là giao dịch mà bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán cho bên chuyển nhượng theo thỏa thuận và đã nhận quyền sử dụng đất.

d) Khi khảo sát, thu thập thông tin về giá đất ưu tiên lựa chọn các thông tin về giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất, giá đất giao dịch thành công trên sàn giao dịch bất động sản, giá đất thị trường trong cơ sở dữ liệu về đất đai, các thông tin phát sinh gần nhất với thời điểm định giá đất và tại khu vực định giá đất. Trường hợp tại khu vực định giá không đủ thông tin về giá đất thì thu thập thông tin tại khu vực lân cận có điều kiện tương tự về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội với khu vực có thửa đất cần định giá.

Trong quá trình khảo sát, thu thập thông tin, không điều tra đối với thửa đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thửa đất không đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bước 2. Phân tích, so sánh, điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá

a) Phân tích, so sánh để xác định các yếu tố giống nhau và khác biệt của thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá.

b) Điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá

Căn cứ vào các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá để điều chỉnh mức giá của thửa đất so sánh theo giá trị tuyệt đối hoặc tỷ lệ phần trăm (%).

Việc điều chỉnh mức giá của thửa đất so sánh thực hiện theo nguyên tắc lấy thửa đất cần định giá làm chuẩn; thực hiện điều chỉnh theo giá trị tuyệt đối trước, điều chỉnh theo tỷ lệ phần trăm (%) sau; các yếu tố của thửa đất so sánh kém hơn so với thửa đất cần định giá thì điều chỉnh tăng (cộng) mức giá của thửa đất so sánh; các yếu tố của thửa đất so sánh tốt hơn so với thửa đất cần định giá thì điều chỉnh giảm (trừ) mức giá của thửa đất so sánh.

Bước 3. Ước tính giá đất của thửa đất cần định giá

Giá đất ước tính của thửa đất cần định giá được xác định bằng cách điều chỉnh giá đất của từng thửa đất so sánh do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đất ước tính của thửa đất} \\ \text{cần định giá theo từng thửa} \\ \text{đất so sánh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá đất của từng} \\ \text{thửa đất so sánh} \end{array} \pm \begin{array}{l} \text{Mức điều chỉnh về giá do các} \\ \text{yếu tố khác biệt của từng thửa} \\ \text{đất so sánh với thửa đất} \end{array}$$

Đối với trường hợp giá đất thị trường có biến động trong khoảng thời gian từ thời điểm chuyển nhượng, trúng đấu giá quyền sử dụng đất của thửa đất so sánh đến thời điểm xác định giá đất thì phải thực hiện điều chỉnh mức giá đất của thửa đất so sánh về thời điểm xác định giá đất theo chỉ số biến động giá đất thị trường do Sở Tài nguyên và Môi trường công bố. Trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường chưa công bố thì chỉ số biến động giá đất thị trường của từng loại đất được tính toán trên cơ sở các thông tin về giá đất phổ biến trên thị trường đã thu thập được theo thời gian hoặc số liệu thống kê của cơ quan thống kê (nếu có).

Bước 4. Xác định giá đất của thửa đất cần định giá

Xác định giá của thửa đất cần định giá bằng cách lấy bình quân số học đối với các mức giá ước tính của thửa đất cần định giá đã xác định tại Bước 3; giá đất của thửa đất cần định giá đã xác định phải bảo đảm chênh lệch với từng mức giá đất ước tính không quá 10%.

Phương pháp chiết trừ

Trình tự, nội dung xác định giá đất theo phương pháp chiết trừ thực hiện theo quy định sau đây:

Bước 1. Khảo sát, thu thập thông tin

a) Khảo sát thực địa để thu thập thông tin về thửa đất có tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là bất động sản) cần định giá.

b) Khảo sát, thu thập thông tin của tối thiểu 03 bất động sản có đặc điểm tương tự với thửa đất cần định giá về mục đích sử dụng đất, vị trí, khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, diện tích, kích thước, hình thể và tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất (sau đây gọi là bất động sản so sánh) đã chuyển nhượng trên thị trường, trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong khoảng thời gian không quá 02 năm tính đến thời điểm định giá đất. Nội dung thông tin thu thập bao gồm:

- Giá đất;

- Mục đích sử dụng đất, vị trí, diện tích, kích thước, hình thể, các yếu tố về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, thời điểm chuyển nhượng, trúng đấu giá quyền sử dụng đất và các thông tin khác có ảnh hưởng đến giá đất;

- Thông tin về tài sản gắn liền với đất.

c) Nguồn thông tin thu thập thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

d) Trong quá trình khảo sát, thu thập giá đất thị trường, người điều tra thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

Bước 2. Xác định giá trị hiện tại của tài sản gắn liền với đất của các bất động sản so sánh

Giá trị hiện tại của tài sản gắn liền với đất của bất động sản so sánh được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị hiện tại của tài sản} \\ \text{gắn liền với đất của bất} \\ \text{động sản so sánh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị xây dựng mới tại} \\ \text{thời điểm định giá đất} \end{array} - \text{Giá trị hao mòn}$$

Trong đó:

- Giá trị xây dựng mới tại thời điểm định giá đất là chi phí thay thế để đầu tư xây dựng mới tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc chi phí tái tạo tài sản gắn liền với đất đó. Giá trị xây dựng mới bao gồm các khoản chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, lợi nhuận hợp lý cho người đầu tư xây dựng và các khoản thuế, phí phải nộp theo quy định của pháp luật.

- Giá trị hao mòn của tài sản gắn liền với đất bao gồm: hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình (bao gồm hao mòn về mặt vật lý do hư hao dần trong quá trình khai thác sử dụng; hao mòn do

lạc hậu về chức năng; thay đổi quy hoạch, suy thoái kinh tế và do tác động của các yếu tố bên ngoài).

Phương pháp tính giá trị xây dựng mới và giá trị hao mòn của tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp chưa có quy định hoặc hướng dẫn về phương pháp tính giá trị xây dựng mới và giá trị hao mòn thì việc tính toán thực hiện căn cứ vào thông tin, số liệu thực tế thu thập được trên thị trường.

Bước 3. Ước tính giá đất của bất động sản so sánh

Giá trị đất của bất động sản so sánh thực hiện theo công thức sau:

$$\text{Giá trị đất của bất động sản so sánh} = \frac{\text{Giá trị bất động sản so sánh}}{\text{Giá trị hiện tại của tài sản gắn liền với đất của bất động sản so sánh}}$$

Việc ước tính giá đất của bất động sản so sánh thực hiện theo công thức sau:

$$\text{Giá đất của bất động sản so sánh} = \frac{\text{Giá trị của bất động sản so sánh}}{\text{Diện tích thửa đất của bất động sản so sánh}}$$

Bước 4. Xác định giá đất của bất động sản cần định giá

Xác định giá của thửa đất cần định giá bằng cách lấy bình quân số học đối với các mức giá ước tính của thửa đất cần định giá đã xác định tại Bước 3; giá đất của thửa đất cần định giá đã xác định phải bảo đảm chênh lệch với từng mức giá đất ước tính không quá 10%.

3. Kết quả khảo sát

a) Đối với đất đai

Khu vực tiểu dự án là khu vực nông thôn nên các hoạt động kinh tế chưa phát triển và tình hình kinh tế những năm gần đây của người dân cũng tương đối khó khăn, trong mấy năm gần đây do ở khu vực nằm trong vùng tiểu dự án có rất ít các vụ giao dịch và chuyển nhượng về đất nông nghiệp và đất ở. Vật liệu xây dựng được bán tại các cửa hàng hầu như không tăng giá trong thời gian gần đây.

So với tổng mức giá theo quy định của UBND tỉnh, bao gồm giá đất đai theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 Về việc ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND, ngày 18/01/2018 về quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 805/QĐ-UBND, ngày 31/03/2016 Về việc ban hành bảng đơn giá chuẩn 1m² nhà ở, công trình, vật kiến trúc; Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND, ngày 22/02/2017 Về việc Ban hành Quy định về mật độ, định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu và vật nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cộng với hỗ trợ theo Quyết định 34/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 Về việc ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng thì đơn giá của các hộ mong muốn được nhận còn thấp hơn so với tổng giá đền bù cộng với hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành. Kết quả được thể hiện chi tiết ở bảng 1 dưới đây.

Do đó giá đề xuất để tính bồi thường cho các loại đất (đất thổ cư; đất trồng cây lâu năm; đất trồng cây hàng năm; đất nuôi trồng thủy sản và đất sản xuất kinh) của các hộ bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án sẽ áp theo đơn giá đền bù hỗ trợ của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Bảng 1: Giá bồi thường cho các loại đất

TT	Hạng mục	ĐVT	Giá của UBND tỉnh Sóc Trăng			Giá thực tế (1.000 đồng)	Giá áp dụng (1.000 đồng)
			QĐ số 35/2014 và QĐ số 14/2016/QĐ - UBND (1.000 đồng)	Hỗ trợ theo QĐ 34/2014/QĐ -UBND (1.000 đồng)	Tổng (1.000 đồng)		
A	Đất thổ cư (đất ở)						
1	Thị trấn Cù Lao Dung						Áp theo đơn giá của UBND tỉnh Sóc Trăng
-	Từ đường 3/2 đến hết đất cây xăng Lê Vũ	m ²	2040		2040	1800 - 2000	
-	Ranh xã An Thạnh Tây đến đường 3/2	m ²	1440		1440	1200 - 1400	
-	Giáp ranh đất cây xăng Lê Vũ - Cầu kênh Đình Trại	m ²	1680		1680	1500 - 1600	
-	- Hết ranh đất Bảy Xe - Hết đất NVH thị trấn. - Giáp ranh cầu xã - Cầu Bến Bạ nhỏ	m ²	3360		3360	3000 - 3200	
-	Giáp đất NVH thị trấn - Cầu Bến Bạ Giáp ranh đất Bảy Xe - Cuối đường Xóm Cùi	m ²	2880		2880	2500 - 2800	
-	Cầu Bến Bạ - Trại cửa Ông Diệu	m ²	1800		1800	1500 - 1800	
-	Giáp đường Đoàn Thế Trung - Rạch Thông Hào	m ²	1200		1200	1000 - 1200	
-	Giáp ranh bệnh viện mới - sông Cồn Tròn	m ²	540		540	400 - 500	
2	Xã An Thạnh 1						
-	Bến phà Kinh Đào - Đầu lộ dal Rạch Su - Giáp ranh HTX Hoàng Dũng - Lộ dal Rạch Sâu (giáp xã An Thạnh Tây)	m ²	1100		1100	1000 - 1100	
-	Đầu lộ dal Rạch Su - Hết đất HTX Hoàng Dũng	m ²	770		770	700 - 750	
3	Xã An Thạnh Tây						

TT	Hạng mục	ĐVT	Giá của UBND tỉnh Sóc Trăng			Giá thực tế (1.000 đồng)	Giá áp dụng (1.000 đồng)
			QĐ số 35/2014 và QĐ số 14/2016/QĐ - UBND (1.000 đồng)	Hỗ trợ theo QĐ 34/2014/QĐ -UBND (1.000 đồng)	Tổng (1.000 đồng)		
-	Ranh xã An Thạnh 1 - Hết đất ông Huỳnh Văn Thử (giáp đường dal Bần Xanh)	m ²	1100		1100	1000 - 1100	
-	Giáp đường dal Bần Xanh - Ranh TT Cù Lao Dung	m ²	880		880	750 - 850	
-	Cù Lao Nai - Giáp Đại Ân 1	m ²	275		275	200 - 250	
4	Xã An Thạnh 2						
-	Cầu kinh Đình Trụ - Hết đất nghĩa trang liệt sĩ	m ²	1210		1210	1000 - 1200	
-	Ranh nghĩa trang liệt sĩ - Giáp đường 933 Cầu Rạch Lớn - Cầu Bà Chủ	m ²	660		660	500 - 650	
-	Cầu Bà Chủ - Đầu lộ dal xóm mới	m ²	770		770	650 - 700	
-	Giáp đường 933 - Cầu Rạch Lớn	m ²	495		495	400 - 450	
-	Đầu lộ dal xóm mới - Rạch Mù U	m ²	440		440	400	
-	Đường dal tuyến sông Cồn Tròn	m ²	220		220	150 - 200	
-	Đường dal tuyến sông Bến Bạ	m ²	275		275	200 - 250	
5	Xã An Thạnh 3						
-	Đầu ranh đất Hai Việt - Cầu Kinh Xáng	m ²	440		440	400	
-	Giáp đường dal Mù U (Giáp ranh An Thạnh 2) - Hết ranh đất Tư Trục - Giáp ranh đất ông Trương Văn Hùng - Lộ dal Rạch Chòi - Lộ dal rạch Chòi - Hết ranh đất Hai Trù		550		550	450 - 550	
-	Giáp ranh đất ông Tư Trục - Lộ dal ông Sáu		770		770	650 - 750	Áp theo đơn giá của UBND
-	Lộ dal ông Sáu - Hết ranh đất ông Oanh	m ²	990		990	800 - 950	

TT	Hạng mục	ĐVT	Giá của UBND tỉnh Sóc Trăng			Giá thực tế (1.000 đồng)	Giá áp dụng (1.000 đồng)
			QĐ số 35/2014 và QĐ số 14/2016/QĐ - UBND (1.000 đồng)	Hỗ trợ theo QĐ 34/2014/QĐ -UBND (1.000 đồng)	Tổng (1.000 đồng)		
-	Đầu ranh đất Tư Giây - Hết ranh đất Trương Văn Hùng	m ²	1320		1320	1200 - 1300	tỉnh Sóc Trăng
-	Đê biển	m ²	220		220	150 - 200	
-	Đê sông Cồn Tròn	m ²	220		220	150 - 200	
6	Xã An Thạnh Nam						
-	Đê bao biển	m ²	330		330	250 - 300	
-	Đê sông Cồn Tròn	m ²	330		330	250 - 300	
B	Đất cây lâu năm						
1	Xã An Thạnh 1; xã An Thạnh Tây; TT Cù Lao Dung	m ²	66	99	165	140 - 165	Áp theo đơn giá của UBND tỉnh Sóc Trăng
2	Xã An Thạnh 2; xã An Thạnh 3	m ²	49,5	74,25	123,75	100 - 120	
3	Ấp Võ Văn Thành, ấp Vàm Hồ xã An Thạnh Nam	m ²	40	60	100	100	
C	Đất Cây Hàng Năm						
1	TT Cù Lao Dung; Xã An Thạnh 1	m ²	60	90	150	120 - 150	Áp theo đơn giá của UBND tỉnh Sóc Trăng
2	Xã An Thạnh Tây; xã An Thạnh 2.	m ²	45	67,5	112,5	80 - 110	
3	Xã An Thạnh 3;	m ²	40	60	100	80 - 100	
4	Xã An Thạnh Nam	m ²	42	63	105	70 - 100	
D	Đất Thủy sản						
1	TT Cù Lao Dung; xã An Thạnh 2	m ²	40	60	100	70 - 100	Áp theo đơn giá của UBND tỉnh Sóc Trăng
2	Xã An Thạnh 1; xã An Thạnh Nam; xã An Thạnh Tây	m ²	30	45	75	60 - 75	
3	Xã An Thạnh 3	m ²	35	52,5	87,5	75 - 85	
E	Đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện						

TT	Hạng mục	ĐVT	Giá của UBND tỉnh Sóc Trăng			Giá thực tế (1.000 đồng)	Giá áp dụng (1.000 đồng)
			QĐ số 35/2014 và QĐ số 14/2016/QĐ - UBND (1.000 đồng)	Hỗ trợ theo QĐ 34/2014/QĐ -UBND (1.000 đồng)	Tổng (1.000 đồng)		
1	Trong khu vực thị trấn	m ²	75	32,5	107,5	80-100	Áp theo đơn giá của UBND tỉnh Sóc Trăng
2	Ngoài khu vực thị trấn	m ²	70	35	105	70-100	

b) Đối với các loại công trình vật kiến trúc

Cũng theo nghiên cứu giá thay thế, đơn giá cho công trình, vật kiến trúc của UBND tỉnh Sóc Trăng quy định đối với các loại công trình, vật kiến trúc so với giá thị trường tại thời điểm được định giá là tương đối sát và có phần cao hơn so với giá thị trường. Do đó giá đền bù cho các loại công trình và vật kiến trúc sẽ được áp theo đơn giá đền bù cho công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 31/03/2016.

Đơn giá đền bù cho các loại công trình vật kiến trúc được thể hiện chi tiết ở bảng 2 dưới đây.

Bảng 2: Giá bồi thường đối với công trình vật kiến trúc

STT	Nhà ở và các loại công trình phụ	ĐVT	Quyết định số 805/QĐ-UBND (1.000 đồng)	Giá điều tra thực tế (1.000 đồng)	Giá bồi thường đề xuất (1.000 đồng)
A		Nhà ở			Áp theo đơn giá đền bù của UBND tỉnh Sóc Trăng
1	Nhà tạm	m ²	751,791	700 - 750	
2	Nhà bán kiên cố	m ²	2664,354	2400 - 2650	
3	Nhà kiên cố	m ²	3820,746	3500 - 3800	
B		Các loại công trình phụ			Áp theo đơn giá đền bù của UBND tỉnh Sóc Trăng
1	Sân xi măng	m ²	32,979	30 - 32	
2	Hàng rào	m ²			
-	Hàng rào xây	m ²	769,719	700 - 760	
-	Hàng rào B40	m ²	154,008	120 - 150	
-	Hàng rào tre nứa	m ²	51,336	45 - 50	
3	Mái tôn	m ²	280,194	250 - 280	
4	Lán	m ²	389,067	350 - 380	
5	Cửa Hàng	m ²	389,067	350 - 380	

STT	Nhà ở và các loại công trình phụ	ĐVT	Quyết định số 805/QĐ-UBND (1.000 đồng)	Giá điều tra thực tế (1.000 đồng)	Giá bồi thường đề xuất (1.000 đồng)
6	Bếp	m ²	389,067	350 - 380	
7	Mô mã	cái			
-	Mô đất	Cái	1870	1500 - 1800	
-	Mô xây	cái	3100	2500 - 3000	
8	Cây nước	cái	3957,82	3500 - 4000	
9	Bể nước	cái	2000	1500 - 2000	
10	Chuồng trại	m ²	389,067	350 - 380	

c) Đối với các loại cây cối và hoa màu

Nhìn chung, đơn giá của UBND tỉnh Sóc Trăng quy định về cây trồng các loại đã tương đối sát so với giá thị trường, chỉ một số loại cây trồng như: Sầu riêng, mít, măng cụt, chôm chôm, vú sữa, bưởi thì giá khảo sát trong vùng tiểu dự án cao hơn so với giá của UBND tỉnh Sóc Trăng quy định và giá đền bù cho các loại cây này được đề xuất như bảng 3 dưới đây.

Bảng 3: Giá bồi thường đối với cây trồng, hoa màu

TT	Cây trồng	Loại	Đơn vị tính	Giá theo Quyết định số 09/QĐ-UBND tỉnh Sóc Trăng 22/02/2017	Giá điều tra thực tế	Giá bồi thường đề xuất
I	Cây ăn quả					
1	Xoài	Loại A	1.000 đ/cây	600	1000	1000
		Loại B	1.000 đ/cây	420	600	600
2	Cau	Loại A	1.000 đ/cây	150	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	105		
3	Chuối	Loại A	1.000 đ/cây	50		
		Loại B	1.000 đ/cây	35		
		Loại C	1.000 đ/cây	10		
4	Ôi	Loại A	1.000 đ/cây	150	300	300
		Loại B	1.000 đ/cây	105	150	150
5	Vú Sữa	Loại A	1.000 đ/cây	1200	1.300	1300
		Loại B	1.000 đ/cây	840	1000	1000
6	Đu đủ	Loại A	1.000 đ/cây	120	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	84		
7	Mận (Roi)	Loại A	1.000 đ/cây	300		
		Loại B	1.000 đ/cây	210		
8	Mít	Loại A	1.000 đ/cây	310	1000	1000
		Loại B	1.000 đ/cây	200	600	600
9	Nhãn	Loại A	1.000 đ/cây	500	800	800
		Loại B	1.000 đ/cây	350	500	500
10	Sake	Loại A	1.000 đ/cây	50	Không có	Theo giá

TT	Cây trồng	Loại	Đơn vị tính	Giá theo Quyết định số 09/QĐ-UBND tỉnh Sóc Trăng 22/02/2017	Giá điều tra thực tế	Giá bồi thường đề xuất
		Loại B	1.000 đ/cây	35	giá	của UBND tỉnh
11	Sầu riêng	Loại A	1.000 đ/cây	1300	2000	2000
		Loại B	1.000 đ/cây	910	1500	1500
12	Chanh	Loại A	1.000 đ/cây	200	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	140		
13	Sari	Loại A	1.000 đ/cây	200	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	140		
14	Bưởi	Loại A	1.000 đ/cây	400	1.000	1.000
		Loại B	1.000 đ/cây	280	650	650
15	Na (mãng cầu xiêm)	Loại A	1.000 đ/cây	500	650	650
		Loại B	1.000 đ/cây	350	500	500
16	Cóc	Loại A	1.000 đ/cây	250	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	175		
17	Khế	Loại A	1.000 đ/cây	150	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	105		
18	Dừa	Loại A	1.000 đ/cây	500	700	700
		Loại B	1.000 đ/cây	350	500	500
19	Thanh Long	Loại A	1.000 đ/cây	300	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	210		
20	Cam	Loại A	1.000 đ/cây	550	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	385		
21	Mãng Cầu	Loại A	1.000 đ/cây	200	500	500
		Loại B	1.000 đ/cây	140	300	300
22	Chôm Chôm	Loại A	1.000 đ/cây	450	1000	1000
		Loại B	1.000 đ/cây	315	700	700
23	Mãng Cụt	Loại A	1.000 đ/cây	1000	1500	1500
		Loại B	1.000 đ/cây	700	1000	1000
24	Me	Loại A	1.000 đ/cây	250	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	175		
II	Cây lấy gỗ					
1	Bạch Đàn	Loại A	1.000 đ/cây	100	150	150
		Loại B	1.000 đ/cây	70	100	100
2	Bàng	Loại A	1.000 đ/cây	50	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	35		
3	Tre	Loại A	1.000 đ/cây	200	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	140		

TT	Cây trồng	Loại	Đơn vị tính	Giá theo Quyết định số 09/QĐ-UBND tỉnh Sóc Trăng 22/02/2017	Giá điều tra thực tế	Giá bồi thường đề xuất
4	Xà Cừ	Loại A	1.000 đ/cây	400	800	800
		Loại B	1.000 đ/cây	280	400	400
5	Bần	Loại A	1.000 đ/cây	60	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	42		
6	So Đũa	Loại A	1.000 đ/cây	50		
		Loại B	1.000 đ/cây	35		
7	Chùm ruột	Loại A	1.000 đ/cây	100		
		Loại B	1.000 đ/cây	70		
8	Tràm	Loại A	1.000 đ/cây	35		
		Loại B	1.000 đ/cây	25		
9	Gòn	Loại A	1.000 đ/cây	100		
		Loại B	1.000 đ/cây	70		
10	Trứng cá	Loại A	1.000 đ/cây	30		
		Loại B	1.000 đ/cây	21		
11	Mù u	Loại A	1.000 đ/cây	400	800	800
		Loại B	1.000 đ/cây	280	400	400
12	Điệp	Loại A	1.000 đ/cây	100	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		Loại B	1.000 đ/cây	70		
13	Bằng Lăng	Loại A	1.000 đ/cây	70		
		Loại B	1.000 đ/cây	20		
III	Cây hàng năm					
1	Mía	Loại A	1.000đ/m ²	10	12	12
		Loại B	1.000đ/m ²	7	10	10
2	Lá Dừa nước	Loại A	1.000đ/m ²	16	18	18
		Loại B	1.000đ/m ²	11,2	13	13
3	Khoai môn	Loại A	1.000đ/m ²	8	12	12
		Loại B	1.000đ/m ²	5,6	10	10
IV	Cây cảnh					
1	Xanh	1m-2m	1.000 đ/cây	100	Không có giá	Theo giá của UBND tỉnh
		<1m	1.000 đ/cây	50		
2	Mai	1m-2m	1.000 đ/cây	100		
		<1m	1.000 đ/cây	50		
3	Cây Kiểng	1m-2m	1.000 đ/cây	100		
		<1m	1.000 đ/cây	50		
4	Lộc vùng	1m-2m	1.000 đ/cây	100		
		<1m	1.000 đ/cây	50		

PHỤ LỤC 2: THÔNG TIN TỜ RƠI

Tiểu dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung thuộc Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL)

I. GIỚI THIỆU TÓM TẮT VỀ TIỂU DỰ ÁN VÀ CÁC TÁC ĐỘNG.

1.1. Thông tin về tiểu dự án

Tiểu dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung thuộc Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL).

Mục tiêu chung của tiểu dự án:

Đầu tư dự án để phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế người dân khu vực Cù Lao Dung dựa trên phát huy những lợi thế, tiềm năng của khu vực.

Mục tiêu cụ thể của tiểu dự án:

Các hoạt động, nội dung đầu tư của dự án về hạ tầng kỹ thuật và các giải pháp phi công trình, các mô hình chuyển đổi sản xuất sẽ đáp ứng được các nhiệm vụ chính sau:

- Phục vụ từng bước chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp hiện nay mía, rau màu... tại Cù Lao Dung (đặc biệt là khu vực 5 xã giáp biển) thành vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (khoảng 5.000ha) theo hướng sản xuất hàng hóa trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Tăng cường bảo vệ bờ biển, phục hồi rừng ngập mặn, bảo vệ hệ sinh thái ven biển đảm bảo an toàn cho dân sinh, kinh tế, xã hội trước nguy cơ nước biển dâng và những tác động xấu của biến đổi khí hậu;
- Góp phần xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng về thủy lợi, giao thông, kết nối giao thông nội vùng với hệ thống giao thông hiện có để tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội đặc biệt là phát triển kinh tế biển, phát triển du lịch và phục vụ cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn, khu vực, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh;
- Tạo điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ xây dựng mô hình cấp thoát nước cho vùng nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung, có hệ thống cấp thoát nước riêng biệt nhằm đưa ra một mô hình nuôi thủy sản bền vững, giảm thiệt hại đến mức thấp nhất, đảm bảo sinh kế cho người dân.
- Góp phần cải thiện môi trường sinh thái trong khu vực, kết hợp phục vụ công tác ngăn lũ phòng chống lụt bão trên địa bàn huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Xây dựng các mô hình sinh kế, mô hình chuyển đổi sản xuất để mang lại hiệu quả cao hơn các mô hình sản xuất hiện trạng.

1.2. Tiểu dự án sẽ thực hiện trên địa bàn 5 xã và 1 thị trấn trên địa bàn huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ảnh hưởng của tiểu dự án

Việc triển khai xây dựng các công trình thuộc tiểu dự án sẽ phải thu hồi đất, giải tỏa công trình, vật kiến trúc, cây trồng và hoa màu của các hộ dân. Kết quả ước tính thiệt hại cho thấy, có tổng 1.595 hộ (7.246 người) sẽ bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án. Các hạng mục bị ảnh hưởng gồm các loại: (i) ảnh hưởng đất đai; (ii) ảnh hưởng nhà cửa và vật kiến trúc; (iii) ảnh hưởng về cây trồng và hoa màu. **Trong đó có 75 hộ bị ảnh hưởng do mất đất sản xuất nông nghiệp từ 20% - 70% đối với hộ thường và từ 10% - 70% đối với hộ dễ bị tổn thương.**

II. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỀN BÙ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA TIỂU DỰ ÁN

CÂU HỎI 1: CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC TIỂU DỰ ÁN?

Trả lời: Các công trình thuộc tiểu dự án gồm:

a. Chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với BĐKH-NBD.

Để chuyển đổi sản xuất từ hiện nay (mía, màu) sang nuôi trồng thủy sản cho Cù Lao Dung (dự kiến diện tích khoảng 3.500ha so với hiện nay) dự kiến sẽ xây dựng các mô hình sản xuất thí điểm và trên cơ sở đó kết hợp với các nội dung khác như đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, tổ chức lại sản xuất để nhân rộng các mô hình phù hợp, hiệu quả ra toàn vùng.

- Mô hình 1: Nuôi thủy sản kết hợp Vọp (*Geloina coaxans*) và ốc len (*Cerithidea obtusa*) dưới tán rừng ngập mặn;
- Mô hình 2: Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) dưới tán rừng trồng trong vùng đệm ven đê;
- Mô hình 3: Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*), tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo VietGAP;
- Mô hình 4: Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) kết hợp với cá đối mục (*Mugil cephalus*), cá rô phi (*Sarotherodon*) trong hệ thống ao nuôi;
- Mô hình 5: Nuôi cá Kèo (*Pseudapocryptes elongatus*) thâm canh trong ao đất;
- Mô hình 6: Trồng cây ăn quả chịu mặn (Dừa, Mãng cầu, Thanh Long) hướng đến phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp vùng ven biển;
- Mô hình 7: Chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học (bò thịt, dê kiêm dụng, gia cầm thả vườn, vịt Biển).

b. Trồng và khôi phục rừng ngập mặn ven biển

Khôi phục rừng ngập mặn ven biển: Trồng bổ sung rừng ngập mặn ven biển tại các vị trí đai rừng mỏng: diện tích trồng bổ sung khoảng 40ha.

c. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để phục vụ chuyển đổi và bảo vệ sản xuất

- Nâng cấp đê biển: Củng cố, nâng cấp 22,454 km đê biển để ngăn triều cường bảo vệ sản xuất cho khu vực ven biển.

- Xây dựng mới 40,205 km đê sông và các công trình trên đê (cống, đập) để phục vụ và bảo vệ sản xuất cho vùng chuyển đổi.
- Nâng cấp tuyến giao thông tỉnh lộ 933B: Chiều dài 21,827km từ Thị trấn Cù Lao Dung ra tới đê biển để phục vụ sản xuất, vận chuyển hàng hóa, cứu hộ cứu nạn và tạo điều kiện phát triển du lịch sinh thái cho vùng ven biển Cù Lao Dung.
- + Xây dựng mới và nâng cấp hệ thống điện phục vụ việc chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp (mía) hiện trạng sang nuôi trồng thủy sản (tập trung cho 05 xã gần biển) để phục vụ nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt.

CÂU HỎI 2: KHI TRIỂN KHAI THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC TIÊU DỰ ÁN THÌ SẼ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BAO NHIÊU HỘ DÂN VÀ ẢNH HƯỞNG CỤ THỂ NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời: Việc xây dựng các công trình thuộc tiêu dự án có tổng cộng 1.595 hộ dân sẽ bị ảnh hưởng. Các hạng mục bị ảnh hưởng gồm: (i) ảnh hưởng về đất đai; (ii) ảnh hưởng về nhà ở; (iii) ảnh hưởng về các công trình phụ; (iv) ảnh hưởng cây cối, hoa màu. **Trong đó có 75 hộ bị ảnh hưởng do mất đất sản xuất nông nghiệp từ 20% - 70% đối với hộ thường và từ 10% - 70% đối với hộ dễ bị tổn thương và 47 hộ phải tái định cư.**

Ảnh hưởng về đất đai:

- Tổng diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn 497.936m² (1.410 hộ), trong đó:
 - + Số hộ bị ảnh hưởng đất thổ cư (đất ở) 670 hộ với diện tích bị ảnh hưởng 10.718m²;
 - + Số hộ bị ảnh hưởng đất trồng cây lâu năm (đất vườn) 147 hộ với diện tích bị ảnh hưởng 37.205m²;
 - + Số hộ bị ảnh hưởng đất trồng cây hàng năm 662 hộ với diện tích bị ảnh hưởng: 366.560m²;
 - + Số hộ bị ảnh hưởng đất nuôi trồng thủy sản 30 hộ với diện tích bị ảnh hưởng 11.453m²;
 - + Số hộ bị ảnh hưởng đất sản xuất kinh doanh 1 hộ với diện tích bị ảnh hưởng 200m²;
 - + Và 43.800m² diện tích đất công cộng – đất chưa sử dụng;
 - + Diện tích đất thủy lợi bị ảnh hưởng 28.000m².
- Ngoài ra khi triển khai xây dựng các công trình còn làm ảnh hưởng tạm thời đến 63.146m² đất của các hộ dân;
 - + Diện tích đất ở (đất thổ cư) bị ảnh hưởng tạm thời 1.620m²;
 - + Diện tích đất trồng cây lâu năm bị ảnh hưởng tạm thời 3.220m²;
 - + Diện tích đất cây hàng năm bị ảnh hưởng tạm thời 54.915m²;
 - + Diện tích đất nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng tạm thời 2.291m²;
 - + Diện tích đất sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng tạm thời 1.100m².

Về nhà ở, vật kiến trúc

Tổng số hộ bị ảnh hưởng nhà ở 132 hộ với diện tích bị ảnh hưởng 4.081m², trong đó có 47 ngôi nhà bị ảnh hưởng toàn bộ (trong đó có 39 hộ tái định cư trên phần đất còn lại của hộ và 8 hộ

tái định cư đến nơi khác); và 85 ngôi nhà bị ảnh hưởng một phần mà phần còn lại vẫn sử dụng được tiếp;

Bên cạnh đó việc thu hồi đất vĩnh viễn và sử dụng đất tạm thời để tiến hành thực hiện dự án cũng sẽ làm ảnh hưởng đến 24 căn nhà phụ của 24 hộ dân với diện tích bị ảnh hưởng là 834m².

Ảnh hưởng công trình phụ

- + 9 hộ dân bị ảnh hưởng đến bếp với diện tích bị ảnh hưởng 136m²;
- + 18 hộ bị ảnh hưởng đến lán trại với diện tích bị ảnh hưởng 549m²;
- + 47 hộ bị ảnh hưởng mái hiên với diện tích bị ảnh hưởng 805m²;
- + 34 hộ bị ảnh hưởng hàng rào với diện tích bị ảnh hưởng 719m²;
- + 406 hộ bị ảnh hưởng đến sân xi măng với diện tích bị ảnh hưởng 7.546m²;
- + 4 hộ bị ảnh hưởng mộ với số lượng bị ảnh hưởng là 9 cái;
- + 2 hộ bị ảnh hưởng đến chuồng trại chăn nuôi với diện tích bị ảnh hưởng 38m²;
- + 29 hộ bị ảnh hưởng đến cửa hàng với diện tích bị ảnh hưởng 816m² và;
- + 8 hộ ảnh hưởng giếng nước (cây nước).

Về cây trồng, hoa màu:

Cây trồng bị ảnh hưởng bao gồm 5.218 cây ăn quả; 1.537 cây lấy gỗ; 1.033 cây cảnh và 119.998m² diện tích cây hàng năm sẽ bị ảnh hưởng.

CÂU HỎI 3: MỤC TIÊU CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ LÀ GÌ?

Trả lời: Mục tiêu chính của Kế hoạch Tái định cư là đảm bảo rằng tất cả những người bị ảnh hưởng sẽ ít nhất bằng hoặc tốt hơn mức sống của họ trước khi có tiểu dự án. Để đảm bảo mục tiêu này một bản Kế hoạch tái định cư chi tiết được lập cho tiểu dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung” dựa theo các quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Chính phủ Việt Nam và Chính sách an toàn của WB.

CÂU HỎI 4: GIẢI PHÁP NÀO CHO ĐẤT CỦA TÔI BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI CÔNG TRÌNH?

Trả lời:

- (i) Đất bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường bằng tiền mặt theo giá thay thế tại thời điểm bồi thường. Theo quy định của UBND tỉnh Sóc Trăng nếu diện tích đất ở còn lại là không đủ để xây lại nhà hoặc diện tích đất nông nghiệp còn lại là không đủ để trồng trọt thì sẽ được mua lại và bồi thường theo giá thay thế.
- (ii) Nếu đất thuê bị thu hồi, các hộ bị ảnh hưởng sẽ không được bồi thường đất nhưng được bồi thường cho chi phí đầu tư vào đất đai.

CÂU HỎI 5: ĐỂ NHẬN BỒI THƯỜNG, CHÚNG TÔI CẦN CÓ NHỮNG ĐIỀU KIỆN GÌ?

Trả lời: Việc thiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ không ảnh hưởng đến việc nhận bồi thường, hỗ trợ và/hoặc hỗ trợ phục hồi thu nhập của những người bị ảnh hưởng. Hộ bị ảnh hưởng đang trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bất kỳ hình thức thỏa thuận nào về việc sử dụng đất đều có quyền nhận bồi thường về đất và các tài sản trên đất bị

mất. Những hộ bị ảnh hưởng không có quyền pháp lý/hợp pháp hoặc quyền tạm thời/quyền thuê đối với khu đất đó vẫn được quyền nhận bồi thường đối với những tài sản trên đất.

CÂU HỎI 6: NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG BỊ ẢNH HƯỞNG CÓ ĐƯỢC BỒI THƯỜNG HAY KHÔNG?

Trả lời: Có, nhà ở và bất kỳ công trình kiến trúc nào như giếng, chuồng trại, hàng rào, v.v (xây dựng trước ngày công bố phạm vi ảnh hưởng của tiểu dự án) bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án sẽ được bồi thường theo giá thay thế chưa tính khấu hao giá trị sử dụng và khấu hao giá vật liệu. Điều đó đảm bảo rằng các Hộ bị ảnh hưởng có thể xây lại nhà ở và các công trình khác với chất lượng tốt hơn hoặc ít nhất bằng với mức trước đó.

CÂU HỎI 7: GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI HOA MÀU VÀ NĂNG SUẤT BỊ ẢNH HƯỞNG LÀ GÌ?

Trả lời: Hoa màu, cây ăn quả và cây cối sẽ được bồi thường bằng tiền mặt theo giá trị trường hiện hành tại địa phương.

CÂU HỎI 8: TÀI SẢN CÔNG BỊ ẢNH HƯỞNG ĐƯỢC BỒI THƯỜNG NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời: Đối với tài sản công bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường để phục hồi hoặc xây mới phụ thuộc vào phạm vi ảnh hưởng sau khi có ý kiến phản hồi của cộng đồng của người bị ảnh hưởng.

CÂU HỎI 9: NGOÀI BỒI THƯỜNG, CÔNG TRÌNH SẼ HỖ TRỢ NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời: Ngoài bồi thường đối với đất và các tài sản bị ảnh hưởng theo như khung chính sách của Dự án, Dự án sẽ hỗ trợ phục hồi thu nhập, hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ ổn định đời sống,.... Các hỗ trợ được trình bày trong bảng Ma trận Quyền Lợi trong báo cáo Kế hoạch tái định cư.

Hộ bị ảnh hưởng đủ điều kiện hưởng hỗ trợ phục hồi bao gồm:

Hộ bị ảnh hưởng (i) mất từ 20% trở lên diện tích đất sản xuất và tài sản, và/hoặc nguồn thu nhập bị mất do thực hiện tiểu dự án; và/hoặc (ii) phải di dời. Đối với các hộ dễ bị tổn thương mất từ 10% diện tích đất sản xuất hoặc tài sản sẽ được nhận hỗ trợ phục hồi thu nhập gồm (i) hỗ trợ ổn định đời sống; (ii) hỗ trợ phục hồi thu nhập như hỗ trợ khuyến nông để sử dụng tốt hơn diện tích đất còn lại hoặc tạo việc làm liên quan đến công trình.

CÂU HỎI 10: BẤT KỲ AI TRONG CỘNG ĐỒNG ĐỀU CÓ QUYỀN NHẬN BỒI THƯỜNG ĐÚNG KHÔNG?

Trả lời: Chỉ những người bị ảnh hưởng đủ điều kiện được hưởng chính sách của dự án.

CÂU HỎI 11: TÔI CẦN LÀM GÌ NẾU TÔI KHÔNG CÓ TÊN TRONG DANH SÁCH TRONG THỜI GIAN KHẢO SÁT NHƯNG TÔI LẠI BỊ YÊU CẦU PHẢI DI DỜI?

Trả lời: Anh không có tên trong danh sách người bị ảnh hưởng do nhầm lẫn trong khi kiểm đếm chi tiết, anh cần đề xuất ý kiến với cấp có thẩm quyền để được điều chỉnh và hộ gia đình anh sẽ nhận được hình thức bồi thường tương tự như các hộ bị ảnh hưởng khác. Ban Bồi

thường và tái định cư huyện sẽ có trách nhiệm đưa thêm tên của anh vào trong danh sách người bị ảnh hưởng.

CÂU HỎI 12: CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG SẼ ĐƯỢC THAM VẤN VÀ THÔNG TIN NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời: Các thông tin của tiểu dự án sẽ được công bố công khai tại trụ sở UBND xã/ấp. Các cuộc họp tham vấn sẽ được tổ chức tại xã/thị trấn để đảm bảo các Hộ bị ảnh hưởng sẽ được cung cấp đầy đủ các thông tin về tiểu dự án. Các hộ bị ảnh hưởng sẽ được cung cấp các thông tin về các hạng mục của tiểu dự án, các tác động, quyền hạn và quyền lợi, cơ chế giải quyết khiếu nại, quyền tham gia và tham vấn, các hoạt động tái định cư, trách nhiệm của các thể chế và kế hoạch thực hiện. Các Hộ bị ảnh hưởng sẽ tham gia lập kế hoạch và thực hiện tái định cư và sẽ được tham vấn về các vấn đề sau: a) chuẩn bị các giải pháp tái định cư theo quyền lợi của họ; b) đào tạo và loại đào tạo; c) các khía cạnh khác của tiểu dự án.

CÂU HỎI 13: TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG NHẤT TRÍ VỀ BỒI THƯỜNG HOẶC XẢY RA TRANH CHẤP BỒI THƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN, CHÚNG TÔI CÓ QUYỀN KHIẾU NẠI KHÔNG?

Trả lời: Có, tất cả những người bị ảnh hưởng đều có quyền khiếu nại dựa theo các qui trình sau:

- **Giai đoạn đầu – tại UBND xã/thị trấn:**

Người bị ảnh hưởng có khiếu nại có thể gặp trực tiếp hoặc mang đơn khiếu nại của mình tới bất kỳ một cán bộ nào của UBND xã/ thị trấn, hoặc thông qua trưởng ấp, hoặc trực tiếp đến UBND xã/thị trấn, và khiếu nại có thể bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Nhiệm vụ của cán bộ xã/thị trấn, hoặc trưởng ấp là thông báo cho UBND xã/thị trấn về sự khiếu nại. UBND xã/thị trấn sẽ làm việc riêng với hộ bị ảnh hưởng có khiếu nại và sẽ có 30 ngày để giải quyết sau khi nhận được khiếu nại. Văn phòng UBND xã/thị trấn sẽ ghi nhận sự việc thắc mắc, khiếu nại của hộ gia đình và kết quả giải quyết thắc mắc, khiếu nại của UBND xã/thị trấn.

- **Giai đoạn hai – tại UBND Huyện:**

Sau 30 ngày làm việc mà UBND xã/thị trấn chưa trả lời hoặc đã có trả lời nhưng hộ gia đình không hài lòng với kết quả trả lời thắc mắc, khiếu nại đó thì đại diện hộ gia đình đến gặp trực tiếp hoặc mang đơn khiếu nại đến nộp tại UBND huyện. UBND huyện sẽ giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong vòng tối đa 30 ngày làm việc. Văn phòng UBND huyện – xã/thị trấn sẽ ghi nhận sự việc thắc mắc, khiếu nại của hộ gia đình và kết quả giải quyết thắc mắc, khiếu nại của UBND huyện.

- **Giai đoạn ba - UBND tỉnh:**

Sau 30 ngày làm việc mà UBND huyện chưa trả lời hoặc đã có trả lời nhưng hộ gia đình không hài lòng với kết quả trả lời thắc mắc, khiếu nại đó thì đại diện hộ gia đình đến gặp trực tiếp hoặc mang đơn khiếu nại đến nộp tại UBND tỉnh. UBND tỉnh sẽ giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong vòng tối đa 45 ngày làm việc. Văn phòng UBND huyện, xã/thị trấn sẽ

ghi nhận sự việc thắc mắc, khiếu nại của hộ gia đình và kết quả giải quyết thắc mắc, khiếu nại của UBND tỉnh.

- **Giai đoạn cuối cùng, Tòa án Phân xử theo Luật pháp:**

Sau 45 ngày làm việc mà UBND tỉnh chưa trả lời hoặc đã có trả lời nhưng hộ gia đình không hài lòng với kết quả trả lời thắc mắc, khiếu nại đó thì đại diện hộ gia đình có thể gửi đơn lên Tòa án Nhân dân huyện để được phân xử. Tòa án Nhân dân huyện sẽ giải quyết khiếu nại theo trình tự luật định.

CÂU HỎI 14: TÔI CÓ THỂ LÀM GÌ ĐỂ GIÚP TIỂU DỰ ÁN KHI LÀ CƯ DÂN TRONG KHU VỰC CÔNG TRÌNH?

Trả lời: Chúng tôi trông đợi sự tham gia đầy đủ của tất cả người dân địa phương trong cuộc họp tham vấn cộng đồng và các hoạt động khác liên quan đến tiểu dự án để bảo đảm rằng tất cả mọi người đều được thông báo và tham vấn. Sự tham gia của người dân địa phương trong các giai đoạn khảo sát, thiết kế và thực hiện sẽ giúp chúng tôi tìm ra những giải pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực đồng thời tìm ra những vấn đề hiện tại và tiềm ẩn để tìm ra giải pháp phù hợp.

Mọi đề nghị hay đánh giá, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

Ban PPMU Sóc Trăng

Tel :02993 6320798

Email:soctrang.icrsl@gmail.com

PHỤ LỤC 3: BIÊN BẢN THAM VẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 16 tháng 7 năm 2017

BIÊN BẢN THAM VẤN CÔNG ĐỒNG HỘ GIA ĐÌNH (dân...)

Được tổ chức tại HTKT phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái để thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân khu vực Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Công trình: Trục lộ 3.3.2 Huyện Cù Lao Dung, Tỉnh Sóc Trăng

Xã hội tham gia: Ấp An Thạnh 1

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Đại diện UBND xã/thị trấn: Ông ST. Xã An Thạnh 1

Ông: Nguyễn Văn Phấn

2. Đại diện: Ông An Thạnh

Ông: Nguyễn Văn Phấn

3. Đại diện đơn vị Tư vấn: Đơn vị tư vấn

Ông: Nguyễn Văn Phấn

4. Đại diện Hộ gia đình: Ông Nguyễn Văn Phấn

II. NỘI DUNG THAM VẤN

1. Đại diện tư vấn Ông ST. Xã An Thạnh 1 cùng cấp các thông tin cho bộ phận chuyên dự cuộc họp tham vấn, bao gồm:

- Thông tin về dự án về phân vi, quy mô, mục tiêu và kết quả của dự án
- Chính sách, nguồn lực, địa tư tài chính, địa tư và tài chính
- Các tác động từ dự án

2. Không đồng ý với thông tin và người ĐC. bao gồm: Các ý kiến về:

- Việc xây dựng Dự án đầu tư HTKT phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân khu vực Cù Lao Dung
- Các tác động từ dự án cho thấy dự án đầu tư có thể có tác động tích cực cũng đồng thời có thể có tác động tiêu cực. Ý kiến về chính sách đầu tư và kế hoạch tài chính
- Không sát thực tế chung của hộ gia đình bị ảnh hưởng và chính quyền địa phương các cấp
- Tác động của việc xây dựng dự án có thể có tác động tích cực cũng đồng thời có thể có tác động tiêu cực

III. Ý KIẾN CỦA HỘ DÂN

Ông Nguyễn Văn Phấn, ấp An Thạnh 1, xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

IV. Ý KIẾN CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG

Cuộc họp kết thúc vào lúc... giờ cùng ngày. Đại diện chính quyền xã/thị trấn, ấp, đại diện các tổ chức đoàn thể và đại diện người dân tham dự cuộc họp cùng đọc và thống nhất với nội dung biên bản cuộc họp và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ
(Ký tên)



ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH
(Ký tên)

Li Văn Khương

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



DANH SÁCH THAM DỰ

Cuộc họp tham vấn xây dựng dự án

Ngày 16 tháng 7 năm 2017

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Ký tên
1	Nguyễn Văn Phấn	Ấp An Thạnh 1	Hộ trưởng	Nguyễn Văn Phấn
2	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
3	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
4	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
5	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
6	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
7	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
8	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
9	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
10	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
11	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
12	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
13	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
14	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
15	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
16	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
17	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
18	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
19	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
20	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
21	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
22	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
23	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
24	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
25	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
26	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
27	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
28	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
29	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
30	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"

Xác nhận CHỦ TỊCH



DANH SÁCH

Cuộc họp tham vấn xây dựng dự án

Ngày 16 tháng 7 năm 2017

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Ký tên
1	Nguyễn Văn Phấn	Ấp An Thạnh 1	Hộ trưởng	Nguyễn Văn Phấn
2	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
3	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
4	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
5	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
6	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
7	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
8	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
9	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
10	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
11	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
12	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
13	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
14	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
15	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
16	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
17	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
18	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
19	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
20	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
21	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
22	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
23	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
24	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
25	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
26	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
27	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
28	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
29	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"
30	Nguyễn Văn Phấn	"	"	"

Xác nhận CHỦ TỊCH



DANH SÁCH
 Các tập thảo luận công cộng

[illegible]

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG HỌ GIA ĐÌNH (bản 1...)

Dự án đầu tư HTKT phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái, dễ thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân khu vực Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Công trình: Tỉnh Lộ 438; Đê Sông B. Tr. 1; Đê Sông B. Tr. 2
Xã/thị trấn: Ba Thắc, Huyện: Cù Lao Dung, Tỉnh: Sóc Trăng

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Đại diện UBND xã/thị trấn: Phạm Đình Bình
Ông: Nguyễn Văn Đức Phó CT UBND xã
2. Đại diện: Đ. C. Bình Du A
Ông: Đ. C. Hoàng Trưởng Ban chấp hành
3. Đại diện đơn vị Tư vấn:
Ông: Nguyễn Văn Khanh Trưởng Nguyễn Văn Lý
4. Đại diện Hộ gia đình: Đ. C. Nguyễn Văn Đức Trưởng Hộ gia đình

II. NỘI DUNG THAM VẤN:

- 1. Dự toán từ việc thu quyên đất phương... cung cấp các thông tin cho hệ thống địa phương để họ có thể phân bổ nguồn lực, bao gồm:
 - Thông tin về địa vị pháp lý, quy mô, mục tiêu, mức độ và lịch sử của dự án
 - Chính sách, nguyên tắc, và thực thi thủ tục để đầu tư và kết quả
 - Các tác động tích cực của dự án
- 2. Khung pháp lý khác với các quy định EOL hiện hành. Các yếu tố bao gồm:
 - Việc xây dựng Dự án từ EOTK vào dự án đầu tư SX phù hợp với các tiêu chí sinh thái, để thích ứng với IRTK và nâng cao mức sống người dân khu vực Cao Bằng
 - Các tác động tiêu cực của tiêu thụ đất đai với cộng đồng trong vùng liên quan đến sinh thái, y kiến về kinh tế sinh đũa và hệ thống tài chính
 - Khảo sát tình hình chung của họ gần đây ảnh hưởng và chính quyền địa phương có thể làm được gì
 - Tác động về việc xây dựng đất đai với cộng đồng của người dân địa phương, với cơ sở hạ tầng của địa phương, lợi thế và bất lợi của dự án

III. Ý KIẾN CỦA HỒ DẪN

...cây họ đậu. Đông Nam Bộ và vùng hồ nước lớn
thủy sản ăn. Thân cây leo, giả phương, vết ở phần vò da
đỏ

Các hồ dân Dham gya các họ Dham văn Bả An: Hồ Sĩ Hết phước lại duyên
đến ST Phú Hiệp với đến đến Sinh Đức, đc: Ông Chử ứng với ĐB Hết và này mìn
Sinh lại chứng minh đến Khẩu Lữ Cũ Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 16 tháng 1 năm 2011

STT	Họ và tên	Điểm	Điểm
37.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
38.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
39.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
40.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
41.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
42.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
43.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
44.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
45.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
46.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
47.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
48.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
49.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
50.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
51.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
52.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
53.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
54.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
55.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
56.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
57.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
58.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
59.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
60.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
61.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
62.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm
63.	Nguyễn Văn Dũng	10	Điểm

63 Mai 1984 Dän

KT CHỦ TỊCH
Xác nhận -

Nguyễn Văn Lũ

Các học dân Quan 472 Học hợp Đoàn Lân Đoàn: Học ở HIKI phải học chuyên môn
phù hợp với điều kiện sinh hoạt, xã hội chung với ĐKK và nâng các sinh kế cho
nhân dân địa phương. Học hợp Đoàn Lân Đoàn: Học ở HIKI phải học chuyên môn
phù hợp với điều kiện sinh hoạt, xã hội chung với ĐKK và nâng các sinh kế cho
nhân dân địa phương.

Ngày 31 tháng 7 năm 2012

STT	Họ và tên	Đổi tên	
66	Nguyễn Văn Cao	Đổi tên	Cao
67	Lưu Thanh Hải	N	Lo
68	Nguyễn Văn Trọng	N	Trọng
69	Trần Hải	N	Trần
70	Nguyễn Văn Khỏe	N	Khỏe
71	Nguyễn Văn Sĩ	N	Sĩ
72	Nguyễn Văn Thiện	N	Thiện
73	Nguyễn Văn Phúc	N	Phúc
74	Trần Văn Trung	N	Trần
75	Trần Ngọc Sơn	N	Sơn
76	Nguyễn Thị Bình	N	Thị Bình
77	Nguyễn Văn Cao	N	Cao
78	Nguyễn Văn Hùng	N	Hùng
79	Nguyễn Văn Hùng	N	Hùng
80	Lưu Văn Sĩ	N	Sĩ
81	Trần Thanh Hải	N	Trần
82	Nguyễn Văn Sĩ	N	Sĩ
83	Vũ Văn Trung	N	Vũ
84	Nguyễn Văn Phúc	N	Phúc
85	Nguyễn Văn Phúc	N	Phúc
86	Nguyễn Văn Hùng	N	Hùng
87	Nguyễn Văn Hùng	N	Hùng
88	Lưu Văn Sĩ	N	Sĩ
89	Vũ Văn Sĩ	N	Vũ
90	Nguyễn Văn Hùng	N	Hùng
91	Nguyễn Văn Hùng	N	Hùng

Yác nhận



1. 1/2 cup

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 23 tháng 12 năm 2014.

BIÊN BẢN THAM VẤN CÔNG ĐỒNG (Bộ bị ảnh hưởng nhà)

Dự án đầu tư HTKT phục vụ chuyển đổi SX kinh hợp với điều kiện sinh thái, đất trồng cây ăn trái và nâng cao sinh kế cho người dân khu vực Cao Lãnh, thành phố Trà Vinh

Công trình: Hố Sỏi

Xã <u>An Thạnh A</u> ,	Huyện <u>Cao Lãnh</u>	Thị trấn/phố: <u>Sóc Trăng</u>
------------------------	-----------------------	--------------------------------

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Ông/Bà Bình An Trương, Chức vụ: CT UBND xã
- Ông/Bà Binh Ngọc Hoàng, Chức vụ: Gia đình viên
- Ông/Bà Bình Văn Hùng, Chức vụ: Lưu giữ hồ sơ
- Ông/Bà Tiến Sĩ Mân, Chức vụ: Kiểm tra địa phương
- Ông/Bà _____, Chức vụ: _____
- Ông/Bà _____, Chức vụ: _____

Dại diện những người bị ảnh hưởng: A.L., người chủ tịch sen danh sách định kê)

II. NỘI DUNG THAM VẤN:

Dại diện Ông Bình Ngọc Hoàng, cũng cấp các thông tin cho các bộ phận tham dự cuộc họp tham vấn văn bản gồm:

- Những tác động khi thu hồi đất và các tài sản trên đất, những chính sách của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và địa phương, chính sách của dự án trong vấn đề bồi thường thiệt hại tài sản Nhà nước thu hồi đất đai và các tài sản trên đất, cơ chế giải quyết khiếu nại (theo quy định của pháp luật).
- Các lợi hướng của dự án đối với đất đai và các tài sản trên đất đến hộ gia đình. Các hộ gia đình sẽ bị thu hồi: _____

[illegible]

- 119 -

DANH SÁCH

Các hi dân Thanh gia, Thanh vôi, mùng, đống hi gia đình
phai xa, An Thanh, S, huyện, từ, lao, hương.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày nhập học	Ngày ra trường
29	Sông Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
30	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
31	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
32	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
33	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
34	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
35	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
36	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
37	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
38	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
39	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
40	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
41	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
42	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
43	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
44	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
45	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
46	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
47	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
48	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
49	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
50	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
51	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
52	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
53	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
54	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
55	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
56	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
57	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980
58	Nguyễn Văn Sơn	10/01/1980	10/01/1980	10/01/1980



Phạm Bá Công

DANH SÁCH
 Các địa điểm thăm gia đình các công nhân bị gia đình
 bị chết hoặc bị thương, bị giết hại tại các địa điểm

[illegible]

More Be Vamp

DANH SÁCH

Loại hồ sơ theo quy chế, quy định của pháp luật về nhập cư
Ánh sáng và An ninh S, Cảnh sát An ninh

Ngày 15 tháng 5 năm 2017

STT	Họ và tên	Họ chữ	Bí danh	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
2	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
3	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
4	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
5	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
6	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
7	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
8	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
9	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
10	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
11	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
12	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
13	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
14	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
15	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
16	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
17	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
18	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
19	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ
20	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Văn Hùng	Chức vụ	Chức vụ

Xác nhận:

 Phan Bá Công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2017

BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG
VỀ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI THU NHẬP

Dự án đầu tư HTKT phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân khu vực Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

I. Thành phần tham dự:

1. Đại diện:

- Ông/Bà..... Chức vụ.....
- Ông/Bà..... Chức vụ.....

2. Đại diện UBND xã/phường:

- Ông/Bà..... Chức vụ.....
- Ông/Bà..... Chức vụ.....
- Ông/Bà..... Chức vụ.....
- Ông/Bà..... Chức vụ.....

3. Đại diện các tổ chức:

- Ông/Bà..... Chức vụ.....
- Ông/Bà..... Chức vụ.....
- Ông/Bà..... Chức vụ.....

4. Đại diện các hộ bị ảnh hưởng (Có danh sách kèm theo)

5. Đại diện tư vấn:

- Ông/Bà..... Chức vụ.....
- Ông/Bà..... Chức vụ.....
- Ông/Bà..... Chức vụ.....

II. Nội dung tham vấn:

- Đại diện tư vấn giới thiệu ngắn gọn về quy mô dự án và tầm quan trọng của chương trình phục hồi thu nhập.
- Giải thích và quy định các đối tượng tham gia chương trình phục hồi thu nhập.
- Phát tài liệu về thông tin các mô hình phục hồi thu nhập cho người tham gia.
- Thảo luận về các mô hình phục hồi thu nhập (Ưu điểm, hạn chế của mô hình, Lựa chọn các mô hình phù hợp, phương thức hỗ trợ thực hiện các mô hình phục hồi sinh kế của dự án, Kế hoạch thực hiện).
- Đánh giá tham gia các mô hình phục hồi thu nhập (Các hộ đăng ký tham gia theo mô hình đã lựa chọn)

1

III. Kết quả tham vấn:

1. Đề xuất các mô hình phục hồi sinh kế tiềm năng của các hộ dân

...tạo ra lợi nhuận cho người dân...tạo ra lợi nhuận cho người dân...tạo ra lợi nhuận cho người dân...

2. Ý kiến về phương thức hỗ trợ thực hiện các mô hình sinh kế của dự án

...tạo ra lợi nhuận cho người dân...tạo ra lợi nhuận cho người dân...tạo ra lợi nhuận cho người dân...

3. Ý kiến về kế hoạch thực hiện chương trình phục hồi thu nhập

...tạo ra lợi nhuận cho người dân...tạo ra lợi nhuận cho người dân...tạo ra lợi nhuận cho người dân...

Chữ ký của đại diện các thôn/ấp

[Signature]
Hàng Văn Long

Đại diện Tư vấn

[Signature]
Trần Văn Hoàng Lâm

Xác nhận của UBND xã

[Signature]
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hoàng

Đại diện

[Signature]
Nguyễn Văn Hoàng

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THAM GIA HOẠT ĐỘNG PHỤC HỒI THU NHẬP

TT	Địa chỉ	Họ tên	Lựa chọn mô hình (Đánh dấu x)		Chữ ký
1		Nguyễn Văn Hoàng			<i>[Signature]</i>
2		Nguyễn Văn Hoàng			<i>[Signature]</i>
3		Nguyễn Văn Hoàng			<i>[Signature]</i>
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					

Xác nhận của UBND xã

[Signature]
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 15 tháng 8 năm 2012

BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG
(Những hộ bị ảnh hưởng)

Dự án đầu tư HTKT phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái, di thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân khu vực Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Công trình: Đê Sông Sỏi
Xã: T.T. Cù Lao Dung Huyện: Cù Lao Dung Thành phố: Sóc Trăng

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Ông Bà Nguyễn Văn Pong Chức vụ: Chủ tịch UBND
Ông Bà Lê Văn Tả Chức vụ: Chủ tịch Hội Nông
Ông Bà Vũ Thị Thanh Huyền Chức vụ: Chủ tịch Hội Phụ nữ
Ông Bà Nguyễn Văn Nghĩa Chức vụ: Trưởng ấp
Ông Bà Chức vụ:

Dại diện những hộ bị ảnh hưởng là người (chỉ viết xem danh sách đính kèm)

II. NỘI DUNG THAM VẤN

Dại diện ông Lê Văn Tả cung cấp các thông tin cho người tham dự cuộc họp tham vấn, bao gồm:

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng bởi dự án
- Các ảnh hưởng của dự án với đất và các tài sản trên đất.
- Những ảnh hưởng vĩnh viễn
- Cơ chế giải quyết khiếu nại
- Tổng số hộ bị ảnh hưởng là hộ của 2 hộ gia đình (có danh sách kèm theo) Hỗ trợ di chuyển đồng/mô
- Bồi thường mô theo khung giá quy định
- Hỗ trợ cùng chuyển mô mới
- Hỗ trợ mua đất chuyển mô (nếu có)

III. KẾT QUẢ THAM VẤN

Ý kiến của các hộ:

Các hộ tham gia cuộc họp đều đồng ý nhất trí
không ý kiến gì đối với Dự án Đê Sỏi Cù Lao Dung
phòng

Các hộ tham gia cuộc họp đều đồng ý nhất trí
không ý kiến gì đối với Dự án Đê Sỏi Cù Lao Dung
phòng

Cuộc họp kết thúc vào lúc 14h30 giờ cùng ngày. Đại diện chính quyền xã, ấp, đại diện các tổ chức đoàn thể và đại diện người dân tham dự cuộc họp cùng đọc và thống nhất với nội dung biên bản cuộc họp và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ

Nguyễn Văn Pong

ĐẠI DIỆN ẤP

Nguyễn Văn Nghĩa

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

(Ký tên)

Nguyễn Văn Tả

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Lê Văn Tả

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 04 tháng 02 năm 2012

BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG HỘ GIA ĐÌNH (tên L)

Dự án đầu tư HTKT phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân khu vực Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Công trình: Đường tỉnh 103 Huyện: Cù Lao Dung Tỉnh: Sóc Trăng

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Đại diện UBND xã: Ông Nguyễn Văn Tấn
- Đại diện Ông: Ông Nguyễn Văn Tấn
- Đại diện đơn vị tư vấn: Ông Nguyễn Văn Tấn
- Đại diện Hộ gia đình: Ông Nguyễn Văn Tấn

II. NỘI DUNG THAM VẤN:

- Đại diện tư vấn Ông: Nguyễn Văn Tấn cung cấp các thông tin cho hộ gia đình tham dự cuộc họp tham vấn, bao gồm:
 - Các ảnh hưởng của dự án đối với đất và tài sản trên đất của hộ gia đình các hộ gia đình sẽ bị thu hồi
 - Những thiệt hại về thu nhập, sinh kế: khi bị thu hồi hộ gia đình sẽ không còn thu nhập được trên mảnh đất bị thu hồi nữa
 - Cơ chế giải quyết khiếu nại: theo quy định của nhà nước
 - Các chính sách bồi thường về đất và tài sản trên đất của hộ gia đình:
 - Gia đình sẽ được bồi thường đất theo khung giá quy định
 - Gia đình sẽ được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp để phục hồi sinh kế
 - Gia đình sẽ được bồi thường hoa màu trên đất theo giá quy định tại thời điểm thu hồi
 - Gia đình sẽ được thưởng tiền mặt khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và báo giao mặt bằng đúng tiến độ.

III. Ý KIẾN CỦA HỘ DÂN

Ông Nguyễn Văn Tấn
Ông Nguyễn Văn Tấn
Ông Nguyễn Văn Tấn
Ông Nguyễn Văn Tấn

IV. Ý KIẾN CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ VÀ LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN

Ông Nguyễn Văn Tấn
Ông Nguyễn Văn Tấn
Ông Nguyễn Văn Tấn
Ông Nguyễn Văn Tấn

Cuộc họp kết thúc vào lúc 15h00 giờ cùng ngày. Đại diện chính quyền xã/thị trấn, ấp, đại diện các tổ chức đoàn thể và đại diện người dân tham dự cuộc họp cùng đọc và thống nhất với nội dung biên bản cuộc họp và công ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ



ĐẠI DIỆN Ông Nguyễn Văn Tấn

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

(Ký tên)

Ông Nguyễn Văn Tấn

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Ông Nguyễn Văn Tấn

- Nếu là hộ nghèo thì có sổ nghèo không: ☐

1.4. Ngành nghề chính của hộ:.....Tỷ lệ tạo ra thu nhập (%).....

1.5. Ngành nghề phụ của hộ :Tỷ lệ tạo ra thu nhập (%).....

1.6. Gia đình thuộc loại:

☐ 1- Gia đình chính sách (*) ☐ 2- Chủ hộ là nữ giới có người ăn theo ☐ 3- Chủ hộ là người tàn tật

☐ 4-Hộ dân tộc thiểu số ☐ 5-Hộ không có đất sản xuất ☐ 6-Khác :

1.7. Tổng số nhân khẩu: người. Nam:..... người; Nữ:..... người

1.8. Số người trong độ tuổi lao động:..... người Nam:..... người; Nữ:..... người

1.9. Số người trên 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ người

1.10. Số người từ 1 đến 15 tuổi :người

2 ẢNH HƯỞNG ĐẤT ĐAI

TT	Loại đất	Tổng diện tích hiện có (m^2)	Diện tích bị thu hồi (m^2)		Loại sở hữu (1) có sổ đỏ (2) thuê - mượn (3) không có	Tỷ lệ mất vĩnh viễn (%)	Ghi chú (vị trí, ranh giới)
			Vĩnh viễn	Tạm thời			
1	Đất ở						
2	Đất vườn						
3	Đất nông nghiệp						
3.1	Đất trồng lúa						
3.2	Đất trồng cây hàng năm						
4	Đất nuôi trồng thủy sản						
5	Đất khác						

(*) ☐ Bà mẹ VN anh hùng, anh hùng LLVT ; ☐ Thương binh liệt sĩ ; ☐ GD có công Cách mạng

2. ẢNH HƯỞNG NHÀ CỬA, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ

2.1 Công trình chính (Nhà ở các loại, cửa hàng, nhà và cửa hàng kết hợp...)

TT	Loại nhà cửa, công trình xây dựng bị ảnh hưởng	Tổng diện tích sử dụng hiện tại (m^2)	Diện tích bị giải tỏa (m^2)	Tỷ lệ giá trị còn lại của công trình (%)	Ghi rõ tình trạng loại nhà bị ảnh hưởng (ghi rõ loại nhà như nhà ngói, tường xây gạch, nền lát gạch hoa...)
1	Nhà ở				
2	Cửa hàng				

3	Nhà xưởng sản xuất				
4	Nhà kho				
5					

2.2 Công trình phụ: (chỉ liệt kê những công trình phụ bị giải tỏa)

TT	Tên công trình phụ bị giải tỏa	ĐVT	Số lượng hiện tại đang có	Số lượng bị giải tỏa	Tỷ lệ giá trị còn lại của công trình (%)	Ghi rõ tình trạng từng công trình bị giải tỏa
1	Bếp	m ²				
2	Khu vệ sinh	m ²				
3	Chuồng gia súc, gia cầm	m ²				
4	Giếng					
5	Bể nước					
6	Sân	m ²				
7	Cổng					
8	Tường rào xây					
9	Mô mã (*)	cái				
10						

(*) ☐ 1- Mã đất ; ☐ 2- Mã đá, mã xây gạch bán kiên cố (thông dụng); ☐ 3 Mã xây gạch bán kiên cố có khuôn viên; ☐ 4- Mã xây gạch kiên cố (có cần gạch men hoặc đá mài); ☐ 5- Mã kiểu người Hoa có diện tích trên 100m².

3 THIẾT HẠI VỀ CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM, CÂY LÁY GỖ

(chỉ liệt kê những cây trồng bị giải tỏa)

T T	Loại cây	ĐVT	Tổng số lượng	Trong đó (tại thời điểm thống kê)		
				Loại A	Loại B	Loại C
I	Cây ăn trái	Cây				
1		cây				

T T	Loại cây	ĐVT	Tổng số lượng	Trong đó (tại thời điểm thống kê)		
				Loại A	Loại B	Loại C
2		cây				
3		cây				
4		cây				
II	Nhóm cây lấy gỗ					
1						
2						
3						
4						
III						
1						
2						
3						

4. THIẾT HẠI VỀ CÂY HÀNG NĂM (chỉ liệt kê những cây trồng bị giải tỏa)

TT	Loại cây	ĐVT	Số lượng
1			
2			
3			
4			
5			
6			

5 THIẾT HẠY VỀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

TT	Loại hình thủy sản hiện tại đang nuôi trồng (ao, hồ, lồng, bè, đầm, ruộng, nương vườn, bể xi măng, bể lót bạt...)	ĐVT	Tổng diện tích hiện có	Số lượng bị giải tỏa	Hình thức nuôi (1)nuôi thâm canh, (2)bán thâm canh, (3)nuôi quảng canh, (4)nuôi ghép	Giống nuôi trồng g(thát lát, rô đồng, trôi, mè....)	Mật độ nuôi	Ghi chú
1								
2								
3								
4								

6 NGUYỄN VỌNG CỦA ÔNG/BÀ

6.1 Nếu đất sản xuất nông nghiệp hoặc sản xuất khác của ông/bà bị ảnh hưởng, ông/bà thích được bồi thường bằng gì dưới đây?

- ☐ 1- Tôi muốn được bồi thường đất thay thế có cùng loại đất bằng DT và cùng khả năng SX.
☐ 2- Tôi muốn được bồi thường bằng tiền theo giá thị trường của đất cùng loại đó.
☐ 3- Vẫn chưa quyết định.

6.2 Nếu phải di dời thì hình thức lựa chọn tái định cư của gia đình:

- ☐ Nhận tiền bồi thường và tự lo tái định cư

Lí do tại sao (ghi rõ các lí do sau)

- ☐ Vì có nhà khác ở ngoài vùng ảnh hưởng
☐ Vì còn đất ngoài vùng ảnh hưởng để làm nhà
☐ Nhận tiền tự mua đất

- ☐ Đến khu tái định cư do dự án xây dựng do dự án xây dựng

6.3 Để phục hồi thu nhập theo ông/bà nên làm gì (Ví dụ: biện pháp phục hồi thu nhập)

- ☐ 1- Bồi thường đúng lúc ☐ 2- Được đào tạo nghề
☐ 3- Hỗ trợ cho vay vốn ☐ 4- Hỗ trợ vật nuôi, cây trồng
☐ 5- Hỗ trợ đào tạo kỹ thuật nông nghiệp (tập huấn, tham quan...)
☐ 6- Nhận hỗ trợ tiền và tự lo (ghi cụ thể).....

6.4 Kế hoạch sử dụng tiền bồi thường

- | | |
|--|--|
| ☐ 1- Xây dựng hoặc sửa chữa nhà | ☐ 2- Mua đất mới |
| ☐ 3- Mua sắm tài sản | ☐ 4- Đầu tư vào kinh doanh nhỏ |
| ☐ 5- Giữ tiết kiệm | ☐ 6- Chi có việc học hành của con cái |
| ☐ 7- Khám chữa bệnh | ☐ 8- Khác (ghi cụ thể)..... |

6.5 Kế hoạch thay thế thu nhập bị thiệt hại của gia đình

- | | |
|---|---|
| ☐ 1- Mua đất mới hoặc sản xuất nông nghiệp | ☐ 2- Thiết lập lại kinh doanh ở vị trí mới |
| ☐ 3- Buôn bán | ☐ 4- Làm nghề thủ công |
| ☐ 5- Tìm việc mới | ☐ 6- Khác (ghi rõ)..... |

7 ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI (Điều tra về tình hình kinh tế - xã hội)

7.1 Thu nhập và chi phí của hộ

7.1.1 Thu nhập của hộ bình quân hàng tháng từ tất cả các nguồn: triệu đồng/tháng

- | | | | |
|--|------------------|--------------------|---|
| 1. Từ nông nghiệp và chăn nuôi | triệu đồng/tháng | Chiếm khoảng | % |
| 2. Từ kinh doanh | triệu đồng/tháng | Chiếm khoảng | % |
| 3. Từ làm thuê, làm việc hưởng lương | triệu đồng/tháng | Chiếm khoảng | % |
| 4. Thu nhập do các hoạt động khác | triệu đồng/tháng | Chiếm khoảng | % |

Ai là người nguồn thu nhập chính trong gia đình:

- | | |
|--|--|
| ☐ 1- Chỉ chủ hộ | ☐ 5 - Chủ hộ, vợ (chồng) và các con lớn |
| ☐ 2- Chủ hộ và vợ (chồng) | ☐ 6 - Chỉ con trai lớn |
| ☐ 3- Chủ hộ, vợ (chồng) và con trai lớn | ☐ 7 - Chỉ con gái lớn |
| ☐ 4- Chủ hộ, vợ (chồng) và con gái lớn | |

7.1.2 Chi tiêu trung bình hàng tháng của hộ gia đình:

- | | | |
|---|---------|------------------|
| 1- Thực phẩm (ăn uống) | : | triệu đồng/tháng |
| 2- Y tế (khám chữa bệnh, tiền thuốc) | : | triệu đồng/tháng |
| 3- Giáo dục | : | triệu đồng/tháng |
| 4- Trách nhiệm xã hội (hội hè, cưới xin ma chay, giỗ chạp...) | : | triệu đồng/tháng |
| 5- Khác | : | triệu đồng/tháng |

7.2 Điều kiện sống của hộ gia đình

7.2.1 Nguồn nước: 1- Nước uống/nấu ăn: 2- Nước rửa/tắm/sinh hoạt: ...

- | | | |
|----------------|-----------------------|----------------------|
| 1- Nước mưa | 4- Vòi nước công cộng | 7- Nước máy |
| 2- Giếng khơi | 5- Mua nước | 8- Nguồn khác: |
| 3- Giếng khoan | 6- Kênh, sông, ao | |

7.2.2 Vệ sinh:

- | | | |
|------------------------|----------------------------------|-------------|
| 1- Vệ sinh tự hoại | 3- Vệ sinh khác khác hợp vệ sinh | 5- Không có |
| 2- Vệ sinh ngoài ao cá | 4- Loại khác: | |

7.2.3 Nguồn năng lượng: 1- Ánh sáng: 2- Đun nấu:

- | | | | |
|------------------------|--------|-------------|------------|
| 1- Điện (của nhà nước) | 2- Củi | 3- Máy phát | 4- Bio-gas |
|------------------------|--------|-------------|------------|

5- Gas / dầu hỏa 6- Than 7- Khác.....

7.2.4. Tài sản hộ gia đình: Nếu bạn có các tài sản, xin vui lòng ghi số lượng

1- Xe đạp	7- Máy kéo.....	13- Điện thoại bàn
2- Xe máy	8- Máy phát	14- Quạt điện.....
3- ô tô	9- Máy bơm nước	15- Máy khâu
4- Thuyền nhỏ	10- Đai	16- Tủ lạnh
5- Thuyền lớn	11- Tivi.....	17- Nồi cơm điện
6- Xe tải	12- Cat set, đầu đĩa	18- Tài sản khác:.....

8 CÔNG VIỆC

	Phụ nữ	Nam giới	Trẻ em	Cả	3
Công việc chính					
8.1 Làm nông nghiệp	☐	☐	☐	☐	
8.2 Làm vườn	☐	☐	☐	☐	
8.3 Chăn nuôi	☐	☐	☐	☐	
8.4 Buôn bán nhỏ	☐	☐	☐	☐	
8.5 Làm thuê	☐	☐	☐	☐	
8.6 Đi lấy nước	☐	☐	☐	☐	
8.7 Đi lấy củi	☐	☐	☐	☐	
Làm việc tại nhà					
8.8 Nấu ăn cho gia đình	☐	☐	☐	☐	
8.9 Dọn dẹp	☐	☐	☐	☐	
8.10 Giặt quần áo	☐	☐	☐	☐	
Tham gia các tổ chức xã hội					
8.11 Đi họp, thôn/ấp	☐	☐	☐	☐	
8.12 Đi tập huấn khuyến nông	☐	☐	☐	☐	
8.13 Tham gia vào các tổ chức ở địa phương	☐	☐	☐	☐	
8.14 Tham gia ra quyết định	☐	☐	☐	☐	
8.15 Khác	☐	☐	☐	☐	

Cù Lao Dung, ngày tháng năm 201...

Điều tra viên

Đại diện hộ

Số phiếu: _____

PHIẾU ĐIỀU TRA CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG BỊ ẢNH HƯỞNG

Dự án đầu tư HTKT phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân khu vực Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Công trình: ☐ Đê biển ☐ Đê sông Cù Tròn ☐ Đê sông Bến Hạ ☐ Tỉnh lộ 933B

• Đơn vị tư vấn thực hiện điều tra: Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp

• Người trả lời:.....

• Thôn/ấp:; Xã/phường:.....

• Huyện Cù Lao Dung Tỉnh/TP: Sóc Trăng

• Khu vực ảnh hưởng của dự án

❖ Trong phạm vi làm cần thu hồi (thu hồi vĩnh viễn): []

❖ Trong phạm vi thu hồi tạm thời []

❖ Trong phạm vi hành lang an toàn (thu hồi tạm thời): []

1.1. Công trình kiến trúc xây dựng bị ảnh hưởng

TT	Tên công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Nguồn vốn	Diện tích bị thu hồi		Ghi rõ tình trạng công trình bị ảnh hưởng
				Thu hồi vĩnh viễn (m^2)	Thu hồi tạm thời (m^2)	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						

2.1. Ảnh hưởng các công trình kiến trúc phụ trợ khác:

TT	Loại kiến trúc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi rõ tình trạng công trình bị ảnh hưởng
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				

3. Hoa màu, cây trồng, vật nuôi

TT	Loại cây trồng (ghi rõ tên từng loại)	ĐVT	Số lượng/khối lượng	Thuộc khu vực xây dựng công trình
1				
2				
3				
4				
5				

4. Ảnh hưởng hệ thống giao thông (ghi rõ tên đường, loại đường, chiều dài, rộng, cấp loại đường, nguồn vốn....)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Ảnh hưởng khác

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II. CÂU HỎI THAM VẤN

Nếu các công trình xây dựng cần thiết phải phục hồi thì khi phải di dời thì hình thức lựa chọn ở đâu, hình thức như thế nào? (tham vấn cả chính quyền, tổ chức quản lý, người dân)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Điều tra viên

Ngày tháng năm 201 ...
Người trả lời

ĐIỀU TRA KHẢO SÁT GIÁ THAY THẾ

Dự án đầu tư HTKT phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân khu vực Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Xã: Huyện: Cù Lao Dung - Tỉnh Sóc Trăng

Người được phỏng vấn:; Chức vụ:

1 ĐẤT ĐAI

STT	Loại đất	Giá theo QĐ 53/2013/QĐ-UBND	Giá thị trường (1.000 đ/m ²)	Vị trí	Tình trạng pháp lý
1	Đất thổ cư (đất ở)				
2	Đất kinh doanh				
3	Đất vườn				
4	Đất trồng lúa hàng năm				
5	Đất trồng cây lâu năm				
6	Đất trồng màu				
7	Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản				
9	Đất nông nghiệp khác				

2 NHÀ CỬA, TÀI SẢN

TT	Cấp/Loại	Giá theo QĐ 595/2012	Giá xây dựng tại địa phương (1.000 đ/m ²)	Chi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				

3 ĐƠN GIÁ CÁC LOẠI CÂY

STT	Các loại cây công nghiệp/cây lấy gỗ	Loại A	Loại B	Loại C
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				

4 ĐƠN GIÁ CÁC LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

STT	Loại vật liệu	Đơn vị tính	Thành tiền (1.000 đồng)	Chi chú
1	Xi măng địa phương	1.000 đ/tạ		
2	Xi măng.....	1.000 đ/tạ		
3	Xi măng.....	1.000 đ/tạ		

4	Sắt phi 6 + phi 8	1.000 đ/kg		
5	Sắt phi 12	1.000 đ/cây		
6	Sắt phi 14	1.000 đ/cây		
7	Sắt phi 16	1.000 đ/cây		
8	Đá 1 × 2 (hoặc 3 × 4) hoặc sỏi	1.000 đ/m ³		
9	Cát xây (cát đen)	1.000 đ/m ³		
10	Cát vàng (đổ bê tông)	1.000 đ/m ³		
11	Gạch đỏ địa phương (gạch thủ công)	1.000 đ/viên		
12	Gạch đỏ nhà máy	1.000 đ/viên		
13	Gạch.....	1.000 đ/viên		
14	Gạch.....	1.000 đ/viên		
15	Tấm lợp Phiproximang	1.000 đ/tấm		
16	Ngói đỏ địa phương	1.000 đ/viên		
17	Ngói đỏ.....	1.000 đ/viên		
18	Công xây dựng (thợ chính)	1.000 đồng /ngày công		
19	Công xây dựng (thợ phụ)	1.000 đồng /ngày công		
20	Công lao động phổ thông	1.000 đồng /ngày công		

Người phỏng vấn

Ngày Tháng Năm 201...

T/M UBND xã

PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG

TT	Họ tên chủ hộ	Áp/Khu Vực	Xã/ Thị trấn	Hạng mục công trình 1: Tỉnh lộ 933B 2: Đê biển 4: Đê sông Bến Bạ 5: Rạch Long Ẩn 7: Vàm Hồ Lớn 8: Rạch Già
-1-	-2-	-3-	-4-	-5-
1	Nguyễn Thị Nữ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
2	Nguyễn Thị Chi	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
3	Nguyễn Ngọc Lũy	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
4	Trương Thị Mỹ Châu	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
5	Lê Văn Be	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
6	Phan Thị Lý	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
7	Trần Thị Thận	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
8	Huỳnh Văn Sỹ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
9	Lê Văn Tuấn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
10	Nguyễn Văn Hồ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
11	Lê Thanh Tùng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
12	Nguyễn Văn Hên	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
13	Nguyễn Văn Cứng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
14	Phạm Khánh Hồng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
15	Phạm Thị Cẩm Tú	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
16	Hà Văn Hoàn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
17	Trương Văn Đục	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
18	Trần Thị Tuyết	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
19	Trần Thị Lái	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
20	Lê Thị Hải	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
21	Lê Phát Tân	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
22	Trần Quốc Thắng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
23	Lương Hoàng Nam	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
24	Bùi Quang Hải	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
25	Trần Thị Cê	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
26	Nguyễn Hoàng Lệ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
27	Phan Thiện Vẹn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
28	Nguyễn Văn Hội	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
29	Trần Văn Thường	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
30	Trần Thanh Phong	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
31	Dương Hoàng Dế	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
32	Lê Văn Lam	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
33	Hồ Mộng Thu	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
34	Nguyễn Thị Hồng Thủy	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
35	Nhâm Ngọc Thành	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
36	Nhâm Văn Trung	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
37	Dương Thị Kiều	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1

38	Dương Văn Toàn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
39	Nguyễn Thanh Sang	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
40	Diệp Thị Thanh Trang	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
41	Diệp Thanh Phong	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
42	Nguyễn Nhật Vũ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
43	Hồ Tiến Thường	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
44	Nguyễn Thiện Lan	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
45	Nguyễn Thị Lan	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
46	Lê Thị Kim Chi	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
47	Nguyễn Hoàng Toàn	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
48	Huỳnh Văn Tú	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
49	Nhâm Thị Hoàn	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
50	Nhâm Thị Yến	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
51	Nguyễn Thị Ánh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
52	Nguyễn Kiều Trang	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
53	Vương Văn Giang	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
54	Trịnh Văn Võ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
55	Trịnh Văn Cường	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
56	Lâm Văn Hoàng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
57	Thái Thị Nguyệt	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
58	Nguyễn Văn Bằng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
59	Nguyễn Thanh Vũ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
60	Đỗ Thị Song	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
61	Nguyễn Văn Hai	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
62	Nguyễn Văn Nhân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
63	Trần Văn Vũ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
64	Nguyễn Văn Thành	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
65	Trần Văn Nhân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
66	Châu Hoàng Nhỏ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
67	Lê Văn Gọng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
68	Đinh Văn Cúa	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
69	Nguyễn Thị Sen	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
70	Đặng Văn Nghị	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
71	Đặng Chí Tân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
72	Mai Thị Gân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
73	Đặng Thị Ngân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
74	Nguyễn Văn Chính	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
75	Phạm Văn Út	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
76	Lê Văn Môm	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
77	Huỳnh Thị Mém	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
78	Võ Văn Thanh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
79	Nguyễn Đức Thuận	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
80	Nguyễn Thanh Nhù	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
81	Nguyễn Văn Thanh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
82	Võ Văn Kiềm	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	1

83	Nguyễn Phước Hùng	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
84	Thái Thị Còi	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
85	Nguyễn Thanh Sang	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
86	Trần Xuân Quang	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
87	Nguyễn Văn Vạn	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
88	Trần Thanh Văn	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
89	Nguyễn Thị Trinh	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
90	Lương Bình Yên	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
91	Lương Hồng Mệnh	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
92	Nguyễn Văn Đoàn	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
93	Phùng Thị Liệu	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
94	Võ Minh Hoàng	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
95	Nguyễn Văn Hợi	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
96	Hồ Tiến Thường	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
97	Trần Quốc Dương	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
98	Lại Chí Thạnh	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
99	Huỳnh Nga	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
100	Lê Thanh Mộng	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
101	Trần Văn Phương	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
102	Lê Văn Lam	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
103	Mai Thị Lệ	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
104	Huỳnh Trung	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
105	Huỳnh Thanh Tám	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
106	Nguyễn Thanh Tùng	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
107	Nguyễn Hữu Dư	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
108	Lâm Thị Mừng	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
109	Hứa Văn Nguyên	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
110	Phạm Khánh Hiệp	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
111	Chí Tâm	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
112	Nguyễn Thanh Sang	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
113	Hứa Văn Tháo	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
114	Lê Văn Hiệp	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
115	Phạm Thành Nghiệp	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
116	Võ Minh Cưng	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
117	Võ Thị Ngân	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
118	Trần Thị Sách	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
119	Trần Văn Tuấn	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
120	Mai Văn Tốt	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
121	Lê Văn Khánh	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
122	Phạm Thị Thúy Diễm	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
123	Huỳnh Văn Thanh	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
124	Lê Văn Ngọc	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
125	Nguyễn Thị Dân	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
126	Võ Hoàng Sơn	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
127	Trần Thị Tranh	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1

128	Trần Hoàng Vũ	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
129	Nguyễn Thị Ánh	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
130	Huỳnh Văn Huyền	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
131	Nhâm Văn Trung	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
132	Nhâm Thị Xuyên	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
133	Huỳnh Văn Nhân	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
134	Huỳnh Việt Hồng	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
135	Trần Thị Chanh	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
136	Châu Văn Vũ	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
137	Nguyễn Thị Nào	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
138	Trần Thị Kim Sao	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
139	Thạch Thị Ánh Hồng	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
140	Ngô Hiền Cù	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
141	Nhan Thanh Danh	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
142	Đỗ Văn Miên	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
143	Lê Thanh An	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
144	Lê Văn Hoài	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	1
145	Nguyễn Ngọc Chi	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
146	Trần Kim Quang	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
147	Lê Thị Vẹn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
148	Lê Thị Hồng Châu	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
149	Lý Phước Thái	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
150	Trương Văn Sáng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
151	Lê Thanh Tuấn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
152	Lê Thị Út	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
153	Huỳnh Văn Tâm	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
154	Nguyễn Văn Hoàng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
155	Lương Thị Út	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
156	Trịnh Thị Hoa	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
157	Phạm Văn Sửu	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
158	Hồ Văn Phụng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
159	Ngô Văn Thành Phạm	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
160	Nguyễn Tiến Lên	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
161	Nguyễn Thị Mụm	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
162	Phạm Khanh Hồng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
163	Trần Ngọc Dung	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
164	Lâm Chí Anh	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
165	Lê Thị Kim Hồng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
166	Phan Thị The	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
167	Nguyễn Thị Phương Yên	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
168	Trần Thị Lai	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
169	Phạm Hòa An	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
170	Phạm Hòa Phước	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	1
171	Phạm Văn Tùng	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
172	Huỳnh Văn Minh	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1

173	Nguyễn Thị Ba	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
174	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
175	Nguyễn Thị Lan	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
176	Nguyễn Thanh Tùng	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
177	Nguyễn Thành Được	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
178	Huỳnh Thị Cúc	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
179	Nguyễn Văn Bảy	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
180	Trần Lánh	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
181	Nguyễn Quang Tân	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
182	Nguyễn Thanh Xuân	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
183	Lê Văn Mách	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
184	Hồ Văn Long	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
185	Trần Ngọc Văn	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
186	Lê Thị Vạn	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
187	Nguyễn Thị Bèo	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
188	Trần Thị Bé Hai	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
189	Võ Văn Đoan	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
190	Nguyễn Thị Hoa	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
191	Son Văn Mộc	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
192	Đặng Văn Thi	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	1
193	Lê Văn Hùng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
194	Nguyễn Minh Tấn	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
195	Bùi Văn Bé	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
196	Trần Văn Điện	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
197	Chế Văn Hòa	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
198	Chế Văn Liên	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
199	Lê Văn Chông	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
200	Trần Văn Xuyên	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
201	Dương Văn A	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
202	Nguyễn Văn Ngân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
203	Nguyễn Thị Nói	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
204	Trần Thị Hai	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
205	Nguyễn Văn Hải	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
206	Nguyễn Văn Mến	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
207	Nguyễn Văn Lành	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
208	Đỗ Văn Thuận	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
209	Diệp Văn Phiếu	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
210	Diệp Văn Hữu	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
211	Lâm Văn Nguyên	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
212	Phạm Ngọc Thạch	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
213	Đinh Văn Cu	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
214	Nguyễn Văn Lâm	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
215	Lâm Thị Phương	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
216	Trịnh Hoài Ân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
217	Nguyễn Văn Hải	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4

218	Mã Thành Rạng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
219	Nguyễn Văn Nhi	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
220	Đặng Hoàn Tín	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
221	Phạm Kim Ngo	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
222	Phạm Kim Ngọc	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
223	Phan Văn Kiệt	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
224	Nguyễn Văn Lượng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
225	Trương Văn Lên	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
226	Lê Văn Chánh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
227	Đương Văn A	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
228	Nguyễn Văn Hào	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
229	Nguyễn Văn Oanh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
230	Nguyễn Kim Sanh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
231	Thái Hoàng Ba	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
232	Lâm Văn Bằng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
233	Mai Văn Dện	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
234	Lê Văn Mách	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
235	Nguyễn Văn Đơ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
236	Phan Thị Chiến	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
237	Lê Văn Lâm	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
238	Lương Văn Phát	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
239	Phan Minh Triều	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
240	Đặng Văn Linh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
241	Tăng Thị Thúy Sang	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
242	Nguyễn Thành Nhã	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
243	Huỳnh Văn Lặc	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
244	Nguyễn Văn Dọn	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
245	Lê Văn Chính	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
246	Trần Thanh Hùng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
247	Mạch Long Thắng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
248	Nguyễn Văn Chiến	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
249	Phạm Thị Biên	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
250	Lâm Thị Mỹ Hằng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
251	Phạm Thị Vỹ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
252	Nguyễn Thị Em	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
253	Lương Văn Triệu	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
254	Nguyễn Văn Chiến	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
255	Nguyễn Văn Hai	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
256	Trần Hoàng Văn	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
257	Nguyễn Thị Ân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
258	Lê Hoàng Minh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
259	Trần Văn Tùng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
260	Nguyễn Thành Dũng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
261	Phạm Văn Hùng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
262	Lâm Văn Dạng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4

263	Trần Tấn Nhó	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
264	Diệp Thanh Bình	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
265	Nguyễn Văn Mừng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
266	Giang Thanh Văn	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
267	Lâm Văn Tiến	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
268	Huỳnh Tấu Điền	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
269	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
270	Mai Văn Thường	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
271	Phan Thị Văn	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
272	Vô Văn Sung	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
273	Mạch Thị Thù	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
274	Lâm Thành Đức	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
275	Trần Văn Thi	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
276	Đinh Văn Nhỏ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
277	Tăng Thành Quang	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
278	Từ Văn Mậu	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
279	Đinh Văn Thường	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
280	Nguyễn Thành Nghi	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
281	Lê Thị Hương	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
282	Nguyễn Thị Be	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
283	Từ Văn Đô	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
284	Trần Văn Chính	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
285	Trần Văn Ba	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
286	Nguyễn Văn Bé	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
287	Trần Văn Xa	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
288	Huỳnh Văn Đây	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
289	Lê Văn Tay	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
290	Lê Thanh Phong	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
291	Châu Văn Sứ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
292	Lâm Thanh Dân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
293	Lâm Thị Hoa	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
294	Lưu Thái Giang	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
295	Huỳnh Văn Giai	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
296	Huỳnh Hữu Đông	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
297	Huỳnh Minh Trí	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
298	Lê Văn Hùng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
299	Đinh Văn Thường	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
300	Nguyễn Văn Năm	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
301	Lâm Ánh Hoa	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
302	Diệp Xe	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
303	Lâm Hoàng Hiện	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
304	Trương Quốc Khương	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
305	Nguyễn Trọng Thảo	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
306	Trần Văn Sơn	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
307	Lâm Văn Sang	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4

308	Thạch Thị Xía	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
309	Huỳnh Văn Móc	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
310	Trần Văn Thạch	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
311	Trần Thị Trúc Bạch	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
312	Phan Văn Trần	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
313	Lê Thị Kim Ngân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
314	Nguyễn Văn Tài	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
315	Bách Thìn	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
316	Nguyễn Văn Điều	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
317	Đinh Thị Liêm	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
318	Trần Thanh Tuyền	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
319	Nguyễn Thanh Xuân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
320	Nguyễn Văn Út	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
321	Tô Ngọc Do	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
322	Trần Văn Cù	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
323	Nguyễn Thị Ân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
324	Lâm Văn Châu	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
325	Mặt Trọng Lương	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
326	Võ Văn Phi	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
327	Huỳnh Văn Phong	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
328	Nguyễn Văn Tự	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
329	Lâm Thị Dung	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
330	Nguyễn Văn Út	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
331	Nguyễn Ngọc Thoại	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
332	Hồng Minh Luân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
333	Phan Thị Nhất	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
334	Trương Văn Sông	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
335	Ngô Minh Trí	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
336	Nguyễn Văn Hào	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
337	Mai Văn Dân	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
338	Huỳnh Văn Tài	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
339	Bùi Văn Hùng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
340	Lê Văn Bánh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
341	Dương Văn Khang	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
342	Võ Thị Tím	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
343	Võ Văn Mộng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
344	Dương Văn Kệ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
345	Lê Văn Bao	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
346	Võ Văn Hoàng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
347	Huỳnh Hữu Thanh	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
348	Lê Thanh Hoàng	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
349	Võ Văn Phệt	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
350	Võ Thị Hết	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
351	Nguyễn Văn Vũ	Áp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
352	Đoàn Văn Lẹ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4

353	Trần Văn Sa	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
354	Ông Tự	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
355	Mạch Thị Lay	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
356	Nguyễn Văn Út	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
357	Phạm Văn Hòn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
358	Phạm Văn Tuyên	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
359	Cường Sáng Lầy	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	4
360	Nguyễn Văn Diệp	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	4
361	Trần Phát Quang	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	4
362	Trần Văn Giới	Phước Hòa B	TT Cù Lao Dung	4
363	Nguyễn Thị Hoàng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
364	Nguyễn Văn Mộng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
365	Nguyễn Văn Chính	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
366	Trần Văn Môt	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
367	Hồ Văn Út	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
368	Bùi Thị Mười	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
369	Đặng Văn Nghệ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
370	Mười Trưởng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
371	Đặng Văn Hiệp	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
372	Võ Văn Lắm	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
373	Nguyễn Văn Dụ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
374	Nguyễn Văn Bích	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
375	Phạm Văn Chung	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
376	Đinh Văn Nghiêm	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
377	Nguyễn Văn Vẹn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
378	Trần Thị Hiền	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
379	Nguyễn Thị Vân	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
380	Nguyễn Thị Nương	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
381	Nguyễn Văn Đông	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
382	Mạch Thị Lây	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
383	Trần Thị Chánh	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
384	Thái Thị Khăn Trúc	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
385	Đinh Văn Mười Hai	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
386	Trần Văn Lai	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
387	Hoàng Văn Đình	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
388	Huỳnh Văn Anh	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
389	Nguyễn Văn Chiến	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
390	Phạm Thị Hồng Nhung	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
391	Nguyễn Trường Giang	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
392	Võ Văn Mai	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
393	Lê Văn Đệ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
394	Lê Thanh Phương	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
395	Nguyễn Thành Hòa	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
396	Nguyễn Cao Cường	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
397	Nguyễn Văn Dũng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4

398	Nguyễn Thị Vân	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
399	Nguyễn Văn Táo	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
400	Nguyễn Văn Vạn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
401	Nguyễn Văn Tiến	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
402	Nguyễn Văn Bé	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
403	Bùi Văn Chiến	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
404	Huỳnh Văn Thư	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
405	Đặng Văn Sơn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
406	Đặng Văn Hiệp	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
407	Nguyễn Văn Tài	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
408	Phạm Văn Điều	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
409	Lê Thị Chuẩn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
410	Huỳnh Văn Hiền	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
411	Kim Khương	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
412	Đoàn Thị Chát	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
413	Trịnh Văn Võ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
414	Nguyễn Văn Tự	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
415	Nguyễn Thị Mâm	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
416	Nguyễn Thị Sạn	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
417	Lê Văn Mách	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
418	Ngô Văn Tám	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
419	Nguyễn Thị Tào	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
420	Nguyễn Quốc Việt	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
421	Ngô Văn Việt	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
422	Trần Thị Ánh	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
423	Trần Thị Trúc	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
424	Võ Văn Nhiều	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
425	Võ Văn Thuận	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
426	Nguyễn Văn Kiệt	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
427	Phạm Thị Nở	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
428	Hà Thị Mỹ Liên	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
429	Nguyễn Thị Phương	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
430	Lâm Thị Hương	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
431	Nguyễn Thành Nghị	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
432	Lâm Thị Hoa	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
433	Nguyễn Văn Nùm	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
434	Võ Văn Thêu	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
435	Trần Thị Lan	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
436	Võ Đức Em	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
437	Nguyễn Thị Thắm	Ấp Chợ	TT Cù Lao Dung	4
438	Hồ Bé Út	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
439	Trần Văn Dũ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
440	Nguyễn Văn Chía	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
441	Trần Văn Khởi	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
442	Đặng Thị Thảo	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4

443	Trần Văn Kỳ	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
444	Huỳnh Văn Là	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
445	Huỳnh Văn Lối	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
446	Nguyễn Minh Tự	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
447	Ngô Văn Cầm	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
448	Võ Văn Nhiều	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
449	Nguyễn Thị Ánh	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
450	Phạm Thị Bích Thủy	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
451	Nguyễn Văn Lâu	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
452	Trần Thị Kim Ngân	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
453	Trần Tuấn Hưng	Phước Hòa A	TT Cù Lao Dung	4
454	Hà Văn Oi	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
455	Phạm Văn Xe	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
456	Huỳnh Văn Phước	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
457	Nhâm Thanh Bình	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
458	Trần Văn Hoa	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
459	Ân Minh Trí	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
460	Huỳnh Văn Vàng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
461	Trần Văn Lâm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
462	Bùi Văn Quan	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
463	Nguyễn Văn Hùng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
464	Phạm Hồng Quang	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
465	Võ Thị Bé	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
466	Nguyễn Văn Tài	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
467	Mai Văn Quân	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
468	Dương Hoàng Thảo	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
469	Huỳnh Văn Cảnh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
470	Trần Văn Thắng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
471	Trần Văn Giới	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
472	Trần Thị Tâm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
473	Trần Văn Hương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
474	Trần Thị The	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
475	Trần Thị Mum	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
476	Đỗ Việt Thắng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
477	Đỗ Hoài Sơn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
478	Võ Văn Châu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
479	Trần Văn Út	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
480	Huỳnh Văn Tấn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
481	Thái Văn Sơn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
482	Trần Chí Thiên	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
483	Trần Văn Thung	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
484	Huỳnh Lê Minh Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
485	Nguyễn Thị Đức	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
486	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
487	Nguyễn Kiến Quốc	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
488	Lê Văn Thành	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
489	Trương Thị Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
490	Dương Thị Thiết	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
491	Hàng Văn Minh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
492	Lê Thị Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1

493	Nguyễn Văn Hùng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
494	Võ Văn Quý	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
495	Võ Văn Quý	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
496	Lê Văn Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
497	Võ Văn Hân	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
498	Thạch Út	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
499	Nguyễn Văn Be	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
500	Dương Văn Dương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
501	Trần Văn Đồng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
502	Đỗ Văn Vũ	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
503	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
504	Trần Thị Bùi	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
505	Hồ Thị Diệp	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
506	Ngô Văn Yên Nhỏ	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
507	Nguyễn Văn Linh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
508	Nguyễn Văn Tiêm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
509	Đặng Văn Chung	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
510	Huỳnh Thị Ngàn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
511	Huỳnh Thống Vương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
512	Trần Thị Liễu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
513	Nguyễn Thị Hồng Châu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
514	Trần Văn Phên	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
515	Đặng Văn Gia	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
516	Nguyễn Chí Dũng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
517	Nguyễn Văn Măng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
518	Võ Văn Trường	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
519	Hồ Văn Diên	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
520	Võ Văn Ngã	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
521	Trần Minh Ngọt	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
522	Dương Văn Chiến	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
523	Dương Văn Nam	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
524	Huỳnh Văn Tuấn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
525	Võ Văn Kế	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
526	Võ Văn Tâm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
527	Huỳnh Văn Tung	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
528	Đỗ Văn Út	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
529	Đỗ Hoàng Thương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
530	Ngô Văn Chính	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
531	Huỳnh Thị Hạnh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
532	Nguyễn Văn Trí	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
533	Hồ Văn Tuồng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
534	Nguyễn Văn Mai	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
535	Nguyễn Văn Ngọc	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
536	Nguyễn Thanh Nhàn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
537	Nguyễn Thanh Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
538	Nguyễn Thành Phước	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
539	lâm Văn Viễn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
540	Trần Văn Phên	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
541	Lê Văn Tân	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
542	Lê Văn Kiệt	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
543	Lương Văn Quốc	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4

544	Đỗ Hòa Nhã	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
545	Trần Thị Giàu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
546	Nguyễn Thị Đờ	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
547	Nhâm Ngọc Châu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
548	Tăng Thanh Bình	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
549	Nguyễn Minh Phán	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
550	Mai Hữu Đạm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
551	Tăng Văn Lan	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
552	Mai Kim Ánh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
553	Mai Văn Anh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
554	Huỳnh Văn Tính	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
555	Huỳnh Văn Cảnh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
556	Huỳnh Văn Tuấn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
557	Võ Hoàng Thẩm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
558	Võ Văn Lượng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
559	Võ Ngọc Quân	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
560	Võ Văn Anh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
561	Trần Văn Đức	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
562	Ngô Vinh Em	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
563	Ngô Văn Sắt	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
564	Ngô Văn Út	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
565	Đỗ Văn Dôm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
566	Nguyễn Văn Mộng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
567	Nguyễn Văn Tim	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
568	Nguyễn Văn Hải	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
569	Nguyễn Văn An	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
570	Lý Tân	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
571	Trí Dung	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
572	Ngô Văn Vĩnh	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
573	Trần Khang	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
574	Nguyễn Văn Guôl	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
575	Huỳnh Thị Khéo	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
576	Sơn Thị Ny	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
577	Sơn Biết	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
578	Nguyễn Thị tiên	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
579	Nguyễn Thị Dân	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
580	Nguyễn Văn Hết	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
581	Nguyễn Văn Tý	Bình Danh B	An Thạnh 2	1
582	Đặng Văn Thanh	Bình Du B	An Thạnh 2	1
583	Trần Quan Văn	Bình Du B	An Thạnh 2	4
584	Nguyễn Thị Hồng	Bình Du B	An Thạnh 2	4
585	Nguyễn Văn Hùng	Bình Du B	An Thạnh 2	4
586	Nguyễn Văn Đẩu	Bình Du B	An Thạnh 2	4
587	Nguyễn Thị Mai	Bình Du B	An Thạnh 2	4
588	Dương Thị Lệ	Bình Du B	An Thạnh 2	4
589	Huỳnh Văn Vần	Bình Du B	An Thạnh 2	4
590	Huỳnh Nông Dân	Bình Du B	An Thạnh 2	4
591	Thái Thị Tám	Bình Du B	An Thạnh 2	4
592	Trần Văn Huyền	Bình Du B	An Thạnh 2	4

593	Trần Thị Loan	Bình Du B	An Thạnh 2	4
594	Nguyễn Thị Cẩm	Bình Du B	An Thạnh 2	4
595	Nguyễn Văn Cường	Bình Du B	An Thạnh 2	4
596	Bùi Văn Hòa	Bình Du B	An Thạnh 2	4
597	Trần Văn Phụng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
598	Trần Út Phương	Bình Du B	An Thạnh 2	1
599	Trương Văn Chí	Bình Du B	An Thạnh 2	1
600	Phạm Văn Quí	Bình Du B	An Thạnh 2	1
601	Nguyễn Văn Bảy	Bình Du B	An Thạnh 2	4
602	Nguyễn Văn Trọng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
603	Trương Thị Dấu	Bình Du B	An Thạnh 2	1
604	Đặng Văn Thanh	Bình Du B	An Thạnh 2	1
605	Thái Thị Tám	Bình Du B	An Thạnh 2	4
606	Nguyễn Thị Quyên	Bình Du B	An Thạnh 2	1
607	Nguyễn Văn Thà	Bình Du B	An Thạnh 2	1
608	Trang Văn Thà	Bình Du B	An Thạnh 2	4
609	Nguyễn Văn Phương	Bình Du B	An Thạnh 2	1
610	Vô Thành Nhân	Bình Du B	An Thạnh 2	1
611	Nhan Văn Thuận	Bình Du B	An Thạnh 2	1
612	Huỳnh Nông Dân	Bình Du B	An Thạnh 2	4
613	Nguyễn Văn Phú	Bình Du B	An Thạnh 2	1
614	Nguyễn Văn Quyên	Bình Du B	An Thạnh 2	1
615	Nguyễn Văn Ngăn	Bình Du B	An Thạnh 2	1
616	Ngô Hoàng Sang	Bình Du B	An Thạnh 2	1
617	Trần Quang Văn	Bình Du B	An Thạnh 2	4
618	Nguyễn Văn Lộc	Bình Du B	An Thạnh 2	1
619	Huỳnh Văn Hắc	Bình Du B	An Thạnh 2	1
620	Trần Minh Thiện	Bình Du B	An Thạnh 2	1
621	Hồ Văn Thủ	Bình Du B	An Thạnh 2	1
622	Diệp Thị Út Lớn	Bình Du B	An Thạnh 2	1
623	Huỳnh Văn Lập	Bình Du B	An Thạnh 2	1
624	Trần Văn Quân	Bình Du B	An Thạnh 2	1
625	Nguyễn Văn Hùng	Bình Du B	An Thạnh 2	4
626	Nguyễn Văn Thương	Bình Du B	An Thạnh 2	4
627	Nguyễn Thị Chín	Bình Du B	An Thạnh 2	4
628	Hồ Văn Thừa	Bình Du B	An Thạnh 2	4
629	Huỳnh Lăng Dân	Bình Du B	An Thạnh 2	4
630	Nguyễn Văn Cận	Bình Du B	An Thạnh 2	4
631	Trần Văn Hồng	Bình Du B	An Thạnh 2	4
632	Lý Văn Non	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
633	Sơn Thị Soi	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
634	Trí Sung	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
635	Trần Văn Knay	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
636	Lâm Thị Nghiêm	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
637	Ngô Văn Vinh	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
638	Trịnh Văn Xuân	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
639	Trần Văn Dự	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
640	Nguyễn Văn Bình	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
641	Phương Thị Phuól	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
642	Nguyễn Ngọc Nhân	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
643	Diệp Minh Đây	Sơn Ton	An Thạnh 2	1

644	Phương Thị Phuôi	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
645	Ngang Thị Phên	Sơn Ton	An Thạnh 2	1
646	Trần Thanh Đồng	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
647	Dương Quốc Tuấn	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
648	Nguyễn Văn Ngao	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
649	Trang Văn Hường	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
650	Trang Văn Đặng	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
651	Lê Hoàng Phụng	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
652	Võ Văn Thương	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
653	Trần Văn Phải	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
654	Nguyễn Thanh Dũng	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
655	Trương Thị Lan	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
656	Nguyễn Văn Đức	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
657	Phan Văn Trí	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
658	Lê Văn Đông	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
659	Nguyễn Văn Khắp	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
660	Trần Thị Hạp	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
661	Lý Văn Khai	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
662	Đinh Hoàng Nam	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
663	Cao Văn Năm	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
664	Lê Thành Ngon	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
665	Huỳnh Văn Vốn	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
666	Võ Văn Vũ	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
667	Trần Văn Đền	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
668	Lâm Văn Đức	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
669	Trần Văn Vui	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
670	Trần Văn Tài	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
671	Nguyễn Hoàng Hội	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
672	Tôn Văn Chương	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
673	Trần Thị Ánh Hồng	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
674	Trang Văn Minh	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
675	Trần Thị Tiềm	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
676	Trần Văn Phải	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
677	Trần Thanh Lâm	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
678	Thiếu Thị San	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
679	Nguyễn Văn Bé Tư	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
680	Trang Quang Hường	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
681	Lê Thành Phụng	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
682	Võ Văn Quất	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
683	Phạm Văn Ca	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
684	Nguyễn Văn Đặng	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
685	Lê Thị Kim Phương	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
686	Tôn Quốc Nam	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
687	Tăng Văn Nghĩa	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
688	Trần Văn Tuấn	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
689	Phùng Văn Minh	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
690	Lê Văn Phương	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
691	Võ Văn Hạnh	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
692	Võ Văn Ánh	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
693	Dương Quốc Tiến	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
694	Đỗ Thị Huệ	Bình Danh A	An Thạnh 2	1

695	Tăng Văn Ngân	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
696	Hồ Văn Tùng	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
697	Lê Quan Khải	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
698	Nguyễn Thị Bằng	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
699	Nguyễn Thị Phương	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
700	Nguyễn Văn Lự	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
701	Tăng Hoàng Trọng	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
702	Lê Hoàng Hiệp	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
703	Nguyễn Văn Thương	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
704	Trần Văn Triều	Bình Danh A	An Thạnh 2	4
705	Lê Văn Huyền	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
706	Đinh Minh Hiếu	Bình Danh A	An Thạnh 2	1
707	Võ Văn Hùng	Bình Du A	An Thạnh 2	4
708	Trần Thị Thôi	Bình Du A	An Thạnh 2	4
709	Võ Văn Chí	Bình Du A	An Thạnh 2	4
710	Phan Thị Nhan	Bình Du A	An Thạnh 2	1
711	Võ Văn Sáng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
712	Trang Thị Bạch	Bình Du A	An Thạnh 2	1
713	Nguyễn Văn Lộn	Bình Du A	An Thạnh 2	1
714	Lê Khải Hoàng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
715	Huỳnh Long Dân	Bình Du A	An Thạnh 2	1
716	Nguyễn Thị Hạnh	Bình Du A	An Thạnh 2	1
717	Nguyễn Hoàng Bắc	Bình Du A	An Thạnh 2	4
718	Nguyễn Hoàng Phương	Bình Du A	An Thạnh 2	4
719	Nguyễn Ngọc Huyền	Bình Du A	An Thạnh 2	4
720	Hồ Văn Kuol	Bình Du A	An Thạnh 2	1
721	Mai Hoàng Đậu	Bình Du A	An Thạnh 2	1
722	Lê Văn Út	Bình Du A	An Thạnh 2	1
723	Lục Văn Ứng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
724	Huỳnh Thị Xem	Bình Du A	An Thạnh 2	1
725	Lê Ánh Nguyệt	Bình Du A	An Thạnh 2	4
726	Nguyễn Văn Bằng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
727	Huỳnh Thị Ngà	Bình Du A	An Thạnh 2	1
728	Nhan Văn Giồng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
729	Trần Văn Chơi	Bình Du A	An Thạnh 2	1
730	Nguyễn Văn Thắng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
731	Lê Thanh Hiền	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
732	Châu Hồng Em	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
733	Huỳnh Thị Nhiên	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
734	Nguyễn Thị Hiền	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
735	Huỳnh Thị Nguyệt Mai	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
736	Đỗ Việt Thắng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
737	Huỳnh Văn Hoàng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
738	Võ Văn Tòng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
739	Nguyễn Văn Bảy	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
740	Võ Văn Nhi	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
741	Trần Phước Thiện	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
742	Nguyễn Văn Trắng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
743	Huỳnh Thanh Hùng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
744	Võ Văn Minh	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
745	Võ Thị Hùng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
746	Nguyễn Văn Thành	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4

747	Nguyễn Văn Hồng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
748	Phạm Văn Thường	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
749	Nguyễn Minh Hoàng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
750	Huỳnh Thị Xứng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
751	Nguyễn Ngọc Ánh	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
752	Võ Văn Phận	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
753	Huỳnh Thị Dung	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
754	Nguyễn Văn Trung	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
755	Lưu Văn Quốc	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
756	Nhan Văn Mừng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
757	Trần Văn Bình	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
758	Lưu Văn Khê	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
759	Huỳnh Văn Tín	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
760	Lê Văn Tân	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
761	Trần Văn Thơ	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
762	Nguyễn Thị Đỗ	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	4
763	Trần Thị Tú	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
764	Phan Văn Chia	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
765	Trang Thị Nguyễn	Bình Du A	An Thạnh 2	1
766	Nguyễn Thị On	Bình Du A	An Thạnh 2	1
767	Võ Thị Thủy	Bình Du A	An Thạnh 2	1
768	Nguyễn Văn Năm	Bình Du A	An Thạnh 2	1
769	Huỳnh Thị Xem	Bình Du A	An Thạnh 2	1
770	Nguyễn Hữu Phước	Bình Du A	An Thạnh 2	1
771	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Bình Du A	An Thạnh 2	4
772	Nguyễn Quốc Di	Bình Du A	An Thạnh 2	1
773	Huỳnh Văn Do	Bình Du A	An Thạnh 2	1
774	Huỳnh Văn Tánh	Bình Du A	An Thạnh 2	1
775	Nguyễn Liêm Chính	Bình Du A	An Thạnh 2	1
776	Lục Thị Chua	Bình Du A	An Thạnh 2	1
777	Huỳnh Thị Nguyệt Mai	Bình Du A	An Thạnh 2	1
778	Nguyễn Văn Bằng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
779	Nguyễn Văn Hải	Bình Du A	An Thạnh 2	1
780	Nguyễn Văn Thảo	Bình Du A	An Thạnh 2	1
781	Lâm Thanh Hiền	Bình Du A	An Thạnh 2	1
782	Nguyễn Thị Thức	Bình Du A	An Thạnh 2	1
783	Phan Thị Nhang	Bình Du A	An Thạnh 2	1
784	Trịnh Chung Cam	Bình Du A	An Thạnh 2	1
785	Nguyễn Văn Cọn	Bình Du A	An Thạnh 2	1
786	Nhan Văn Nhi	Bình Du A	An Thạnh 2	1
787	Lâm Quang Duyên	Bình Du A	An Thạnh 2	1
788	Nguyễn Văn Hải	Bình Du A	An Thạnh 2	1
789	Nhan Văn Mừng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
790	Mai Hoàng Đậu	Bình Du A	An Thạnh 2	1
791	Nguyễn Thị Lái	Bình Du A	An Thạnh 2	1
792	Lục Thành Nơi	Bình Du A	An Thạnh 2	1
793	Nhan Văn Giồng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
794	Sáu Hữu	Bình Du A	An Thạnh 2	1
795	Nhan Văn Khánh	Bình Du A	An Thạnh 2	1
796	Nhan Văn Kiều	Bình Du A	An Thạnh 2	1
797	Huỳnh Lương Thiện	Bình Du A	An Thạnh 2	1
798	Huỳnh Quang Minh	Bình Du A	An Thạnh 2	1

799	Võ Thị Giang	Bình Du A	An Thạnh 2	1
800	Trần Ngọc Sương	Bình Du A	An Thạnh 2	1
801	Nguyễn Thị Đuym	Bình Du A	An Thạnh 2	1
802	Nguyễn Văn Út	Bình Du A	An Thạnh 2	1
803	Nguyễn Thị Thùy	Bình Du A	An Thạnh 2	1
804	Nguyễn Văn Thương	Bình Du A	An Thạnh 2	1
805	Lục Văn Hồng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
806	Trần Thanh Hiền	Bình Du A	An Thạnh 2	1
807	Trần Thị Bền	Bình Du A	An Thạnh 2	1
808	Nguyễn Thị Bích Dân	Bình Du A	An Thạnh 2	1
809	Trương Văn Tiến	Bình Du A	An Thạnh 2	1
810	Lục Văn Đời	Bình Du A	An Thạnh 2	1
811	Nguyễn Thị Hạnh	Bình Du A	An Thạnh 2	1
812	Nguyễn Thị Dung	Bình Du A	An Thạnh 2	1
813	Nguyễn Văn Bay	Bình Du A	An Thạnh 2	1
814	Lục Văn Nhi	Bình Du A	An Thạnh 2	1
815	Hồ Văn Kuól	Bình Du A	An Thạnh 2	1
816	Trương Văn Thuận	Bình Du A	An Thạnh 2	1
817	Lê Khải Hoàng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
818	Lê Văn Dũng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
819	Hồ Văn Tăng	Bình Du A	An Thạnh 2	1
820	Lê Văn Bi	Bình Du A	An Thạnh 2	4
821	Nguyễn Hoàng Phương	Bình Du A	An Thạnh 2	4
822	Nhang Văn Thảo	Bình Du A	An Thạnh 2	4
823	Nguyễn Hữu Phúc	Bình Du A	An Thạnh 2	4
824	Nguyễn Văn Nhiên	Bình Du A	An Thạnh 2	4
825	Võ Văn Hùng	Bình Du A	An Thạnh 2	4
826	Võ Hùng Sáng	Bình Du A	An Thạnh 2	4
827	Hồ Văn Buól	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
828	Hồ Văn Diện	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
829	Nguyễn Văn Lai	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
830	Phạm Thị Vững	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
831	Dương Văn Dô	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
832	Bùi Văn Quang	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
833	Võ Văn Hiền	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
834	Võ Văn Ngà	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
835	Võ Văn Lượng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
836	Nguyễn Thị Liên	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
837	Huỳnh Văn Tấn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
838	Huỳnh Văn Tính	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
839	Nguyễn Văn Tường	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
840	Huỳnh Văn Ký	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
841	Huỳnh Thị Dung	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
842	Võ Hoàng Thắm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
843	Huỳnh Văn Lâm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
844	Lê Văn Vinh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
845	Đặng Văn Chung	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
846	Huỳnh Bảo Anh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
847	Huỳnh Văn Tững	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
848	Huỳnh Văn Tuấn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
849	Nguyễn Thị Thủy	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
850	Nguyễn Thị Dĩ	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1

851	Mai Kim Vàng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
852	Mai Kim Ánh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
853	Huỳnh Văn Dậm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
854	Mai Hữu Nhuận	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
855	Lê Hữu Xinh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
856	Nguyễn Văn Xê	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
857	Huỳnh Văn Oanh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
858	Huỳnh Văn Lết	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
859	Nguyễn Văn Hóa	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
860	Nguyễn Văn Mãng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
861	Nguyễn Văn Mong	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
862	Lê Hồng Tuấn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
863	Trần Văn Thung	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
864	Lê Văn Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
865	Trần Thị Chim	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
866	Lê Văn Kiệt	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
867	Nhâm Thị Kim Cương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
868	Nhâm Thanh Bình	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
869	Nguyễn Văn Trảng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
870	Nhâm Thanh Sơn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
871	Nguyễn Văn Mừng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
872	Võ Thành Nhiệm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
873	Đặng Văn Phuôn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
874	Đỗ Hoàng Thương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
875	Đỗ Thị Bé Năm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
876	Nguyễn Thanh Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
877	Huỳnh Văn Khánh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
878	Huỳnh Văn Bé	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
879	Đỗ Thanh Nhân	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
880	Âu Cẩm Tính	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
881	Âu Cẩm Chí	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
882	Trần Chí Thiện	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
883	Trần Chí Tâm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
884	Trần Chí Tính	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
885	Nguyễn Thị Thắng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
886	Trần Văn Út	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
887	Lê Văn Hưng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
888	Trần Văn Hải	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
889	Lê Văn Thúc	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
890	Trần Văn Sơn	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
891	Trần Thị Dầu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
892	Trần Văn Hoa	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
893	Hà Văn Oí	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
894	Huỳnh Văn Phước	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
895	Nguyễn Minh Đạt	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
896	Nguyễn Minh Dũng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
897	Huỳnh Văn Nùng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
898	Trần Thị Mưm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
899	Mai Văn Thương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
900	Mai Thị Dung	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
901	Mai Thị Chính	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
902	Nguyễn Na Anh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1

903	Lê Văn Thánh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
904	Lê Văn Đăng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
905	Lê Văn Triển	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
906	Thạch Rum	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
907	Thạch Tốt	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
908	Thạch Thẩm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
909	Nguyễn Văn Út	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
910	Trịnh Văn Khương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
911	Nhâm Thành Tiên	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
912	Nguyễn Văn Yên	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
913	Trần Thị Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
914	Trần Thị Liễu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
915	Hồ Thị Hoa	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
916	Nguyễn Văn Hải	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
917	Nguyễn Thị Đức	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
918	Trần Văn Phên	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
919	Trần Thị Tâm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
920	Trần Thị The	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
921	Trần Văn Hương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
922	Trần Thị Trang	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
923	Trần Thị Hoa Sen	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
924	Dương Hoàng Thảo	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
925	Dương Thanh Phong	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
926	Lâm Thị Ngọc Dầu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
927	Dương Thị Thúy Hằng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	4
928	Nguyễn Thanh Bình	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
929	Đỗ Tấn Phong	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
930	Nguyễn Chí Thanh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
931	Trần Thị Bé Ba	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
932	Nguyễn Văn Tâm	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
933	Nguyễn Văn Triệu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
934	Bùi Thanh Tùng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
935	Nguyễn Kiến Quốc	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
936	Lê Thị Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
937	Trần Thị Diệu Hiền	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
938	Lê Văn Răng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
939	Lưu Thanh Phương	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
940	Nguyễn Văn Hiếu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
941	Huỳnh Thị Hạnh	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
942	Đỗ Hoài Nhon	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
943	Đỗ Việt Thắng	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
944	Lâm Văn Cường	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
945	Hồ Ngọc Diệp	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
946	Hồ Văn Hậu	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
947	Hồ Văn Thành	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
948	Hồ Văn Tươi	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
949	Lâm Văn Hải	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
950	Đặng Văn Nhon	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
951	Huỳnh Tấn Phúc	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
952	Võ Văn Phận	Phạm Thành Hôn B	An Thạnh 2	1
953	Hồ Văn Thừa	Bình Du B	An Thạnh 2	1
954	Trần Văn Nguyễn	Bình Du B	An Thạnh 2	4

955	Trang Văn Minh	Bình Du B	An Thạnh 2	1
956	Trần Bé Tư	Bình Du B	An Thạnh 2	1
957	Hồ Thị Châu	Bình Du B	An Thạnh 2	1
958	Lê Thanh Hằng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
959	Hồ Văn Kịch	Bình Du B	An Thạnh 2	1
960	Hồ Văn Đông	Bình Du B	An Thạnh 2	1
961	Phạm Quang Tiến	Bình Du B	An Thạnh 2	1
962	Nguyễn Văn Kiếm	Bình Du B	An Thạnh 2	1
963	Hồ Văn Chính	Bình Du B	An Thạnh 2	1
964	Hồ Văn Thủ	Bình Du B	An Thạnh 2	1
965	Trần Văn Phương	Bình Du B	An Thạnh 2	1
966	Lâm Văn Chung	Bình Du B	An Thạnh 2	1
967	Diệp Thị Út Lớn	Bình Du B	An Thạnh 2	1
968	Nguyễn Chí Dũng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
969	Nguyễn Thị Nguyên	Bình Du B	An Thạnh 2	1
970	Bùi Thị Lắm	Bình Du B	An Thạnh 2	1
971	Trần Thị Liên	Bình Du B	An Thạnh 2	1
972	Huỳnh Thị Kim Dăng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
973	Lê Công Tiếp	Bình Du B	An Thạnh 2	1
974	Huỳnh Văn Hà	Bình Du B	An Thạnh 2	1
975	Nguyễn Thanh Nhân Anh	Bình Du B	An Thạnh 2	1
976	Nguyễn Thanh Nhân Em	Bình Du B	An Thạnh 2	1
977	Nguyễn Văn Lương	Bình Du B	An Thạnh 2	1
978	Đặng Văn Thắng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
979	Tô Văn Vũ	Bình Du B	An Thạnh 2	1
980	Nguyễn Văn Tươi	Bình Du B	An Thạnh 2	1
981	Nguyễn Thị Huỳnh	Bình Du B	An Thạnh 2	1
982	Nguyễn Văn Nguyên	Bình Du B	An Thạnh 2	1
983	Nguyễn Văn Hận	Bình Du B	An Thạnh 2	1
984	Trần Ngọc Kiếm	Bình Du B	An Thạnh 2	1
985	Nguyễn Văn Chương	Bình Du B	An Thạnh 2	1
986	Trần Thị Kim Quang	Bình Du B	An Thạnh 2	1
987	Hà Quốc Khởi	Bình Du B	An Thạnh 2	1
988	Nguyễn Văn Minh	Bình Du B	An Thạnh 2	1
989	Trần Văn Giám	Bình Du B	An Thạnh 2	1
990	Trịnh Văn Dương	Bình Du B	An Thạnh 2	1
991	Trịnh Thị Yến	Bình Du B	An Thạnh 2	1
992	Nguyễn Thanh Phong	Bình Du B	An Thạnh 2	1
993	Nguyễn Văn Thiện	Bình Du B	An Thạnh 2	1
994	Trần Thị Lợi	Bình Du B	An Thạnh 2	1
995	Trần Văn Sang	Bình Du B	An Thạnh 2	1
996	Nguyễn Văn Thắng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
997	Trương Tiến Sỹ	Bình Du B	An Thạnh 2	1
998	Nguyễn Văn Điền	Bình Du B	An Thạnh 2	1
999	Nguyễn Thị Thu Ba	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1000	Trương Văn Hoàng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1001	Kim Đen	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1002	Nguyễn Văn Năm	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1003	Nguyễn Thị Dân	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1004	Nguyễn Văn Mười	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1005	Lý Văn Tươi	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1006	Tăng Văn Dớt	Bình Du B	An Thạnh 2	1

1007	Tăng Văn Ten	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1008	Nguyễn Thị Sáu	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1009	Nguyễn Vũ Hùng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1010	Huỳnh Long Dân	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1011	Nguyễn Minh Tự	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1012	Nguyễn Văn Thà	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1013	Nguyễn Hoàng Thoa	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1014	Nguyễn Hữu Nghĩa	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1015	Huỳnh Thị Ánh	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1016	Nguyễn Thanh Vũ	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1017	Dương Thị Nguyệt Sáng	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1018	Nguyễn Thị Mông	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1019	Dương Minh Kiệt	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1020	Lê Văn Phương	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1021	Tô Thị Ngân	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1022	Tô Thị Len	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1023	Lưu Văn Thu	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1024	Nguyễn Văn Nam	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1025	Bảy Khai	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1026	Dương Thị Thắm	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1027	Nguyễn Văn Đức	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1028	Nguyễn Văn Phú	Bình Du B	An Thạnh 2	1
1029	Nguyễn Văn Đờ	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1030	Huỳnh Văn Nam	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1031	Phạm Thị Chơn	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1032	Chân Hồng Phong	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1033	Nguyễn Văn Bùi	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1034	Dương Văn Ứng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1035	Huỳnh Minh Hùng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1036	Nguyễn Văn Long	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1037	Nguyễn Ngọc Đáng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1038	Phan Văn Trổng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1039	Nguyễn Văn Chắc	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1040	Lâm Hoàng Nhi	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1041	Huỳnh Long Hải	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1042	Vũ Thị Huệ	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1043	Huỳnh Thị Chính	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1044	Đinh Văn Phát	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1045	Võ Văn Lâm	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1046	Trần Văn Thanh	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1047	Nguyễn Thị Bông	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1048	Võ Văn Minh	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1049	Nguyễn Văn Thắng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1050	Huỳnh Tú Khoa	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1051	Dương Thanh Tân	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1052	Nguyễn Minh Chiến	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1053	Lê Thanh Hiền	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1054	Lê Văn Sang	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1055	Lê Văn Út	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1056	Đặng Hữu Phước	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1057	Đặng Thị Nga	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1058	Châu Văn Nhất	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1

1059	Nguyễn Thị Trương	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1060	Châu Thu Anh	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1061	Châu Văn Thương	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1062	Châu Văn Đu	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1063	Châu Văn Máu	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1064	Nguyễn Văn Chính	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1065	Châu Văn Nhâm	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1066	Lê Văn Sang	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1067	Lê Văn Hùng	Phạm Thành Hôn A	An Thạnh 2	1
1068	Trần Văn Năm	An Trung	An Thạnh 1	5
1069	Trần Văn Tuấn	An Trung	An Thạnh 1	5
1070	Trần Thị Kim Cương	An Trung	An Thạnh 1	5
1071	Trương Văn Phú	An Trung	An Thạnh 1	5
1072	Nguyễn Văn Lộc	An Trung	An Thạnh 1	5
1073	Nguyễn Văn Thành	An Trung	An Thạnh 1	5
1074	Nguyễn Văn Tuấn	An Trung	An Thạnh 1	5
1075	Lê Văn Dy	An Trung	An Thạnh 1	5
1076	Hà Văn Nghĩa	An Trung	An Thạnh 1	5
1077	Lê Văn Be	An Trung	An Thạnh 1	5
1078	Hà Văn Ngộ	An Trung	An Thạnh 1	5
1079	Lu Văn Tráng	An Trung	An Thạnh 1	5
1080	Trần Văn Quốc	An Trung	An Thạnh 1	5
1081	Ngô Văn Thu	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1082	Lê Văn Sen	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1083	Trần Văn Vinh	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1084	Ngô Văn Thu	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1085	Ngô Văn Tiến	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1086	Nguyễn Hoàng Nhiệt	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1087	Ngô Thị Tuyết	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1088	Ngô Thị Tiết	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1089	Nguyễn Thị Út	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1090	Lê Hạnh Phúc	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1091	Lê Thanh Phong	An Lạc	An Thạnh Tây	4
1092	Trần Văn Bền	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1093	Huỳnh Văn Chính	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1094	Nguyễn Văn Hoa	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1095	Huỳnh Văn Hiền	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1096	Huỳnh Văn Châm	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1097	Nguyễn Văn Nền	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1098	Nguyễn Thị Út	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1099	Kiều Thị Gấm	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1100	Huỳnh Văn Thuận	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1101	Huỳnh Văn Nghi	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1102	Lê Văn Khởi	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1103	Nguyễn Văn Dúp	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1104	Nguyễn Văn Điện	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1105	Lý Thị Năm	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1106	Nguyễn Văn Hung	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1107	Nguyễn Văn Hem	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1108	Nguyễn Văn Tuấn	An Lạc	An Thạnh Tây	5

1109	Trần Văn Phú	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1110	Nguyễn Văn Kháng	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1111	Phạm Văn Hết	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1112	Nguyễn Văn Dũng	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1113	Nguyễn Văn Nhung	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1114	Ngô Văn Hào	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1115	Nguyễn Thành Tâm	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1116	Nguyễn Văn Chạy	An Lạc	An Thạnh Tây	5
1117	Ngô Thị Tuyết	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1118	Nguyễn Văn Tư	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1119	Ngô Thị Diệu	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1120	Nguyễn Văn Phú	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1121	Ngô Văn Út	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1122	Trần Văn Dễ	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1123	Lê Văn Sen	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1124	Nguyễn Thị Năm	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1125	Thái Văn Chính	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1126	Võ Văn Tôn	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1127	Võ Văn Thạch	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1128	Nguyễn Văn Mười Hai	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1129	Huỳnh Minh Tuấn	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1130	Huỳnh Văn Chá	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1131	Huỳnh Văn Sử	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1132	Huỳnh Văn Bôn	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1133	Huỳnh Văn Diên	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1134	Bùi Thị Quyên	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1135	Trần Văn Bột	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1136	Hồ Việt Hùng	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1137	Lê Văn Lành	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1138	Nguyễn Thị Mười	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1139	Lê Thanh Thông	An Lạc	An Thạnh Tây	8
1140	Mai Văn Tấn	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1141	Nguyễn Thị Đào	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1142	Dương Văn Lê	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1143	Nguyễn Văn Lắm	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1144	Phạm Thị Mậu	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1145	Đặng Thị Nhung	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1146	Nguyễn Hùng Thắng	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1147	Phạm Thị Chính	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1148	Huỳnh Vũ Phương	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1149	Nguyễn Văn Nhung	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1150	Kiều Văn Đời	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1151	Bùi Văn Ảnh	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1152	Nguyễn Văn Đào	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1153	Nguyễn Thị Bé hai	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1154	Phạm Thị Hằng	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1155	Nguyễn Thị Phen	An Phú A	An Thạnh Tây	4
1156	Tăng Phuận	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2

1157	Kim Rên	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1158	Trần Thị Bích Phe	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1159	Thạch Thị Văn Ni	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1160	Lâm Thonl	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1161	Đào Văn Út	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1162	Phan Văn Sơn	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1163	Thạch Ri	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1164	Nhang Đức Trường	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1165	Trần Văn Tuấn	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1166	Nhang Thanh Hiền	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1167	Lữ Văn Tài	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1168	Sơn Khiên	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1169	Phan Văn Hận	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1170	Trần Văn Cường	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1171	Lữ Văn Trí	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1172	Kim Rinh	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1173	Trần Quang Thanh	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1174	Lê văn bá	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1175	Lâm Khoa Giáo	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1176	Nguyễn Văn Đang	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1177	Phạm Thị Đời	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1178	Nguyễn Thị Sát	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1179	Trần Văn Lớn	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1180	Trịnh Thị Quấn	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1181	Sơn Phan	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1182	Thái Văn Rô	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1183	Hà Văn Dương	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1184	Ngô Văn Do	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1185	Đỗ Thị Bảy	Võ Thành Văn	An Thạnh Nam	2
1186	Lê Văn Chiến	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1187	Lê Văn Duy	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1188	Lê Văn Hồng	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1189	Nguyễn Văn Kiệt	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1190	Trương Văn Hồ	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1191	Đỗ Văn Tre	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1192	Thái Thị Dàn	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1193	Lê Văn Hùng	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1194	Nguyễn Văn Nhờ	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1195	Phạm Văn Ro	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1196	Nguyễn Tấn Phát	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1197	Nguyễn Văn Xuân	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1198	Trần Văn Tài	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1199	Trần Quốc Minh	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1200	Đỗ Văn Tùng	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1201	Võ Văn Đức	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1202	Nguyễn Thị Năm	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1203	Trần Văn Chiến	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2

1204	Ngô Văn Hận	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1205	Trương Thị Nảy	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1206	Phạm Thị Hai	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1207	Phạm Văn Cui	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1208	Võ Văn Hiệp	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1209	Nguyễn Văn Cười	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1210	Lâm Thanh Nga	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1211	Nguyễn Thị Hạnh	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1212	Lê Thị Tiếp	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1213	Đặng Bình Trọng	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1214	Lâm Thái Sơn	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1215	Nguyễn Tùng Đức	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1216	Đỗ Duy Tiến	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1217	Nguyễn Thanh Hùng	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1218	Lâm Thanh Phong	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1219	Nguyễn Ngọc Vũ	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1220	Lâm Thị Thanh Thoáy	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1221	Nguyễn Văn Hải	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1222	Huỳnh Văn Thu	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1223	Trần Văn Luân	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1224	Trịnh Ngọc Châu	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1225	Trần Văn Na	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1226	Trần Văn Rò	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1227	Bùi Công Lý	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1228	lê Văn Vinh	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1229	Công ty thủy sản Sóc Trăng	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	2
1230	Tạ Trung Quân	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	7
1231	Ông Văn Thắng	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	7
1232	Trương Văn Từ	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	7
1233	Trương Văn Trường	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	7
1234	Nguyễn Hoàng Anh	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	7
1235	Nguyễn Tấn Phát	Vàm Hồ	An Thạnh Nam	7
1236	Nguyễn Việt Sang	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1237	Lê Thị Ngàn	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1238	Nguyễn Văn Phú	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1239	Từ Thị Lụa	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1240	Võ Thị Lệ	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1241	Từ Văn Thuận	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1242	Nguyễn Văn Long	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1243	Tăng Văn Ân	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1244	Hồ Hoàng Đội	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1245	Kim Văn Bé	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1246	Mai Văn Hòa	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1247	Hồ Hoàng Thượng	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1248	Nguyễn Văn Chót	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1249	Mai Thị Chuộng	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7

1250	Hồ Văn Liệt	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1251	Hồ Văn Long	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1252	Nguyễn Thị Liễu	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1253	Huỳnh Văn To	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1254	Nguyễn Minh Luân	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1255	Huỳnh Thị Châu Pha	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1256	Nguyễn Văn Bông	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1257	Huỳnh Văn Hậu	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1258	Kiều Thị Gái	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1259	Huỳnh Thanh Xuân	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1260	Hồ Văn Nhỏ	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1261	Đinh Công Thu	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1262	Trần Thanh Dân	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1263	Trần Thị Mão	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1264	Hồ Thúy Kiều	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1265	Hồ Thị Mai Lý	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1266	Trần Văn Vinh	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1267	Hồ Văn Hùng	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1268	Trần Văn Tươi	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1269	Hồ Văn Mậu	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1270	Nguyễn Hoàng Nam	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1271	Nguyễn Văn Nguyên	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1272	Nguyễn Văn Lùng	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1273	Võ Thành Cua	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1274	Đặng Văn Nhuận	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1275	Đinh Thị Bích Nhung	Vàm Hồ A	An Thạnh Nam	7
1276	Lương Ngọc Hòa	An Bình	An Thạnh 3	2
1277	Trương Văn Phong	An Bình	An Thạnh 3	2
1278	Hà Văn Hận	An Bình	An Thạnh 3	2
1279	Trương Văn Nhung	An Bình	An Thạnh 3	2
1280	Lâm Phi Hùng	An Bình	An Thạnh 3	2
1281	Lâm Dũng Hào	An Bình	An Thạnh 3	2
1282	Lâm Văn Sơn	An Bình	An Thạnh 3	2
1283	Lâm Văn Thận	An Bình	An Thạnh 3	2
1284	Nguyễn Văn Bánh	An Bình	An Thạnh 3	2
1285	Nguyễn Văn Hương	An Bình	An Thạnh 3	2
1286	Nguyễn Văn Trắng	An Bình	An Thạnh 3	2
1287	Nguyễn Thị Búi	An Bình	An Thạnh 3	2
1288	Lâm Thị Ba	An Bình	An Thạnh 3	2
1289	Lý Thị Tuyết Mai	An Bình	An Thạnh 3	2
1290	Nguyễn Thị Tuyết Lan	An Bình	An Thạnh 3	2
1291	Lâm Hoàng Thái	An Bình	An Thạnh 3	2
1292	Trần Văn Đang	An Bình	An Thạnh 3	2
1293	Nguyễn Văn Khang	An Bình	An Thạnh 3	2
1294	Đinh Thị Cẩm	An Bình	An Thạnh 3	2

1295	Trần Văn Phụng	An Bình	An Thạnh 3	2
1296	Lâm Văn Kiệt	An Bình	An Thạnh 3	2
1297	Nguyễn Văn Trần	An Bình	An Thạnh 3	2
1298	Nguyễn Thị Ba	An Bình	An Thạnh 3	2
1299	Đinh Văn Nhật	An Bình	An Thạnh 3	2
1300	Đinh Thị Anh	An Bình	An Thạnh 3	2
1301	Đinh Thị Hai	An Bình	An Thạnh 3	2
1302	Kim Văn Vũ	An Bình	An Thạnh 3	2
1303	Nguyễn Công Tính	An Bình	An Thạnh 3	2
1304	Vương Văn Đô	An Bình	An Thạnh 3	2
1305	Trương Văn Tuấn	An Bình	An Thạnh 3	2
1306	Huỳnh Văn Long	An Bình	An Thạnh 3	2
1307	Trần Văn Phúc	An Bình	An Thạnh 3	2
1308	Bùi Chí Phúc	An Bình	An Thạnh 3	2
1309	Lý Thanh Hải	An Bình	An Thạnh 3	2
1310	Trương Hoàng Niên	An Bình	An Thạnh 3	1
1311	Lâm Văn Thông	An Bình	An Thạnh 3	1
1312	Lâm Văn Trung	An Bình	An Thạnh 3	1
1313	Lưu Văn Tường	An Bình	An Thạnh 3	1
1314	Phạm Văn Đại	An Bình	An Thạnh 3	1
1315	Nguyễn Văn Nưng	An Bình	An Thạnh 3	1
1316	Trần Thị Tư	An Bình	An Thạnh 3	1
1317	Hồ Văn Rây	An Bình	An Thạnh 3	1
1318	Huỳnh Ngọc Tùng	An Bình	An Thạnh 3	1
1319	Dương Hồ Vũ	An Bình	An Thạnh 3	1
1320	Nguyễn Hữu Đức	An Bình	An Thạnh 3	1
1321	Trần Văn Vĩnh	An Bình	An Thạnh 3	1
1322	Lê Văn Độ	An Bình	An Thạnh 3	1
1323	Lê Thị Bích Lệ	An Bình	An Thạnh 3	1
1324	Dương Văn Hiếu	An Bình	An Thạnh 3	1
1325	Trần Hữu Thọ	An Bình	An Thạnh 3	1
1326	Trần Hữu Út	An Bình	An Thạnh 3	1
1327	Phan Văn Thúc	An Bình	An Thạnh 3	1
1328	Dương Văn Trần	An Bình	An Thạnh 3	1
1329	Nguyễn Văn Ngoan	An Bình	An Thạnh 3	1
1330	Phạm Hữu Duyên	An Bình	An Thạnh 3	1
1331	Phạm Văn Phúc	An Bình	An Thạnh 3	1
1332	Phạm Thị Tuyết Mai	An Bình	An Thạnh 3	1
1333	Trần Văn Vĩnh	An Bình	An Thạnh 3	1
1334	Trương Quốc Hùng	An Bình	An Thạnh 3	1
1335	Đặng Minh Hải	An Bình	An Thạnh 3	1
1336	Phan Thị Tươi	An Bình	An Thạnh 3	1
1337	Huỳnh Thị Sa	An Bình	An Thạnh 3	1
1338	Nguyễn Thị Hằng	An Bình	An Thạnh 3	1
1339	Lê Văn Út	An Bình	An Thạnh 3	1

1340	Nguyễn Hoàng Nhân	An Bình	An Thạnh 3	1
1341	Phan Thị Thiết	An Bình	An Thạnh 3	1
1342	Trương Quốc Hùng	An Bình	An Thạnh 3	1
1343	Trần Văn Liêm	An Bình	An Thạnh 3	1
1344	Dương Văn Tám	An Bình	An Thạnh 3	1
1345	Bùi Thị Xiêm	An Bình	An Thạnh 3	1
1346	Vương Văn Vinh	An Bình	An Thạnh 3	1
1347	Lâm Văn Sơn	An Bình	An Thạnh 3	1
1348	Huỳnh Văn Long	An Bình	An Thạnh 3	1
1349	Nguyễn Thị Hằng	An Bình	An Thạnh 3	1
1350	Thạch Bích Ti	An Bình	An Thạnh 3	1
1351	Nguyễn Văn Kiệt	An Bình	An Thạnh 3	1
1352	Lê Tấn Oanh	An Bình	An Thạnh 3	1
1353	Đặng Văn Bảy	An Bình	An Thạnh 3	1
1354	Đặng Văn Nhở	An Bình	An Thạnh 3	1
1355	Lê Minh Cảnh	An Bình	An Thạnh 3	1
1356	Nguyễn Thị Đông	An Bình	An Thạnh 3	1
1357	Nguyễn Văn Xuân	An Bình	An Thạnh 3	1
1358	Dương Thanh Khang	An Bình	An Thạnh 3	1
1359	Nguyễn Thị Trang	An Bình	An Thạnh 3	1
1360	Nguyễn Văn Hải	An Bình	An Thạnh 3	1
1361	Chu Văn Hoàng	An Bình	An Thạnh 3	1
1362	Phan Văn Dũng	An Bình	An Thạnh 3	1
1363	Phan Thị Nuôi	An Bình	An Thạnh 3	1
1364	Phan Văn Đô	An Bình	An Thạnh 3	1
1365	Lê Văn Chung	An Bình	An Thạnh 3	1
1366	Phan Thị Thiết	An Bình	An Thạnh 3	1
1367	Thạch Văn Thường	An Bình	An Thạnh 3	1
1368	Huỳnh Trí Nguyễn	An Bình	An Thạnh 3	1
1369	Trương Thị Tiến	An Bình	An Thạnh 3	1
1370	Hà Văn Hòa	An Quới	An Thạnh 3	2
1371	Trần Thị Nhiễm	An Quới	An Thạnh 3	2
1372	Trần Thị Bích Diễm	An Quới	An Thạnh 3	2
1373	Nguyễn Thành Quang	An Quới	An Thạnh 3	2
1374	Hà Văn Châu	An Quới	An Thạnh 3	2
1375	Nguyễn Văn Tre	An Quới	An Thạnh 3	2
1376	Vũ Văn Hiền	An Quới	An Thạnh 3	2
1377	Tăng Văn Đức	An Quới	An Thạnh 3	2
1378	Lưu Văn Chung	An Quới	An Thạnh 3	2
1379	Lữ Văn Vũ	An Quới	An Thạnh 3	2
1380	Tăng Văn Thế	An Quới	An Thạnh 3	2
1381	Tăng Văn Tuấn	An Quới	An Thạnh 3	2
1382	Huỳnh Văn Hồng	An Quới	An Thạnh 3	1
1383	Huỳnh Văn Dễ	An Quới	An Thạnh 3	1
1384	Mã Văn Hùng	An Quới	An Thạnh 3	1

1385	Trần Văn Hiệp	An Quới	An Thạnh 3	2
1386	Nguyễn Văn Tròn	An Quới	An Thạnh 3	2
1387	Mã Văn Bay	An Quới	An Thạnh 3	2
1388	Nguyễn Thị Ly	An Quới	An Thạnh 3	2
1389	Ông Văn Láy	An Quới	An Thạnh 3	2
1390	Lâm Văn Sồn	An Quới	An Thạnh 3	2
1391	Diệp Thị Năm	An Quới	An Thạnh 3	2
1392	Lâm Văn Tùng	An Quới	An Thạnh 3	2
1393	Hồ Văn Nuôi	An Quới	An Thạnh 3	2
1394	Trần Thị Liễu	An Quới	An Thạnh 3	2
1395	Trần Thị Thu Dân	An Quới	An Thạnh 3	2
1396	Dương Phú Quốc	An Quới	An Thạnh 3	2
1397	Lê Văn Hùng	An Quới	An Thạnh 3	2
1398	Trần Văn Kép	An Quới	An Thạnh 3	2
1399	Tăng Văn Đứng	An Quới	An Thạnh 3	1
1400	Lâm Hồng Kỳ	An Quới	An Thạnh 3	1
1401	Hứa Văn Kia	An Quới	An Thạnh 3	1
1402	Lâm Bô	An Quới	An Thạnh 3	1
1403	Hà Thanh Vững	An Quới	An Thạnh 3	1
1404	Nguyễn Văn Tròn	An Quới	An Thạnh 3	1
1405	Tăng Văn Vững	An Quới	An Thạnh 3	1
1406	Trương Trường Sơn	An Quới	An Thạnh 3	1
1407	Lê Văn Đù	An Quới	An Thạnh 3	1
1408	Lê Văn Tới	An Quới	An Thạnh 3	1
1409	Trương Hoàng Khanh	An Quới	An Thạnh 3	1
1410	Võ Văn Hiện	An Quới	An Thạnh 3	1
1411	Nguyễn Văn Rượu	An Quới	An Thạnh 3	1
1412	Tạ Thanh Lâm	An Quới	An Thạnh 3	1
1413	Võ Văn Trọng	An Quới	An Thạnh 3	1
1414	Nguyễn Văn Phụng	An Quới	An Thạnh 3	1
1415	Lê Thị Hạnh	An Quới	An Thạnh 3	1
1416	Kim Thị Ven	An Quới	An Thạnh 3	1
1417	Nguyễn Văn Sợ	An Quới	An Thạnh 3	1
1418	Nguyễn Thị Kim Hoa	An Quới	An Thạnh 3	1
1419	Trương Thị Diễm	An Quới	An Thạnh 3	1
1420	Nguyễn Văn Bắc	An Quới	An Thạnh 3	1
1421	Dương Văn Nuôi	An Quới	An Thạnh 3	1
1422	Dương Văn Khởi	An Quới	An Thạnh 3	1
1423	Nguyễn Văn Đăng	An Quới	An Thạnh 3	1
1424	Huỳnh Thị Tơ	An Quới	An Thạnh 3	1
1425	Trần Văn Nam	An Quới	An Thạnh 3	1
1426	Lê Thị Chăng	An Quới	An Thạnh 3	1
1427	Trần Văn Ai	An Quới	An Thạnh 3	1
1428	Trương Văn Đỗ	An Quới	An Thạnh 3	1
1429	Võ Văn Chánh	An Quới	An Thạnh 3	1

1430	Trần Thị Ánh	An Quới	An Thạnh 3	1
1431	Nguyễn Văn Hùng	An Quới	An Thạnh 3	1
1432	Lý Văn Phong	An Quới	An Thạnh 3	1
1433	Lâm Thị Thân	An Quới	An Thạnh 3	1
1434	Hà Thanh Sang	An Quới	An Thạnh 3	1
1435	Hà Văn Tèo	An Quới	An Thạnh 3	1
1436	Nguyễn Thanh Hoàng	An Quới	An Thạnh 3	1
1437	Phạm Văn Đèo	An Quới	An Thạnh 3	1
1438	Hà Văn Liêu	An Quới	An Thạnh 3	1
1439	Huỳnh Văn Hùng	An Quới	An Thạnh 3	1
1440	Huỳnh Văn Thông	An Quới	An Thạnh 3	1
1441	Trần Văn Nghĩa	An Quới	An Thạnh 3	1
1442	Cô Thị Thắng	An Quới	An Thạnh 3	1
1443	Dương Văn Em	An Quới	An Thạnh 3	1
1444	Trần Văn Kiều	An Quới	An Thạnh 3	1
1445	Lưu Văn Trung	An Quới	An Thạnh 3	1
1446	Huỳnh Văn Hùng	An Quới	An Thạnh 3	1
1447	Lâm Văn Út Em	An Quới	An Thạnh 3	1
1448	Hứa Văn Mỹ	An Quới	An Thạnh 3	1
1449	Lâm Thị Năm	An Quới	An Thạnh 3	2
1450	Lâm Thị Hồng Nga	An Quới	An Thạnh 3	2
1451	Tăng Văn Đức	An Quới	An Thạnh 3	1
1452	Hồ Văn Nuôi	An Quới	An Thạnh 3	2
1453	Lâm Hoàng Nam	An Quới	An Thạnh 3	2
1454	Nguyễn Văn Thùng Nhỏ	An Quới	An Thạnh 3	2
1455	Trương Trung Hiếu	An Quới	An Thạnh 3	1
1456	Tăng Văn Hoàng	An Quới	An Thạnh 3	1
1457	Trần Ngọc Thẩm	An Quới	An Thạnh 3	1
1458	Trần Thanh Tâm	An Quới	An Thạnh 3	1
1459	Nguyễn Văn Choi	An Quới	An Thạnh 3	1
1460	Nguyễn Thị Thu	An Quới	An Thạnh 3	1
1461	Trần Văn Luận	An Quới	An Thạnh 3	1
1462	Trần Văn Vĩ	An Quới	An Thạnh 3	2
1463	Trần Văn Đàng	An Quới	An Thạnh 3	2
1464	Huỳnh Thị Hoa Đào	An Quới	An Thạnh 3	1
1465	Huỳnh Thị Hà Nhỏ	An Quới	An Thạnh 3	1
1466	Huỳnh Thị Hà Lớn	An Quới	An Thạnh 3	1
1467	Trần Văn Xe	An Quới	An Thạnh 3	1
1468	Dương Chí Anh	An Quới	An Thạnh 3	1
1469	Tiêu Văn Báo	An Quới	An Thạnh 3	1
1470	Nguyễn Văn Cay	An Quới	An Thạnh 3	1
1471	Phan Văn Sơn	An Quới	An Thạnh 3	1
1472	Võ Văn Hiền	An Quới	An Thạnh 3	1
1473	Lê Văn Chạy	An Quới	An Thạnh 3	1
1474	Võ Văn Bay	An Quới	An Thạnh 3	1

1475	Dương Ngọc Trước	An Quới	An Thạnh 3	1
1476	Nguyễn Thị Hoàng	An Quới	An Thạnh 3	1
1477	Trần Văn Bé	An Quới	An Thạnh 3	1
1478	Kim Văn Phịch	An Quới	An Thạnh 3	1
1479	Trần Minh Hùng	An Quới	An Thạnh 3	2
1480	Nguyễn Văn Bé Bảy	An Quới	An Thạnh 3	1
1481	Trần Văn Nhựt	An Quới	An Thạnh 3	2
1482	Lữ Văn Thắng	An Quới	An Thạnh 3	1
1483	Dương Văn Mới	An Quới	An Thạnh 3	1
1484	Huỳnh Văn Nghi	An Quới	An Thạnh 3	1
1485	Lâm Văn Út Em	An Quới	An Thạnh 3	1
1486	Lâm Văn Quân	An Quới	An Thạnh 3	1
1487	Hà Văn Hội	An Quới	An Thạnh 3	1
1488	Hứa Văn Mỹ	An Quới	An Thạnh 3	1
1489	Huỳnh Tùng Chính	An Quới	An Thạnh 3	1
1490	Huỳnh Trường Giang	An Quới	An Thạnh 3	1
1491	Lê Hoàng Sơn	An Quới	An Thạnh 3	1
1492	Huỳnh Thiện Bình	An Quới	An Thạnh 3	1
1493	Huỳnh Hiếu Thảo	An Quới	An Thạnh 3	1
1494	Trương Thành Lũy	An Quới	An Thạnh 3	1
1495	Lâm Thị Chua	An Nghiệp	An Thạnh 3	1
1496	Nguyễn Thới Nghiêm	An Nghiệp	An Thạnh 3	1
1497	Lê Hồng Tương	An Nghiệp	An Thạnh 3	1
1498	Phan Văn Thúc	An Nghiệp	An Thạnh 3	2
1499	Đặng Thị Sen	An Nghiệp	An Thạnh 3	1
1500	Lê Thị Đặng	An Nghiệp	An Thạnh 3	1
1501	Nguyễn Hữu Tý	An Nghiệp	An Thạnh 3	1
1502	Nguyễn Thị Bé Năm	An Hưng	An Thạnh 3	1
1503	Võ Thị Lệ	An Hưng	An Thạnh 3	1
1504	Nguyễn Văn Trận	An Hưng	An Thạnh 3	1
1505	Trần Văn Mãi	An Hưng	An Thạnh 3	1
1506	Lâm Văn Thông	An Hưng	An Thạnh 3	1
1507	Lâm Thị Ngọc Mai	An Hưng	An Thạnh 3	1
1508	Trương Văn Ngoan	An Hưng	An Thạnh 3	1
1509	Lâm Đức Hòa	An Hưng	An Thạnh 3	1
1510	Trương Hoàng Niên	An Hưng	An Thạnh 3	1
1511	Nguyễn Long An	An Hưng	An Thạnh 3	1
1512	Nguyễn Văn Bo	An Hưng	An Thạnh 3	1
1513	Huỳnh Thị Kha	An Hưng	An Thạnh 3	1
1514	Đỗ Văn Nết	An Hưng	An Thạnh 3	1
1515	Hứa Mỹ Hòa	An Hưng	An Thạnh 3	1
1516	Hứa Mỹ Thuận	An Hưng	An Thạnh 3	1
1517	Trần Văn Hùng	An Hưng	An Thạnh 3	1
1518	Dương Thị Ngọc Về	An Hưng	An Thạnh 3	1
1519	Nguyễn Văn Vũ	An Hưng	An Thạnh 3	1

1520	Lâm Văn Huân	An Hưng	An Thạnh 3	1
1521	Lê Thị Kim Khoa	An Hưng	An Thạnh 3	1
1522	Trần Hữu Hậu	An Hưng	An Thạnh 3	1
1523	Nguyễn Văn Thơ	An Hưng	An Thạnh 3	1
1524	Nguyễn Văn Hận	An Hưng	An Thạnh 3	1
1525	Nguyễn Hoàng Bảy	An Hưng	An Thạnh 3	1
1526	Nguyễn Thanh Dương	An Hưng	An Thạnh 3	1
1527	Đặng Văn Quế	An Hưng	An Thạnh 3	1
1528	Nguyễn Thị Thật	An Hưng	An Thạnh 3	1
1529	Nguyễn Thị Bé Truyền	An Hưng	An Thạnh 3	1
1530	Lưu Văn Liêm	An Hưng	An Thạnh 3	1
1531	Trần Thị Vinh	An Hưng	An Thạnh 3	1
1532	Lê Thị Út Đèo	An Hưng	An Thạnh 3	1
1533	Trương Văn Hùng	An Hưng	An Thạnh 3	1
1534	Nguyễn Thế Nghiệm	An Hưng	An Thạnh 3	1
1535	Ngô Văn Hải	An Hưng	An Thạnh 3	1
1536	Nguyễn Thị Thu Cúc	An Hưng	An Thạnh 3	1
1537	Trương Văn Biền	An Hưng	An Thạnh 3	1
1538	Trương Văn Ngoan	An Hưng	An Thạnh 3	1
1539	Trương Văn Miên	An Hưng	An Thạnh 3	2
1540	Trương Văn Giai	An Hưng	An Thạnh 3	2
1541	Trần Văn Chiến	An Hưng	An Thạnh 3	2
1542	Trần Văn Khi	An Hưng	An Thạnh 3	2
1543	Trần Văn Phi	An Hưng	An Thạnh 3	2
1544	Trần Văn Nam	An Hưng	An Thạnh 3	2
1545	Huỳnh Thị Út	An Hưng	An Thạnh 3	2
1546	Đặng Thị Ngời	An Hưng	An Thạnh 3	2
1547	Trần Văn Thành	An Hưng	An Thạnh 3	2
1548	Trần Văn Chuyên	An Hưng	An Thạnh 3	2
1549	Trần Văn Vũ	An Hưng	An Thạnh 3	2
1550	Lữ Văn Hà	An Hưng	An Thạnh 3	2
1551	Bùi Đức Hoa	An Hưng	An Thạnh 3	2
1552	Lê Văn Bí	An Hưng	An Thạnh 3	2
1553	Trịnh Văn Cường	An Hưng	An Thạnh 3	2
1554	Cô Văn Toán	An Hưng	An Thạnh 3	2
1555	Dương Hoắc Ánh	An Hưng	An Thạnh 3	2
1556	Huỳnh Văn Bình	An Hưng	An Thạnh 3	2
1557	Dương Văn Liệt	An Hưng	An Thạnh 3	2
1558	Nguyễn Văn Dũng	An Hưng	An Thạnh 3	2
1559	Nguyễn Văn Thức	An Hưng	An Thạnh 3	1
1560	Lữ Thị Lùng	An Hưng	An Thạnh 3	1
1561	Trần Thị Vĩnh	An Hưng	An Thạnh 3	1
1562	Nguyễn Thị Nhiều	An Hưng	An Thạnh 3	1
1563	Nguyễn Ngọc Mai	An Hưng	An Thạnh 3	1
1564	Lê Hồng Tương	An Hưng	An Thạnh 3	1

1565	Nguyễn Văn Lễ	An Hưng	An Thạnh 3	1
1566	Huỳnh Văn Thắm	An Hưng	An Thạnh 3	1
1567	Võ Thị Giới	An Hưng	An Thạnh 3	1
1568	Mai Thị Sáu	An Hưng	An Thạnh 3	1
1569	Mai Thị Sáu	An Hưng	An Thạnh 3	1
1570	Trần Văn Dỗi	An Hưng	An Thạnh 3	1
1571	Huỳnh Út Em	An Hưng	An Thạnh 3	1
1572	Trịnh Thị Xuân	An Hưng	An Thạnh 3	1
1573	Hà Văn Dê	An Hưng	An Thạnh 3	1
1574	Hồ Quốc Đoàn	An Hưng	An Thạnh 3	1
1575	Huỳnh Văn Đông	An Hưng	An Thạnh 3	1
1576	Lê Thị Kim Khoa	An Hưng	An Thạnh 3	1
1577	Đỗ Thị Mỹ Dung	An Hưng	An Thạnh 3	1
1578	Trần Thị Tôm	An Hưng	An Thạnh 3	1
1579	Chung Văn Trực	An Hưng	An Thạnh 3	1
1580	Nguyễn Văn Be	An Hưng	An Thạnh 3	1
1581	Nguyễn Thị Em	An Hưng	An Thạnh 3	1
1582	Trịnh Thị Xuân	An Hưng	An Thạnh 3	1
1583	Trần Văn Gấm	An Hưng	An Thạnh 3	1
1584	Nguyễn Văn Túc	An Hưng	An Thạnh 3	1
1585	Trần Văn Sự	An Hưng	An Thạnh 3	1
1586	Phan Văn Cứ	An Hưng	An Thạnh 3	1
1587	Trần Thanh Vũ	An Hưng	An Thạnh 3	2
1588	Dương Văn Quân	An Hưng	An Thạnh 3	1
1589	Trịnh Thị Nguyệt	An Hưng	An Thạnh 3	1
1590	Lưu Văn Hớ	An Hưng	An Thạnh 3	1
1591	Tạ Thị Thàng	An Quới	An Thạnh 3	1
1592	Nguyễn Văn Chí	An Quới	An Thạnh 3	1
1593	Nguyễn Văn Kháp	An Quới	An Thạnh 3	1
1594	Trần Thị Ánh Nguyệt	An Quới	An Thạnh 3	1
1595	Kim Thị Dung	An Quới	An Thạnh 3	1